



# DI SÚN CỦA CHÚNG TA

---

*Lịch Sử Vắn Tắt của  
Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô*

---

# DI SẢN CỦA CHÚNG TA

---

*Lịch Sử Văn Tật của  
Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô*

Do Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô

Xuất Bản

Trang 55: *Joseph Smith trong Ngục Thất Liberty*,  
hình ảnh do Greg Olsen cung cấp. © Greg Olsen

Trang 78: *Cuối Đường Parley*, hình ảnh do Glen Hopkinson cung cấp.

© Glen Hopkinson

© 1996 do Intellectual Reserve, Inc.

Giữ mọi bản quyền.

In tại Hoa Kỳ.

Bản chuẩn nhận Anh ngữ: 11/96

Bản dịch chuẩn nhận: 4/97

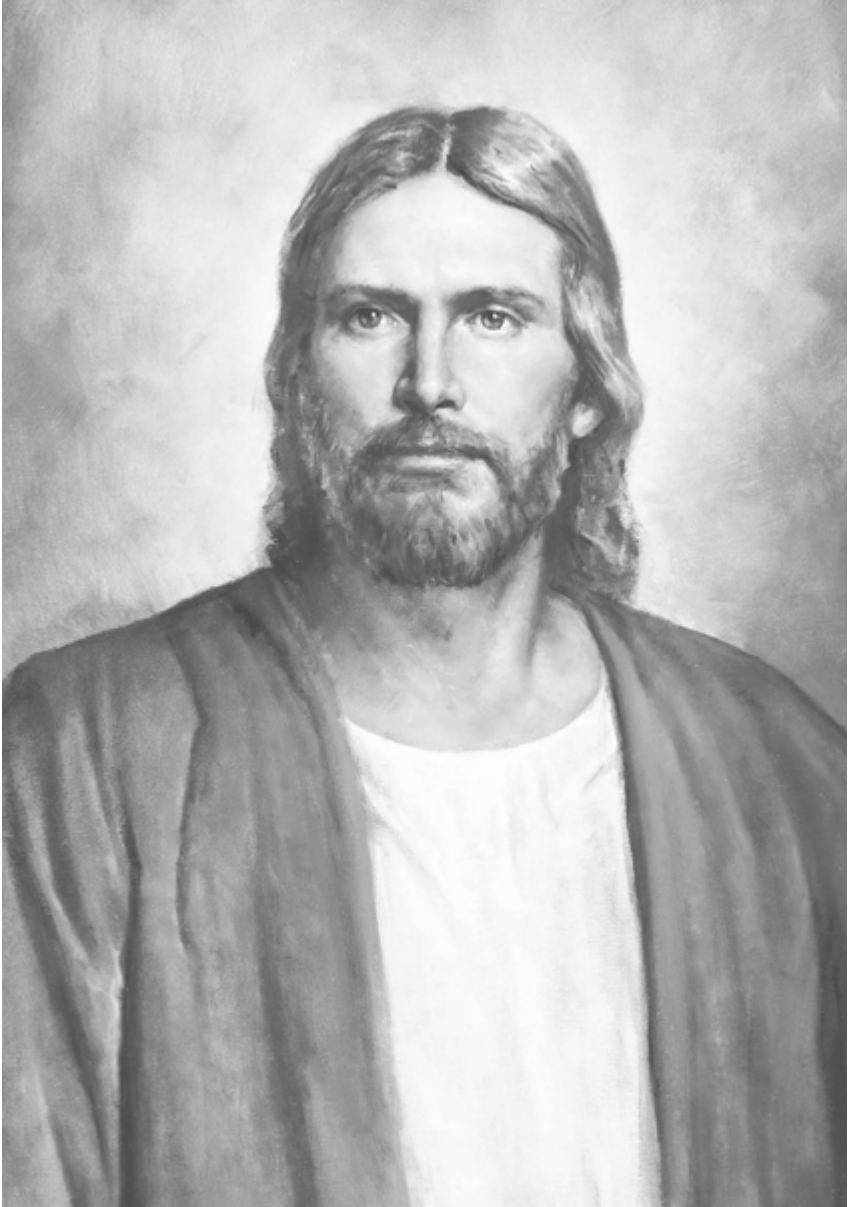
Bản dịch *Our Heritage: A Brief History of  
The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints.*

Vietnamese

---

# Mục Lục

Phần Giới Thiệu	v
Chương 1: Khái Tượng Thứ Nhất	1
Chương 2: Thiết Lập Các Nền Tảng của Giáo Hội	7
Chương 3: Xây Đắp Vương Quốc ở Kirtland, Ohio	23
Chương 4: Thiết Lập Si Ôn ở Missouri	41
Chương 5: Sự Hy Sinh và Các Phước Lành ở Nauvoo	59
Chương 6: Đức Tin trong Mỗi Bước Đi	75
Chương 7: Thiết Lập một Cờ Hiệu cho Các Quốc Gia	89
Chương 8: Một Thời Kỳ Gian Nan và Thử Thách	101
Chương 9: Giáo Hội Phát Triển	115
Chương 10: Giáo Hội Toàn Cầu	131
Chương 11: Giáo Hội Ngày Nay	145
Kết Luận	157
Phần ghi chú cuối	161



*Mỗi vị tiên tri trong gian kỳ này đã làm chứng về sứ mệnh  
thiêng liêng của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Ky Tô.*

---

# Phần Giới Thiệu

Sứ điệp chính yếu của quyển sách này là sứ điệp được công bố bởi Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô kể từ lúc khởi đầu của Giáo Hội. Joseph Smith, vị tiên tri đầu tiên của gian kỳ này, đã dạy:

“Các nguyên tắc cơ bản của tôn giáo chúng ta là chứng ngôn của Các Sứ Đồ và Các Tiên Tri, về Chúa Giê Su Ky Tô, rằng Ngài đã chết, được chôn cất, và sống lại vào ngày thứ ba, và thăng lên trời; và tất cả những điều khác mà liên quan đến tôn giáo chúng ta chỉ là các phần phụ thuộc vào điều đó mà thôi.”<sup>1</sup>

Mỗi tiên tri mà kế nhiệm Joseph Smith đã thêm vào lời chứng cá nhân của ông về sứ mệnh thiêng liêng của Đấng Cứu Rỗi. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã khẳng định:

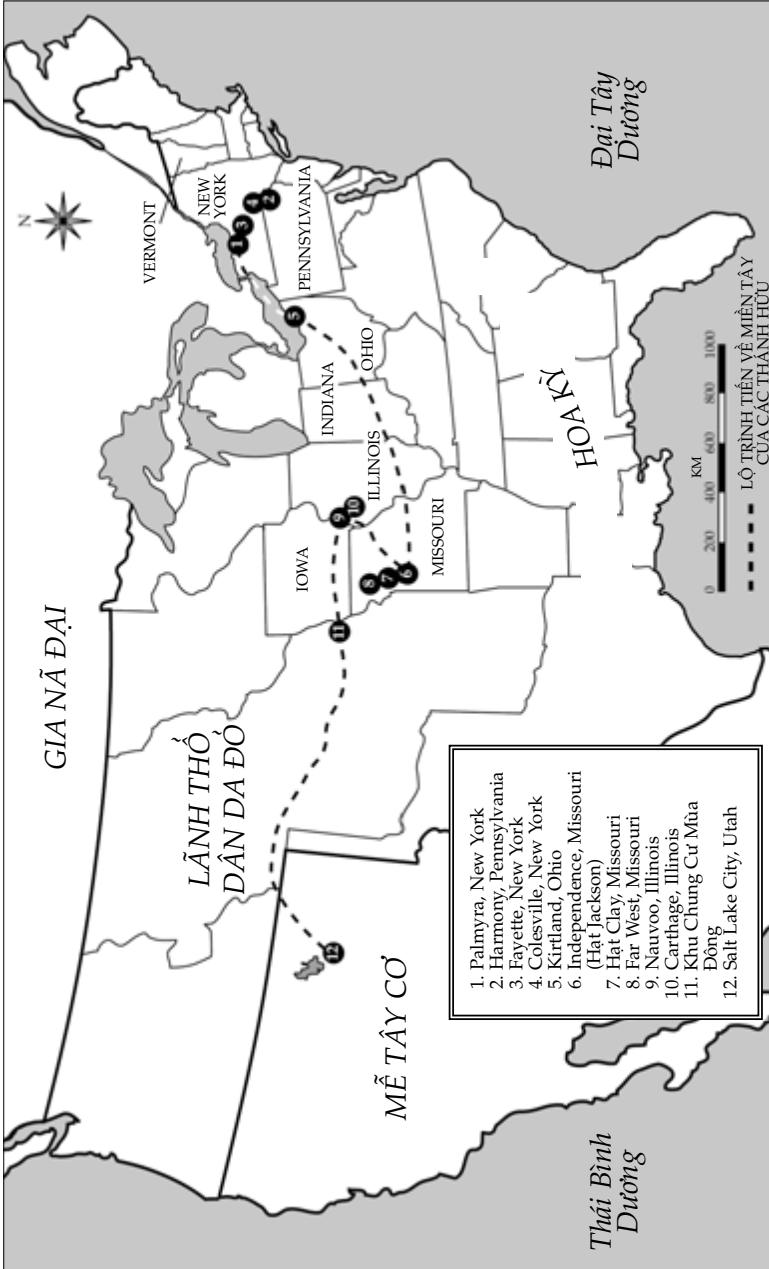
“Là những người đã được kêu gọi và sắc phong để làm chứng về Chúa Giê Su Ky Tô cùng toàn thể thế giới, chúng tôi làm chứng rằng Ngài đã phục sinh vào buổi sáng Phục Sinh đó cách đây gần hai ngàn năm, và Ngài hằng sống ngày nay. Ngài có một thể xác vinh quang, bất diệt bằng xương, bằng thịt. Ngài là Đấng Cứu Rỗi, Sự Sáng và Sự Sống của thế gian.”<sup>2</sup>

Hàng triệu Thánh Hữu trung tín cũng đã có những chứng ngôn về thiên tính của Chúa Giê Su Ky Tô. Sự hiểu biết này đã thúc đẩy họ có những hy sinh cần thiết để xây đắp Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô, vương quốc của Thượng Đế trên thế gian. Câu chuyện về sự thiết lập Giáo Hội là một câu chuyện về đức tin, sự dâng hiến, và niềm vui. Đó là câu chuyện về các tiên tri tại thế là những người đã giảng dạy các lẽ thật của Thượng Đế cho thế giới hiện đại. Đó là câu chuyện về những người nam và những người nữ từ mọi tầng lớp xã hội là những người tìm kiếm phúc âm

trộn vụn của Chúa Giê Su Ky Tô và, khi tìm ra được, đã sẵn lòng để hy sinh tất cả những gì họ có để trở thành các môn đồ của Đấng Cứu Rỗi. Các Thánh Hữu dũng cảm này tiếp tục tiến bước bất chấp những nỗi đau khổ và gian nan, và ngay cả trong những lúc đen tối nhất của họ, họ cũng làm chứng về sự tốt lành của Thượng Đế và niềm vui về tình yêu thương của Ngài. Họ đã để lại một di sản đức tin, can đảm, vâng lời, và hy sinh.

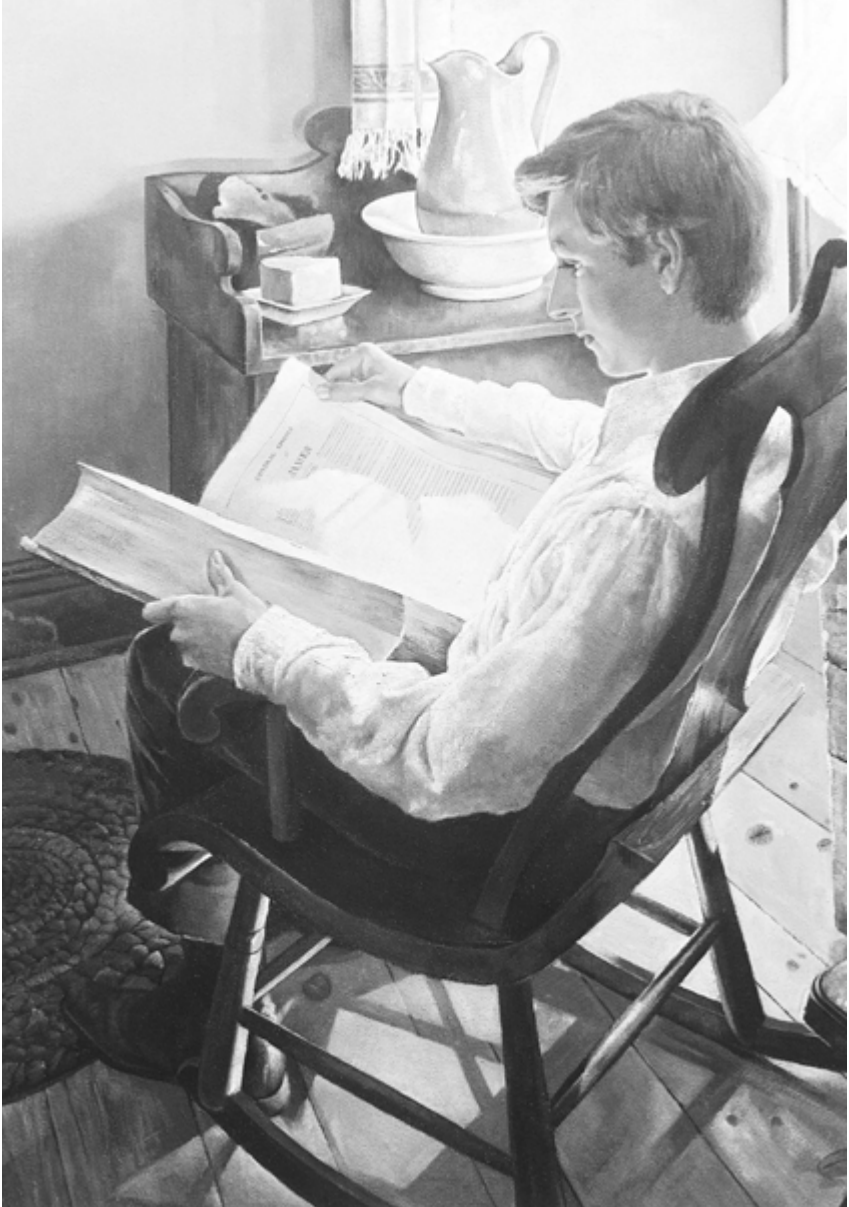
Di sản đức tin vẫn còn tiếp tục trong ngày nay. Các Thánh Hữu Ngày Sau trên khắp thế gian là những người tiên phong thời nay trong chính quê hương của họ, nơi mà họ sống với đức tin và sự can đảm trong một thời kỳ đầy thử thách và cơ hội mới. Có những câu chuyện về đức tin mà chưa được viết xuống. Mỗi chúng ta đều có cơ hội để để lại một di sản cho các thế hệ mai sau mà sẽ giúp họ hiểu về niềm vui của việc sống theo và chia sẻ phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô.

Khi học thêm về đức tin của những người đã sống trước thời mình, chúng ta có thể hiểu rõ hơn những người mà đã cùng chúng ta chia sẻ chứng ngôn về Đấng Cứu Rỗi và giúp thiết lập vương quốc của Ngài. Chúng ta có thể quyết tâm sống ngay chính hơn với tư cách là các môn đồ trung tín của Chúa Giê Su Ky Tô.



Hoa Kỳ vào năm 1847. Bản đồ này cho thấy những địa điểm và lộ trình di chuyển rất quan trọng trong những năm đầu tiên của lịch sử Giáo Hội.





*Việc đọc thánh thư đã đưa Joseph Smith đến việc cầu vấn Chúa  
về giáo hội nào là đúng.*

# Khải Tượng Thứ Nhất

## Sự Cần Thiết Cho Sự Phục Hồi

Sau cái chết của Các Sứ Đồ của Chúa Giê Su, quyền năng của chức tư tế và nhiều lẽ thật của phúc âm bị cất khỏi thế gian, bắt đầu một thời kỳ dài đầy bóng tối thuộc linh mà được gọi là Sự Đại Bội Giáo. Tiên tri A Môt đã tiên đoán về thời kỳ đầy bóng tối thuộc linh này và tuyên bố rằng sẽ đến lúc có “sự đói kém đến trong đất, chẳng phải là đói về bánh, cũng chẳng phải khát về nước, bèn là về nghe lời Đức Giê Hô Va” (A Môt 8:11). Trong suốt những thế kỷ dài của Sự Bội Giáo, nhiều người nam và người nữ chân thật tìm kiếm sự trọn vẹn của lẽ thật phúc âm nhưng đã không thể tìm ra được. Các giáo sĩ của nhiều tôn giáo giảng dạy những sứ điệp khác nhau và kêu gọi những người nam và những người nữ đi theo họ. Mặc dù đa số giáo sĩ đều có ý định chân thành, nhưng không một ai có được sự trọn vẹn của lẽ thật hoặc thẩm quyền của Thượng Đế.

Tuy nhiên, Chúa với lòng thương xót của Ngài đã hứa rằng phúc âm và quyền năng chức tư tế của Ngài một ngày nào đó sẽ được phục hồi trên thế gian, không bao giờ bị cất đi nữa. Khi thế kỷ thứ mười chín bắt đầu, lời hứa của Ngài gần được ứng nghiệm và đêm dài của sự bội giáo sắp tàn.

## Sự Can Đảm của Thiếu Niên Joseph Smith

Đầu thập niên 1800, gia đình Joseph và Lucy Mack Smith sống tại Lebanon, New Hampshire, ở Hoa Kỳ. Họ là những người khiêm nhường, vô danh không ai biết đến, kiếm sống đạm bạc bằng sức lao động của mình. Người con thứ năm của họ, Joseph Jr., lên bảy tuổi thì được sống sót sau trận dịch thương hàn mà khiến cho hơn

3.000 người chết ở vùng New England. Khi thiếu niên này bình phục, thì một sự nhiễm trùng nặng phát ra trong tủy xương của chân trái của mình, và nỗi đau đớn hầu như không thể chịu đựng được kéo dài hơn ba tuần.

Bác sĩ giải phẫu quyết định phải cưa cái chân, nhưng vì lời khẩn khoản của mẹ của Joseph, một vị bác sĩ khác đã đến khám. Nathan Smith, một bác sĩ ở gần trường Darmouth College, nói rằng ông sẽ cố gắng cứu cái chân bằng cách dùng một phẫu thuật khá mới mẻ và cực kỳ đau đớn để cắt đi một phần xương. Vị bác sĩ mang theo dây để trói người thiếu niên lại, nhưng Joseph phản đối, nói rằng ông sẽ chịu đựng cuộc giải phẫu mà không cần dây trói. Ông cũng từ chối không uống rượu mạnh, một hình thức gây mê duy nhất có sẵn cho ông, và ông chỉ yêu cầu cha ông ôm ông vào lòng trong khi giải phẫu.

Joseph chịu đựng cuộc giải phẫu với sự can đảm lớn lao, và Bác Sĩ Smith, một trong những bác sĩ đại tài trong xứ, đã có thể cứu cái chân của Joseph. Joseph chịu đau đớn rất lâu trước khi chân của ông được lành và ông đã có thể bước đi mà không bị đau đớn. Sau cuộc giải phẫu của Joseph, gia đình Smith dọn đi Norwich, Vermont, nơi mà họ bị mất mùa trong ba năm liên tiếp, và rồi dọn đi Palmyra, New York.

### **Khải Tượng Thứ Nhất**

Là một thiếu niên, Joseph Smith phụ giúp gia đình mình trong việc phát quang đất đai, dọn sạch đá sỏi, và làm vô số bôn phận khác. Mẹ của ông, Lucy, kể lại rằng thiếu niên Joseph có những lúc băn khoăn và thường nghĩ về sự an lạc của linh hồn bất diệt của mình. Ông đặc biệt quan tâm về việc giáo hội nào trong tất cả các giáo hội rao giảng đạo trong vùng Palmyra là đúng. Như ông đã giải thích trong những lời riêng của ông:

“Trong thời gian xảy ra sự dao động lớn lao nói trên, tâm trí tôi băn khoăn và bất ổn trầm trọng; mặc dù những cảm nghĩ của tôi sâu xa và thường buốt nhói, nhưng tôi vẫn đứng ngoài tất cả các giáo phái này, dù rằng tôi đã tham dự vài buổi họp của họ

mỗi khi có thời giờ thuận tiện. Thời gian dần trôi qua, tâm trí tôi có hơi thiên về phái Methodist và trong lòng tôi có ý định muốn gia nhập với họ; nhưng vì sự tranh chấp và sự hỗn loạn giữa các giáo phái lúc bấy giờ quá lớn lao, nên một người trẻ tuổi, và ít quen thuộc với nhân tình thế thái như tôi lúc đó không thể nào đi đến kết luận chắc chắn là ai đúng và ai sai....

“Trong khi tôi đang vất vả vì những nỗi khó khăn cực điểm gây ra bởi những sự tranh chấp của những nhóm người cuồng tín này, thì nhân một hôm tôi đọc Bức Thư của Gia Cơ, chương nhất câu năm có viết rằng: *Ví bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Thượng Đế, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho.*

“Thật chưa có một đoạn thánh thư nào lại có tác dụng xúc động tâm hồn con người mãnh liệt bằng đoạn thánh thư này đối với tôi lúc bấy giờ. Tôi tưởng chừng như có một sức mạnh lớn lao xuyên thẳng vào tận đáy tim tôi. Tôi suy ngẫm mãi về đoạn thánh thư trên và ý thức được rằng nếu có người nào cần đến sự khôn ngoan từ Thượng Đế, thì người ấy chính là tôi; vì lẽ tôi không biết phải hành động ra sao, và trừ phi tôi nhận được thêm sự khôn ngoan hơn tôi có lúc đó, bằng không thì tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được; vì các vị giảng đạo của các giáo phái đã hiểu cùng những đoạn thánh thư theo một ý khác biệt nhau, đến nỗi làm cho tôi mất hết tin tưởng vào việc giải đáp câu hỏi đó bằng cách cầu cứu đến Kinh Thánh.

“Cuối cùng tôi đi đến kết luận rằng hoặc là tôi phải ở mãi trong tình trạng tối tăm và hoang mang, hoặc là tôi phải làm theo chỉ dẫn của Gia Cơ, nghĩa là cầu vấn Thượng Đế” (Joseph Smith—Lịch Sử 1:8, 11–13).

Vào một buổi sáng đẹp trời mùa xuân năm 1820, một mình đi vào khu rừng gần nhà, Joseph Smith quỳ xuống và bắt đầu dâng những ước muốn của lòng mình lên Thượng Đế, cầu xin được hướng dẫn. Ông mô tả điều đã xảy ra lúc bấy giờ:

“Thì liền bị một sức mạnh hoàn toàn chế ngự tôi, và có một ảnh hưởng thật lạ lùng trên tôi đến nỗi lưỡi tôi như bị buộc lại,

khiến tôi không thể nói được. Một bóng tối dày đặc bủa vây lấy tôi, và trong lúc đó tôi tưởng chừng như mình bất thần bị hủy diệt” (JS—LS 1:15).

Kề nghịch thù của mọi điều ngay chính biết rằng Joseph có một công việc lớn lao để làm và cố gắng hủy diệt ông, nhưng Joseph, vận dụng tất cả mọi năng lực của mình, kêu cầu Thượng Đế và lập tức được giải thoát:

“Ngay trong lúc cực kỳ nguy nan đó, tôi thấy một luồng ánh sáng ngay trên đầu tôi, sáng hơn cả ánh sáng mặt trời, ánh sáng ấy từ từ hạ xuống cho đến khi phủ lên tôi.

“Liền đó, tôi cảm thấy được giải thoát ngay khỏi kẻ thù đã trói buộc tôi. Khi ánh sáng chan hòa trên người tôi, tôi thấy có hai Nhân Vật đứng bên trên tôi giữa không trung, vẻ rực rỡ và hào quang chói lọi của hai người thật không bút nào tả xiết. Một trong hai vị nói chuyện với tôi, gọi tên tôi và trở tay vào vị kia mà nói rằng—*Đây là Con Trai Yêu Quý của Ta. Hãy nghe lời Người!*” (JS—LS 1:16–17).

Ngay khi Joseph tỉnh lại, ông đã hỏi Chúa giáo phái nào trong số tất cả các giáo phái là đúng và ông phải gia nhập. Chúa trả lời rằng ông không được gia nhập “giáo phái nào cả, vì tất cả đều sai lầm” và “tất cả giáo điều của họ là sự khả ố trước mặt Ngài.” Ngài nói rằng họ có “bề ngoài rất tin kính,” nhưng họ chối bỏ “quyền năng của sự tin kính đó” (JS—LS 1:19). Ngài cũng phán bảo cho Joseph biết nhiều điều nữa.

Sau khi khải tượng chấm dứt, Joseph thấy mình nằm ngửa, vẫn còn nhìn lên trên trời. Ông dần dần phục hồi được sức lực và trở về nhà.

Khi mặt trời mọc vào buổi sáng đó của năm 1820, Joseph Smith chắc chắn là không thể tưởng tượng được rằng với bình minh ló dạng, thế gian lần nữa có được một vị tiên tri. Ông là một thiếu niên vô danh sống ở miền tây New York, đã được Thượng Đế chọn để thực hiện công việc phi thường và kỳ diệu nhằm phục hồi phúc âm và Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô trên thế gian. Ông đã nhìn thấy hai nhân vật thiên thượng và lúc bấy giờ là người duy nhất đã

có thể làm chứng về thiên tính của Thượng Đế Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô. Buổi sáng đó thật sự là buổi bình minh của một ngày rực rỡ hơn—ánh sáng đã chan hòa khu rừng cây, và Thượng Đế Đức Chúa Cha và Chúa Giê Su Ky Tô đã kêu gọi một thiếu niên 14 tuổi làm tiên tri của Các Ngài.



*Tại ngọn Đồi Cơ Mô Ra, Joseph Smith nhận được các bảng khắc bằng vàng từ thiên sứ Mô Rô Ni và được phán bảo phải bắt đầu công việc phiên dịch.*

# Thiết Lập Các Nền Tảng của Giáo Hội

## Sự Ra Đời của Sách Mặc Môn

*Các cuộc viếng thăm của Thiên Sứ Mô Rô Ni*

Vào buổi tối ngày 21 tháng Chín năm 1823, ba năm sau khi nhận được Khải Tượng Thứ Nhất, Joseph Smith đã cầu nguyện lên Chúa để được tha thứ về những điều khờ dại vì tuổi trẻ của mình và cầu xin được hướng dẫn thêm. Chúa đáp ứng bằng cách gửi một sứ giả thiên thượng đến để chỉ dẫn cho ông. Joseph viết:

“Ông gọi tên tôi và nói với tôi rằng, ông là sứ giả từ chốn hiện diện của Thượng Đế sai đến gặp tôi, và tên ông là Mô Rô Ni; rằng Thượng Đế có một công việc giao cho tôi thực hiện; và rằng tên tôi sẽ được mọi quốc gia, sắc tộc, và sắc ngữ nhắc nhở tới như điều thiện và điều ác, hoặc vừa là điều thiện lẫn điều ác được nói đến trong khắp mọi dân tộc.

“Ông nói rằng có một quyển sách đã được chôn giấu, được ghi khắc trên những bảng khắc bằng vàng, tường thuật lại câu chuyện của các dân cư thời xưa sống trên lục địa này, và nguồn gốc nguyên thủy của họ. Ông cũng nói rằng sách ấy chứa đựng Phúc Âm trọn vẹn vĩnh viễn, do chính Đấng Cứu Rỗi đã ban cho dân chúng thời xưa” (JS—LS 1:33–34).

Mô Rô Ni là vị tiên tri cuối cùng mà đã viết trên biên sử cổ xưa này, và như được Chúa hướng dẫn, ông đã chôn giấu nó trên Đồi Cơ Mô Ra. Ông cũng đã chôn giấu hai viên đá U Rim và Thu Mim, mà đã được các tiên tri thời xưa sử dụng và Joseph sẽ phải sử dụng để phiên dịch biên sử này.

Vị thiên sứ chỉ dẫn Joseph đi đến ngọn đồi gần đó, và cho ông biết nhiều điều quan trọng về công việc của Chúa trong những ngày sau. Vị thiên sứ cho Joseph biết rằng khi ông nhận được các



bằng khắc, ông không được cho bất cứ ai thấy trừ phi Chúa truyền lệnh cho ông làm như vậy. Mô Rô Ni trở lại cùng Joseph thêm hai lần nữa trong đêm đó và một lần nữa vào ngày hôm sau. Mỗi lần như thế, ông đều lặp lại sứ điệp quan trọng của mình và cung ứng thêm chi tiết.

Vào ngày tiếp theo các cuộc viếng thăm của vị thiên sứ, Joseph đi đến Đồi Cơ Mô Ra như được chỉ bảo. Ông nói về kinh nghiệm này:

“Bên sườn đồi phía tây, cách đỉnh không xa, dưới một tảng đá khá lớn, là nơi những bằng khắc được đựng trong một cái hộp cũng bằng đá. Tảng đá này dày và tròn, ở giữa gồ lên, và cạnh mép mỏng dần đi, cho nên phần giữa lộ lên khỏi mặt đất trông thấy ngay, còn các cạnh mép chung quanh đều bị đất phủ lấp.

“Sau khi bới hết đất, tôi tìm được một cây đòn bẫy, rồi kê vào dưới cạnh tảng đá và bẫy nó lên không mấy khó khăn. Tôi nhìn vào bên trong, và quả thật tôi trông thấy các bằng khắc, hai viên đá U Rim và Thu Mim cùng với tám giáp che ngực, đúng như vị thiên sứ đã nói” (JS—LS 1:51–52).

Thiên sứ Mô Rô Ni hiện đến và bảo Joseph phải gặp ông tại ngọn đồi trong một năm cũng vào giờ đó và tiếp tục những cuộc hội kiến hằng năm cho đến lúc nhận được các bằng khắc. Vào mỗi cuộc viếng thăm, Mô Rô Ni đưa ra những lời chỉ dẫn thêm về những gì Chúa sắp làm và cách thức mà vương quốc của Ngài phải được điều hành (xin xem JS—LS 1:27–54).

### *Công Việc Phiên Dịch*

Vào ngày 22 tháng Chín năm 1827, sau bốn năm chuẩn bị, Mô Rô Ni giao cho Tiên Tri Joseph các bằng khắc bằng vàng và bảo ông phải bắt đầu công việc phiên dịch. Emma Hale, là người mà Joseph đã kết hôn đầu năm đó, đi theo ông trong dịp đó và chờ đợi ở chân Đồi Cơ Mô Ra khi chồng bà trở lại với các bằng khắc. Bà trở thành người giúp đỡ đắc lực của Vị Tiên Tri và làm một trong những người ghi chép Sách Mặc Môn trong một thời gian ngắn.

Vì các nỗ lực liên tiếp và hăm hở của một bọn người địa phương nhằm đánh cắp các bản khắc bằng vàng, Joseph và Emma bắt buộc phải rời bỏ nhà của họ ở Manchester, New York. Họ ẩn náu tại nhà cha của Emma, Isaac Hale, ở Harmony, Pennsylvania, khoảng 120 dặm phía tây nam Manchester. Nơi đó Joseph bắt đầu phiên dịch các bản khắc. Chẳng bao lâu, ông có được sự tham gia của người bạn của ông, Martin Harris, một chủ trại giàu có, là người trở thành người ghi chép cho ông.

Martin hỏi xin Joseph cho ông mang 116 trang phiên dịch về nhà cho những người trong gia đình của ông xem để chứng tỏ cho những người ấy thấy giá trị của công việc mà họ đang làm. Joseph cầu vấn Chúa để xin phép, nhưng Chúa trả lời không. Martin khẩn nài Joseph hỏi xin nữa, là việc mà Joseph miễn cưỡng làm hai lần nữa và cuối cùng thì nhận được sự cho phép. Martin hứa chỉ cho một số người nào đó thấy bản thảo mà thôi, nhưng ông đã không giữ lời hứa, và các trang bản thảo bị đánh cắp. Sự mất mát này khiến Joseph đau buồn không nguôi, vì ông nghĩ rằng tất cả các nỗ lực của ông để phục vụ Chúa đã mất hết. Ông đã kêu khóc: “Tôi phải làm gì? Tôi đã phạm tội—chính tôi là người đã khơi dậy cơn thịnh nộ của Thượng Đế. Đáng lẽ tôi đã phải hài lòng với câu trả lời đầu tiên mà tôi nhận được từ Chúa.”<sup>1</sup>

Joseph chân thành hối cải, và sau một giai đoạn ngắn ngủi mà các bản khắc và hai viên đá U Rim và Thu Mim bị lấy đi, Chúa đã tha thứ cho ông và ông bắt đầu phiên dịch lại. Chúa chỉ thị cho ông không được phiên dịch lại tài liệu đã mất, là tài liệu chứa đựng một lịch sử thế tục. Thay vì thế, Joseph phải phiên dịch các bản khắc khác đã được tiên tri Nê Phi chuẩn bị mà bao gồm cùng một thời kỳ đó nhưng chứa đựng những lời tiên tri quan trọng hơn về Đấng Ky Tô và những bản văn thiêng liêng khác. Chúa đã nhìn thấy trước sự mất mát 116 trang và soi dẫn Nê Phi chuẩn bị lịch sử thứ nhì này. (Xin xem 1 Nê Phi 9; GLGU 10:38—45; xin xem thêm GLGU 3 và 10, mà đã được nhận trong giai đoạn này.)

Vào lúc này, Joseph được ban phước với sự giúp đỡ của Oliver Cowdery, một giáo viên trẻ tuổi được Chúa hướng dẫn đến nhà của Vị Tiên Tri. Oliver bắt đầu viết vào ngày 7 tháng Tư năm 1829.

Ông đã nói về thời gian quan trọng đó: “Đây là những ngày mà tôi không bao giờ có thể quên được—ngồi lắng nghe giọng đọc ra bởi sự cảm ứng của thiên thượng, làm thức tỉnh niềm biết ơn sâu xa nhất của tâm lòng này!” (JS—LS 1:71, cước chú).

Oliver đã nói thêm: “Quyển sách đó là chân chính.... Chính tôi đã viết sách đó theo như lời thốt ra từ miệng của Vị Tiên Tri. Sách chứa đựng phúc âm trường cửu, và nầy sinh từ sự ứng nghiệm những điều mặc khải của Giảng mà nói rằng ông đã trông thấy một vị thiên sứ bay giữa trời, có Tin Lành đời đời, đặng rao truyền cho dân cư trên đất, cho mọi nước, mọi chi phái, mọi tiếng và mọi dân tộc. Sách chứa đựng các nguyên tắc cứu rỗi. Và nếu chịu bước đi theo ánh sáng của sách và tuân theo lời dạy bảo của sách, thì ta sẽ được cứu rỗi trong vương quốc trường cửu của Thượng Đế.”<sup>2</sup>

Trong lúc làm việc, Joseph và Oliver thấy rằng sự tập trung đầy tận tâm của họ với sự phiên dịch biên sử đã khiến họ không còn thức ăn hay tiền bạc; họ còn thiếu cả những vật liệu viết cần thiết. Khi biết được hoàn cảnh khó khăn của họ, Joseph Knight Sr., một người chủ cũ và bạn của Vị Tiên Tri, quyết định giúp đỡ họ. Ông mô tả về loại giúp đỡ đúng lúc nhất của mình:

“Tôi mua một thùng cá thu và một số giấy có đường kẻ để viết.... Tôi mua chín, mười gia ngũ cốc và năm, sáu gia [khoai tây] miếng.” Rồi ông đến thăm hai người ở Harmony và nhớ lại rằng “Joseph và Oliver đã đi vắng, họ đi tìm một chỗ làm để có được lương thực, nhưng đã không tìm ra được việc làm nào cả. Họ trở về nhà và thấy tôi với các đồ lương thực và họ đã vui mừng có được lương thực đó vì họ không còn thức ăn.... Rồi họ tiếp tục làm việc và có được lương thực đủ cho đến khi việc phiên dịch hoàn tất.”<sup>3</sup>

Không có gì lạ khi Tiên Tri Joseph nói về người đàn ông ngay chính này: “Người này phải được nói đến bởi những người con trai của Si Ôn, dù chỉ còn lại một người, rằng người này là người trung tín ở Y Sơ Ra Ên; do đó tên của người này sẽ không bao giờ bị lãng quên.”<sup>4</sup>

Bởi vì sự ngược đãi ngày càng gia tăng, Joseph và Oliver rời Harmony và hoàn tất công việc phiên dịch tại nông trại Peter

Whitmer ở Fayette, New York, vào tháng Sáu năm 1829. Sự hoàn tất công việc này ở giữa những hoàn cảnh thử thách gay go như thế thật là một phép lạ hiện đại. Tuy ít học, nhưng Joseph Smith đã đọc đề bản dịch được viết ra chỉ trong hơn hai tháng của thời gian làm việc thật sự và sửa chữa rất ít lỗi lầm. Ngày nay quyển sách này vẫn chủ yếu như ông đã phiên dịch nó và là nguồn chứng ngôn cho hàng triệu người trên khắp thế giới. Joseph Smith là một khí cụ mạnh mẽ trong bàn tay của Chúa trong việc mang lại những lời của các tiên tri thời xưa vì phước lành của Các Thánh Hữu trong những ngày sau.

### *Các Nhân Chứng về Sách Mặc Môn*

Trong khi Tiên Tri Joseph Smith sống ở Fayette, Chúa đã mặc khải rằng Oliver Cowdery, David Whitmer, và Martin Harris phải là ba nhân chứng đặc biệt là những người sẽ được cho phép thấy các bảng khắc bằng vàng (xin xem 2 Nê Phi 27:12; Ê The 5:2-4; GLGU 17). Cùng với Joseph, họ sẽ có thể làm chứng về nguồn gốc và sự thật của biên sử cổ xưa này.

David Whitmer đã giải thích: “Chúng tôi đi vào rừng gần đó, và ngồi xuống trên một khúc cây và nói chuyện một lát. Rồi chúng tôi quỳ xuống và cầu nguyện. Joseph cầu nguyện. Rồi chúng tôi đứng dậy và ngồi xuống trên khúc cây đó trò chuyện, thì thành linh một ánh sáng hiện xuống từ bên trên chúng tôi và bao phủ lấy chung quanh chúng tôi khá lâu; và vị thiên sứ đứng trước mặt chúng tôi.” Vị thiên sứ này là Mô Rô Ni. David nói rằng vị thiên sứ này “mặc đồ màu trắng, và nói chuyện và gọi tên tôi và nói ‘Phước cho kẻ nào tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.’ Một cái bàn được đặt ra trước chúng tôi và trên đó là các biên sử. Các Biên Sử của dân Nê Phi, mà từ đó Sách Mặc Môn đã được phiên dịch, các bảng khắc bằng đồng, Quả Cầu Chỉ Hướng, cây gươm của La Ban và các bảng khắc khác.”<sup>5</sup> Trong khi đang xem những đồ vật này thì họ nghe một tiếng nói phán rằng: “Các bảng khắc này đã được mặc khải qua quyền năng của Thượng Đế, và chúng được phiên dịch qua quyền năng của Thượng Đế. Việc phiên dịch các bảng khắc này mà các người nhìn thấy là đúng, và ta truyền lệnh cho

các người làm chứng về những gì mà các người hiện đang nghe thấy.”<sup>6</sup>

Chỉ bao lâu sau sự kiện này, Joseph Smith đem các bản khắc này cho tám nhân chứng nữa thấy, là những người đã sờ tận tay các bản khắc trong một khung cảnh hẻo lánh gần nhà của gia đình Smith ở Manchester, New York. Những chứng ngôn của cả hai nhóm nhân chứng được ghi lại ở phần đầu của Sách Mặc Môn.

### *Rao Giảng với Sách Mặc Môn*

Khi công việc phiên dịch được hoàn tất, Vị Tiên Tri thu xếp với Egbert B. Grandin ở Palmyra để in Sách Mặc Môn. Martin Harris lập một văn tự thể chấp với Ông Grandin để bảo đảm trả số tiền \$3.000 cần có để in 5.000 quyển sách.

Các quyển Sách Mặc Môn đầu tiên ra mắt công chúng tại Tiệm Sách E. B. Grandin vào ngày 26 tháng Ba năm 1830. Samuel Smith là một trong số những người truyền giáo đầu tiên sử dụng quyển sách mới in đó. Vào tháng Tư năm 1830, ông đến viếng Quán Trọ Tomlinson ở ngoại ô Mendon, New York. Nơi đó ông đã bán quyển sách cho một thanh niên tên Phinehas Young, em trai của Brigham Young.

Vào tháng Sáu, ông trở lại con đường cũ, lần này để lại một quyển Sách Mặc Môn ở nhà của John P. Greene tại Bloomfield, New York. John đã kết hôn với Rhoda Young, em gái của Brigham Young. John Young, cha của Brigham, sau đó thấy được quyển sách, mang về nhà, và đọc hết quyển sách. Ông nói rằng “đó là một tác phẩm vĩ đại nhất và không có một lỗi nào mà ông có thể thấy được, kể cả Kinh Thánh.”<sup>7</sup>

Mặc dù Brigham Young đã được những người trong gia đình lẫn những người truyền giáo giới thiệu về nội dung của quyển sách kể từ mùa xuân năm 1830, nhưng ông vẫn cần thì giờ để tìm hiểu sách một cách trọn vẹn. Ông nói: “Tôi đã xem xét vấn đề này một cách thận trọng trong hai năm trước khi tôi quyết định nhận quyển sách đó. Tôi biết sách đó chân chính, cũng như tôi đã biết rằng tôi có thể thấy được với đôi mắt của mình, hoặc cảm nhận được khi sờ bằng các ngón tay của mình, hoặc qua ngửi quan của

mình. Nếu không đúng như thế, tôi đã không bao giờ chấp nhận sách đó cho đến hôm nay.... Tôi mong muốn có đủ thời giờ để chứng tỏ mọi điều cho bản thân mình.”<sup>8</sup>

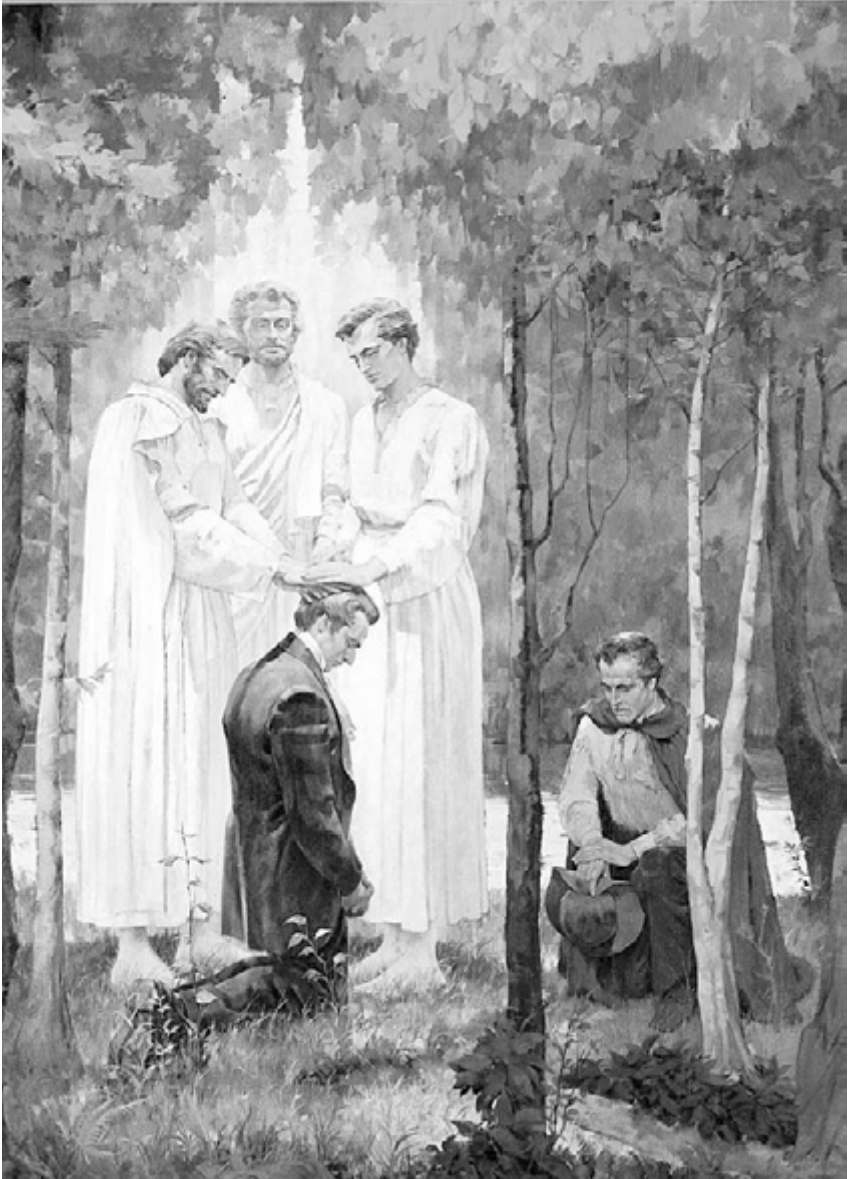
Brigham Young chịu phép báp têm vào ngày 14 tháng Tư năm 1832. Tiếp theo phép báp têm và lễ xác nhận của ông, ông nhớ lại: “Theo như những lời của Đấng Cứu Rỗi, tôi cảm thấy một tinh thần khiêm nhường, như một đứa trẻ con, làm chứng cho tôi biết rằng các tội lỗi của tôi đã được tha thứ.”<sup>9</sup> Về sau, ông trở thành một Vị Sứ Đồ và cuối cùng là Chủ Tịch thứ nhì của Giáo Hội.

### Sự Phục Hồi của Các Chức Tư Tế A Rôn và Mên Chi Xê Đéc

Khi thiên sứ Mô Rô Ni gặp Joseph Smith lần đầu trên Đồi Cơ Mô Ra vào tháng Chín năm 1823, ông đã đưa ra những chỉ thị quan trọng về sự phục hồi thẩm quyền chức tư tế cho thế gian, kể cả lời phán sau đây: “Khi [các bảng khắc bằng vàng] được phiên dịch xong, Chúa sẽ ban thánh chức tư tế cho một số người, và họ sẽ bắt đầu rao giảng phúc âm này và làm phép báp têm bằng nước, và sau đó, họ sẽ có quyền năng để ban cho Đức Thánh Linh bằng phép đặt tay.”<sup>10</sup>

Vào mùa xuân năm 1829, Joseph tham dự vào một phần ứng nghiệm của những lời nói của vị thiên sứ. Khi ông và Oliver Cowdery đang phiên dịch Sách Mặc Môn, họ thấy đề cập đến phép báp têm để được xá miễn tội lỗi. Vào ngày 15 tháng Năm, họ cầu nguyện để tìm kiếm sự hiểu biết thêm về đề tài này từ Chúa. Trong khi dâng lên lời khẩn cầu của mình trên bờ Sông Susquehanna, hai người được một sứ giả thiên thượng đến viếng. Vị này nói ông là Giảng Báp Tít của thời Tân Ước. Đặt tay lên đầu của Joseph và Oliver, ông nói: “Hỡi các người cũng là tôi tớ như ta, trong danh Đấng Mê Si, ta truyền giao cho các người Chức Tư Tế A Rôn, là chức tư tế nắm giữ các chìa khóa phù trợ của các thiên sứ và của phúc âm về sự hồi cải, và của phép báp têm bằng cách được chìm mình xuống nước để được xá miễn tội lỗi” (GLGŨ 13:1).

Sau lễ sắc phong này, Joseph và Oliver làm phép báp têm cho nhau theo như lệnh truyền của Giảng Báp Tít và sắc phong cho



*Phi E Rơ, Gia Cơ, và Giảng hiện đến cùng Joseph Smith và Oliver Cowdery và truyền giao cho họ Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc.*

nhau Chức Tư Tế A Rôn. Giảng bảo họ rằng “Chức Tư Tế A Rôn này không có quyền năng đặt tay lên đầu để ban ân tứ Đức Thánh Linh, nhưng quyền năng này sẽ được truyền giao cho chúng tôi sau.” Ông cũng nói rằng “ông hành động theo chỉ thị của Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng, là những vị nắm giữ các chìa khóa của Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc, mà ông nói rằng chức tư tế này sẽ được truyền giao cho chúng tôi” (JS—LS 1:70, 72; xin xem thêm 1:68–72).

Vị Tiên Tri nói về kinh nghiệm này: “Ngay khi chúng tôi lên khỏi mặt nước sau khi chúng tôi đã chịu phép báp têm, chúng tôi nhận được những phước lành lớn lao và vinh quang từ Cha Thiên Thượng. Vừa khi tôi làm phép báp têm cho Oliver Cowdery, Đức Thánh Linh liền giảng trên anh, và anh đứng dậy nói tiên tri nhiều việc sắp xảy ra. Và cũng vậy, vừa khi tôi được anh làm phép báp têm, tôi cũng có được tinh thần tiên tri về việc ra đời của Giáo Hội này, và nhiều điều khác có liên quan đến Giáo Hội, và thế hệ này của con cái loài người. Chúng tôi được đầy đầy Đức Thánh Linh, và vui mừng nơi Thượng Đế về sự cứu rỗi chúng tôi” (JS—LS 1:73).

Về sau, Phi E Rơ, Gia Cơ, và Giảng hiện đến cùng Joseph và Oliver và truyền giao cho họ Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc. Họ cũng được ban cho các chìa khóa của vương quốc của Thượng Đế (xin xem GLGU 27:12–13; 128:20). Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc là thẩm quyền cao nhất được ban cho loài người trên thế gian. Với thẩm quyền này, Tiên Tri Joseph Smith đã có thể tổ chức Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô trong gian kỳ này và bắt đầu thiết lập nhiều nhóm tức số chức tư tế mà được biết trong Giáo Hội ngày nay.

## **Tổ Chức của Giáo Hội**

Chúa mặc khải cho Joseph Smith rằng ngày 6 tháng Tư năm 1830 là ngày mà Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô trong gian kỳ này phải được tổ chức (xin xem GLGU 20:1). Những tờ thông báo được gửi đến những người tin và bạn bè, và khoảng 56 người nam và người nữ đã quy tụ tại căn nhà bằng gỗ của Peter Whitmer Sr. ở Fayette, New York. Sáu người nam đã được Vị Tiên Tri chọn để phụ giúp trong tổ chức “đúng đắn và phù hợp với luật pháp của



quốc gia chúng ta, do thánh ý cùng các giáo lệnh của Thượng Đế” (GLGU 20:1).

Vị Tiên Tri đã chép: “Sau khi đã mở đầu buổi họp bằng lời cầu nguyện long trọng dâng lên Cha Thiên Thượng của mình, chúng tôi tiến hành, theo như lệnh truyền trước đó, yêu cầu các anh em cho biết họ có chấp nhận chúng tôi làm thầy giảng của họ trong những sự việc về Vương Quốc của Thượng Đế không, và họ có vui lòng để chúng tôi tiến hành và được tổ chức làm một Giáo Hội theo như lệnh truyền đã ban ra mà chúng tôi đã nhận được không. Họ đã nhất trí ưng thuận với những đề nghị này.”<sup>11</sup>

Với sự ưng thuận của những người hiện diện, Joseph sắc phong cho Oliver làm một anh cả của Giáo Hội và Oliver sắc phong cho Vị Tiên Tri làm một anh cả như họ đã được Chúa hướng dẫn. Lễ Tiệc Thánh được ban phước và chuyển đến các tín hữu hiện diện. Những người mà đã chịu phép báp têm được làm lễ xác nhận và ban cho ân tứ Đức Thánh Linh. Vị Tiên Tri nói rằng “Đức Thánh Linh đã trú xuống chúng tôi trong một mức độ thật lớn lao—một số người nói tiên tri, trong khi chúng tôi đều ngợi khen Chúa, và cực kỳ vui mừng.”<sup>12</sup> Trong buổi họp này, Joseph nhận được một mặc khải mà trong đó Chúa chỉ thị cho Giáo Hội phải lưu ý đến những lời của vị tiên tri thể như những lời này chính từ Chúa mà đến (xin xem GLGU 21:4–6).

Những yếu tố hiện diện trong buổi họp đó của năm 1830 tiếp tục trong Giáo Hội ngày nay: sử dụng luật ưng thuận chung, ca hát, cầu nguyện, dự phần Tiệc Thánh, chia sẻ chứng ngôn cá nhân, ban cho ân tứ Đức Thánh Linh bằng phép đặt tay, sắc phong, mặc khải cá nhân, và mặc khải qua các chức sắc của chức tư tế.

Mẹ của Joseph, Lucy Mack Smith, ghi lại một khung cảnh đầy xúc động mà đã xảy ra vào ngày đó khi Joseph Smith Sr., cha của Vị Tiên Tri, chịu phép báp têm: “Khi Ông Smith bước ra khỏi nước, Joseph đứng trên bờ, và nắm lấy tay cha mình, ông thốt lên, với nước mắt vui mừng: ‘Ngợi khen Thượng Đế tôi! Tôi đã sống để nhìn thấy cha mình chịu phép báp têm vào Giáo Hội chân chính của Chúa Giê Su Ky Tô!’”<sup>13</sup> Joseph Knight Sr. nói về giây phút đó: “[Vị Tiên Tri] chan hòa Thánh Linh với một mức độ lớn lao.... Niềm

vui của ông dường như tràn đầy. Tôi nghĩ rằng ông đã nhìn thấy công việc vĩ đại mà ông đã bắt đầu và khát khao thực hiện công việc ấy.”<sup>14</sup>

Có một mối giây ràng buộc yêu thương vững mạnh giữa người cha và người con. Về sau trong một bài diếu văn cho cha mình, Vị Tiên Tri nói: “Tôi yêu thương cha tôi và trân quý kỷ niệm về ông; và ký ức về những hành động cao quý của ông luôn ở trong tâm trí của tôi, và nhiều lời hiền từ của người cha đối với tôi được ghi khắc vào lòng tôi.”<sup>15</sup>

Tình yêu thương tồn tại giữa Vị Tiên Tri và cha của ông cũng được Joseph Smith Sr. biểu lộ đối với cha của mình, Asael Smith. Vào tháng Tám năm 1830, Joseph Smith Sr. lấy các quyền Sách Mặc Môn đi về phía đông bắc đến Hạt St. Lawrence, New York, để tặng cho cha mẹ và các anh chị em của mình. Asael Smith đọc quyền sách đó gần hết trước khi ông qua đời vào tháng Mười năm 1830 và nói rằng người cháu nội của ông, Joseph Smith Jr., “chính là Vị Tiên Tri mà ông đã biết từ lâu là sẽ đến trong gia đình của mình.”<sup>16</sup> Ba người con trai khác của Asael cuối cùng cũng gia nhập Giáo Hội—Silas, John, và Asael Jr. Vị Tiên Tri đã có đặc ân để nhìn thấy tất cả thân quyến của mình và nhiều người thuộc gia đình của cha mình chìm mình trong nước báp têm.

Sidney Rigdon, là người về sau trở thành một thành viên của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, nói về những lúc khởi đầu khiêm tốn của Giáo Hội và viễn ảnh tương lai vĩ đại mà những người tổ chức đã có lúc bấy giờ: “Tôi đã gặp toàn thể giáo hội của Đấng Ky Tô trong một căn nhà gỗ nhỏ rộng khoảng 6.1 thước vuông, gần Waterloo, N.Y. và chúng tôi bắt đầu nói về vương quốc của Thượng Đế thể như chúng tôi đặt thể gian theo lệnh của chúng tôi; chúng tôi trò chuyện với đầy sự tin tưởng,... mặc dù chúng tôi không có nhiều người; ... chúng tôi nhìn thấy viễn ảnh, giáo hội của Thượng Đế, một ngàn lần to lớn hơn; ... thể gian hoàn toàn mù tịt về chứng ngôn của các tiên tri và không hiểu biết những điều mà Thượng Đế sẽ làm.”<sup>17</sup>

Những sự kiện xảy ra vào ngày 6 tháng Tư năm 1830 ở miền tây New York đã thay đổi cuộc sống của hàng triệu người. Từ một

ít người cải đạo trong một căn nhà nhỏ bằng gỗ, phúc âm đã lan tràn khắp thế gian. Giờ đây Giáo Hội được thiết lập ở nhiều vùng đất, thường thì cũng trong những hoàn cảnh khiêm tốn như lúc Giáo Hội nguyên thủy được tổ chức tại Fayette. Các Thánh Hữu trên khắp thế giới hân hoan tìm được niềm an ủi trong lời hứa của Đấng Cứu Rỗi: “Hễ nơi nào có hai hoặc ba người nhân danh ta mà nhóm lại,... này, ta sẽ ở giữa họ” (GLGU 6:32).

### **“Đi Ohio”: Sự Quy Tụ của Y Sơ Ra Ên Ngày Sau**

*Ngược Đãi ở Colesville*

Ngay trong tháng mà Giáo Hội được tổ chức, Tiên Tri Joseph Smith đã đi truyền giáo để giảng dạy cho bạn bè của ông, gia đình Joseph Knight Sr., là những người cư ngụ ở Colesville, New York. Vào ngày 28 tháng Sáu, nhiều người trong gia đình Knight và bạn bè sẵn sàng lập giao ước báp têm.

Có sự chống đối mạnh mẽ đối với việc rao giảng phúc âm ở Colesville, và một đám đông người cố gắng ngăn chặn các buổi lễ báp têm bằng cách phá vỡ cái đập mà các anh em Thánh Hữu đã xây để giữ nước lại. Tuy nhiên, cái đập đã được sửa chữa ngay. Joseph Knight Jr. mô tả các biện pháp mà những kẻ thù của đức tin đã sử dụng: “Khi trở về từ những buổi lễ [báp têm], chúng tôi gặp nhiều người láng giềng của mình, chỉ vào chúng tôi và hỏi có phải chúng tôi đã đi tắm rửa các con cừu không.... Đêm đó, những chiếc xe bò của chúng tôi bị lật úp và gỗ chất đống lên chúng, và một số thì chìm dưới nước, các thanh gỗ chất đống vào cửa nhà chúng tôi, và các dây xích chìm dưới suối và rất nhiều sự tổn hại khác.”<sup>18</sup>

Cùng lúc này, những người chống đối cố gắng làm rối trí Vị Tiên Tri bằng cách bắt ông và xử ông tội phá rối sự yên tĩnh. Tuy nhiên, Joseph Knight Sr. mượn các luật sư là những người chẳng bao lâu đã xóa hết mọi lời buộc tội cho ông.

Bất cứ lúc nào những tiến bộ quan trọng được Giáo Hội thực hiện, thì dường như kẻ nghịch thù của mọi sự ngay chính nỗ lực nhiều để ngăn chặn sự tăng trưởng của vương quốc của Thượng Đế. Nhưng Các Thánh Hữu tận tâm của Thượng Đế khắc phục

các vấn đề khó khăn và tăng trưởng mạnh hơn, như Các Thánh Hữu ở Colesville cũng đã làm vậy, là những người đã cùng gắn bó vào với một chi nhánh vững mạnh và đoàn kết.

### *Những Người Truyền Giáo cho Dân Da Đỏ*

Vào tháng Chín và tháng Mười năm 1830, bốn thanh niên được kêu gọi bằng sự mặc khải để mang phúc âm và sứ điệp của Sách Mặc Môn đến cho Dân Da Đỏ ở Mỹ Châu, là các con cháu của những người trong Sách Mặc Môn. Những người truyền giáo này là Oliver Cowdery, Peter Whitmer Jr., Parley P. Pratt, và Ziba Peterson (xin xem GLGU 28:8; 30:5-6; 32). Họ đi hàng trăm dặm trong những điều kiện đầy khó khăn và đã có thể rao giảng cho Dân Da Đỏ Catteraugus gần Buffalo, New York, Dân Wyandots ở Ohio, và cuối cùng là Dân Delaware là những người sống ở miền tây tiểu bang Missouri. Nhưng họ đã thành công lớn nhất với những người khai hoang ở Kirtland, Ohio, và vùng phụ cận, nơi mà họ cải đạo được 127 người. Sau khi những người truyền giáo ra đi, con số Các Thánh Hữu ở Ohio chẳng bao lâu lên đến một vài trăm người nhờ vào sự rao giảng của các tín hữu còn ở lại.

### *Sự Kêu Gọi Quy Tụ đến Ohio*

Sidney Rigdon, một cựu mục sư và tín hữu mới cải đạo từ khu vực Kirtland, và một người bạn ngoại đạo tên Edward Partridge nóng lòng muốn gặp Vị Tiên Tri và học hỏi thêm về những điều giảng dạy của Giáo Hội. Vào tháng Mười Hai năm 1830 họ đi hơn 250 dặm đến Fayette, New York, để đến thăm Joseph Smith. Họ yêu cầu ông tìm biết ý muốn của Chúa về bản thân họ với Các Thánh Hữu ở Kirtland. Để đáp lời, Chúa mặc khải rằng Các Thánh Hữu ở New York phải “quy tụ lại với nhau tại Ohio” (GLGU 37:3). Vào đại hội thứ ba và cuối cùng của Giáo Hội ở New York, được tổ chức tại nông trại Whitmer vào ngày 2 tháng Giêng năm 1831, Chúa đã lập lại chỉ thị của Ngài cho các tín hữu:

“Và để cho các người thoát khỏi quyền năng của kẻ thù và được quy tụ về với ta thành một dân tộc ngay chính, không tì vết và không chê trách được—Vậy nên, vì lý do này, ta ban cho

các người lệnh truyền rằng các người phải đi đến Ohio; và nơi đó ta sẽ ban cho các người luật pháp của ta; và nơi đó các người sẽ được ban cho quyền năng từ trên cao” (GLGU 38:31–32). Đây là lời kêu gọi đầu tiên trong gian kỳ này cho Các Thánh Hữu phải quy tụ nhau lại.

Mặc dù một vài tín hữu chọn không từ bỏ tài sản của mình và làm một cuộc hành trình dài từ New York đến Ohio, nhưng đa số Các Thánh Hữu nghe theo tiếng gọi của Đấng Chấn Chiên để quy tụ Y Sơ Ra Ên. Newel Knight là đại diện của các môn đồ mà tuân theo sự lãnh đạo của chức tư tế và đáp lại sự kêu gọi đó:

“Vừa trở về nhà sau đại hội, để tuân theo lệnh truyền đã được ban ra, tôi, cùng với Chi Nhánh Colesville, bắt đầu chuẩn bị đi Ohio.... Như điều đã có thể được kỳ vọng, chúng tôi bắt buộc phải có những hy sinh lớn lao về tài sản của mình. Đa số thời giờ của tôi thì bận rộn đi thăm viếng các anh em tín hữu, và giúp sắp đặt công việc của họ, để chúng tôi có thể cùng đi chung trong một đoàn.”<sup>19</sup>

Joseph Knight Sr. cũng là một tấm gương về những người sẵn lòng hy sinh bán tài sản của họ để đi theo Vị Tiên Tri ở Ohio. Phần quảng cáo đơn giản của ông trong *Broome Republican* cho thấy nhiều về sự cam kết của ông với phúc âm: “Nông trại hiện do Joseph Knight cư ngụ, tọa lạc trong thị trấn Colesville, gần Cầu Colesville—một bên giáp ranh với Sông Susquehanna, và rộng khoảng một trăm bốn mươi hai mẫu. Nông Trại đó có hai Căn Nhà Đẻ Ở, một Chuồng Ngựa tốt, và một Vườn Cây Ăn Quả. *Điều kiện mua bán sẽ rất dễ dàng.*”<sup>20</sup> Khoảng 68 tín hữu từ Colesville đang trên đường đi Ohio vào giữa tháng Tư năm 1831.

80 Thánh Hữu từ Chi Nhánh Fayette và 50 từ Chi Nhánh Manchester cũng tuân theo lệnh truyền của Chúa, là những người rời bỏ nhà họ vào đầu tháng Năm năm 1831. Lucy Mack Smith, mẹ của Vị Tiên Tri, được yêu cầu phụ trách cuộc di cư của các tín hữu từ Fayette. Khi đến Buffalo, New York, họ thấy rằng bến tàu trên Hồ Erie bị đóng băng, và chiếc tàu chạy bằng hơi nước chở Các Thánh Hữu Fayette không thể rời cảng được. Trong tình thế khó khăn này, bà đã kêu gọi các tín hữu sử dụng đức tin

của họ: “Giờ đây, thưa các anh chị em, nếu tất cả các anh chị em chịu cầu nguyện lên thiên thượng, thì băng sẽ tan, và chúng ta sẽ được giải cứu, cũng chắc chắn như Chúa hằng sống, điều đó sẽ được thực hiện.” Chính vào lúc đó, một tiếng động được nghe thấy “giống như tiếng sấm nổ.” Băng tách ra và một lối đi hẹp thành hình mà qua đó chiếc tàu có thể di chuyển được. Họ mới vừa băng qua thì con đường một lần nữa đóng lại, nhưng họ đã ở trên dòng nước chảy và có thể tiếp tục cuộc hành trình của mình. Sau khi thoát ra được một cách nhiệm màu, đoàn người được tập hợp lại trong một buổi họp cầu nguyện để dâng lời cảm tạ của họ lên Thượng Đế về lòng thương xót của Ngài vì lợi ích của họ.<sup>21</sup>

Vào giữa tháng Năm, tất cả mọi chi nhánh của Giáo Hội từ New York đã có thể đi bằng tàu ngang qua Hồ Erie đến Cảng Fairport, Ohio, nơi mà họ gặp gỡ Các Thánh Hữu bạn và được đưa đến những địa điểm ở các thành phố nhỏ Kirtland và Thompson. Sự quy tụ đông đảo của Y Sơ Ra Ên ngày sau đã bắt đầu. Các Thánh Hữu giờ đây ở trong một vị thế được các tôi tớ chọn lọc của Chúa giảng dạy như một nhóm người, được chỉ dạy trong các luật pháp của Ngài, và xây cất các đền thờ thánh.



*Đền Thờ Kirtland*

# Xây Đắp Vương Quốc ở Kirtland, Ohio

## Vị Tiên Tri Đến Ohio

Vào một ngày lạnh lẽo tháng Hai năm 1831, Tiên Tri Joseph Smith và vợ của ông, Emma, lúc bấy giờ đang mang song thai sáu tháng, kết thúc cuộc hành trình 250 dặm từ New York đến Kirtland, Ohio. Họ đến bằng một chiếc xe trượt tuyết tại cửa hàng Gilbert và Whitney. Đoạn trích dẫn sau đây ghi lại cuộc gặp gỡ của Newel K. Whitney với Vị Tiên Tri:

“Một trong những người đàn ông [trên chiếc xe trượt tuyết], một nhân vật trẻ tuổi và vạm vỡ, bước xuống, và nhảy lên các bậc thềm, bước vào cửa hàng và đến nơi mà người cộng sự cấp dưới đang đứng.

“Newel K. Whitney! Anh đứng là người đó!’ Người ấy kêu lên, đưa tay mình ra một cách thân mật, thể như là một người thân quen cũ.

“Ông có lợi thế hơn tôi,’ người mà được kêu tên đáp, trong khi bắt tay một cách máy móc...—‘Tôi không thể gọi tên ông, như ông đã gọi tên tôi.’

“Người khách lạ mỉm cười nói: “Tôi là Joseph, Vị Tiên Tri. Anh đã cầu nguyện để tôi đến đây; giờ đây anh cần gì nơi tôi?”<sup>1</sup>

Một thời gian trước đó, Newel và vợ của ông, Elizabeth, đã dâng lên lời cầu nguyện khẩn thiết để được hướng dẫn. Để đáp lại, Đức Thánh Linh đã giáng xuống họ và một đám mây che phủ nhà họ. Từ đám mây vầng lên tiếng nói: “Hãy chuẩn bị để tiếp nhận lời của Chúa, bởi vì lời này đang đến!”<sup>2</sup> Ngay sau đó, những người truyền giáo là những người được kêu gọi để giảng dạy Dân Da Đỏ đến Kirtland, và giờ đây Vị Tiên Tri đã đến.

Orson F. Whitney, một người cháu nội của Newel, về sau kể lại những cảm tưởng của ông về sự kiện này: “Bằng quyền năng nào



mà người đàn ông phi thường này, Joseph Smith, nhận biết được một người mà ông chưa hề gặp bằng xương bằng thịt? Tại sao Newel K. Whitney không nhìn ra ông? Chính là vì Joseph Smith là một vị tiên kiến, một vị tiên kiến chọn lọc; ông đã thật sự nhìn thấy Newel K. Whitney đang quỳ xuống, cách xa hàng trăm dặm, cầu nguyện về việc ông đến Kirtland. Nhiệm màu thay—nhưng có thật!”<sup>3</sup>

Việc Vị Tiên Tri đến đã mang lời của Chúa cho Kirtland, nơi mà nhiều yếu tố thiết yếu của Giáo Hội được sắp đặt. Tổ chức cơ bản của sự điều hành Giáo Hội đã được mặc khải, những người truyền giáo đã được gửi ra hải ngoại, ngôi đền thờ đầu tiên đã được xây cất, và nhiều điều mặc khải đã nhận được. Các Thánh Hữu đã bị ngược đãi nặng nề và bị thử thách để xem họ có chứng tỏ đức tin, lòng can đảm, và sự sẵn lòng để tuân theo vị tiên tri đã được Chúa xúc dầu hay không.

## **Hai Trung Tâm Sinh Hoạt của Giáo Hội**

Cùng lúc với Các Thánh Hữu đang được kêu gọi để quy tụ tại Ohio, họ bắt đầu trông chờ lúc mà họ có thể thiết lập Si Ôn. Vào tháng Sáu năm 1831, Tiên Tri Joseph Smith nhận được một sự mặc khải chỉ thị cho ông, Sidney Rigdon, và 28 anh cả khác đi truyền giáo ở Missouri và tổ chức đại hội kế tiếp của Giáo Hội ở nơi đó (xin xem GLGƯ 52). Missouri nằm ở biên giới phía tây của xứ mà được gọi là Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ lúc bấy giờ, hơn 1.000 dặm về phía tây của Kirtland. Chúa mặc khải cho Joseph biết rằng ở Hạng Jackson, Missouri, Các Thánh Hữu sẽ nhận được quyền thừa hưởng của họ và thiết lập Si Ôn.

Joseph, những người truyền giáo khác, và ngay sau đó toàn thể nhóm Các Thánh Hữu từ Colesville, New York, đi đến Hạng Jackson vào mùa hè năm 1831 và bắt đầu thiết lập một khu định cư. Trong khi Vị Tiên Tri và những người lãnh đạo khác trở lại Kirtland, nhiều tín hữu của Giáo Hội định cư ở Missouri.

Từ năm 1831 đến năm 1838, Giáo Hội có hai trung tâm định cư của Các Thánh Hữu. Joseph Smith, các thành viên Hội Đồng Mười Hai, và một số đông Các Thánh Hữu sống ở khu vực Kirtland, Ohio, trong khi

nhieu tín hữu khác của Giáo Hội sống ở Missouri, do các vị lãnh đạo chức tư tế đã được chỉ định của họ chủ tọa. Những sự kiện quan trọng cùng lúc xảy ra ở cả hai nơi, và các chức sắc của Giáo Hội đi từ địa điểm này đến địa điểm kia khi cần thiết. Các sự kiện ở Kirtland trong thời gian bảy năm này sẽ được thảo luận trước, và rồi các sự kiện ở Missouri trong cùng giai đoạn này sẽ được thảo luận sau.

### **Những Hy Sinh của Các Thánh Hữu khi Quy Tụ ở Ohio**

Nhiều Thánh Hữu đến Ohio đã hy sinh rất nhiều. Một số người đã bị gia đình họ từ bỏ; những người khác bị bạn bè cũ xa lánh. Brigham Young mô tả việc ông đã hy sinh như thế nào để đáp ứng lời kêu gọi quy tụ của Vị Tiên Tri:

“Khi chúng tôi đến Kirtland [vào tháng Chín năm 1833], nếu bất cứ người nào đã từng quy tụ với Các Thánh Hữu mà nghèo hơn tôi—đó là bởi vì người ấy không có gì cả.... Tôi có hai đứa con để chăm sóc—chỉ thế thôi. Tôi là một người góa vợ. ‘Anh Brigham ơi, anh có đôi giày nào không?’ Không; chân tôi không có mang một đôi giày nào cả, ngoại trừ một đôi giày ống mượn được. Tôi không có quần áo mùa đông, ngoại trừ một cái áo choàng may ở nhà mà tôi đã có ba bốn năm nay. ‘Anh có cái quần nào không?’ Không. ‘Vậy anh đã làm gì? Anh không có quần để mặc à?’ Không; tôi mượn một cái quần để mặc cho đến khi tôi có thể có được một cái quần khác. Tôi đã hành trình và rao giảng và ban phát hết của cải của tôi. Tôi có rất ít của cải khi tôi bắt đầu rao giảng.... Tôi đã hành trình và rao giảng cho đến khi tôi không còn gì để mang theo mình; nhưng Joseph đã nói: ‘hãy đến đây;’ và tôi đã đến với những gì duy nhất tôi có.”<sup>4</sup>

Nhiều Thánh Hữu trung tín khác đến Kirtland, nơi mà các tín hữu đã ở đó trước và chào đón họ và sẵn lòng chia sẻ của cải nghèo nàn của mình. Những người kiên quyết như thế đã tạo thành nền móng cho sự tăng trưởng và tiến triển đầy kỳ diệu của Giáo Hội.

### **Những Điều Mặc Khải Nhận Được trong Khu Vực Kirtland**

Trong khi Tiên Tri Joseph đang sống trong khu vực Kirtland, ông nhận được nhiều điều mặc khải, 65 trong số những điều mặc

khải đó được gồm vào trong sách Giáo Lý và Giao Ước. Những điều mặc khải này dạy về ý muốn của Chúa liên quan đến sự an sinh, việc tìm kiếm điềm triệu, tác phong đạo đức, các nguyên tắc về chế độ ăn uống, tiền thập phân, thẩm quyền chức tư tế, vai trò của một tiên tri, ba đẳng cấp vinh quang, công việc truyền giáo, Ngày Tái Lâm, luật dâng hiến, và nhiều đề tài khác.

#### *Bản Dịch Kinh Thánh của Joseph Smith*

Vào tháng Sáu năm 1830, Joseph Smith bắt đầu công việc thiêng liêng được ban cho ông để thực hiện những công việc sửa chữa đầy soi dẫn nơi Bản Dịch Kinh Thánh (Anh Ngữ) của King James. Công trình này được biết là Bản Dịch Kinh Thánh của Joseph Smith. Từ tháng Sáu năm 1830 đến tháng Bảy năm 1833, Vị Tiên Tri đã thực hiện nhiều sửa đổi nơi bản văn này của Kinh Thánh, kể cả việc sửa lời lẽ trong Kinh Thánh, làm sáng tỏ các giáo lý, và phục hồi tài liệu lịch sử và giáo lý.

Joseph nhận được nhiều mặc khải trong tiến trình làm công việc này, thường thì để trả lời những câu hỏi được nảy sinh khi ông suy ngẫm những đoạn thánh thư. Một mặc khải như thế xảy ra vào ngày 16 tháng Hai năm 1832 sau khi Joseph và Sidney Rigdon đã phiên dịch xong Giăng 5:29. Họ suy ngẫm về đoạn này, và “Chúa sờ vào mắt hiểu biết [của họ] và chúng được mở ra, và vinh quang của Chúa chói lòa xung quanh” (GLGU 76:19). Họ nhận được một trong các khải tượng vĩ đại nhất, giờ đây được chép lại trong tiết 76 sách Giáo Lý Giao Ước. Họ nhìn thấy Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử, học biết về vận mệnh thiêng liêng của các con cái của Thượng Đế, và nhận được các lẽ thật vĩnh cửu về việc ai sẽ sống nơi nào trong ba vương quốc vinh quang.

#### *Xuất Bản Những Điều Mặc Khải*

Vào buổi đại hội đặc biệt tổ chức ở Hiram, Ohio, vào tháng Mười Một năm 1831, các tín hữu Giáo Hội đã biểu quyết về việc xuất bản Sách Giáo Lệnh, chứa đựng khoảng 70 điều mặc khải được ban cho Vị Tiên Tri. Trong buổi đại hội này, Chúa đã ban cho Joseph Smith những điều mặc khải mà sẽ là lời tựa và phần

phụ lục của Sách Giáo Lệnh. (Về sau, những phần này trở thành các tiết 1 và 133 của sách Giáo Lý và Giao Ước.)

Nhiệm vụ để ấn hành quyền sách này được giao cho William W. Phelps, là người có một cơ sở ấn loát ở Hạt Jackson, Missouri. (Để biết thêm chi tiết về Sách Giáo Lệnh, xin xem trang 45.) Những điều mặc khải trong Sách Giáo Lệnh, cùng với những điều mặc khải khác, sau này đã được in lại trong một quyển sách có tựa đề là Giáo Lý và Giao Ước, được xuất bản ở Kirtland vào năm 1835. Một ấn bản thứ nhì của Sách Mặc Môn, với những sửa chữa nhỏ của Vị Tiên Tri Joseph, cũng được in ở Kirtland.

Chỉ trong vòng một vài tháng sau khi Giáo Hội được tổ chức, Chúa đã nhấn mạnh về vị trí quan trọng của âm nhạc trong Giáo Hội bằng cách truyền lệnh cho vợ của Vị Tiên Tri, Emma, bắt đầu chọn ra các bài thánh ca (xin xem GLGU 25:11). Sách thánh ca mà bà biên soạn được xuất bản ở Kirtland, khởi đầu cho Các Thánh Hữu để tiếp nhận phước lành đã được Chúa hứa: “Vì tâm hồn ta vui thích bài ca của con tim; phải, bài ca của người ngay chính là lời nguyện cầu dâng lên ta, và sẽ được đáp ứng bằng một phước lành trên đầu họ” (GLGU 25:12).

### *Trường Tiên Tri*

Vào tháng Mười Hai năm 1832 và tháng Giêng năm 1833, Tiên Tri Joseph nhận được điều mặc khải mà trở thành tiết 88 của Giáo Lý Giao Ước. Trong số những điều khác, điều mặc khải này chỉ thị rằng một “trường tiên tri” (GLGU 88:127) phải được thành lập để giảng dạy các anh em chức sắc trong giáo lý và các nguyên tắc phúc âm, những công việc của Giáo Hội, và những vấn đề khác.

Vào mùa đông năm 1833, Trường Tiên Tri nhóm họp thường xuyên, và Joseph lẫn Emma Smith đều bắt đầu quan tâm về thói quen sử dụng thuốc lá của các anh em chức sắc của giáo hội, nhất là màn khói thuốc trong các buổi họp và thiếu sự sạch sẽ do việc nhai thuốc lá tạo ra. Joseph Smith cầu vấn Chúa về vấn đề đó và nhận được điều mặc khải mà được biết là Lời Thông Sáng. Điều mặc khải này đưa ra các lệnh truyền của Chúa về sự chăm sóc thân thể và tinh thần, và hứa rằng những người nào tuân theo các lệnh

truyền này thì sẽ nhận được các phước lành thuộc linh về “sự khôn ngoan cùng những kho tàng hiểu biết lớn lao, là những kho tàng đã bị giấu kín” (GLGU 89:19). Lời Thông Sáng cũng chứa đựng chi tiết về sức khỏe mà thế giới y khoa hoặc khoa học chưa được biết lúc bấy giờ, nhưng kể từ đó đã chứng tỏ là một lợi ích lớn lao, chẳng hạn như lời khuyên không nên dùng thuốc lá và rượu.

### *Luật Dân Hiến*

Vào năm 1831, Chúa bắt đầu mặc khải những phương diện của luật dân hiến, một hệ thống thuộc linh và thể chất mà, nếu tuân theo trong sự ngay chính, sẽ ban phước cho cuộc sống của Các Thánh Hữu Ngày Sau nghèo khổ. Theo luật này, các tín hữu của Giáo Hội được yêu cầu hiến dâng, hoặc ban phát, tất cả tài sản của họ cho vị giám trợ của Giáo Hội. Rồi vị ấy giao sự thừa hưởng, hoặc quản lý, lại cho các tín hữu. Những gia đình điều hành sự quản lý của họ theo như khả năng của họ. Nếu vào cuối năm, họ có số thặng dư, thì số thặng dư này được đưa cho vị giám trợ để sử dụng trong việc chăm sóc những người túng thiếu. Edward Partridge được Chúa kêu gọi phục vụ với tư cách là vị giám trợ đầu tiên của Giáo Hội.

Luật dân hiến gồm có các nguyên tắc và sự thực hành mà cùng cố các tín hữu về phần thuộc linh và mang đến sự bình đẳng kinh tế tương đối, loại bỏ tính tham lam và sự nghèo khó. Một số Thánh Hữu tích cực sống theo luật đó, để nhận được phước lành cho chính họ và những người khác, nhưng những tín hữu khác không vượt qua được những ước muốn ích kỷ, cuối cùng đưa đến sự hủy bỏ luật đó từ Giáo Hội. Vào năm 1838, Chúa mặc khải luật thập phân (xin xem GLGU 119), mà tiếp tục hiện nay với tính cách là luật tài chính của Giáo Hội.

### **Củng Cố Chức Tư Tế**

#### *Các Chức Phẩm của Chức Tư Tế Được Mặc Khải*

Trong khi còn số tín hữu Giáo Hội gia tăng, Vị Tiên Tri tiếp tục nhận mặc khải về các chức phẩm của chức tư tế. Như được Chúa hướng dẫn, ông đã tổ chức Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, lập ông làm Chủ Tịch và Sidney Rigdon và Frederick G. Williams làm Cố Vấn.

Ông cũng tổ chức Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồi. Ông kêu gọi và sắc phong các giám trợ và các cố vấn của họ, các thầy tư tế thượng phẩm, các tộc trưởng, các hội đồng thượng phẩm, các thầy bảy mươi, và các anh cả. Ông tổ chức các giáo khu đầu tiên của Giáo Hội.

Các tín hữu mới chịu phép báp têm, thiếu kinh nghiệm, thường nhận được dồn dập những sự kêu gọi phục vụ. Chẳng hạn, Newel K. Whitney được kêu gọi làm vị giám trợ thứ nhì của Giáo Hội vào tháng Mười Hai năm 1831, để phục vụ ở Kirtland khi Edward Partridge trở thành giám trợ của Các Thánh Hữu ở Missouri. Newel không cảm thấy rằng ông có khả năng để thi hành những đòi hỏi của chức vụ này, mặc dù Vị Tiên Tri bảo ông rằng Chúa đã kêu gọi ông qua sự mặc khải. Vậy nên Vị Tiên Tri nói với ông: “Anh hãy đi và tự mình cầu vấn Đức Chúa Cha.” Newell đi và quỳ xuống trong lời khẩn cầu khiêm nhường và nghe được một tiếng nói từ thiên thượng phán rằng: “Sức mạnh của người ở nơi ta.”<sup>5</sup> Ông đã chấp nhận sự kêu gọi và phục vụ với tư cách là giám trợ trong 18 năm.

### *Huấn Luyện Các Vị Lãnh Đạo ở Trại Si Ôn*

Giáo Hội rất cần các vị lãnh đạo chức tư tế là những người đã được thử thách, được ban cho kinh nghiệm, và đã chứng tỏ là trung tín, là những người luôn trung thành với Chúa và với vị tiên tri của Ngài trong bất cứ hoàn cảnh nào. Một cơ hội để chứng tỏ sự vâng lời trong những hoàn cảnh khó khăn và được Tiên Tri Joseph Smith đích thân huấn luyện đã được cung ứng bởi cuộc hành trình của Trại Si Ôn.

Trại Si Ôn được tổ chức để giúp Các Thánh Hữu ở Missouri là những người bị ngược đãi nặng nề vì tín ngưỡng của họ. Nhiều người đã bị đuổi ra khỏi nhà của họ. (Xin xem thêm chi tiết ở các trang 44–49.) Vào ngày 24 tháng Hai năm 1834, Chúa đã mặc khải cho Joseph Smith biết rằng ông phải tổ chức một nhóm người đi từ Kirtland đến Missouri và giúp Các Thánh Hữu phục hồi đất đai của họ (xin xem GLGŨ 103). Chúa hứa rằng Ngài sẽ đi với họ và rằng “tất cả chiến thắng và vinh quang” sẽ đến với họ “qua sự tận tụy, lòng trung thành và lời cầu nguyện bởi đức tin” của họ”

(GLGU 103:36). Đa số các thành viên đầu tiên của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ và Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười được chuẩn bị cho các trách nhiệm tương lai của họ qua kinh nghiệm này.

Trại Si Ôn được chính thức tổ chức ở New Portage, Ohio, vào ngày 6 tháng Năm năm 1834. Cuối cùng, nó gồm có 207 người đàn ông, 11 người phụ nữ, và 11 trẻ em, mà Vị Tiên Tri đã chia ra thành nhiều toán gồm mười và mười lăm người, chỉ dẫn mỗi nhóm phải chọn ra một người trưởng toán. Một thành viên mới, Joseph Holbrook, thuật lại rằng trại được tổ chức “theo trật tự thời xưa của Y Sơ Ra Ên.”<sup>6</sup> Họ cùng đi trong 45 ngày đến Hạt Clay, Missouri, một khoảng đường hơn 1.000 dặm. Họ hành trình càng nhanh càng tốt và trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Rất khó để có đủ thức ăn. Những người đàn ông thường bắt buộc phải ăn những khẩu phần hạn chế về bánh mì có chất lượng kém, bơ đã trở mùi, cháo ngô, mật ong nặng mùi, thịt heo sống, thịt giảm bông đã thối rữa, và thịt lưng heo muối xông khói và pho mát đầy giòi. George A. Smith, là người về sau trở thành một Sứ Đồ, đã viết rằng ông thường bị đói: “Tôi mệt mỏi, đói và buồn ngủ đến nỗi tôi mơ thấy trong khi bước đi dọc theo con đường một dòng suối xinh đẹp cạnh bên một cái cây có bóng mát êm ả và một ổ bánh mì ngon lành và một chai sữa nằm trên một miếng vải cạnh bên con suối.”<sup>7</sup>

Trại đã nhấn mạnh đến nếp sống thuộc linh và tuân theo các lệnh truyền. Vào các ngày Chúa Nhật, họ nhóm họp và dự phần Tiệc Thánh. Vị Tiên Tri thường giảng dạy các giáo lý về vương quốc. Ông nói: “Thượng Đế ở cùng chúng tôi, và các thiên sứ của Ngài đi trước mặt chúng tôi, và đức tin của toán nhỏ chúng tôi không dao động. Chúng tôi biết rằng các thiên sứ là bạn đồng hành của mình, vì chúng tôi nhìn thấy các vị ấy.”<sup>8</sup>

Tuy nhiên, những khó khăn của trại bắt đầu gây thiệt hại cho các trại viên. Tiến trình gạn lọc này cho thấy những người hay cầu nhàu, là những người không có tinh thần vâng lời và thường chê trách Joseph về những rắc rối của họ. Vào ngày 17 tháng Năm, Vị Tiên Tri khuyến khích những người có tinh thần chống đối “phải

hạ mình trước mặt Chúa và trở nên đoàn kết, để họ có thể không bị đoán phạt.”<sup>9</sup>

Đến ngày 18 tháng Sáu, trại đã tới Hạt Clay, Missouri. Tuy nhiên, thống đốc của Missouri, Daniel Dunklin, không giữ lời hứa của mình để giúp đạo quân Các Thánh Hữu phục hồi tài sản của các tín hữu Giáo Hội là những người đã bị ép buộc phải rời khỏi nhà của họ. Đối với một số người trong trại, sự thất bại của mục tiêu quân sự này là thử thách cuối cùng của đức tin của họ. Thất vọng và tức giận, một số người công khai chống đối. Do đó, Vị Tiên Tri cảnh cáo họ rằng Chúa sẽ giáng tai họa khủng khiếp xuống họ. Chẳng bao lâu, nạn dịch tả lan tràn khắp trại. Trước khi nó chấm dứt, có một phần ba trại viên bị mắc bệnh, kể cả Joseph Smith, và sau đó 14 trại viên chết. Vào ngày 2 tháng Bảy, một lần nữa Joseph cảnh cáo các trại viên phải hạ mình trước mặt Chúa và giao ước tuân giữ các lệnh truyền của Ngài và nói rằng nếu họ làm như vậy, thì bệnh dịch sẽ chấm dứt kể từ giờ phút đó. Giao ước được thực hiện bằng các bàn tay đưa lên, và bệnh dịch chấm dứt.

Vào đầu tháng Bảy, các trại viên được Vị Tiên Tri giải tán trong danh dự. Cuộc hành trình đã cho thấy ai ở phía bên Chúa và ai xứng đáng để phục vụ trong chức vụ lãnh đạo. Về sau, Vị Tiên Tri giải thích về kết quả của cuộc hành trình đó: “Thượng Đế không muốn ta chiến đấu. Ngài đã không thể tổ chức vương quốc của Ngài với mười hai người để mở cánh cửa phúc âm cho các quốc gia trên thế gian, và với bảy mươi người dưới sự hướng dẫn của họ để đi theo họ, trừ phi Ngài lấy họ từ nhóm người đã phó mạng sống của mình, và là những người đã hy sinh nhiều như Áp Ra Ham.”<sup>10</sup>

Wilford Woodruff, một trại viên là người sau này trở thành Vị Chủ Tịch thứ tư của Giáo Hội, đã nói: “Chúng tôi đạt được một kinh nghiệm mà chúng tôi không thể nào đạt được trong bất cứ cách thức nào khác. Chúng tôi có được đặc ân để nhìn thấy mặt của vị tiên tri, và chúng tôi có đặc ân để đi một ngàn dặm với ông, và thấy được những tác động của Thánh Linh của Thượng Đế ngự với ông, và những điều mặc khải của Chúa Giê Su Ky Tô ban cho ông và sự ứng nghiệm của những điều mặc khải đó.”<sup>11</sup>



Vào tháng Hai năm 1835, năm tháng sau khi giải tán trại, Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ và Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi được tổ chức. Bảy mươi chín trong số tám mươi hai chức vụ được bỏ nhiệm trong hai nhóm túc số đã được đảm trách bởi những người đã tự chứng tỏ trong cuộc hành trình của Trại Si Ôn.

Ở Kirtland, Joseph Smith tiếp tục huấn luyện các vị lãnh đạo tương lai. Bốn Vị Chủ Tịch của Giáo Hội— Brigham Young, John Taylor, Wilford Woodruff, và Lorenzo Snow—chịu phép báp têm trong những năm tháng ở Kirtland và về sau lần lượt lãnh đạo Giáo Hội cho đến năm 1901. Ngoài ra, ba Vị Chủ Tịch kế tiếp— Joseph F. Smith, Heber J. Grant, và George Albert Smith, mà sự điều hành của họ kéo dài đến năm 1951—là con cháu trực hệ của những người tiên phong dũng cảm ở Kirtland.

### **Công Việc Truyền Giáo Tiên Bước**

Trong khi Các Thánh Hữu đang sống ở Kirtland, nhiều người truyền giáo được kêu gọi rao giảng phúc âm ở xa nhà, đa số họ có nhiều hy sinh cá nhân. Những người truyền giáo được gửi đi đến một số tiểu bang Hoa Kỳ, những phần đất của Gia Nã Đại, và vượt Đại Tây Dương đến Anh quốc. Qua những nỗ lực truyền giáo này, nhiều người đã nhận được lời chứng về lẽ thật của phúc âm. Họ trở thành các tín hữu dũng cảm là những người mang sức mạnh lớn lao đến cho Giáo Hội còn phôi thai.

Một số điều mặc khải được ghi lại ở Kirtland gồm có những lệnh truyền cho các tín hữu phải rao giảng phúc âm cho thế gian. Chúa đã phán: “Các ngươi phải ra đi trong quyền năng của Thánh Linh của ta, để thuyết giảng phúc âm của ta, từng cặp một, trong danh ta, và cất giọng lên như bằng tiếng vang của kèn đồng mà rao truyền lời của ta như những thiên sứ của Thượng Đế” (GLGU 42:6). Trong năm kế tiếp, Chúa truyền lệnh: “Điều cần thiết cho mỗi người nào đã từng được cảnh cáo thì phải cảnh cáo người lân cận mình” (GLGU 88:81).

*Công Việc Truyền Giáo của Những Người Cải Đạo Đầu Tiên ở Ohio*

Zera Pulsipher, một người cải đạo từ Ohio, là một tấm gương về những người đã hăng hái chia sẻ sứ điệp về Sự Phục Hồi. Ông gia nhập Giáo Hội vào tháng Giêng năm 1832 và chép lại rằng ngay sau đó, ông “đã được sắc phong chức phẩm anh cả và đi rao giảng với sự thành công đáng kể tại quê nhà và ở hải ngoại.”<sup>12</sup> Ông và một người truyền giáo khác, Elijah Cheney, đi đến thị trấn nhỏ Richland, New York, nơi mà họ bắt đầu rao giảng trong ngôi trường địa phương. Một trong số những người cải đạo đầu tiên được Anh Cả Pulsipher làm lễ báp têm ở Richland là một nông dân trẻ tuổi tên là Wilford Woodruff, là người trong tương lai sẽ trở thành một trong số những người truyền giáo thành công nhất trong lịch sử của Giáo Hội và là Vị Chủ Tịch thứ tư của Giáo Hội. Trong vòng thời gian một tháng, hai người truyền giáo đó đã làm phép báp têm cho một số người và tổ chức một chi nhánh của Giáo Hội ở Richland.

Để đáp ứng lời kêu gọi cảnh cáo những người lân cận của mình, những người truyền giáo đã đến từ mọi tầng lớp xã hội. Nhiều người đã kết hôn và có trách nhiệm với gia đình. Họ ra đi giữa lúc mùa gặt và trong mùa đông băng giá, trong lúc cá nhân được thịnh vượng và đôi khi kinh tế trì trệ. Một số anh cả sống hầu như cơ cực khi họ bắt đầu công việc truyền giáo. Chính Vị Tiên Tri cũng đã đi hơn 15.000 dặm, phục vụ 14 công cuộc truyền giáo ngắn hạn từ năm 1831 đến năm 1838 ở nhiều tiểu bang và Gia Nã Đại.

Khi George A. Smith, anh em bà con của Vị Tiên Tri, nhận được sự kêu gọi đi miền đông Hoa Kỳ, ông nghèo đến nỗi ông không sở hữu hoặc không có phương tiện để mua quần áo và sách vở mà ông cần. Do đó, Tiên Tri Joseph và anh của ông, Hyrum, tặng cho George A. Smith một số vải màu xám, và Eliza Brown may cho ông một cái áo khoác ngoài, áo gi lê, và quần. Brigham Young tặng cho ông một đôi giày, cha của ông tặng cho ông một quyển Kinh Thánh nhỏ loại bỏ túi, và Vị Tiên Tri cho ông một quyển Sách Mặc Môn.

Các Anh Cả Erastus Snow và John E. Page cũng rất nghèo khi họ ra đi truyền giáo vào mùa xuân năm 1836. Khi mô tả về tình trạng của mình vào lúc ra đi truyền giáo ở miền tây Pennsylvania,



*Bốn người truyền giáo này, được kêu gọi để mang phúc âm đến cho những người dân Da Đỏ của Hoa Kỳ trong những điều kiện đầy thử thách, là các tấm gương hy sinh của những người truyền giáo trung tín trong suốt lịch sử phôi thai của Giáo Hội.*

Anh Cả Snow viết: “Tôi rời Kirtland bằng đường bộ và một mình với một cái rương nhỏ đựng một ít tác phẩm của Giáo Hội và một đôi vợ, với năm xu trong túi, là tất cả tài sản vật chất của tôi.” Anh Cả Page nói cho Vị Tiên Tri biết rằng ông không thể nào chấp nhận một sự kêu gọi để rao giảng bởi vì ông thiếu quần áo. Ngay cả ông không có một cái áo khoác ngoài để mặc. Vị Tiên Tri đáp ứng bằng cách cởi cái áo khoác ngoài của mình ra và đưa nó cho Anh Cả Page. Ông nói với Anh Cả Page hãy đi truyền giáo và Chúa sẽ ban phước cho ông một cách dồi dào.<sup>13</sup> Trong công cuộc truyền giáo này, Anh Cả Page được ban phước để chia sẻ phúc âm với hàng trăm người mà gia nhập Giáo Hội.

#### *Công Việc Truyền Giáo của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ*

Vào năm 1835, các thành viên của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ được kêu gọi đi truyền giáo ở miền đông Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Đây là lần độc nhất trong lịch sử của Giáo Hội mà tất cả 12 thành viên của Nhóm Túc Số cùng một lúc đảm nhiệm công cuộc truyền giáo. Khi họ trở về, Heber C. Kimball làm chứng rằng

họ đã cảm nhận được quyền năng của Thượng Đế và đã có thể chữa lành người bệnh và đuổi quỷ.

### *Truyền Giáo ở Nước Anh*

Trong giai đoạn sau của Kirtland, một cơn khủng hoảng xảy ra bên trong Giáo Hội. Một số tín hữu, kể cả một số vị lãnh đạo, bỏ đạo vì họ không thể chịu đựng được những thử thách và ngược đãi và vì họ bắt đầu chỉ trích gay gắt Tiên Tri Joseph và các vị lãnh đạo khác trong Giáo Hội. Chúa mặc khải cho Joseph Smith biết rằng một điều mới mẻ nào đó phải được thực hiện để cứu Giáo Hội của Ngài. Điều đó là sự gia nhập của những người cải đạo vào Giáo Hội từ nước Anh. Vào ngày Chúa Nhật, 4 tháng Sáu năm 1837, Vị Tiên Tri đã đến gặp Anh Cả Heber C. Kimball trong Đền Thờ Kirtland và nói cùng ông: “Anh Heber, Thánh Linh của Chúa đã mách bảo cho tôi: ‘Hãy để tôi tớ Heber của ta đi nước Anh và rao giảng Phúc Âm của ta, và mở cánh cửa cứu rỗi cho quốc gia đó.’”<sup>14</sup>

Trong khi Heber C. Kimball đang được làm lễ phong nhiệm cho công việc truyền giáo của ông, thì Anh Cả Orson Hyde bước vào phòng. Khi nghe thấy điều đang xảy ra, Orson được cảm động để hỏi cải, vì ông là một trong những người tham dự vào việc chỉ trích Vị Tiên Tri. Ông xin được phục vụ với tư cách là một người truyền giáo và cũng được phong nhiệm để đi nước Anh.

Heber C. Kimball hăm hở rao giảng phúc âm trên đất nước ngoại quốc đến nỗi khi chiếc tàu đang cập bến tại Liverpool, nước Anh, thì ông nhảy từ tàu lên bến tàu trước khi chiếc tàu được bỏ neo, và tuyên bố rằng ông là người đầu tiên đi hải ngoại với sứ điệp về Sự Phục Hồi. Đến ngày 23 tháng Bảy, những người truyền giáo đang rao giảng cho các giáo đoàn tràn ngập người và các lễ báp têm đầu tiên được dự trữ vào ngày 30 tháng Bảy. George D. Watt thắng cuộc chạy đua đến Sông Ribble ở Preston, tức là được xác định với niềm vinh dự là người đầu tiên chịu phép báp têm ở nước Anh.

Trong vòng tám tháng, hàng trăm người cải đạo đã gia nhập Giáo Hội và nhiều chi nhánh đã được tổ chức. Khi ngẫm nghĩ về kết quả cải đạo lớn lao này, Heber nói rằng Vị Tiên Tri và Các Cố

Vấn của ông “đã đặt tay lên đầu tôi và ... nói rằng Thượng Đế sẽ làm cho tôi mạnh mẽ nơi quốc gia đó trong việc thu phục các linh hồn về cùng Ngài: các thiên sứ chắc đã đồng hành với tôi và nâng tôi lên, để tôi không thất bại, để tôi phải được ban phước một cách mạnh mẽ và chứng thực một nguồn cứu rỗi đối với hàng ngàn người.”<sup>15</sup>

Nhờ vào nhiều người truyền giáo đầu tiên đã ngoan ngoãn chấp nhận sự kêu gọi đi truyền giáo bất chấp sự hy sinh cá nhân, hàng ngàn người Anh cải đạo đã hưởng nhận các phước lành của phúc âm phục hồi. Họ quy tụ ở Si Ôn và củng cố Giáo Hội rất nhiều cho những thời kỳ rất quan trọng trước mắt.

### **Đền Thờ Kirtland**

#### *Những Sự Hy Sinh của Các Thánh Hữu*

Vào ngày 27 tháng Mười Hai năm 1832, Các Thánh Hữu lần đầu biết về lệnh truyền của Chúa phải xây cất một đền thờ (xin xem GLGU 88:119). Việc xây cất đền thờ trở thành ưu tiên một của Giáo Hội ở Kirtland từ năm 1833 đến 1836. Điều này đưa ra những thử thách lớn lao cho Các Thánh Hữu, là những người thiếu nhân lực lẫn tiền bạc cần thiết. Theo lời của Eliza R. Snow, “Vào lúc đó,... Chỉ có một số ít Các Thánh Hữu, và đa số họ thì rất nghèo; và, nếu không nhờ vào sự an tâm rằng Thượng Đế đã phán, và đã truyền lệnh rằng một ngôi nhà phải được xây lên cho danh Ngài, Ngài không những mặc khải cho biết về hình thức của ngôi nhà, mà còn chỉ rõ những kích thước, một nỗ lực nhằm vào việc xây cất ngôi Đền Thờ đó, trong những hoàn cảnh hiện hữu lúc bấy giờ, thì đối với tất cả những người liên hệ, là hiển nhiên hết sức phi lý.”<sup>16</sup>

Với đức tin rằng Thượng Đế sẽ cung ứng sự giúp đỡ và những phương tiện thiết yếu, Tiên Tri Joseph Smith và Các Thánh Hữu bắt đầu những sự hy sinh cần thiết. John Tanner là một người mà Chúa đã chuẩn bị để giúp cung ứng những phương tiện nhằm xây cất ngôi đền thờ. John, một người mới cải đạo từ Bolton, New York, vào tháng Mười Hai năm 1834 “đã nhận được một ấn tượng

qua giấc mơ hay khái tượng trong đêm rằng ông đang được cần đến và phải lập tức đi đến với Giáo Hội ở miền Tây...

“Khi ông đến Kirtland, ông biết được rằng vào lúc ông nhận được ấn tượng là ông phải lên đường tức khắc đến với Giáo Hội, thì Tiên Tri Joseph và một số vị lãnh đạo đã nhóm lại trong một buổi họp cầu nguyện và cầu xin Chúa gửi đến cho họ một người anh em hay vài người anh em với những phương tiện để phụ giúp họ trả tiền thế chấp của nông trại mà ngôi đền thờ được xây cất trên đó.

“Vào ngày mà ông đến Kirtland,... [ông được] cho biết rằng nông trại nói trên sắp bị tịch thu trừ phi món nợ được trả. Và rồi thì, ông cho vị tiên tri mượn hai ngàn Mỹ kim và nhận giấy vay nợ có trả tiền lời, với số tiền đó món nợ nông trại được trả.”<sup>17</sup>

Nỗ lực đáng kể do Các Thánh Hữu ở Kirtland đưa ra là những tấm gương hy sinh và sự dâng hiến thời giờ, tài năng, và phương tiện. Trong ba năm, họ gắng công xây cất. Ngoài kỹ năng và nỗ lực xây cất do những người đàn ông cung ứng, các phụ nữ se chỉ và đan sợi để may quần áo cho những người đang làm việc. Về sau, họ làm màn để ngăn phòng. Việc xây cất gặp thêm khó khăn bởi những lời đe dọa của đám đông nhằm phá hủy đền thờ, và những người làm việc ban ngày thì canh gác đền thờ ban đêm. Nhưng sau những hy sinh bao la của Các Thánh Hữu về thời giờ và tài nguyên, cuối cùng ngôi đền thờ đã được hoàn tất vào mùa xuân năm 1836.

### *Lễ Cung Hiến Đền Thờ*

Với sự hoàn tất ngôi đền thờ, Chúa đã trút các phước lành thuộc linh mạnh mẽ xuống Các Thánh Hữu ở Kirtland, kể cả những khái tượng và sự phù trợ của các thiên sứ. Joseph Smith gọi giai đoạn này là “một năm hân hoan cho chúng ta, và một thời vui mừng.”<sup>18</sup> Daniel Tyler làm chứng: “Mọi người đều cảm thấy rằng họ có được một sự thụ hưởng trước một phần thiên thượng.... Chúng tôi tự hỏi thời kỳ ngàn năm đã bắt đầu chăng.”<sup>19</sup>

Cực điểm của sự trút xuống Thánh Linh này là lễ cung hiến đền thờ. Một con số ước lượng chừng 1.000 người quy tụ tại đền thờ vào

ngày 27 tháng Ba năm 1836 trong một tinh thần vui mừng. Các bài thánh ca của lễ cung hiến được hát lên, kể cả “Thần Linh Cha như Lửa Hồng,” do William W. Phelps viết cho dịp này. Tiệc Thánh được ban phước, và những bài giảng do Sidney Rigdon, Joseph Smith, và những người khác đưa ra.

Joseph Smith đọc lời cầu nguyện cung hiến, giờ đây được chép lại làm Giáo Lý và Giao Ước tiết 109, mà được ban cho ông qua mặc khải. Trong lời cầu nguyện này, ông khẩn cầu với Chúa xin Ngài ban phước cho các tín hữu như Ngài đã làm trong ngày lễ Ngũ Tuần: “Và cầu xin cho ngôi nhà của Ngài được tràn đầy vinh quang của Ngài, chẳng khác chi một ngọn gió thổi mạnh” (GLGU 109:37). Nhiều người ghi lại rằng lời cầu nguyện này được ứng nghiệm trong buổi tối đó khi Vị Tiên Tri họp trong đền thờ với các thành viên của các nhóm túc số chức tư tế.

Eliza R. Snow viết: “Những nghi thức của lễ cung hiến đó có thể được lặp lại, nhưng không có lời lẽ nào của người trần thế có thể mô tả những biểu hiện thiên thượng của ngày đáng ghi nhớ đó. Các thiên sứ hiện đến cùng một số người, trong khi mọi người có mặt có được cảm giác về sự hiện diện thiêng liêng, và mỗi tấm lòng chan hòa ‘niềm vui không sao tả xiết và đầy vinh quang.’”<sup>20</sup> Sau lời cầu nguyện cung hiến, toàn thể giáo đoàn đứng dậy và, với tay giơ cao, reo lên hô sa na.

Một tuần sau đó, vào ngày 3 tháng Tư năm 1836, một số sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử ngày sau đã xảy ra. Trong đền thờ, vào ngày đó, chính Đấng Cứu Rỗi đã hiện đến cùng Joseph Smith và Oliver Cowdery và phán: “Này, ta đã thu nhận ngôi nhà này, và danh ta sẽ ở nơi đây; và ta sẽ biểu hiện với lòng thương xót cho dân ta thấy trong ngôi nhà này” (GLGU 110:7). Những khải tượng lớn lao và vinh quang khác tiếp theo khi Môi Se, Ê Li A, và Ê Li hiện đến để phục hồi những chìa khóa bổ túc của chức tư tế. Môi Se ban cho các chìa khóa của sự quy tụ Y Sơ Ra Ên, Ê Li A trao cho Joseph và Oliver gian kỳ phúc âm của Áp Ra Ham, và Ê Li phục hồi các chìa khóa của sự gắn bó (xin xem GLGU 110:11–16). Tất cả những chìa khóa bổ túc này đều cần thiết cho sự tiến triển của vương quốc của Chúa trong gian kỳ cuối cùng.

Các phước lành trọn vẹn của chức tư tế được thực hiện trong đền thờ đã không được mặc khải hoặc thực hiện trong thời kỳ ở Kirtland. Các phước lành này vài năm sau đó được mặc khải cho Giáo Hội qua Tiên Tri Joseph trong khi Đền Thờ Nauvoo đang được xây cất.

### **Cuộc Di Cư khỏi Kirtland**

Việc xây cất đền thờ mang đến nhiều phước lành, nhưng vào năm 1837 và 1838, Các Thánh Hữu trung tín cũng gặp những vấn đề gây ra bởi sự bội giáo và sự ngược đãi, mà kết thúc nhanh chóng kỷ nguyên của Giáo Hội ở Kirtland.

Hoa Kỳ đang trong tình trạng suy thoái tài chính, và Giáo Hội cũng bị ảnh hưởng. Một số tín hữu bắt đầu tham gia vào các cuộc đầu cơ đang thịnh hành và sa vào nợ nần và phần thuộc linh không vượt qua được thời kỳ đen tối của sự sụp đổ kinh tế, kể cả sự sụp đổ Hội An Toàn Kirtland. Cơ sở ngân hàng này đã được các tín hữu của Giáo Hội ở Kirtland thành lập, và một số tín hữu đã đổ lỗi sai cho Joseph Smith về những vấn đề liên quan đến sự sụp đổ đó.

Sự ngược đãi có tổ chức và sự bạo động của nhóm người khủng bố đến từ những cư dân ở cộng đồng địa phương và từ các tín hữu đã trở nên cay đắng là những người bị khai trừ hoặc đã rời bỏ Giáo Hội.

Khi sự bạo động chống Các Thánh Hữu và các vị lãnh đạo của họ leo thang, thì nó trở nên không an toàn cho họ nếu vẫn ở lại Kirtland. Vị Tiên Tri, mà mạng sống đang gặp nguy cơ lớn, bỏ trốn khỏi Kirtland vào tháng Giêng năm 1838 để đi Far West, Missouri. Trong năm 1838, đa số Các Thánh Hữu trung tín cũng bị bắt buộc phải bỏ đi. Họ bỏ lại sau lưng một công trình của đức tin, sự dâng hiến, và hy sinh trong ngôi đền thờ xây cất cho Thượng Đế. Trong tám gương của cuộc sống của họ, họ cũng đã bỏ lại một di sản vĩnh cửu về sự vâng lời trung tín với các vị lãnh đạo đã được Chúa xúc dầu và sự hy sinh cá nhân trong công việc của Chúa.





# Thiết Lập Si Ôn ở Missouri

## Những Năm Đầu Tiên ở Missouri

Cùng lúc Các Thánh Hữu đang cố gắng xây đắp vương quốc của Thượng Đế ở Kirtland, Ohio, thì nhiều tín hữu của Giáo Hội đang trải qua những gian nan vất vả ở Hạt Jackson, Missouri.

Khi được kêu gọi để làm như vậy, Các Thánh Hữu sống ở Colesville, New York, đã sẵn lòng rời bỏ nhà cửa của mình để quy tụ ở Kirtland (xin xem trang 20). Khi đến Ohio vào giữa tháng Năm năm 1831, họ thấy rằng không có đất dành sẵn cho họ. Tiên Tri Joseph Smith đã cầu nguyện lên Chúa về tình trạng của Các Thánh Hữu này. Ông vừa nhận được điều mặc khải chỉ thị cho ông, Sidney Rigdon, và 28 anh cả khác đi truyền giáo ở Missouri, và Chúa đã chỉ thị rằng Các Thánh Hữu ở Colesville cũng phải đi đến “đất Missouri” (GLGU 54:8). Họ là nhóm Thánh Hữu đầu tiên định cư ở vùng đất mà sẽ được gọi là Si Ôn.

Newel Knight, chủ tịch Chi Nhánh Colesville, lập tức quy tụ các tín hữu của mình lại. Emily Coburn thuật lại: “Chúng tôi thật ra là một nhóm người du hành, bắt đầu tìm kiếm một vùng đất tốt lành hơn.”<sup>1</sup> Tại Wellsville, Ohio, họ đáp một chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước và đi trên các con sông Ohio, Mississippi, và Missouri, đến Hạt Jackson, Missouri. Vị thuyền trưởng của chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước nói rằng họ “là những người di cư hiền hòa và hòa nhã nhất mà ông đã chở đi về miền tây; ‘không hề có lời tục tĩu, lời lẽ xấu xa, không cờ bạc lẫn rượu chè.’”<sup>2</sup>

Sử dụng đường bộ, Vị Tiên Tri và các vị lãnh đạo khác của Giáo Hội gấp rút đi trước Các Thánh Hữu Colesville để sắp xếp trước địa điểm cho họ ở Hạt Jackson. Đoàn người của Vị Tiên Tri đến Independence, Missouri, vào ngày 14 tháng Bảy năm 1831.

Sau khi xem kỹ vùng đất và thành tâm tìm kiếm sự hướng dẫn thiêng liêng, Vị Tiên Tri nói: “[Chúa] biểu hiện cho tôi thấy, và chỉ định tôi và những người khác, chính nơi mà Ngài dự định bắt đầu công việc quy tụ, và xây dựng một thành phố thánh, sẽ phải được gọi là Si Ôn.”<sup>3</sup>

Điều mặc khải này chỉ rõ rằng Missouri là nơi đã được Chúa dự định cho sự quy tụ của Các Thánh Hữu, và là “nơi mà hiện gọi là Independence sẽ là vị trí trung tâm; và khoảnh đất dành cho đền thờ sẽ nằm về hướng tây, trên một miếng đất không xa tòa án” (GLGU 57:3). Các Thánh Hữu phải mua mọi dải đất nằm về phía tây của thành phố đó cho đến đường giáp ranh ngăn chia tiểu bang Missouri với lãnh thổ Người Da Đỏ (xin xem GLGU 57:1–5).

Joseph Smith và Giám TrỢ Partridge đã mua đất cho Chi Nhánh Colesville ở Kaw Township, khoảng 12 dặm về phía tây Independence. Vào ngày 2 tháng Tám năm 1831, sau khi các tín hữu chi nhánh đến, một nghi lễ đầy biểu tượng đã được thực hiện. Mười hai người, tượng trưng cho 12 chi tộc Y Sơ Ra Ên, khiêng một khúc gỗ sồi mới đốn và để nó nằm ngang một tảng đá đã được Oliver Cowdery đặt xuống, theo cách đó là đặt nền móng tượng trưng cho sự thiết lập Si Ôn. Từ sự khởi đầu khiêm tốn đó, Các Thánh Hữu xây dựng một tòa nhà mà được sử dụng làm nhà thờ lẫn trường học.<sup>4</sup>

Vào ngày hôm sau, một số các anh em tín hữu quy tụ tại một vị trí cao cách tòa án Independence nửa dặm về phía tây. Tiên Tri Joseph Smith đặt một viên đá góc cho ngôi đền thờ đã được dự tính và làm lễ cung hiến nó trong danh của Chúa. Trung tâm điểm của khu đất Si Ôn sẽ là nhà của Chúa.<sup>5</sup>

Vị Tiên Tri trở về Kirtland, và Các Thánh Hữu ở Hạt Jackson bắt đầu nhận được những lô đất từ Giám TrỢ Edward Partridge. Họ rất nghèo và ngay cả không có lều để bảo vệ họ khỏi những ảnh hưởng của thời tiết trong khi xây cất những căn nhà gỗ nhỏ. Họ cũng hầu như hoàn toàn không có những nông cụ cho đến khi các nhóm người với những cỗ xe ngựa được gửi đi hơn 200 dặm về phía đông St. Louis để có được chúng. Một khi Các Thánh Hữu đã được trang bị đầy đủ, họ bắt đầu cày xới đất để trồng trọt. Cảm

kích vô ngần về những gì bà đã chứng kiến, Emily Coburn thuật lại: “Quả thật là một cảnh tượng lạ lùng, khi thấy bốn hoặc năm cặp bò đang cày xới đất màu mỡ. Rào giậu và những sửa sang khác tiếp theo nhanh chóng. Những nhà gỗ nhỏ được xây lên và sẵn sàng cho các gia đình trú ngụ nhanh chóng theo tốc độ mà thời gian, tiền bạc và sự lao nhọc có thể hoàn tất công việc.”<sup>6</sup>

Mặc dù có những bất tiện của ranh giới, Các Thánh Hữu Colesville vẫn luôn hân hoan và vui vẻ. Parley P. Pratt, là người đã định cư với họ, nói: “Chúng tôi vui hưởng nhiều thời gian vui vẻ trong lời cầu nguyện của chúng tôi và trong những buổi họp khác, và Thánh Linh của Chúa trú xuống chúng tôi, và ngay cả trú xuống những trẻ nhỏ, đến mức độ mà nhiều đứa trẻ tám, mười hoặc mười hai tuổi nói, và cầu nguyện, và nói tiên tri trong các buổi họp của chúng tôi và trong những buổi thờ phượng trong gia đình chúng tôi. Có một tinh thần bình an và đoàn kết, và yêu thương và thiện ý được biểu lộ trong Giáo Hội nhỏ bé này nơi vùng hoang dã, ký ức về điều này sẽ mãi mãi là yêu dấu đối với lòng tôi.”<sup>7</sup>

Các Thánh Hữu được ban phước với cuộc viếng thăm lần thứ nhì của Vị Tiên Tri và Sidney Rigdon vào tháng Tư năm 1832. Hai vị lãnh đạo này mới vừa có được một kinh nghiệm rất đau đớn tại nông trại của John Johnson ở Hiram, Ohio, nơi mà họ đang làm công việc phiên dịch Kinh Thánh. Một đám người thù nghịch với Giáo Hội đã lôi Joseph Smith ra khỏi nhà ông trong đêm. Họ bóp cổ ông, lật trần ông ra, và trét lên người ông nhựa đường và lông gia cầm. Sidney Rigdon đã bị nắm cổ chân lôi đi trên mặt đất đông lạnh, gồ ghề khiến đầu bị nhiều vết cắt sâu.

Giờ đây, ngược lại với sự đánh đập đó, họ được an toàn giữa nhóm bạn bè, Joseph quả quyết rằng ông “đã nhận được một sự chào đón mà chỉ có được từ các anh chị em đoàn kết trong cùng một đức tin, và cùng một phép báp têm, và được hỗ trợ bởi cùng một Chúa. Chi nhánh Colesville, nói riêng, đã hân hoan giống như Các Thánh Hữu thời xưa đã hân hoan với Phao Lô. Thật là tốt lành để vui mừng với dân của Thượng Đế.”<sup>8</sup>

## Ngược Đãi ở Hạt Jackson

Tuân theo lệnh truyền của Chúa, Giám Trợ Partridge mua một trăm mẫu đất ở Hạt Jackson cho nhiều Thánh Hữu đang di cư đến từ Ohio và những nơi khác. Thoạt đầu, các vị lãnh đạo thiết lập Các Chi Nhánh Independence, Colesville, Whitmer, Big Blue, và Prairie cho các tín hữu này. Tổng số mười chi nhánh được thiết lập vào cuối năm 1833.<sup>9</sup> Có lẽ có hơn 1.000 Thánh Hữu hiện diện khi các chi nhánh kết hợp lại họp ở Sông Big Blue vào tháng Tư năm 1833 để kỷ niệm năm thứ ba thành lập Giáo Hội. Newel Knight nói rằng cuộc quy tụ này là lễ kỷ niệm lần thứ nhất như vậy ở Si Ôn và Các Thánh Hữu đã có chung một tinh thần hân hoan. Tuy nhiên, Newel cũng nhận xét: “Khi Các Thánh Hữu hân hoan, thì quý dữ nổi giận, và con cái và các tội tớ của nó cũng bị nó xúi giục cho nổi giận.”<sup>10</sup>

Trước khi hết tháng Tư, đã có thấy thái độ ngược đãi. Vào giai đoạn đầu, những người dân địa phương cảnh cáo các tín hữu Giáo Hội rằng họ bất mãn trước việc có quá nhiều Thánh Hữu đến, là những người, mà họ sợ rằng, sẽ sớm lấn át họ tại nơi bầu cử. Các Thánh Hữu chủ yếu đến từ các tiểu bang miền bắc và thường thường chống lại sự nô lệ người da đen, là điều hợp pháp lúc bấy giờ ở tiểu bang Missouri. Việc Các Thánh Hữu tin Sách Mặc Môn là thánh thư, việc họ cho rằng Hạt Jackson cuối cùng là Si Ôn của họ, và sự quả quyết của họ rằng họ được một vị tiên tri hướng dẫn thì rất đáng ngại. Ngoài ra, lời buộc tội họ đã tiếp xúc với những người Dân Da Đỏ khơi dậy những sự ngờ vực của những người dân địa phương.

Một thông tri, đôi khi được nói đến như là bản hiến pháp bí mật, được chuyển đi bởi những người chống đối để xin chữ ký của những người sẵn lòng loại bỏ “tai họa Mặc Môn.” Những cảm nghĩ đầy hận thù này lên đến cực điểm vào ngày 20 tháng Bảy năm 1833 khi một đám đông, có khoảng 400 người, họp mặt tại tòa án ở Independence để phối hợp những nỗ lực của họ. Những tờ giấy yêu sách viết tay được đặt trước mặt các vị lãnh đạo của Giáo Hội yêu cầu Các Thánh Hữu phải rời bỏ Hạt Jackson; ngừng in tờ nhật báo của họ, *The Evening and the Morning Star*; và không

cho phép bất cứ tín hữu Giáo Hội nào nữa được đến Hạt Jackson. Khi đám đông thấy rằng các vị lãnh đạo của Giáo Hội không đồng ý với những điều đòi hỏi bất hợp pháp này, họ tấn công tòa báo, mà cũng là nhà của vị chủ nhiệm, William W. Phelps. Những kẻ tấn công đánh cắp máy in và phá hủy tòa nhà.

### *Hủy Hoại Sách Giáo Lệnh*

Dự án quan trọng nhất đang được in tại tòa báo là Sách Giáo Lệnh, tài liệu sưu tập đầu tiên những điều mặc khải do Tiên Tri Joseph Smith nhận được. Khi đám đông tấn công tòa nhà, họ ném tung ra đường các trang rời chưa đóng vào sách. Khi thấy vậy, hai người trẻ tuổi Thánh Hữu Ngày Sau, Mary Elizabeth Rollins và người em gái của mình, Caroline, liều mạng mình, cố gắng cứu được những gì mà cả hai có thể cứu được. Mary Elizabeth nhớ lại:

“[Đám đông] mang ra một số tờ giấy lớn, và nói: ‘Đây là Các Giáo Lệnh Mặc Môn.’ Em gái Caroline của tôi và tôi đang ở nơi một góc hàng rào theo dõi họ; khi họ nói về các giáo lệnh, tôi đã nhất quyết phải có một số tờ giấy đó. Em của tôi nói nếu tôi đi lấy bất cứ tờ giấy nào thì nó cũng đi nữa, nhưng nói: ‘họ sẽ giết chúng ta.’” Trong khi đám đông đang bận rộn ở đầu nhà bên kia, hai cô gái chạy đến và ôm đầy trong tay những tờ giấy quý báu. Đám đông thấy hai cô và ra lệnh cho hai cô phải ngừng lại. Mary Elizabeth thuật lại: “Chúng tôi chạy nhanh hết sức mình. Hai người trong số họ bắt đầu rượt theo chúng tôi. Thấy được lỗ hổng trong một cái hàng rào, chúng tôi chạy vào một đồng bắp lớn, và nằm phủ người lên những tờ giấy để giấu. Các cây bắp cao từ 2 đến 3 thước, và rất dày; họ lùng kiếm chung quanh rất nhiều, và đến rất gần chúng tôi nhưng không tìm ra chúng tôi.”

Khi lũ côn đồ đi rồi, hai cô gái tìm đường đến một cái chuồng ngựa cũ bằng gỗ. Nơi đây, theo như lời thuật lại của Mary Elizabeth, hai cô thấy “Chị Phelps và con cái đang mang vào bó cây và chất nó vào một bên của chuồng ngựa để làm giường bên trên. Chị ấy hỏi tôi đang cầm gì đó—Tôi kê cho chị ấy nghe. Rồi chị ấy lấy những tờ giấy đó từ tay chúng tôi.... Họ đóng những tờ

giấy đó lại thành những quyển sách nhỏ và gửi cho tôi một quyển, mà tôi quý trọng vô cùng.”<sup>11</sup>

*Trét Nhựa Đường và Lòng Gia Cầm lên Người Giám Trợ Partridge*

Kể đến đám đông túm bắt Giám Trợ Edward Partridge và Charles Allen. Họ bị giải đến quảng trường công cộng ở Independence và bị ra lệnh phải từ bỏ Sách Mặc Môn và rời khỏi hạt. Giám Trợ Partridge nói: “Tôi bảo họ rằng Các Thánh Hữu đã chịu sự ngược đãi trong mọi thời kỳ trên thế gian; rằng tôi đã không làm điều gì mà phải xúc phạm đến bất cứ ai; rằng nếu họ hành hạ tôi, thì họ đang hành hạ một người vô tội; rằng tôi sẵn lòng chịu đau khổ vì Đấng Ky Tô; nhưng, rời bỏ vùng đất, thì tôi không sẵn lòng để ủng thuận làm điều đó.”

Trước lời từ chối này, những người đó đã lột trần quần áo ngoài của hai vị này ra và trét lên thân thể của hai vị này nhựa đường và lòng gia cầm. Giám Trợ Partridge nhận xét: “Tôi cam chịu sự hành hạ với rất nhiều nhẫn nhục và hiền lành, điều đó dường như làm đám đông kinh ngạc, là những người đã để tôi ra về trong im lặng, nhiều người trông rất trang trọng, lòng họ đã cảm động như tôi nghĩ; và đối với bản thân tôi, tôi cảm thấy chan hòa Thánh Linh và tình yêu thương của Thượng Đế, đến nỗi tôi không có lòng căm thù đối với những người ngược đãi tôi hoặc bất cứ người nào khác.”<sup>12</sup>

*Trận Chiến ở Big Blue*

Đám đông khủng bố trở lại lần nữa vào ngày 23 tháng Bảy, và các vị lãnh đạo Giáo Hội tự nộp mình để đánh đổi lại họ không làm hại các tín hữu. Nhưng đám đông đe dọa gây tổn hại cho toàn thể Giáo Hội và bắt buộc các vị lãnh đạo phải đồng ý rằng tất cả Các Thánh Hữu Ngày Sau sẽ rời hạt. Vì hành động của đám đông khủng bố là bất hợp pháp, ngược lại với hiến pháp Hoa Kỳ và tiêu bang Missouri, các vị lãnh đạo Giáo Hội đi tìm sự giúp đỡ nơi vị thống đốc tiểu bang, Daniel Dunklin. Vị này khuyến cáo cho họ biết về quyền công dân của họ và chỉ dẫn họ đi xin sự cố vấn pháp lý. Alexander W. Doniphan và những người khác được mướn để đại diện cho các tín hữu Giáo Hội, một hành động càng làm cho đám đông khủng bố tức điên lên.

Thoạt đầu Các Thánh Hữu Ngày Sau định tránh sự xung đột trực tiếp; tuy nhiên, những sự đánh đập các tín hữu và sự hủy hoại tài sản cuối cùng đã đưa đến một trận chiến gần Sông Big Blue. Hai người trong đám đông khủng bố bị giết, và Các Thánh Hữu mất Andrew Barber. Philo Dibble bị bắn ba lần vào bụng. Newel Knight được gọi đến để ban phước cho ông, với những kết quả kỳ diệu. Anh Dibble thuật lại:

“Anh Newel Knight đến thăm tôi, và ngồi bên giường của tôi.... Tôi cảm thấy Thánh Linh ngự trên tôi tại đỉnh đầu của mình trước khi bàn tay của ông chạm đến tôi, và tôi biết ngay lập tức rằng tôi sẽ được chữa lành.... Tôi lập tức đứng dậy và máu chảy ra nhiều hơn ba lít, với một số mảnh quần áo bám vào người tôi bởi những viên đạn bắn vào. Rồi tôi tự mặc quần áo và đi ra cửa.... Kể từ lúc đó tôi không hề chảy một giọt máu nào và sau đó tôi không hề cảm thấy đau đớn hay khó chịu một chút nào từ các vết thương của mình, ngoại trừ tôi có phần yếu bởi vì mất máu.”<sup>13</sup>

Thống Đốc Dunklin đứng ra hòa giải và chỉ thị cho Đại Tá Thomas Pitcher tước vũ khí cả hai bên. Tuy nhiên, Đại Tá Pitcher vì có cảm tình với đám đông khủng bố, đã lấy vũ khí của Các Thánh Hữu và mang giao những vũ khí đó cho đám đông khủng bố. Các Thánh Hữu không có khả năng bảo vệ nên bị tấn công và nhà của họ bị phá hủy. Những người đàn ông phải ẩn trốn trong rừng hoặc chịu đánh đập nặng nề. Cuối cùng các vị lãnh đạo Giáo Hội kêu gọi các tín hữu mang đồ đạc của họ chạy trốn khỏi Hạt Jackson.

### *Trú Ẩn nơi Hạt Clay*

Vào cuối năm 1833, đa số Các Thánh Hữu vượt qua phía bắc Sông Missouri, vào Hạt Clay và tìm được chỗ trú ẩn tạm thời nơi đó, như Parley P. Pratt mô tả:

“Đàn ông, đàn bà và trẻ con bắt đầu sắp hàng ra cả hai bên chiếc phà trên bờ sông; tài sản, xe bò, thùng, lương thực, v.v..., trong khi chiếc phà được dùng liên tục; và khi màn đêm buông xuống lần nữa trên chúng tôi, nơi bãi cây dương giống như một buổi họp trại. Hàng trăm người được trông thấy ở khắp nơi, một số ở trong lều và một số ở giữa trời chung quanh đồng lửa trại



của họ, trong khi mưa như trút. Những người chồng đi tìm vợ, những người vợ đi tìm chồng; cha mẹ đi tìm con cái, và con cái đi tìm cha mẹ. Một số may mắn thoát được với gia đình mình, đồ đạc trong nhà, và một số lương thực; trong khi những người khác không biết được số phận của bạn bè họ, và mất hết tất cả tài sản của họ. Quang cảnh...có lẽ làm mù lòng bất cứ người nào trên thế gian, ngoại trừ những kẻ mù quáng đàn áp chúng tôi, và một cộng đồng mù quáng và dốt nát.”<sup>14</sup>

Cơ hội để xây dựng Si Ôn và một đền thờ cho Thượng Đế của họ ở Hạt Jackson như vậy đã bị tạm thời vượt khỏi tầm tay của Các Thánh Hữu. Khoảng 1.200 tín hữu Giáo Hội giờ đây đã làm điều cần thiết để sống qua khỏi một mùa đông khắc nghiệt cạnh bên dòng sông ở Hạt Clay. Một số người trú ngụ trong những toa xe bò, lều, hoặc hầm đào trên sườn đồi, trong khi những người khác chiếm cứ những nhà gỗ nhỏ bị bỏ hoang. Newel Knight trải qua mùa đông trong một cái lều của Dân Da Đỏ.

Một trong những tòa nhà đầu tiên được Các Thánh Hữu xây cất ở Hạt Clay là một nhà thờ nhỏ bằng gỗ để thờ phượng. Nơi đây họ “đã không quên dâng lời tạ ơn lên Thượng Đế Toàn Năng về sự giải thoát khỏi bàn tay của những kẻ thù nguy hiểm của họ và tìm kiếm sự che chở bảo vệ của Ngài cho tương lai—cầu xin Ngài xoa dịu tâm lòng của những người mà họ đã chạy trốn khỏi, để họ có thể tìm thấy giữa họ một thứ gì đó để nuôi sống họ.”<sup>15</sup>

### **Ngược Đãi Trại Si Ôn**

Như đã được mô tả trong chương 3, Chúa đã truyền lệnh cho Joseph Smith quy tụ một nhóm người đi từ Kirtland đến Missouri để giúp Các Thánh Hữu đã bị đuổi ra khỏi đất đai của họ ở Hạt Jackson. Khi Trại Si Ôn tới miền đông Hạt Clay, Missouri, vào cuối tháng Sáu năm 1834, một đám đông hơn 300 người dân ở Missouri ra gặp họ—với mục đích tiêu diệt họ. Dưới sự hướng dẫn của Tiên Tri Joseph, các vị lãnh đạo lập trại tại chỗ tiếp giáp của các Con Sông Little và Big Fishing.

Đám đông khủng bố bắt đầu tấn công bằng súng đại bác, nhưng Chúa đánh trận cho Các Thánh Hữu. Đám mây nhanh

chóng kéo đến trên đầu. Vị Tiên Tri mô tả những hoàn cảnh đó: “Trời bắt đầu mưa và mưa đá.... Cơn bão dữ dội; mưa gió, mưa đá và sấm sét trút cơn thịnh nộ lên họ, và chẳng bao lâu đập tan lòng can đảm của họ và làm vô hiệu quả mưu đồ ‘giết Joe Smith và đạo quân của hắn.’ ... Họ bò dưới gầm xe bò, vào những hốc cây sâu, chen chúc trong một cái chòi cũ, v.v., cho đến khi cơn giông qua đi, khi mà đạn dược của họ đã bị sũng nước.” Sau khi trải qua cơn mưa như trút cả đêm, “nhóm người khủng bố này mà đã thề giết chết vị tiên tri và các thánh hữu rút lui trong thảm bại về Independence, để nhập bọn với nhóm chính, tin chắc ... rằng khi Đức Giê Hô Va ra trận thì họ nên vắng mặt.... Đường như lệnh trả thù đã được đưa ra từ Thượng Đế của chiến trận, để bảo vệ các tôi tớ của Ngài khỏi sự tiêu diệt của kẻ thù của họ.”<sup>16</sup>

Khi đã rõ ràng rằng đạo quân của đám đông đe dọa Các Thánh Hữu và Vị Thống Đốc Dunklin đó không giữ lời hứa của mình để giúp họ, Vị Tiên Tri đã cầu nguyện để có được chỉ dẫn từ Chúa. Chúa phán bảo ông rằng những tình trạng lúc bấy giờ chưa đúng lúc để cứu chuộc Si Ôn. Các Thánh Hữu phải làm nhiều để chuẩn bị cuộc sống cá nhân của họ để xây dựng Si Ôn. Nhiều người trong số họ đã chưa chịu học tuân theo những điều mà Chúa đòi hỏi: “Si Ôn không thể được xây dựng trừ phi theo những nguyên tắc của luật pháp vương quốc thượng thiên; bằng không thì ta không thể nhận nó thuộc về ta được. Và dân của ta cần phải được sửa phạt cho đến ngày nào họ biết tuân lời, nếu việc ấy cần phải xảy ra, qua những thống khổ mà họ phải gánh chịu” (GLGƯ 105:5-6).

Chúa dạy rằng Trại Si Ôn không được theo đuổi mục tiêu quân sự: “Vậy nên, vì sự phạm tội của dân ta, nên ta thấy cần thiết là các anh cả của ta phải đợi chờ ngày cứu chuộc Si Ôn trong một thời gian ngắn nữa—Để họ được chuẩn bị, và để cho dân của ta có thể được dạy dỗ hoàn toàn hơn, và có kinh nghiệm cùng hiểu được một cách hoàn hảo hơn về bản phận của mình” (GLGƯ 105:9-10). Các vị lãnh đạo nơi Trại Si Ôn được giải nhiệm trong danh dự, và Vị Tiên Tri trở về Kirtland.

## **Trụ Sở Chính của Giáo Hội ở Far West**

Phần đông Các Thánh Hữu Missouri tiếp tục ở tại Hạt Clay cho đến năm 1836, khi họ được những người dân ở hạt đó nhắc nhở rằng họ đã hứa chỉ ở lại cho đến khi họ có thể trở về Hạt Jackson. Vì bấy giờ điều đó dường như không thể thực hiện được, họ được yêu cầu phải ra đi như đã hứa. Về phương diện pháp lý thì Các Thánh Hữu không phải tuân theo, nhưng thay vì tạo ra sự xung đột, họ đã di chuyển một lần nữa. Qua các nỗ lực của người bạn của họ trong cơ quan lập pháp, Alexander W. Doniphan, hai hạt mới, tên Caldwell and Daviess, được lập ra từ Hạt Ray vào tháng Mười Hai năm 1836. Các Thánh Hữu được phép thiết lập cộng đồng của họ tại Far West, khoảng 60 dặm về phía bắc của Hạt Clay, là trung tâm của hạt Caldwell. Các viên chức đầu tiên của hạt này là Các Thánh Hữu Ngày Sau, và nhiều người hy vọng điều này sẽ chấm dứt những sự ngược đãi Các Thánh Hữu.

Sau một cuộc hành trình đầy khó khăn từ Kirtland, Ohio, Tiên Tri Joseph Smith đến Far West, Missouri, vào tháng Ba năm 1838 và thiết lập trụ sở chính của Giáo Hội nơi đây. Vào tháng Năm, ông đi lên miền bắc Hạt Daviess và, trong khi đi viếng Grand River, đã nhận ra qua sự tiên tri khu vực đó là Thung Lũng A Đam Ôn Đi A Man, “nơi A Đam sẽ đến viếng dân của ông” (GLGƯ 116:1).<sup>17</sup> A Đam Ôn Đi A Man trở thành cộng đồng đầu tiên của Các Thánh Hữu ở Hạt Daviess. Các viên đá đặt nền cho một ngôi đền thờ được làm lễ cung hiến tại Far West vào ngày 4 tháng Bảy năm 1838, và Các Thánh Hữu bắt đầu cảm thấy rằng cuối cùng họ đã tìm ra được một nơi nghỉ ngơi khỏi kẻ thù của mình.

## **Trận Chiến ở Crooked River**

Tuy nhiên, sự ngược đãi chẳng bao lâu lại bắt đầu. Vào ngày 6 tháng Tám năm 1838, một đám đông 100 người tại nơi bầu cử ở Gallatin, Hạt Daviess, không chịu để cho Các Thánh Hữu bỏ phiếu. Điều này đưa đến cuộc xô xát mà trong đó có vài người bị thương. Cảnh hỗn loạn tăng dần bởi đám đông cổ vũ ở các Hạt Caldwell và Daviess khiến cho Thống Đốc Lilburn W. Boggs phải

mang lực lượng dân quân của tiểu bang đến để giữ trật tự an ninh.

Đại Úy Samuel W. Bogart, một trong các sĩ quan lực lượng dân quân, thật ra liên kết chặt chẽ với đám đông khủng bố. Ông quyết định bắt đầu cuộc xung đột bằng cách bắt cóc ba Thánh Hữu Ngày Sau và cầm giữ họ trong trại của ông tại Crooked River ở phía đông bắc Hạt Ray. Một đại đội dân quân Thánh Hữu Ngày Sau được gửi đi để cứu những người này, và một trận chiến dữ dội xảy ra vào ngày 25 tháng Mười năm 1838. Đại Úy David W. Patten, một trong Mười Hai Vị Sứ Đồ, chỉ huy đại đội này và là một trong những người bị tử thương trong trận kịch chiến. Vợ của David, Phoebe Ann Patten; Joseph và Hyrum Smith; và Heber C. Kimball đến với ông từ Far West trước khi ông chết.

Heber nói về David Patten: “Các nguyên tắc của Phúc Âm mà rất quý báu đối với anh ấy trước đây, cho anh ấy sự hỗ trợ và an ủi vào lúc anh ấy ra đi, mà lấy đi nọc độc và sự khiếp sợ cái chết.” Người sắp chết than với những người ở bên giường bệnh của mình về một số Thánh Hữu đã từ bỏ lòng kiên quyết của mình để sa vào sự bội giáo, rằng: “Ồi cầu xin cho họ đang ở trong tình trạng như tôi! Vì tôi cảm thấy rằng tôi đã giữ đức tin.” Kế đó, ông ngỏ lời cùng Phoebe Ann: “Bất cứ điều gì em làm, xin em chớ chối bỏ đức tin.” Ngay trước khi chết, ông đã cầu nguyện: “Thưa Cha, con cầu xin Cha trong danh của Chúa Giê Su Ky Tô, xin giải thoát linh hồn con, và nhận linh hồn con vào với Cha.” Và rồi ông khấn nài những người ở chung quanh ông: “Thưa các anh em, các anh em đã giữ tôi lại bằng đức tin của các anh em, nhưng xin hãy bỏ tôi ra, và để tôi đi, tôi van xin các anh em.” Anh Kimball nói: “Vì vậy, chúng tôi dâng anh ấy lên cho Thượng Đế, và chẳng bao lâu anh ấy trút hơi thở cuối cùng, và nhắm mắt trong sự thanh thản với hy vọng nơi Chúa Giê Su mà không một lời rên rĩ.”<sup>18</sup>

Đại đội của Đại Úy Samuel Bogart đã hành động giống như một đám đông khủng bố hơn là lực lượng dân quân của tiểu bang. Tuy nhiên, cái chết của một đội viên dân quân trong Trận Chiến ở Crooked River, cùng với những báo cáo khác, đã được

Thống Đốc Lilburn W. Boggs sử dụng trong việc lập ra “lệnh tiêu diệt.” độc ác của ông. Sắc lệnh đó, đề ngày 27 tháng Mười năm 1838, nói rõ phần “Những người Mặc Môn phải bị đối xử như kẻ thù, và phải bị tiêu diệt hoặc đuổi ra khỏi Tiểu Bang nếu cần, vì trật tự an ninh công cộng—những hành động tàn bạo của bọn họ thì không thể tả được.”<sup>19</sup> Một sĩ quan lực lượng dân quân được bổ nhiệm để thi hành lệnh của thống đốc.

### **Cuộc Thảm Sát ở Haun’s Mill**

Vào ngày 30 tháng Mười năm 1838, ba ngày sau khi lệnh tiêu diệt được ban hành, khoảng 200 người mở một cuộc tấn công bất ngờ vào cộng đồng nhỏ bé của Các Thánh Hữu tại Haun’s Mill ở Shoal Creek, Hạt Caldwell. Những kẻ tấn công, trong một hành động lừa lọc, kêu gọi những người nào muốn thoát thân phải chạy vào một lò rèn. Rồi họ bao vây tòa nhà và nổ súng vào nơi đó cho đến khi họ nghĩ rằng tất cả mọi người bên trong đã chết hết. Những người khác bị bắn khi họ cố gắng chạy trốn. Tổng cộng, 17 người đàn ông và thiếu niên bị giết chết và 15 người bị thương.

Sau cuộc thảm sát, Amanda Smith đi đến lò rèn, nơi mà bà tìm thấy chồng bà, Warren, và một đứa con trai, Sardius, nằm chết. Giữa cảnh tàn sát, bà vui mừng khôn xiết khi thấy một đứa con trai khác, bé Alma, vẫn còn sống mặc dù bị thương nặng. Hông của nó bị bắn nát bởi một phát súng nòng dài. Với đa số người chết hoặc bị thương, Amanda quỳ xuống và khẩn nài Chúa xin giúp đỡ:

“Hỡi Cha Thiên Thượng, con kêu khóc, con sẽ phải làm gì? Ngài thấy được đứa con trai tội nghiệp của con đã bị thương và biết sự thiếu kinh nghiệm của con. Hỡi Cha Thiên Thượng, xin Ngài chỉ dẫn cho con phải làm gì!” Bà nói rằng bà “được một tiếng nói hướng dẫn,” chỉ dẫn cho bà làm một dung dịch kiềm bằng tro và rửa vết thương. Rồi bà làm một thứ thuốc cao bằng vỏ cây đu trơn nhớt và đắp lên vết thương. Ngày hôm sau, bà đổ cả chai nhựa thơm vào vết thương.

Amanda nói cùng con trai của mình: “Alma, con của mẹ,... con có tin rằng Chúa làm ra cái hông của con không?”

“Thưa mẹ có.”

“Vậy thì, Chúa có thể làm một thứ gì đó thay cho cái hông của con, con có tin là Ngài có thể làm như vậy không Alma?”

“Mẹ có nghĩ rằng Chúa có thể làm được không?” đứa con hỏi, trong sự hồn nhiên của nó.

“Tôi trả lời: ‘Đúng thế, con trai của mẹ. Ngài đã cho mẹ thấy tất cả trong một khái tượng.’”

“Rồi tôi đặt nó nằm sấp xuống một cách thoải mái, và nói: ‘Bây giờ con nằm như thế, và đừng động đậy, và Chúa sẽ làm cho con một cái hông khác.’”

“Vậy nên Alma nằm sấp trong năm tuần, cho đến khi nó được hoàn toàn bình phục—một cái xương sụn mềm đã mọc lên thay cho khớp xương và hốc xương bị thiếu.”<sup>20</sup>

Amanda và những người khác có nhiệm vụ khủng khiếp là chứng kiến sự chôn cất những người thân yêu của mình. Chỉ còn một vài người đàn ông khỏe mạnh, kể cả Joseph Young, em trai của Brigham Young. Bởi vì họ sợ đám khủng bố quay trở lại, nên không có thì giờ để đào huyệt theo thói thường. Các thi hài được ném vào một cái giếng cạn, làm thành một nắm mỏ vĩ đại. Joseph Young giúp khiêng thi hài của bé Sardius nhưng nói “ông không thể ném đứa bé trai đó vào trong huyệt mộ khủng khiếp này.” Ông đã nô đùa với “đứa bé dễ thương” này trong cuộc hành trình của họ đến Missouri, và “bản tính của Joseph rất nhạy cảm” đến nỗi ông không thể làm điều đó được. Amanda cuộn xác Sardius vào trong một tấm chăn, và ngày hôm sau bà và một đứa con trai khác, Willard, đặt thi hài đó vào trong giếng. Rồi, đất và rơm được thả xuống để phủ lên quang cảnh kinh khiếp đó.<sup>21</sup>

Tại A Đam Ôn Đi A Man, Benjamin F. Johnson, 20 tuổi, được cứu mạng trong một cách thức tương tự từ đôi tay của một người ở Missouri là người đã quyết tâm bắn ông. Benjamin bị bắt và canh giữ tám ngày trong thời tiết lạnh lẽo dữ dội trước một lửa trại ngoài trời. Trong khi ông đang ngồi trên một khúc gỗ, một “kẻ cục súc” đến gần ông với một khẩu súng trường trong tay và

nói: “Mày từ bỏ đạo Mặc Môn ngay bây giờ, nếu không tao sẽ bắn mày.” Benjamin dứt khoát từ chối, và tên vô lại nhắm kỹ vào ông và bóp cò. Súng không nổ. Người đàn ông chửi thề ồm tỏi và nói rằng hắn “đã sử dụng súng 20 năm và chưa bao giờ bắn trật đích.” Xem xét lại khóa an toàn của súng, hắn nạp đạn lại khẩu súng và lần nữa nhắm và bóp cò—nhưng một lần nữa súng đã không nổ.

Tiếp theo cùng cách thức đó hắn thử lần thứ ba, nhưng kết quả vẫn như thế. Một người đứng gần đó bảo hắn “sửa cây súng của ông lại một chút” và rồi “ông có thể giết thằng đó được.” Vậy nên trong lần thứ tư và cuối cùng kẻ sắp giết người chuẩn bị, ngay cả nạp đạn mới vào. Tuy nhiên, Benjamin nói: “Lần này, súng nổ và giết ngay tên độc ác đó.” Người ta nghe một trong những người Missouri nói rằng: “Tốt hơn, ông chớ cố gắng giết người đó.”<sup>22</sup>

### **Vị Tiên Tri Bị Giam Giữ trong Tù**

Không bao lâu sau cuộc thăm sát ở Haun’s Mill, Tiên Tri Joseph Smith và những vị lãnh đạo khác bị lực lượng dân quân tiểu bang bắt giam. Một phiên tòa quân sự được tổ chức và Vị Tiên Tri và các bạn của ông bị ra lệnh xử bắn sáng hôm sau bởi một đội hành quyết tại khu thương mại phố Far West. Tuy nhiên, Tướng Alexander W. Doniphan của lực lượng dân quân từ chối thực hiện cuộc xử bắn, gọi quyết định đó là “vụ giết người nhân tâm.” Ông cảnh cáo vị tướng chỉ huy lực lượng dân quân rằng nếu vị này tiếp tục nỗ lực để giết những người này, thì “tôi sẽ bắt anh chịu trách nhiệm trước một tòa án trần thế, xin Thượng Đế phù hộ cho tôi.”<sup>23</sup>

Vị tiên tri và những người khác thoát tiên bị giải đến Independence, và rồi gửi đi Richmond, Hạt Ray, nơi mà họ bị tổng giam chờ ngày xử án. Parley P. Pratt là một trong những người ở với Vị Tiên Tri. Ông nói rằng một buổi tối nọ những người lính gác chế nhạo các tù nhân bằng cách kể về những hành vi hãm hiếp, giết người, và trộm cướp giữa Các Thánh Hữu Ngày Sau. Ông biết rằng Vị Tiên Tri còn thức bên cạnh ông và ghi lại rằng Joseph thỉnh linh đứng lên và với quyền năng mạnh mẽ quở trách những người lính canh:



*Trong khi bị giam giữ trong Ngục Thất Liberty, Tiên Tri Joseph Smith cầu nguyện Chúa về Các Thánh Hữu đang đau khổ và nhận được sự hướng dẫn và an ủi thiêng liêng giờ đây được ghi lại trong các tiết 121, 122, và 123 của Giáo Lý và Giao Ước.*

“IM ĐI, các người tàn ác của hố sâu địa ngục. Trong danh của Chúa Giê Su Ky Tô, tôi quở trách các người, và ra lệnh cho các người phải im đi; tôi sẽ không sống thêm một giây phút nào nữa và nghe lời lẽ như vậy nữa. Hãy ngừng thốt lên lời lẽ như vậy, hoặc các người hoặc tôi chết **NGAY TỨC KHẮC!**”

“Ông ngừng nói. Ông đứng thẳng trong vẻ oai nghi lẫm liệt. Bị xiềng, và không có vũ khí; điềm tĩnh, thanh thản và trang nghiêm như một thiên sứ, ông nhìn những người lính canh run sợ, mà vũ khí của họ đã được hạ thấp hoặc bỏ xuống đất; đầu gối họ run lập cập, và họ co người lại trong một góc phòng, hoặc cúi mình dưới chân ông, xin lỗi, và giữ yên lặng cho đến lúc đổi gác.”



Rồi Parley nhận xét: “Tôi đã cố gắng tưởng tượng ra các vua chúa, các triều đình, các ngai vàng và vương miện; và các hoàng đế nhóm họp lại để quyết định vận mệnh của các vương quốc; nhưng về nghiêm trang và oai nghiêm mà tôi chỉ thấy *một lần*, là giữa cảnh xiềng xích, vào lúc nửa đêm, trong ngục tối nơi một ngôi làng hẻo lánh ở Missouri.”<sup>24</sup>

Khi tòa án tra cứu kết thúc, Joseph và Hyrum Smith, Sidney Rigdon, Lyman Wight, Caleb Baldwin, và Alexander McRae được gửi đến Ngục Thất Liberty ở Hạt Clay, vào ngày 1 tháng Mười Hai năm 1838. Vị Tiên Tri mô tả hoàn cảnh của họ: “Chúng tôi bị canh gác rất cẩn mật, ngày đêm, trong một nhà tù có tường và cửa đôi, sự tự do của lương tâm chúng tôi bị ngăn cấm, thức ăn của chúng tôi ít ỏi.... Chúng tôi bị bắt buộc phải ngủ trên sàn nhà bằng rơm, và không có đủ mền để giữ cho chúng tôi được ấm áp.... Thỉnh thoảng Các Quan Tòa nghiêm trang nói với chúng tôi rằng họ biết chúng tôi vô tội, và cần phải được thả ra, nhưng họ không dám thi hành luật pháp đối với chúng tôi, vì sợ đám đông khủng bố.”<sup>25</sup>

## Di Cư đi Illinois

Trong khi Vị Tiên Tri của họ vẫn còn bị giam giữ, hơn 8.000 Thánh Hữu băng từ miền đông Missouri đến Illinois để thoát khỏi lệnh tiêu diệt. Họ bị bắt buộc phải ra đi trong mùa đông lạnh lẽo, và mặc dù Brigham Young, Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai, hướng dẫn họ và cho họ mọi sự giúp đỡ mà có thể có được, nhưng họ vẫn khổ sở rất nhiều. Gia đình John Hammer là một trong số nhiều gia đình đã đi tìm nơi tị nạn. John nhớ lại những điều kiện đầy gian nan:

“Tôi nhớ rất rõ những nỗi khổ sở và cay nghiệt của những ngày đó.... Gia đình của chúng tôi có một chiếc xe ngựa, và một con ngựa mù là tất cả những gì chúng tôi có cho một cỗ xe ngựa, và con ngựa mù đó phải chở tài sản của chúng tôi đến Tiểu Bang Illinois. Chúng tôi đổi chiếc xe ngựa của mình với một người anh em mà có hai con ngựa, cho một chiếc xe ngựa nhẹ với một con ngựa, điều này thích hợp cho cả hai bên. Trong chiếc xe ngựa nhỏ

này, chúng tôi chất lên quần áo, bộ đồ giường, một số thức ăn bằng bắp và những lương thực hiếm hoi mà chúng tôi có thể cố gắng kiếm được, và bắt đầu đi bộ trong lạnh lẽo và sương giá, ăn và ngủ dọc đường với màn trời chiếu đất. Nhưng sương giá rét buốt trong những đêm đó và các cơn gió lạnh thấu xương lại kém dã man và tàn nhẫn hơn những người hung ác mà chúng tôi đã bỏ trốn khỏi cơn giận dữ của họ.... Gia đình chúng tôi, cũng như nhiều gia đình khác, hầu như đi chân không, và một số người đã phải quấn chân của họ trong vải để giữ chúng khỏi bị lạnh cóng và che chở chúng khỏi những chỗ sắc bén của mặt đất đóng băng. Thứ này, tốt nhất vào lúc đó, là sự che chở không được hoàn hảo, và thường thì máu từ bàn chân của chúng tôi rơi trên mặt đất đóng băng. Mẹ và em gái của tôi là những người độc nhất trong gia đình có mang giày, và những đôi giày này bị sờn mòn và hầu như vô dụng trước khi chúng tôi tới bờ biển Illinois hiếu khách.”<sup>26</sup>

Vị Thiên Tri phải chờ đợi một cách bất lực trong nhà tù trong khi dân của ông bị đuổi ra khỏi tiểu bang. Nỗi đau đớn của tâm hồn ông đo được trong lời khẩn cầu của ông lên Chúa, được ghi lại trong Giáo Lý và Giao Ước, tiết 121:

“Hỡi Thượng Đế, Ngài ở đâu? Và đâu là lều bao phủ chốn ẩn náu của Ngài?

“Tay của Ngài còn dừng lại bao lâu nữa? Và mắt Ngài, phải, mắt trong suốt của Ngài, từ những tầng trời vĩnh cửu, còn nhìn thấy những điều sai trái xảy đến với dân Ngài và các tội tở của Ngài bao lâu nữa, và tai Ngài còn nghe những tiếng kêu gào của họ bao lâu nữa?” (GLGU 121:1-2).

Chúa trả lời ông với những lời an ủi này: “Hỡi con của ta, bình yên cho tâm hồn người; nghịch cảnh và những nỗi thống khổ của người sẽ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn mà thôi;

“Và rồi, nếu người biết kiên trì chịu đựng, thì Thượng Đế sẽ nâng người lên cao; người sẽ chiến thắng tất cả các kẻ thù của mình.

“Các bạn của người vẫn sát cánh bên người, và họ lại sẽ chào đón người bằng những tấm lòng nồng nhiệt và những bàn tay thân mật” (GLGU 121:7-9).

Những lời của Chúa đã được thật sự ứng nghiệm vào tháng Tư năm 1839. Sau sáu tháng bị giam cầm trái phép, những thay đổi địa điểm xét xử đã đem các tù nhân thoát đầu được mang đến Gallatin ở Hạt Daviess, Missouri, và rồi đến Columbia ở Hạt Boone. Tuy nhiên, Cảnh Sát Trưởng William Morgan được chỉ thị “đừng bao giờ mang [họ] đến Hạt Boone.” Một hay nhiều người có quyền cao chức trọng đã quyết định rằng các tù nhân sẽ được phép để trốn thoát, có lẽ để tránh tình trạng lúng túng của công chúng khi mang họ ra xét xử khi không có bằng chứng để kết án họ. Các tù nhân được cho cơ hội mua hai con ngựa và bỏ trốn khỏi những người lính canh. Hyrum Smith nói: “Chúng tôi thay đổi địa điểm để đi tiểu bang Illinois, và trong vòng chín hay mười ngày đã an toàn đến Quincy, hạt Adams, nơi mà chúng tôi thấy gia đình của mình trong cảnh nghèo nàn, mặc dù đầy đủ sức khỏe.”<sup>27</sup> Nơi đó quả thật họ đã được chào đón “bằng những tấm lòng nồng nhiệt và những bàn tay thân mật.”

Wilford Woodruff nói về sự đoàn tụ của ông với Vị Tiên Tri: “Một lần nữa tôi có được đặc ân vui mừng để nắm lấy tay của Anh Joseph.... Anh đã chào đón chúng tôi với niềm vui lớn lao.... [Anh] thẳng thắn, cởi mở, và thân mật như mọi khi, và sự vui mừng của chúng tôi thật lớn lao. Không một người nào có thể hiểu được cảm giác vui mừng được tạo ra bởi một buổi họp mặt như thế, ngoại trừ người mà đã sống trong nỗi đau khổ vì phúc âm.”<sup>28</sup> Chúa đã giữ gìn Vị Tiên Tri của Ngài và các tín hữu của Giáo Hội. Y Sơ Ra Ên hiện đại bắt đầu một lần nữa quy tụ trong vùng đất mới với cơ hội mới và các giao ước trước mắt họ.

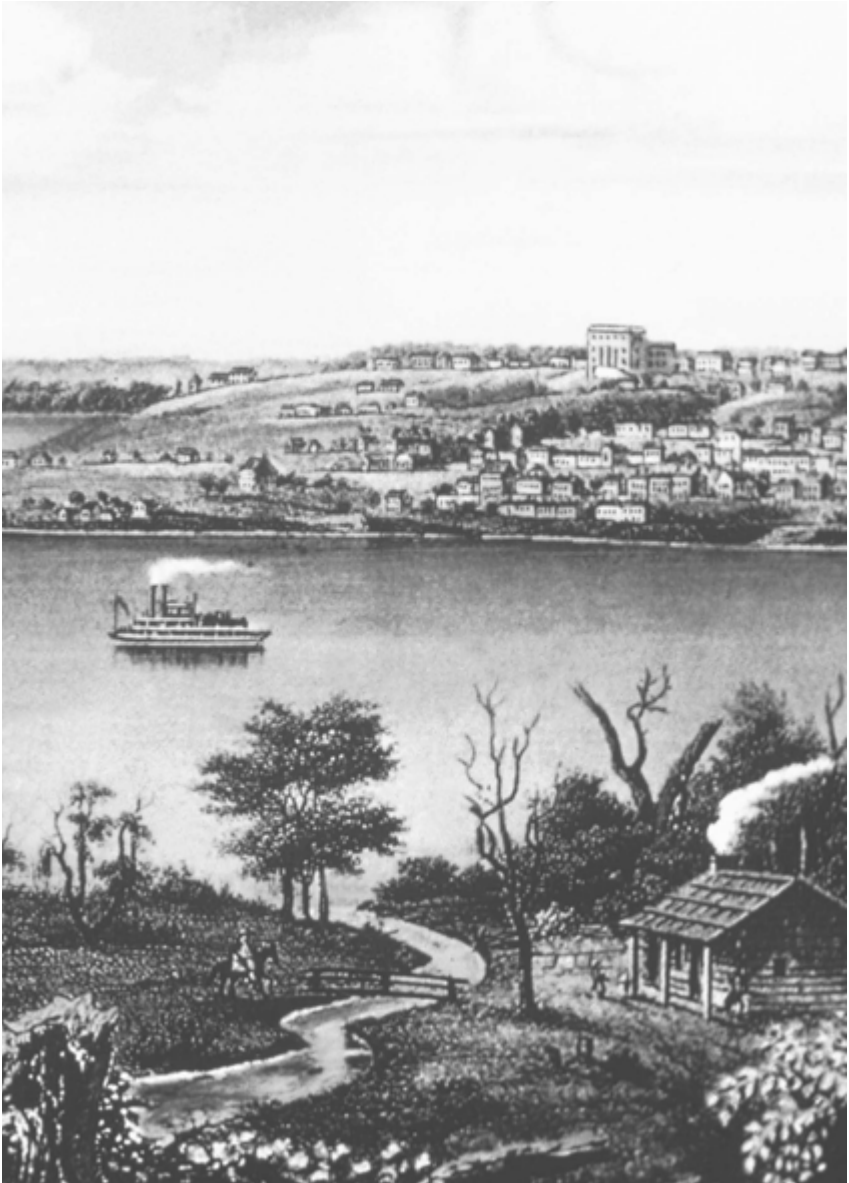
# Sự Hy Sinh và Các Phước Lành ở Nauvoo

Các Thánh Hữu Ngày Sau mà đã đi đến Illinois nhận được sự chào đón nồng nhiệt từ những công dân rộng lượng trong thị trấn Quincy. Tiếp theo sự trở về của Tiên Tri Joseph Smith sau khi bị giam cầm ở Ngục Thất Liberty, Các Thánh Hữu dời đi khoảng 35 dặm phía bắc Sông Mississippi. Nơi đó họ rút nước từ những đầm lầy lớn trong khu vực và bắt đầu xây cất thành phố Nauvoo cạnh bên chỗ rẽ của một con sông. Chẳng bao lâu thành phố đó đầy sinh hoạt và thương mại rộn rịp khi Các Thánh Hữu quy tụ lại nơi đó từ mọi phần đất Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, và Anh. Trong vòng bốn năm, Nauvoo đã trở thành một trong những thành phố lớn nhất ở Illinois.

Các tín hữu Giáo Hội sống trong hòa bình tương đối, an tâm trước sự kiện là một tiên tri sống và làm việc ở giữa họ. Hằng trăm người truyền giáo được Vị Tiên Tri kêu gọi rời Nauvoo để rao giảng phúc âm. Một đền thờ được xây dựng, lễ thiên ân được tiếp nhận, các tiểu giáo khu được thành lập lần đầu, các giáo khu được thiết lập, Hội Phụ Nữ được tổ chức, sách Áp Ra Ham được xuất bản, và những điều mặc khải quan trọng được tiếp nhận. Trong hơn sáu năm, Các Thánh Hữu đã cho thấy một mức độ đáng kể về sự đoàn kết, đức tin, và hạnh phúc khi thành phố của họ trở thành một biểu tượng của sự siêng năng và lễ thật.

## Những Sự Hy Sinh của Những Người Truyền Giáo ở Nauvoo

Trong khi Các Thánh Hữu bắt đầu xây cất nhà cửa và trồng trọt mùa màng, nhiều người trong số họ bắt đầu mắc bệnh sốt rét, một căn bệnh lây nhiễm mà gồm có cơn sốt và ớn lạnh. Các bệnh nhân gồm đa số những người trong Hội Đồng Mười Hai và



*Các Thánh Hữu xây cất thành phố xinh đẹp Nauvoo dọc theo các bờ Sông Mississippi. Đền Thờ Nauvoo từ trên cao nhìn xuống thành phố.*

ngay cả Joseph Smith. Vào ngày 22 tháng Bảy năm 1839, Vị Tiên Tri đứng dậy ra khỏi giường bệnh của mình với quyền năng của Thượng Đế ngự trên ông. Dùng quyền năng của chức tư tế, ông tự chữa lành mình và những người mắc bệnh trong nhà ông, rồi truyền lệnh cho những người cảm lều ở sân trước nhà ông được lành lặn. Nhiều người được chữa lành. Vị Tiên Tri đi từ lều này sang lều khác và từ nhà này sang nhà kia, ban phước cho mọi người. Đó là một trong những ngày vĩ đại của đức tin và sự chữa lành trong lịch sử Giáo Hội.

Trong thời gian này, Vị Tiên Tri kêu gọi Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đi truyền giáo ở nước Anh. Anh Cả Orson Hyde, một thành viên thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, được gửi đi Giê Ru Sa Lem để làm lễ cung hiến Palestine cho sự quy tụ của những người dân Do Thái và các con cái khác của Áp Ra Ham. Những người truyền giáo được gửi đi rao giảng trên khắp Hoa Kỳ và miền đông Gia Nã Đại, và Addison Pratt và những người khác nhận được sự kêu gọi đi Quần Đảo Thái Bình Dương.

Những người anh em này đã hy sinh nhiều khi họ rời nhà và gia đình của họ để đáp ứng sự kêu gọi phục vụ Chúa. Nhiều thành viên của Hội Đồng Mười Hai mắc bệnh sốt rét khi họ chuẩn bị đi Anh. Wilford Woodruff, là người bị bệnh rất nặng, bỏ lại vợ mình, Phoebe, hầu như không có thức ăn và những thứ cần thiết cho cuộc sống. George A. Smith, Vị Sứ Đồ trẻ nhất, bệnh nặng đến nỗi ông phải được khiêng ra chiếc xe bò, và một người thấy ông đã hỏi người đánh xe bò có phải họ đã đi trộm xác ở nghĩa địa không. Chỉ có Parley P. Pratt, là người đã mang vợ con theo, người anh của ông Orson Pratt, và John Taylor không mắc bệnh khi họ rời Nauvoo, mặc dù về sau Anh Cả Taylor bị bệnh nặng khủng khiếp và gần chết trong khi họ hành trình đi Thành Phố New York.

Brigham Young bệnh nặng đến nỗi ông đã không thể đi ngay cả một quãng đường ngắn nếu không có sự giúp đỡ, và người bạn đồng hành của ông, Heber C. Kimball, cũng không khá hơn. Vợ và gia đình của họ cũng bị mắc bệnh. Khi Các Sứ Đồ tới đỉnh đồi một đoạn đường ngắn cách nhà của họ, cả hai Vị Sứ Đồ nằm trong chiếc xe bò, họ cảm thấy như thể họ không thể chịu đựng

nổi việc rời bỏ gia đình của họ trong một hoàn cảnh đáng thương như thế. Theo lời đề nghị của Heber, họ cố gắng đứng dậy, ve vẩy cái nón cao khỏi đầu họ, và la lớn ba lần: “Hoan hô, hoan hô, Y Sơ Ra Ên.” Vợ của họ, Mary Ann và Vilate, đủ sức gắng gượng để đứng dậy và, tựa mình vào khung cửa, họ kêu lên: “Tạm biệt, xin Thượng Đế phù hộ cho các anh.” Hai người đàn ông trở lại giường của họ trên chiếc xe bò với tinh thần vui mừng và hài lòng khi thấy vợ của họ đã đứng dậy thay vì nằm trên giường bệnh.

Các gia đình ở lại đó đã cho thấy đức tin của họ khi họ hy sinh để hỗ trợ những người đã chấp nhận sự kêu gọi đi truyền giáo. Khi Addison Pratt được kêu gọi đi truyền giáo ở Sandwich Islands, vợ của ông, Louisa Barnes Pratt, đã giải thích: “Bốn đứa con của tôi phải được đi học và được ăn mặc đầy đủ, nhưng không có tiền để lại với tôi.... Thoạt tiên, lòng tôi cảm thấy yếu đuối, nhưng tôi quyết tâm tin cậy nơi Chúa, và can đảm đối phó với những điều bất hạnh của đời sống, và vui mừng rằng người chồng của tôi được xem là xứng đáng để rao giảng phúc âm.”

Louisa và các con của bà đi đến bến tàu để nói lời từ giã người chồng và cha của họ. Sau khi họ trở về nhà, Louisa thuật lại rằng “nỗi buồn chiếm ngự tâm trí của chúng tôi. Chẳng bao lâu thì những tiếng sấm sét lớn bắt đầu nổ ầm ầm. Gia đình ở bên kia đường có căn nhà bị dột; yếu ớt và không vững chắc. Chẳng bao lâu, họ đều chạy qua để có được sự an toàn qua cơn bão. Chúng tôi rất biết ơn khi thấy họ bước vào; họ nói chuyện an ủi chúng tôi, hát các bài thánh ca, và một người anh em đã cầu nguyện với chúng tôi, và ở lại cho đến khi cơn bão chấm dứt.”<sup>1</sup>

Không bao lâu sau khi Addison ra đi, đứa con gái nhỏ của ông mắc bệnh đậu mùa. Căn bệnh lây đến nỗi có sự nguy hiểm thật sự cho bất cứ người anh em tư tế nào mà có thể đến nhà của gia đình Pratt, nên Louisa cầu nguyện với đức tin và “đuổi cơn sốt đi.” Mười một nốt nhỏ nổi lên trên thân thể của đứa con gái của bà, nhưng chứng bệnh không bao giờ bộc phát. Trong một vài ngày, cơn sốt chấm dứt. Louisa viết: “Tôi mang đứa bé với chứng bệnh đó đến cho một người quen biết xem; ông nói đó là một cơn bệnh; tôi đã thắng được nó bằng đức tin.”<sup>2</sup>

Những người truyền giáo mà đã rời Nauvoo với sự hy sinh như thế đã mang hàng ngàn người vào Giáo Hội. Nhiều người trong số họ đã được cải đạo cũng đã cho thấy đức tin và lòng can đảm phi thường. Mary Ann Weston sống ở nước Anh với gia đình William Jenkins trong khi học nghề thợ may. Anh Jenkins được cải đạo theo phúc âm, và Wilford Woodruff đến nhà để thăm gia đình đó. Chỉ có Mary Ann ở nhà vào lúc ấy. Wilford ngồi gần bên lò sưởi và hát: “Nếu tôi có sợ con người yếu đuối, thì tôi chối bỏ sự soi dẫn của Thánh Linh mà tôi cảm nhận được.” Mary Ann quan sát ông khi ông hát và nhớ rằng “ông trông rất thanh thản và vui vẻ, tôi nghĩ rằng ông phải là một người tốt, và Phúc Âm mà ông rao giảng phải chân chính.”<sup>3</sup>

Qua sự tiếp xúc của bà với các tín hữu Giáo Hội, chẳng bao lâu Mary Ann được cải đạo và chịu phép báp têm—người độc nhất trong gia đình của bà mà đáp ứng sứ điệp của phúc âm phục hồi. Bà kết hôn với một tín hữu của Giáo Hội, là người qua đời bốn tháng sau đó, một phần vì sự đánh đập mà ông đã chịu bởi bàn tay của đám đông khủng bố với ý định phá vỡ cuộc hội họp của Giáo Hội. Một mình, bà đã đáp con tàu chở đầy Các Thánh Hữu Ngày Sau khác đi Nauvoo, bỏ nhà cửa, bạn bè, và cha mẹ không tin của bà. Bà không bao giờ gặp lại gia đình của bà nữa.

Lòng can đảm và sự cam kết của bà cuối cùng đã ban phước cho cuộc sống của nhiều người. Bà kết hôn với Peter Maughan, một người góa vợ, là người đã định cư tại Cache Valley ở miền bắc Utah. Nơi đó bà nuôi dưỡng một gia đình lớn, trung tín, mà đã tôn vinh Giáo Hội lẫn tên của bà.

### **Các Tác Phẩm Tiêu Chuẩn**

Trong giai đoạn ở Nauvoo, một số văn bản mà về sau trở thành sách Trăn Châu Vô Giá được xuất bản. Quyển sách này chứa đựng những phần tuyển chọn từ sách Môi Se, sách Áp Ra Ham, một đoạn trích từ chứng ngôn của Ma Thi Ở, những đoạn trích từ lịch sử Joseph Smith, và Những Tín Điều. Các tài liệu này được viết hoặc phiên dịch bởi Joseph Smith dưới sự chỉ dẫn của Chúa.



Giờ đây Các Thánh Hữu có được thánh thư mà sẽ trở thành các tác phẩm tiêu chuẩn của Giáo Hội: Kinh Thánh, Sách Mặc Môn, Giáo Lý và Giao Ước, và Trân Châu Vô Giá. Các quyển sách này có một giá trị vô song đối với con cái của Thượng Đế, bởi vì các quyển sách này giảng dạy các lẽ thật cơ bản về phúc âm và mang người thật tâm tìm kiếm đến sự hiểu biết về Thượng Đế Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô. Nhiều điều mặc khải nữa đã được thêm vào thánh thư hiện đại theo như Chúa chỉ dẫn qua các tiên tri của Ngài.

### **Đền Thờ Nauvoo**

Chỉ 15 tháng sau khi thành lập Nauvoo, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, tuân theo sự mặc khải, thông báo rằng giờ đây là lúc “để xây dựng một ngôi nhà cầu nguyện, một ngôi nhà trật tự, một ngôi nhà để thờ phượng Thượng Đế của chúng ta, nơi mà các giáo lễ có thể được thực hiện phù hợp với thánh ý của Ngài.”<sup>4</sup> Mặc dù nghèo khó và vất vả để chu cấp đầy đủ cho gia đình của họ, Các Thánh Hữu Ngày Sau đã đáp ứng lời kêu gọi của các vị lãnh đạo của họ và bắt đầu hiến tặng thời giờ và phương tiện nhằm xây cất một ngôi đền thờ. Hơn 1.000 người đàn ông đã hiến tặng mỗi một ngày sau mười ngày làm việc của họ. Louisa Decker, một bé gái, rất khâm phục việc mẹ của em đã bán bộ đồ sứ của bà và một cái mền đắp tốt làm sự đóng góp của bà cho đền thờ.<sup>5</sup> Các Thánh Hữu Ngày Sau khác hiến tặng ngựa, xe ngựa, bò, heo, và ngũ cốc để giúp đỡ trong việc xây cất đền thờ. Các phụ nữ ở Nauvoo được yêu cầu đóng góp tiền bạc của họ cho quỹ đền thờ.

Caroline Butler không có tiền đóng góp, nhưng bà rất muốn hiến tặng một thứ gì đó. Một ngày nọ, trong khi đi đến thành phố trong một chiếc xe ngựa, bà thấy hai con trâu chết. Thành linh bà biết món quà biếu tặng cho đền thờ có thể là gì. Bà và các con của bà lột bộ lông dài từ bờm lông của hai con trâu và mang nó về nhà của mình. Họ rửa sạch và chải rẽ bộ lông và xe nó lại thành sợi chỉ thô, rồi đan lại thành tám đôi găng tay bền bỉ mà được tặng cho những người cắt đá làm việc cho đền thờ trong mùa đông lạnh lẽo.<sup>6</sup>

Mary Fielding Smith, vợ của Hyrum Smith, viết thư cho các phụ nữ Thánh Hữu Ngày Sau ở nước Anh, là những người trong vòng một năm thu góp được 50.000 đồng xu, cân nặng 434 pao, được chở bằng tàu đến Nauvoo. Những nhà nông hiến tặng các cỗ xe ngựa, xe bò; những người khác bán một số đất của họ và hiến tặng tiền cho ủy ban xây cất. Nhiều đồng hồ và khẩu súng được đóng góp. Các Thánh Hữu ở Norway, Illinois, gửi 100 con cừu đến Nauvoo để ủy ban đền thờ sử dụng.

Brigham Young nhớ lại: “Chúng tôi lao nhọc rất nhiều cho đền thờ Nauvoo, mà trong lúc đó rất khó để kiếm ra bánh mì và những lương thực khác cho những người làm việc ăn.” Vậy mà, Chủ Tịch Young khuyên bảo những người phụ trách ngân quỹ đền thờ phải ban phát tất cả bột mì mà họ có, tin rằng Chúa sẽ ban cho. Trong vòng một thời gian ngắn Joseph Toronto, một người mới cải đạo vào Giáo Hội từ Sicily, đến Nauvoo, mang theo với mình \$2.500 tiền vàng, mà ông đặt xuống dưới chân của Các Anh Em Lãnh Đạo.<sup>7</sup> Những số tiền tiết kiệm này của Anh Toronto được dùng để cung cấp bột mì và để mua những nhu yếu phẩm khác.

Ngay sau khi Các Thánh Hữu đến Nauvoo, Chúa mặc khải qua Tiên Tri Joseph Smith rằng phép báp têm có thể được thực hiện cho các tổ tiên đã chết mà chưa nghe về phúc âm (xin xem GLGƯ 124:29–39). Nhiều Thánh Hữu cảm thấy được an ủi trong lời hứa rằng người chết có thể có được cùng các phước lành giống như những người chấp nhận phúc âm nơi đây trên thế gian.

Vị Tiên Tri cũng nhận được một điều mặc khải quan trọng liên quan đến những lời giảng dạy, các giao ước, và các phước lành mà giờ đây được gọi là lễ thiên ân trong đền thờ. Giáo lễ thiêng liêng này có thể cho phép Các Thánh Hữu “đạt được sự trọn vẹn của các phước lành” mà sẽ chuẩn bị cho họ “được đi lên và ở nơi hiện diện của... Ê Lô Him trong các thế giới vĩnh cửu.”<sup>8</sup> Sau khi tiếp nhận lễ thiên ân, vợ chồng có thể được làm lễ gắn bó với nhau bằng quyền năng của chức tư tế cho thời tại thế và suốt vĩnh cửu. Joseph Smith ý thức được rằng thời gian của ông trên thế gian ngắn ngủi, nên trong khi đền thờ còn đang xây cất, ông đã bắt

đầu thực hiện lễ thiên ân cho những tín đồ trung thành được chọn lọc trong căn phòng trên lầu của cửa hàng bằng gạch đỏ của ông.

Ngay cả sau sự thăm sát của Tiên Tri Joseph Smith, khi Các Thánh Hữu nhận biết rằng họ phải sớm rời khỏi Nauvoo, họ đã gia tăng sự cam kết của mình để hoàn tất ngôi đền thờ. Tầng lầu của ngôi đền thờ chưa xây cất xong được làm lễ cung hiến là một phần của công trình kiến trúc nơi mà lễ thiên ân sẽ được thực hiện. Các Thánh Hữu nôn nóng để nhận được giáo lễ thiêng liêng này đến nỗi Brigham Young, Heber C. Kimball, và những người khác trong số Mười Hai Sứ Đồ đã ở lại trong đền thờ cả ngày lẫn đêm, ngủ không quá bốn tiếng mỗi đêm. Mercy Fielding Thompson phụ trách việc giặt ủi y phục đền thờ, cũng như trông coi việc nấu nướng. Bà cũng sống trong đền thờ, đôi khi làm việc suốt đêm để mọi thứ được sẵn sàng cho ngày hôm sau. Các tín hữu khác cũng tận tâm như thế.

Tại sao Các Thánh Hữu này làm việc thật khó nhọc như vậy để hoàn tất tòa nhà mà chẳng bao lâu họ sẽ bỏ lại? Hầu hết 6.000 Thánh Hữu Ngày Sau nhận được lễ thiên ân của mình trước khi rời bỏ Nauvoo. Khi họ ngược mắt nhìn về nơi di cư ở miền tây của họ, họ đã được củng cố trong đức tin và an tâm trong sự hiểu biết rằng gia đình của họ đã được làm lễ gắn bó với nhau vĩnh viễn. Những gương mặt đầm đìa nước mắt, sẵn sàng tiến bước sau khi đã chôn cất một đứa con hay người phối ngẫu trên cánh đồng bao la của Hoa Kỳ, kiên định phần lớn là do những bảo đảm nằm trong các giáo lễ mà họ đã nhận được trong đền thờ.

### **Hội Phụ Nữ**

Trong khi Đền Thờ Nauvoo đang còn xây cất, Sarah Granger Kimball, vợ của Hiram Kimball, một trong những người dân giàu có nhất của thành phố, mướn một người thợ may tên là Margaret A. Cooke. Mong muốn đẩy mạnh công việc của Chúa, Sarah hiến tặng vải để làm áo sơ mi cho những người đàn ông làm việc cho đền thờ, và Margaret ứng thuận làm công việc may vá. Chẳng bao lâu sau đó, một số lát giềng của Sarah cũng mong muốn tham gia vào việc may áo sơ mi. Các chị em phụ nữ họp nhau lại tại

phòng khách của gia đình Kimball và quyết định chính thức tổ chức. Eliza R. Snow được yêu cầu viết một hiến pháp và nội quy cho hội mới này.

Eliza trình tài liệu hoàn tất lên Tiên Tri Joseph Smith, là người đã tuyên bố đó là hiến pháp tốt nhất mà ông thấy. Nhưng ông cảm thấy có ấn tượng phải nói rộng viễn ảnh của các phụ nữ liên quan đến những gì mà họ có thể hoàn thành. Ông yêu cầu các phụ nữ đến tham dự một cuộc họp khác, nơi mà ông tổ chức họ thành Hội Phụ Nữ Nauvoo. Emma Smith, vợ của Vị Tiên Tri, trở thành vị chủ tịch đầu tiên của hội.

Joseph bảo các chị em phụ nữ rằng họ sẽ nhận được “chỉ dẫn qua lệnh mà Thượng Đế đã thiết lập qua trung gian của những người đã được chỉ định để hướng dẫn—và giờ đây tôi trao chìa khóa cho các chị em trong danh của Thượng Đế và Hội này sẽ được hân hoan và sự hiểu biết và trí tuệ sẽ tuôn tràn bắt đầu từ lúc này—đây là sự khởi đầu của những ngày tốt lành hơn cho Hội này.”<sup>9</sup>

Chẳng bao lâu sau khi hội ra đời, một ủy ban đi viếng tất cả những người nghèo khó ở Nauvoo, đánh giá nhu cầu của họ, và đi vận động những của tặng dư để giúp đỡ họ. Tặng dư bằng tiền mặt và tiền thu được từ việc bán thức ăn và chăn, mền cung ứng sự học vấn cho các trẻ em túng thiếu. Vải lanh, len, chỉ sợi, ván lợp nhà, xà bông, đèn cây, đồ thiếc, nữ trang, giỏ thúng, chăn bông, mền đắp, hành tây, trái táo, bột mì, bánh quy giòn, và thịt thà được hiến tặng để giúp những người hoạn nạn, túng thiếu.

Ngoài việc giúp đỡ những người nghèo khó, các chị em trong Hội Phụ Nữ còn thờ phượng chung với nhau. Eliza R. Snow thuật lại rằng trong một buổi họp họ “hầu hết mọi người hiện diện đều đứng dậy và nói, và Linh của Chúa giống như dòng suối thanh khiết, đổi mới mọi tâm lòng.”<sup>10</sup> Các chị em phụ nữ này cầu nguyện cho nhau, củng cố đức tin của nhau, và dâng hiến đời họ và của cải của họ để giúp đẩy mạnh chính nghĩa của Si Ô-n.

## **Sự Tuẫn Đạo**

Mặc dù những năm tháng ở Nauvoo cung ứng nhiều thời gian vui vẻ cho Các Thánh Hữu, nhưng chẳng bao lâu sự ngược đãi lại bắt đầu, lên đến cực điểm trong sự giết chết Joseph và Hyrum Smith. Đây là thời gian tối tăm và đầy tang tóc mà không bao giờ quên được. Ghi lại những cảm nghĩ của mình khi nghe tin sự tuẫn đạo, Louisa Barnes Pratt đã viết: “Đó là một đêm yên tĩnh, và trăng tròn. Dường như đó là một đêm chết chóc, và mọi thứ hiệp lại làm cho nó thành lạnh lùng! Tiếng của các chức sắc được nghe thấy kêu gọi những người đàn ông họp lại và đến từ xa khiến cho lòng cảm thấy như hồi chuông báo tử. Những người phụ nữ họp lại thành nhóm, khóc lóc và cầu nguyện, một số mong muốn sự trừng phạt khủng khiếp xảy đến cho những kẻ giết người, những người khác nhìn nhận bàn tay của Thượng Đế trong sự kiện này.”<sup>11</sup>

Giống như Louisa Barnes Pratt, nhiều Thánh Hữu Ngày Sau nhớ lại những sự kiện của ngày 27 tháng Sáu năm 1844 là thời gian để khóc và đau lòng. Sự tuẫn đạo là sự kiện bi thảm nhất trong lịch sử lúc ban đầu của Giáo Hội. Tuy nhiên, nó không phải là bất ngờ.

Ít nhất trong 19 dịp khác nhau, bắt đầu từ năm 1829, Joseph Smith đã cho Các Thánh Hữu biết rằng có lẽ ông sẽ không rời cuộc sống này một cách thanh thản.<sup>12</sup> Mặc dù ông cảm thấy rằng một ngày nào đó, những kẻ thù của ông sẽ lấy mạng ông, nhưng ông không biết lúc nào. Khi mùa xuân năm 1844 bước sang mùa hè, những kẻ thù bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội cố gắng hủy diệt Joseph. Thomas Sharp, chủ biên một tờ báo gần đó và một lãnh tụ đảng chính trị chống Mặc Môn trong Hạt Hancock, công khai kêu gọi sát hại Vị Tiên Tri. Các nhóm công dân, những người bỏ đạo, và những nhà lãnh đạo công dân âm mưu tiêu diệt Giáo Hội bằng cách tiêu diệt vị tiên tri của Giáo Hội.

Vị thống đốc Illinois, Thomas Ford, viết thư cho Joseph Smith, khẳng khái đòi các thành viên của hội đồng thành phố phải được xét xử trước một bồi thẩm đoàn không phải là người Mặc Môn vì bị buộc tội phá rối trật tự công cộng. Ông nói rằng một vụ

xét xử như thế mới làm hài lòng những người dân mà thôi. Ông hứa với những người đó rằng sẽ có sự bảo vệ hoàn toàn, mặc dù Vị Tiên Tri không tin rằng ông ấy có thể làm tròn lời hứa của ông ấy. Khi dường như không còn những chọn lựa nào khác, Vị Tiên Tri, người anh trai của ông Hyrum, John Taylor, và những người khác chịu để bị bắt giữ, biết chắc chắn rằng họ không phạm một tội ác nào cả.

Khi Vị Tiên Tri chuẩn bị rời Nauvoo để đi đến trung tâm hạt Carthage, cách đó khoảng 20 dặm, ông biết rằng ông đang nhìn thấy gia đình và bạn bè mình lần cuối cùng. Ông đã đoán trước: “Tôi ra đi như một chiền con đến lò sát sinh; nhưng tôi bình tĩnh như một buổi sáng mùa hè.”<sup>13</sup>

Khi Vị Tiên Tri ra đi, B. Rogers, là người đã làm việc cho nông trại của Joseph hơn ba năm, và hai thiếu niên khác đi bộ ngang qua các cánh đồng và ngồi trên bức rào chắn chờ đợi người bạn và vị lãnh đạo của họ đi ngang qua. Joseph dừng ngựa lại cạnh bên các thiếu niên và nói với những người lính trong lực lượng dân quân mà đang đi với ông: “Thưa các ông, đây là nông trại của tôi và đây là những đứa thiếu niên của tôi. Chúng nó thích tôi, và tôi cũng thích chúng.” Sau khi bắt tay mỗi thiếu niên, ông trèo lên ngựa và cưỡi đi đến điểm hẹn với thần chết.<sup>14</sup>

Dan Jones, một người Wales cải đạo, cùng với Vị Tiên Tri ở Ngục Thất Carthage. Vào ngày 26 tháng Sáu năm 1844, đêm cuối cùng trong đời của ông, Joseph nghe tiếng súng nổ, rời giường, và nằm dưới sàn cạnh bên Jones. Vị Tiên Tri thì thầm: “Anh có sợ chết không?” Jones đáp: “Tham gia vào một chính nghĩa như thế này thì tôi không nghĩ rằng cái chết sẽ kinh hoàng lắm đâu.” Joseph tiên đoán: “Anh sẽ còn thấy Wales và làm tròn công việc truyền giáo được chỉ định cho anh trước khi anh chết.”<sup>15</sup> Hằng ngàn Thánh Hữu Ngày Sau trung tín hưởng nhận các phước lành của Giáo Hội ngày nay nhờ vào Dan Jones về sau đã phục vụ một cuộc truyền giáo đầy vinh dự và thành công ở Wales.

Ngay sau năm giờ chiều ngày 27 tháng Sáu năm 1844, một đám đông khủng bố khoảng 200 người sơn mặt xông vào Ngục Thất Carthage, bắn giết Joseph và người anh của ông, Hyrum, và



*Hiện trường tuấn đạo tại Ngục Thất Carthage. Hyrum Smith, nằm ở giữa sàn nhà, bị giết chết ngay lập tức. John Taylor, ở dưới phía trái, bị thương nặng; Joseph Smith bị bắn chết khi ông chạy về phía cửa sổ; và William Richards, cạnh bên lò sưởi, được bình yên vô sự.*

làm John Taylor bị thương nặng. Chỉ có Willard Richards là được bình yên vô sự. Vừa nghe tiếng la “Dân Mặc Môn đến,” thì đám đông khủng bố bỏ chạy, cũng như phần đông những cư dân ở Carthage. Willard Richards chăm sóc cho John Taylor đang bị thương, cả hai người than khóc cho các vị lãnh đạo bị giết chết của họ. Thi hài của Hyrum nằm trong ngục thất, trong khi Joseph, té xuống từ một cửa sổ, nằm bên cạnh cái giếng bên ngoài.

Một trong số Các Thánh Hữu Ngày Sau đầu tiên đến hiện trường là người em của những người tuấn đạo, Samuel. Ông và những người khác giúp Willard Richards chuẩn bị các thi hài cho cuộc hành trình dài, buồn bã trở về Nauvoo.

Trong khi đó, ở Warsaw, Illinois, gia đình James Cowley, là các tín hữu của Giáo Hội, sửa soạn buổi ăn tối của họ. Matthias, mười bốn tuổi, nghe sự náo động bất thường nào đó ở thị trấn và nhập

bọn với đám đông đang quy tụ lại. Người nói chuyện chính nhìn thấy ông Cowley và bảo ông ấy trở về nhà với mẹ của ông. Các thiếu niên không phải là tín hữu của Giáo Hội đi theo, ném mảnh rác rưởi vào người ông ấy trước khi ông ấy thoát được bằng cách chạy băng ngang sân nhà của một người láng giềng.

Tưởng rằng việc đã êm rồi, Matthias bắt đầu đi ra ngoài sông để múc một thùng nước. Những người trong đám đông khủng bố phát hiện ra ông và trả tiền cho một người thợ may đang say rượu để ném ông ấy xuống sông. Khi Matthias dừng lại để múc nước, người thợ may nắm cổ ông ấy và nói: “Mày... thằng nhỏ Mặc Môn, tao sẽ nhận chìm mày.” Matthias nói: “Tôi hỏi người ấy tại sao người ấy sẽ nhận chìm tôi, và tôi có làm gì hại người ấy không? Người ấy nói: ‘Không. Thôi tao sẽ không nhận chìm mày.... Mày là một thằng nhỏ tốt, mày có thể đi về nhà.’” Đêm đó những kẻ khủng bố đã ba lần thất bại trong việc đốt nhà của gia đình Cowley, nhưng qua đức tin và những lời cầu nguyện, gia đình đó đã được bảo vệ.<sup>16</sup> Matthias Cowley lớn lên và luôn trung tín trong Giáo Hội; con trai của ông, Matthias, và cháu nội của ông, Matthew, về sau phục vụ trong Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ.

Thống Đốc của Illinois, Thomas Ford, viết về sự tuần đạo: “Cuộc sát hại anh em họ Smith, thay vì kết thúc ... vấn đề Dân Mặc Môn và giải tán họ, như nhiều người đã tin rằng sẽ làm được, chỉ đưa đến việc họ càng gắn gũi nhau hơn bao giờ hết, cho họ sự tin tưởng mới trong đức tin của họ.”<sup>17</sup> Ford cũng viết: “Một người tài giỏi như Phao Lô, một nhà diễn thuyết lẫy lừng là người sẽ có thể bằng tài hùng biện của mình thu hút đám đông hàng ngàn người,... có thể thành công trong việc thổi vào luồng sinh khí mới cho [giáo hội Mặc Môn] và làm cho người tuần đạo Joseph được nổi tiếng... nhiều và khuấy động tâm hồn con người.” Ford sống với nỗi lo sợ rằng điều này sẽ xảy đến và tên của ông sẽ, giống như tên của Phi Lát và Hê Rốt, bị “ô danh cho đến muôn đời.”<sup>18</sup> Nỗi lo sợ của Ford đã trở thành sự thật.

Chủ Tịch John Taylor bình phục khỏi các vết thương của mình và về sau viết một lời ai điếu cho các vị lãnh đạo đã bị giết chết mà giờ đây là tiết 135 của Giáo Lý và Giao Ước. Ông nói: “Joseph



Smith, Vị Tiên Tri và Tiên Kiến của Chúa, đã làm nhiều cho sự cứu rỗi loài người trên thế gian hơn bất cứ một người nào khác đã từng sống trên thế gian ngoại trừ Chúa Giê Su... Ông đã sống cao thượng và chết cao thượng trước mắt Thượng Đế và dân của ông; và giống như đa số những vị được Chúa xúc dầu ngày xưa, ông cũng đóng ấn nhiệm vụ và công nghiệp của mình với chính máu của ông; và luôn cả anh ông là Hyrum cũng vậy. Lúc sống họ không bị chia cách, và lúc chết họ cũng chẳng bị phân ly!... Họ đã sống cho vinh quang; họ đã chết cho vinh quang; và vinh quang là phần thưởng vĩnh cửu của họ" (GLGU 135:3, 6).

### **Sự Kế Nhiệm trong Chủ Tịch Đoàn**

Khi Tiên Tri Joseph và Hyrum Smith bị giết chết trong Ngục Thất Carthage, nhiều người trong Nhóm Túc Số Mười Hai và các vị lãnh đạo khác trong Giáo Hội đang phục vụ truyền giáo và vắng mặt ở Nauvoo. Nhiều ngày trôi qua trước khi những người này biết về những cái chết này. Khi Brigham Young nghe được tin, ông đã biết rằng các chìa khóa của sự lãnh đạo chức tư tế vẫn còn ở với Giáo Hội, bởi vì các chìa khóa này đã được ban cho Nhóm Túc Số Mười Hai. Tuy nhiên, không phải tất cả các tín hữu Giáo Hội đều hiểu được ai sẽ thay thế Joseph Smith làm vị tiên tri, tiên kiến, và mặt khải của Chúa.

Sidney Rigdon, Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, đến từ Pittsburgh, Pennsylvania vào ngày 3 tháng Tám năm 1844. Một năm trước khi thời gian này, ông đã bắt đầu đi theo một con đường trái với lời dạy bảo của Tiên Tri Joseph Smith và đã xa rời Giáo Hội. Ông từ chối hợp với ba thành viên của Nhóm Túc Số Mười Hai đã đến Nauvoo và thay vì thế ngồi lỳ cùng một nhóm đồng Các Thánh Hữu nhóm họp lại trong buổi lễ thờ phượng của họ trong ngày Chúa Nhật. Ông nói cho họ biết về một khái tượng ông đã nhận được mà trong đó ông đã biết rằng không một ai có thể thay thế Joseph Smith. Ông nói rằng một người giám hộ cho Giáo Hội phải được chỉ định và người giám hộ đó phải là Sidney Rigdon. Có một vài người Thánh Hữu đã ủng hộ ông.

Brigham Young, Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, mãi đến ngày 6 tháng Tám năm 1844 mới trở về Nauvoo. Ông nói rằng ông chỉ muốn biết “Thượng Đế phán gì” về ai sẽ lãnh đạo Giáo Hội.<sup>19</sup> Hội Đồng Mười Hai triệu tập một cuộc họp vào ngày thứ Năm 8 tháng Tám năm 1844. Sidney Rigdon ngỏ lời trong phiên họp buổi sáng trong hơn một tiếng đồng hồ. Ông được sự ủng hộ của một vài người, nếu có, cho chức vụ của ông.

Rồi đến Brigham Young ngỏ lời vấn tắt, an ủi tấm lòng Các Thánh Hữu. Khi Brigham nói, George Q. Cannon nhớ lại: “đó là giọng nói của chính Joseph,” và “dường như trong mắt của người ta thể như chính bản thân của Joseph đứng trước mặt họ.”<sup>20</sup> William C. Staines làm chứng rằng Brigham Young thốt ra giống như giọng nói của Tiên Tri Joseph. Staines nói: “Tôi tưởng rằng chính là vị tiên tri và hàng ngàn người cũng tưởng thế khi nghe giọng nói đó.”<sup>21</sup> Wilford Woodruff cũng nhớ lại giây phút tuyệt vời đó và viết: “Nếu không thấy ông ấy bằng chính đôi mắt mình, thì không ai có thể thuyết phục tôi để tin rằng đó không phải là Joseph Smith, và bất cứ ai cũng có thể làm chứng điều này nếu là người quen biết với hai vị này.”<sup>22</sup> Sự biểu hiện kỳ diệu này, mà nhiều người đã nhìn thấy, đã làm cho Các Thánh Hữu thấy rõ rằng Chúa đã chọn Brigham Young kế nhiệm Joseph Smith làm vị lãnh đạo của Giáo Hội.

Vào phiên họp buổi trưa, Brigham Young một lần nữa ngỏ lời, làm chứng rằng Tiên Tri Joseph đã sắc phong cho Các Sứ Đồ nắm giữ các chìa khóa của vương quốc của Thượng Đế trên khắp thế gian. Ông tiên tri rằng những người mà không theo Hội Đồng Mười Hai thì sẽ không được thịnh vượng và chỉ có Các Sứ Đồ mới chiến thắng trong việc xây đắp vương quốc của Thượng Đế.

Tiếp theo bài nói chuyện của ông, Chủ Tịch Young yêu cầu Sidney Rigdon ngỏ lời, nhưng ông này đã chọn không làm như thế. Tiếp theo những lời nhận xét của William W. Phelps và Parley P. Pratt, Brigham Young lại ngỏ lời. Ông nói về việc hoàn tất Đền Thờ Nauvoo, nhận được lễ thiên ân trước khi đi vào vùng hoang dã, và tầm quan trọng của thánh thư. Ông nói về tình yêu thương của ông đối với Joseph Smith và tình yêu mến của ông đối với gia

đình của Vị Tiên Tri. Rồi Các Thánh Hữu nhất trí biểu quyết ủng hộ Mười Hai Sứ Đồ làm các vị lãnh đạo của Giáo Hội.

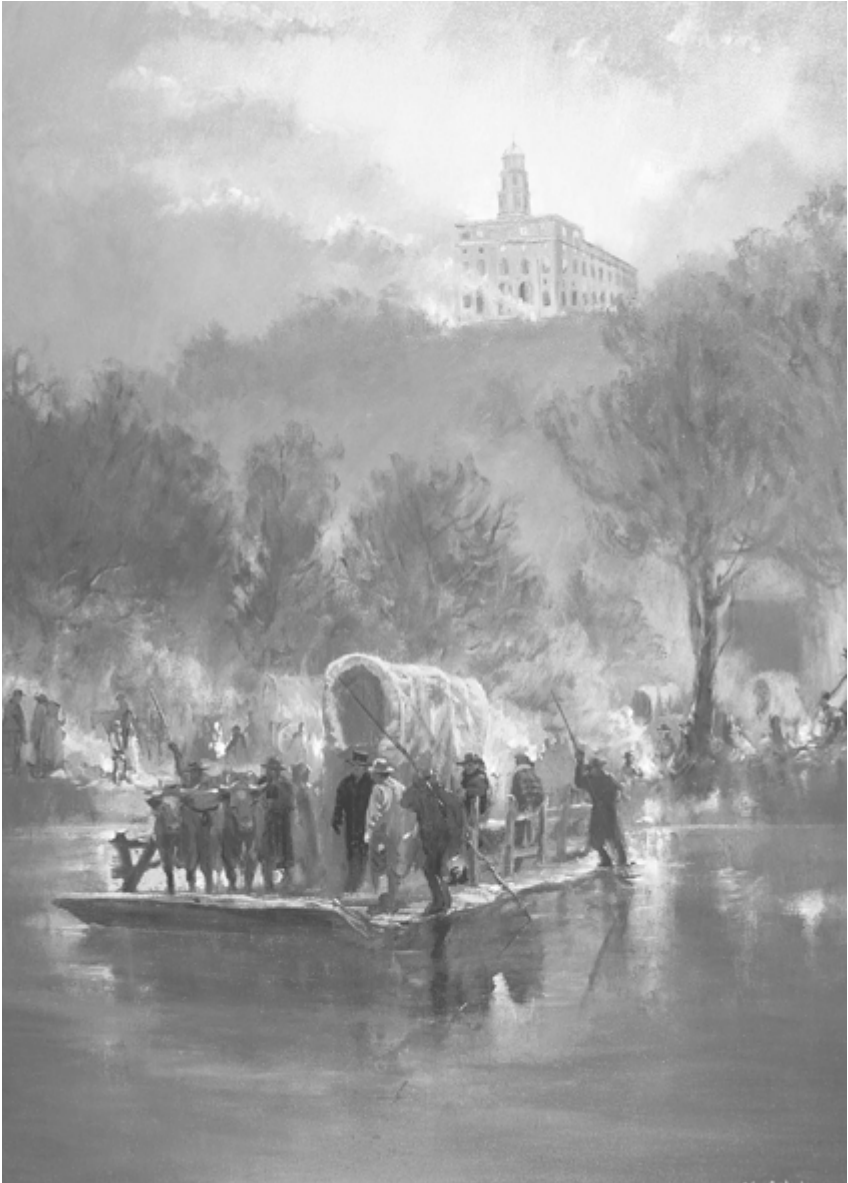
Mặc dù một vài người khác đòi hỏi quyền làm Chủ Tịch của Giáo Hội, nhưng đối với đa số Các Thánh Hữu Ngày Sau cơn khủng hoảng kể nhiệm đã kết thúc. Brigham Young, Vị Sứ Đồ trưởng và Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai, là người mà Thượng Đế đã chọn để lãnh đạo dân Ngài, và các tín hữu đã đoàn kết tán trợ ông.

# Đức Tin trong Mỗi Bước Đi

## Chuẩn Bị Rời Nauvoo

Ít nhất kể từ năm 1834, các vị lãnh đạo của Giáo Hội đã nói đến việc di chuyển Các Thánh Hữu về miền tây của Rặng Núi Rocky, nơi mà họ có thể sống bình yên. Nhiều năm trôi qua, các vị lãnh đạo thảo luận với những người thám hiểm về các vị trí thật sự và những bản đồ được nghiên cứu để tìm ra đúng chỗ để định cư. Vào cuối năm 1845, các vị lãnh đạo Giáo Hội đã có sẵn thông tin mới nhất về miền Tây.

Khi những sự ngược đãi ở Nauvoo gia tăng dữ dội, điều hiển nhiên là Các Thánh Hữu phải bỏ đi. Đến tháng Mười Một năm 1845, Nauvoo rộn rịp với các sinh hoạt chuẩn bị. Các trưởng toán của hàng trăm, hàng năm chục, và mười người được kêu gọi để hướng dẫn Các Thánh Hữu trong cuộc di cư của họ. Mỗi nhóm 100 người thành lập một xưởng đóng xe hoặc nhiều hơn. Những người thợ làm và sửa chữa bánh xe kéo, những người thợ mộc, và những người thợ đóng đồ gỗ mỹ thuật làm việc đến khuya chuẩn bị gỗ và đóng xe kéo. Các tín hữu được gửi đi về miền đông để mua sắt, và những người thợ rèn làm những vật liệu cần cho cuộc hành trình và nông cụ cần thiết để định cư ở Si Ôn mới. Các gia đình thu góp thức ăn và những đồ gia dụng và chất đầy các thùng chứa trái cây khô, gạo, bột mì, và thuốc men. Khi cùng làm việc vì lợi ích chung, Các Thánh Hữu hoàn thành nhiều hơn điều dường như có thể thực hiện được trong một thời gian ngắn như thế.



*Các Thánh Hữu bị bạo lực của đám đông khủng bố cưỡng bức phải bỏ lại thành phố Nauvoo yêu dấu của họ.*

## **Những Gian Nan Thử Thách của Đoạn Đường Di Cư vào Mùa Đông**

Lúc đầu cuộc di tản của Nauvoo được hoạch định vào tháng Tư năm 1846. Nhưng vì những sự đe dọa rằng lực lượng dân quân của tiểu bang có ý định ngăn chặn Các Thánh Hữu đi về miền tây, nên Mười Hai Vị Sứ Đồ và những công dân lãnh đạo khác vội vàng nhóm họp hội đồng vào ngày 2 tháng Hai năm 1846. Họ đồng ý rằng phải bắt buộc bắt đầu đi về miền tây ngay, và cuộc di cư bắt đầu vào ngày 4 tháng Hai. Dưới sự hướng dẫn của Brigham Young, nhóm Thánh Hữu đầu tiên hăm hở bắt đầu cuộc hành trình. Tuy nhiên, sự hăm hở đó gặp phải một thử thách lớn, bởi vì có nhiều dặm đường để đi trước khi họ dừng chân ở những trại để nghỉ ngơi lúc gặp thời tiết cuối đông và mưa xuân khác thường.

Để tìm kiếm sự an toàn khỏi những kẻ khủng bố, thoát tiên hàng ngàn Các Thánh Hữu phải vượt qua Sông Mississippi để đến lãnh thổ Iowa. Những hiểm nguy trong cuộc hành trình của họ bắt đầu lần đầu tiên khi một con bò đá thủng một chiếc tàu đang chở một số Các Thánh Hữu và chiếc tàu chìm. Một người quan sát đã thấy các hành khách bất hạnh bám vào những cái giường bằng lông, những cây củi, “gỗ hoặc bất cứ thứ gì họ có thể bám vào được và bị ném tung trên dòng nước phó mặc cho những ngọn sóng lạnh và dữ... Một số người trèo lên trên đỉnh xe kéo mà chưa chìm hẳn và được thoát mái hơn trong khi những con bò trên tàu được thấy lội vào bờ từ nơi mà chúng đến.”<sup>1</sup> Cuối cùng tất cả mọi người được kéo lên những chiếc tàu và mang qua bờ bên kia.

Hai tuần sau lần vượt sông thứ nhất, con sông đóng băng trong một thời gian. Mặc dù băng rất trơn trượt, nhưng nó đã chống đỡ cho các xe kéo và cỗ xe bò vượt qua sông dễ dàng hơn. Nhưng trời lạnh gây ra nhiều khổ sở khi Các Thánh Hữu lê bước khó nhọc trên tuyết. Nơi cắm trại tại Sugar Creek ở bên kia sông, một cơn gió liên tục thổi tuyết rơi xuống gần 20 cm. Rời băng tan làm cho đất trở nên lầy lội. Ở chung quanh, ở trên, và bên dưới, các yếu tố thiên nhiên kết hợp để gây ra một môi trường khôn

khổ cho 2.000 Thánh Hữu túm tụm vào nhau trong các lều, các xe kéo và vội vàng dựng chỗ ăn nấu trong khi họ chờ lệnh đi tiếp.

Phần khó khăn nhất của cuộc hành trình là giai đoạn đầu tiên này suốt đến Iowa. Hosea Stout ghi lại rằng ông “đã chuẩn bị khi đêm xuống bằng cách dựng lên một chiếc lều tạm bằng tấm trải giường. Vào lúc này, vợ tôi hầu như không thể ngồi lên được và đứa con trai nhỏ của tôi bị sốt nặng và cũng không màng đến bất cứ điều gì đang xảy ra.”<sup>2</sup> Nhiều Thánh Hữu khác cũng đau khổ vô cùng.

### **Mọi Việc Đều Tốt Đẹp**

Đức tin, lòng can đảm, sự quyết tâm của Các Thánh Hữu này đã mang họ vượt qua cái lạnh, cơn đói, và cái chết của những người thân yêu. William Clayton được kêu gọi vào một trong những nhóm đầu tiên rời Nauvoo và bỏ lại vợ của ông, Diantha, với cha mẹ của bà, chỉ còn một tháng nữa thì bà sinh đứa con đầu lòng. Việc vất vả và lội bộ trên những con đường bùn lầy và dựng trại trong những cái lều lạnh lẽo làm cạn dần nghị lực của ông khi ông lo lắng về sự an lạc của Diantha. Hai tháng sau, ông vẫn còn không biết được là bà có sinh nở an toàn hay không nhưng cuối cùng ông nhận được tin vui rằng bà đã hạ sinh một “đứa bé trai xinh đẹp mập mạp”. Hầu như ngay lúc ông nghe được tin, William đã ngồi xuống và viết một bài ca không những có ý nghĩa đặc biệt đối với ông mà còn trở thành một bài thánh ca đầy sự soi dẫn và biết ơn đối với các tín hữu Giáo Hội trong nhiều thế hệ. Bài hát đó là “Cùng Lại Nhau Đây, Hỡi Các Thánh Hữu,” và những câu ca nổi tiếng đã biểu lộ đức tin của ông và đức tin của hàng ngàn Thánh Hữu là những người đã hát lên giữa nghịch cảnh: “Tất cả tốt! Mọi điều đẹp!”<sup>3</sup> Họ, cũng như các tín hữu đã nối gót theo họ, đã tìm thấy niềm vui và sự bình an mà là phần thưởng cho sự hy sinh và vâng lời trong vương quốc của Thượng Đế.

### **Khu Chung Cư Mùa Đông**

Các Thánh Hữu phải mất 131 ngày để đi 310 dặm từ Nauvoo đến những khu định cư ở miền tây Iowa nơi mà họ phải sống qua mùa đông của năm 1846–47 và chuẩn bị cho cuộc di cư của họ

đến Rặng Núi Rocky. Kinh nghiệm này đã dạy cho họ biết nhiều điều về cuộc hành trình mà sẽ giúp cho họ nhanh chóng vượt qua 1.000 dặm của các cánh đồng bao la của Hoa Kỳ, tức là phải được thực hiện trong năm sau vào khoảng 111 ngày nữa.

Một số khu định cư của Các Thánh Hữu trải rộng ở cả hai bên bờ Sông Missouri. Khu định cư lớn nhất, Khu Chung Cư Mùa Đông, nằm ở bên bờ phía tây, ở Nebraska. Nó nhanh chóng trở thành chỗ ở của khoảng 3.500 tín hữu Giáo Hội, là những người đã sống trong những túp nhà gỗ và trong những căn hầm làm bằng cây liễu và đất. Có đến 2.500 Thánh Hữu cũng sống trong và chung quanh chỗ gọi là Kaneshville ở bên phía Iowa của Sông Missouri. Đời sống trong những khu định cư này hầu như khó khăn giống như lúc đi đường. Vào mùa hè, họ bị sốt rét. Khi mùa đông đến và không còn thức ăn tươi nữa, họ mắc bệnh dịch tả, bệnh máu do thiếu sinh tố, đau răng, mất quáng gà, và tiêu chảy trầm trọng. Có hàng trăm người chết.

Tuy nhiên cuộc sống vẫn tiếp tục. Các phụ nữ dành ra ngày của họ để dọn dẹp, giặt ủi, làm chăn mền, viết thư, chuẩn bị lương thực ít ỏi của họ cho bữa ăn, và chăm sóc gia đình của họ, theo như lời Mary Richards, là người mà có chồng, Samuel, đang đi truyền giáo ở Tô Cách Lan. Bà vui vẻ ghi lại việc Các Thánh Hữu đến và đi tại Khu Chung Cư Mùa Đông, kể cả những sinh hoạt như các cuộc thảo luận về thần học, những buổi khiêu vũ, các buổi nhóm họp Giáo Hội, những buổi liên hoan, và những khuyến khích để phục hồi đức tin nơi biên giới.

Những người đàn ông cùng làm việc chung và nhóm họp thường xuyên để thảo luận về các kế hoạch chuyển đi và địa điểm tương lai cho sự định cư của Các Thánh Hữu. Họ thường cộng tác với nhau trong việc gom các đàn gia súc lại để cho chúng ăn cỏ trên cánh đồng bên ngoài trại. Họ làm việc trong đồng, canh gác ngoại vi của khu định cư, xây cất và điều hành một nhà máy xay bột, và chuẩn bị sẵn sàng các xe kéo cho cuộc hành trình, thường bị kiệt sức và bệnh. Một số công việc của họ là một sự lao nhọc vị tha đầy tình thương khi họ chuẩn bị ruộng đồng và trồng trọt mùa màng để được gặt hái bởi Các Thánh Hữu mà sẽ đi sau họ.



Con trai của [Lorenzo] Young, là John, gọi Khu Chung Cư Mùa Đông là “Lò Luyện của Vương Quốc Mặc Môn.” Ông sống gần chỗ chôn cất ở nơi đó và chứng kiến “những đoàn đưa tang có ít người trông buồn rầu thường đi qua cửa nhà chúng tôi.” Ông nhớ lại thức ăn thường ngày của gia đình ông với bánh mì làm bằng bột bắp, thịt heo muối, và một ít sữa đường như “kém dinh dưỡng và bữa nào cũng như bữa nấy”. Ông nói cháo ngô và thịt heo muối làm cho buồn nôn đến nỗi ăn vào giống như ăn thuốc và ông đã rất khó nuốt.<sup>4</sup> Chỉ có đức tin và sự tận tụy hy sinh của Các Thánh Hữu mới mang họ vượt qua suốt thời gian thử thách này.

### Tiểu Đoàn Mặc Môn

Trong khi Các Thánh Hữu đang ở Iowa, những người tuyển mộ lính cho quân đội Hoa Kỳ yêu cầu các vị lãnh đạo Giáo Hội cung ứng một số người để phục vụ trong Chiến Tranh Mẽ Tây Cơ, mà đã bắt đầu vào tháng Năm năm 1846. Những người, được gọi là Tiểu Đoàn Mặc Môn, phải băng ngang qua miền nam của quốc gia đến California và sẽ nhận được tiền lương, quần áo, và khẩu phần. Brigham Young khuyến khích những người đàn ông tham gia, đó là cách kiếm tiền để quy tụ những người nghèo từ Nauvoo và giúp đỡ gia đình của mỗi người lính. Việc cộng tác với chính phủ trong nỗ lực này cũng cho thấy sự trung thành của các tín hữu Giáo Hội đối với xứ sở của họ và cho họ một lý do chính đáng để tạm thời dựng trại trên khu đất công cộng và đất của Dân Da Đỏ. Cuối cùng, 541 người chấp nhận lời khuyên bảo của các vị lãnh đạo của họ và gia nhập vào tiểu đoàn. Có 33 phụ nữ và 42 trẻ em đi theo họ.

Sự thử thách của việc đi trận càng thêm tồi tệ đối với những người trong tiểu đoàn bởi nỗi buồn rầu phải bỏ lại vợ con trong lúc khó khăn. William Hyde thuật lại:

“Ý nghĩ bỏ lại gia đình tôi vào thời kỳ quyết liệt này thật không sao tả được. Họ ở rất xa quê hương của họ, nơi một cánh đồng trợ trợ mà không có chỗ trú ngụ chỉ có một chiếc xe kéo,

trời nắng cháy da, với viễn ảnh về những cơn gió lạnh của tháng Mười Hai tìm đến họ cũng tại nơi âm ấm, thê lương đó.

“Gia đình tôi gồm có một vợ và hai đứa con nhỏ, là những người đã bị bỏ lại trong đoàn với cha mẹ già và một người em trai. Đa số người trong Tiểu Đoàn rời bỏ gia đình.... Khi nào thì chúng tôi gặp lại họ, chỉ có Thượng Đế biết mà thôi. Tuy thế, chúng tôi không cảm thấy phải ta thán.”<sup>5</sup>

Tiểu đoàn đi được 2.030 dặm về phía tây nam California, thiếu thức ăn và nước uống, không nghỉ đủ và sự chăm sóc y tế cũng thiếu, và phải đi nhanh. Họ phục vụ với tư cách là quân đội chiếm đóng ở San Diego, San Luis Rey, và Los Angeles. Vào lúc cuối một năm tòng quân của họ, họ được giải ngũ và được phép trở về với gia đình họ. Các nỗ lực và lòng trung thành với chính phủ Hoa Kỳ đã chiếm được sự kính trọng của những người lãnh đạo họ.

Sau khi giải ngũ, nhiều người trong tiểu đoàn ở lại California làm việc trong một thời gian. Một số họ tìm đường đi về phía bắc Sông American và được mướn làm việc tại nhà máy của John Sutter khi vàng được khám phá ra nơi đó vào năm 1848, nhanh chóng gây ra cuộc đổ xô đi tìm vàng nổi tiếng ở California. Nhưng các anh em Thánh Hữu Ngày Sau không ở lại California nhằm lợi dụng cơ hội này để làm giàu. Lòng của họ ở cùng với các anh chị em của họ đang vất vả tiến về phía tây ngang qua các cánh đồng Hoa Kỳ để đến Rặng Núi Rocky. Một người trong số họ, James S. Brown, giải thích:

“Tôi chưa từng thấy nơi giàu có nào như thế trên thế gian; tôi cũng chẳng tiếc nuôi nó, bởi vì luôn luôn có một mục tiêu cao trước mắt tôi hơn là vàng.... Một số người có thể nghĩ rằng chúng tôi bị mù quáng với sở thích riêng của mình; nhưng sau hơn bốn mươi năm chúng tôi nhìn lại mà không tiếc nuôi, mặc dù chúng tôi đã nhìn thấy sự giàu có trong vùng đất đó, và có nhiều lời cuốn để ở lại. Người ta nói: ‘Đây là vàng trên nền đá, vàng trên đồi, vàng trong suối, vàng ở khắp nơi,... và chẳng bao lâu ta có thể tạo ra một cơ đồ sung túc.’ Chúng tôi có thể ý thức được tất cả điều đó. Tuy nhiên bốn phạm kêu gọi, vinh dự của chúng tôi đang bị đe dọa, chúng tôi đã giao ước với nhau, có một nguyên tắc liên

quan đến; vì với chúng tôi thì Thượng Đế và vương quốc của Ngài là trước nhất. Chúng tôi có bạn bè và quyền thuộc trong vùng hoang dã, vắng, trong một vùng đất hoang vu, sa mạc, và ai biết được tình trạng của họ? Chúng tôi không biết. Vậy nên, đó là bốn phận đặt trước thú vui, trước sự giàu sang, và với sự thúc giục này, chúng tôi cất bước trở về.”<sup>6</sup> Các anh em này biết rõ rằng vương quốc của Thượng Đế quý báu hơn bất cứ vật chất nào của thế gian này và chọn hướng đi của họ một cách phù hợp.

### Các Thánh Hữu Brooklyn

Trong khi đa số Các Thánh Hữu di chuyển đến Rặng Núi Rocky bằng cách hành trình bằng đường bộ từ Nauvoo, thì có một nhóm Thánh Hữu từ miền đông Hoa Kỳ đi bằng đường biển. Vào ngày 4 tháng Hai năm 1846, 70 người đàn ông, 68 người đàn bà, và 100 trẻ em đáp tàu *Brooklyn* và nhổ neo từ cảng New York trong cuộc hành trình 17.000 dặm đến bờ biển California. Trong cuộc hành trình của họ, hai trẻ em sinh ra, được đặt tên là Atlantic và Pacific, và 12 người chết.

Chuyến đi sáu tháng đầy khó khăn. Các hành khách chen chúc trong sức nóng của vùng nhiệt đới, và họ chỉ có thức ăn hư và nước. Sau khi đi vòng quanh Cape Horn, họ dừng lại trên đảo Juan Fernandez để nghỉ năm ngày. Caroline Augusta Perkins nhớ lại rằng “việc nhìn thấy và đi trên đất liền một lần nữa thật là một sự nhẹ nhõm từ đời sống trên tàu, mà chúng tôi nhận biết và vui hưởng nó với lòng biết ơn.” Họ tắm rửa và giặt giũ quần áo của họ trong nước ngọt, thu lượm trái cây và khoai tây, bắt cá và lươn, và đi dạo loanh quanh hòn đảo để thăm dò “hang động Robinson Crusoe.”<sup>7</sup>

Vào ngày 31 tháng Bảy năm 1846, sau một chuyến đi đánh dấu bởi những trận bão dữ dội, thức ăn cạn dần, và những ngày dài trên tàu, họ đến được San Francisco. Một số ở lại và thành lập một khu vực gọi là New Hope, trong khi những người khác đi về phía đông vượt qua những dãy đồi núi để nhập bọn với Các Thánh Hữu ở Great Basin.

## **Cuộc Quy Tụ Tiếp Tục**

Từ khắp các phần đất Hoa Kỳ và từ nhiều quốc gia, bằng nhiều loại phương tiện vận chuyển, trên lưng ngựa hay đi bộ, những người cải đạo trung tín rời bỏ nhà cửa và nơi sinh quán của họ để nhập bọn với Các Thánh Hữu và bắt đầu cuộc hành trình dài đến Rặng Núi Rocky.

Vào tháng Giêng năm 1847, Chủ Tịch Brigham Young, đã đưa ra lời công bố đầy soi dẫn “Lời và Ý Muốn của Chúa đối với Trại Y Sơ Ra Ên” (GLGU 136:1), mà trở thành hiến pháp điều hành phong trào tây tiến của những người tiên phong. Những toán được tổ chức và chịu trách nhiệm chăm sóc những người góa phụ và trẻ mồ côi cha trong số họ. Các mối quan hệ với những người khác không có sự xấu xa, tham lam, và tranh cãi. Các tín hữu phải vui vẻ và cho thấy lòng biết ơn của họ trong âm nhạc, lời cầu nguyện, và khiêu vũ. Qua Chủ Tịch Young, Chúa đã phán cùng Các Thánh Hữu: “Các người hãy ra đi và làm theo lời ta đã phán bảo các ngươi, và chớ sợ kẻ thù mình” (GLGU 136:17).

Khi toán người tiên phong đầu tiên chuẩn bị rời Khu Chung Cư Mùa Đông, Parley P. Pratt trở về từ công việc truyền giáo của ông ở nước Anh và báo cáo rằng John Taylor đang đi theo sau với một món quà từ Các Thánh Hữu ở nước Anh. Ngày hôm sau, Anh Taylor đến với tiên thập phân do các tín hữu này gửi cho để giúp những người ra đi, một bằng chứng về tình thương yêu và đức tin của họ. Ông cũng mang theo những dụng cụ khoa học mà đã cho thấy là vô giá trong cuộc hành trình của những người tiên phong và giúp họ học hỏi về môi trường chung quanh của họ. Vào ngày 15 tháng Tư năm 1847, toán đầu tiên, do Brigham Young hướng dẫn, ra đi. Trong hơn hai thập niên kế tiếp, có khoảng 62.000 Thánh Hữu đi theo họ bằng ngang các cánh đồng trong những chiếc xe bò và xe kéo tay để quy tụ lại Si Ôn.

Những cảnh tượng tuyệt diệu cùng những gian nan khó khăn chờ đón những người ra đi trong cuộc hành trình của họ. Joseph Moenor nhớ lại đã có “một thời gian khó khăn” khi đi vào Thung Lũng Salt Lake. Nhưng ông đã nhìn thấy những thứ mà ông chưa từng thấy trước đó— những đàn trâu lớn và những cây tuyết tùng

to trên các ngọn đồi.<sup>8</sup> Những người khác nhớ đã thấy dải đất rộng toàn cây hướng dương đang nở hoa.

Các Thánh Hữu cũng có những kinh nghiệm đầy mạnh đức tin mà làm vơi nhẹ những nhu cầu vật chất của thể xác họ. Sau một ngày đường dài và một bữa ăn được nấu ngoài trời, những người nam và những người nữ quây quần trong các nhóm để thảo luận về các sinh hoạt trong ngày của họ. Họ nói về các nguyên tắc phúc âm, hát những bài ca, khiêu vũ, và cùng cầu nguyện chung.

Thần chết thường xuyên đến viếng Các Thánh Hữu khi họ dần dần đi về phía tây. Vào ngày 23 tháng Sáu năm 1850, gia đình Crandall có mười lăm người. Đến cuối tuần đó, thì có bảy người chết vì bệnh dịch tả kinh khiếp. Trong một vài ngày kế tiếp, có năm người nữa trong gia đình chết. Rồi đến ngày 30 tháng Sáu, Chị Crandall chết cùng với đứa con sơ sinh của chị trong khi sinh nở.

Mặc dù Các Thánh Hữu đau khổ nhiều trong cuộc hành trình của họ đến Thung Lũng Salt Lake, một tinh thần đoàn kết, hợp tác, và lạc quan đã phổ biến khắp nơi. Được kết hợp với nhau bằng đức tin và sự cam kết của họ với Chúa, họ tìm thấy niềm vui trong những thử thách của mình.

### **Đúng Là Nơi Đây Đây**

Vào ngày 21 tháng Bảy năm 1847, Orson Pratt và Erastus Snow thuộc toán tiên phong đầu tiên đi trước dẫn đường những người di cư vào Thung Lũng Salt Lake. Họ nhìn thấy cỏ mọc cao đến nỗi một người có thể lợi vào đám cỏ, đất đai nhiều triển vọng cho nghề nông, và vài con suối len lỏi ngang qua thung lũng. Ba ngày sau, Chủ Tịch Brigham Young, là người đang mắc bệnh sốt thương hàn, được chở trên chiếc xe ngựa của ông đến cửa hẻm núi mà mở đường vào thung lũng. Khi Chủ Tịch Young nhìn xuống quang cảnh đó, ông đã đưa ra lời tiên tri cho cuộc hành trình của họ: “Thôi đủ rồi. Đúng là nơi này đây.”

Khi Các Thánh Hữu là những người đi theo ra khỏi rặng núi, họ cũng nhìn đắm đắm vào vùng đất hứa của họ! Thung lũng này với hồ muối của nó chiếu sáng trong ánh nắng miền tây là mục

tiêu của khát vọng và lời tiên tri, vùng đất mà họ và hàng ngàn người khác nối gót sau họ đã mơ ước. Đây là vùng đất trú ẩn của họ, nơi mà họ sẽ trở thành một dân tộc hùng mạnh ở giữa Rặng Núi Rocky.

Vài năm sau đó, một người cải đạo từ nước Anh, Jean Rio Griffiths Baker, ghi lại cảm tưởng của mình khi lần đầu tiên bà nhìn thấy Thành Phố Salt Lake. “Thành phố... được bố trí thành nhiều ô vuông hoặc góc phố như họ đã gọi chúng như thế ở đây; mỗi ô vuông rộng khoảng mười mẫu và chia làm tám lô, mỗi lô có một ngôi nhà. Tôi đứng nhìn, tôi khó có thể phân tích những cảm tưởng của mình, nhưng tôi nghĩ những cảm tưởng mạnh mẽ nhất là niềm vui và lòng biết ơn về sự chăm sóc bảo vệ tôi và những người thân của tôi trong chuyến đi dài và đầy nguy hiểm.”<sup>9</sup>

### **Những Người Tiên Phong Kéo Xe Tay**

Vào thập niên 1850, các vị lãnh đạo Giáo Hội quyết định lập các toán xe kéo tay là một cách thức giảm thiểu những phí tổn để sự giúp đỡ tài chính có thể được nới rộng đến con số lớn nhất những người di dân. Các Thánh Hữu đi theo cách này chỉ đặt 100 cân bột mì và một số lương thực và đồ đạc hạn chế vào chiếc xe và rồi kéo chiếc xe đó bằng qua các cánh đồng. Giữa năm 1856 và 1860, có mười toán xe kéo tay đã đi Utah. Tám trong số các toán đó đã đến được Thung Lũng Salt Lake, nhưng hai trong số các toán này, toán xe kéo tay Martin và Willie, gặp mùa đông sớm và nhiều Thánh Hữu trong số họ đã bỏ mình.

Nellie Pucell, một người tiên phong của một trong hai toán xấu số này, lên 10 tuổi trên các cánh đồng. Cha mẹ của bà đã chết trong cuộc hành trình. Khi nhóm này đi đến gần núi, trời trở nên rét buốt, khẩu phần ăn cạn, và Các Thánh Hữu quá yếu sức vì đói nên không thể tiếp tục đi được. Nellie và chị của bà đã ngã quỵ. Khi họ đã gần như đánh mất hy vọng, thì vị trưởng toán đến với họ trong một chiếc xe kéo. Ông đặt Nellie lên xe và bảo Maggie đi bộ theo bên cạnh xe, vịn vào xe để đi cho vững.

Maggie rất may mắn vì động tác phải làm đã cứu chân bà khỏi bị đông cứng vì lạnh.

Khi họ đi đến Thành Phố Salt Lake, giày và vợ của Nellie, mà bà đã mang để băng qua các cánh đồng, được cởi ra, thì da của bà cũng tróc theo chúng do bị đông cứng vì lạnh. Đôi chân của người thiếu nữ gan dạ này bị cứa mất một cách đau đớn và bà đã đi trên đầu gối của mình trong suốt cuộc đời còn lại của mình. Về sau bà kết hôn và sinh sáu người con, giữ gìn nhà cửa ngăn nắp và nuôi dạy một thế hệ tốt lành.<sup>10</sup> Quyết tâm của bà bất chấp hoàn cảnh của bà và lòng nhân từ của những người chăm sóc bà đã nêu lên tấm gương về đức tin và sự sẵn lòng hy sinh của các tín hữu đầu tiên này trong Giáo Hội. Tấm gương của họ là một di sản về đức tin cho tất cả Các Thánh Hữu mà noi theo họ.

Một người vượt qua các cánh đồng trong toán xe kéo Martin sống ở Utah trong nhiều năm. Một ngày nọ, ông đang ở giữa một nhóm người mà bắt đầu chỉ trích gay gắt các vị lãnh đạo của Giáo Hội đã để cho Các Thánh Hữu vượt qua các cánh đồng mà không có đồ tiếp liệu hoặc sự bảo vệ nào khác hơn là những gì mà toán xe kéo cung cấp. Người đàn ông lớn tuổi lắng nghe cho đến khi ông không thể chịu đựng được nữa; rồi ông đứng lên và nói với nỗi xúc động lớn:

“Tôi đã ở trong toán đó và vợ của tôi cũng thế.... Chúng tôi đau khổ hơn bất cứ điều gì mà các anh chị em có thể tưởng tượng được và nhiều người chết vì lạnh và đói, nhưng có bao giờ các anh chị em nghe một người sống sót của toán đó thốt lên một lời chỉ trích không?... *[Chúng tôi] trải qua sự hiểu biết tuyệt đối rằng Thượng Đế hằng sống bởi vì chúng tôi đã trở nên am hiểu về Ngài trong cánh cùn cực của mình.*

“Tôi đã kéo chiếc xe kéo tay của mình khi tôi quá yếu và kiệt sức vì bệnh và thiếu ăn đến nỗi tôi khó có thể đặt chân này lên trước chân kia. Tôi đã nhìn tới trước và thấy một đám cát hoặc một dốc đồi và tôi đã nói: tôi chỉ có thể đi đến đó thôi và nơi đó tôi phải đầu hàng, bởi vì tôi không thể kéo gánh nặng này vượt qua đó được.... Tôi đã đi đến đám cát đó và khi tới nơi, chiếc xe bắt đầu đẩy tôi đi. Tôi đã nhiều lần quay nhìn lại phía sau để xem

ai đang đẩy chiếc xe của tôi, nhưng tôi không thấy ai cả. Khi ấy tôi biết rằng các thiên sứ của Thượng Đế đã hiện diện ở đó.

“Tôi có cảm thấy ân hận đã chọn đến đây bằng xe kéo tay không? Không. Không ân hận lúc bấy giờ cũng như bất cứ giây phút nào trong cuộc sống của tôi kể từ lúc đó. *Cái giá chúng tôi phải trả để trở nên am hiểu về Thượng Đế là một đặc ân để trả, và tôi biết ơn rằng tôi đã được đặc ân để đến đây trong Toán Xe Kéo Tay Martin.*”<sup>11</sup>

Quyền thánh ca của chúng ta có một bài ca về những tín hữu đầu tiên của Giáo Hội là những người đã can đảm chấp nhận phúc âm và hành trình xa để sống ở những nơi định cư ở biên giới của nền văn minh:

*Họ, những người xây dựng nước,  
Đi tiên phong dọc theo con đường;  
Những hành động thường ngày của họ  
Tạo ra lối đi cho các thế hệ mai sau tiếp nối theo.  
Xây đắp những nền móng mới mẻ và vững chắc,  
Đẩy mạnh ranh giới hoang dã,  
Tiến lên phía trước, luôn luôn về phía trước,  
Người Tiên Phong đầy ơn phước, đầy vinh dự!*

Tấm gương của họ dạy cho chúng ta biết cách thức để sống với đức tin và lòng can đảm nhiều hơn trong xứ sở của chúng ta.

*Sự phục vụ luôn luôn là khẩu hiệu của họ;  
Tình yêu thương trở thành vì sao hướng dẫn của họ;  
Lòng can đảm, đèn hiệu bền bỉ của họ,  
Tỏa chiếu khắp nơi.  
Mỗi ngày một số gánh nặng được làm cho vơi nhẹ,  
Mỗi ngày một số tâm hồn được làm cho hân hoan,  
Mỗi ngày một số hy vọng được mang đến cho,  
Người Tiên Phong đầy ơn phước, đầy vinh dự!<sup>12</sup>*





*Các Thánh Hữu từ Thung Lũng Salt Lake liều mạng của mình để cứu giúp những người trong Toán Xe Kéo Tay Martin, bị lâm vào cảnh hiểm nguy trên các cánh đồng bởi vì mùa đông đến sớm.*

# Thiết Lập một Cờ Hiệu cho Các Quốc Gia

Được thành công trong việc mang toán Thánh Hữu đầu tiên vượt qua các cánh đồng đến Utah, giờ đây Chủ Tịch Brigham Young hướng sự chú tâm của mình đến việc thiết lập vương quốc của Thượng Đế trong vùng sa mạc. Qua tầm nhìn rộng và sự lãnh đạo của ông, chỗ mà trước đây là một sa mạc hoang vu nay đã trở thành một nền văn minh thịnh vượng và một nơi trú ẩn an toàn cho Các Thánh Hữu. Sự hướng dẫn minh bạch của ông đã giúp Các Thánh Hữu mừng tượng ra những điều có thể có về chỗ ở mới của họ và đưa họ tiến đến việc tìm kiếm xây đắp vương quốc của Thượng Đế.

Hai ngày sau khi toán đầu tiên đến nơi, Brigham Young và vài người trong Nhóm Túc Số Mười Hai leo lên một dốc đứng tròn trên sườn núi mà Chủ Tịch Young đã thấy trong khái tượng trước khi rời bỏ Nauvoo. Họ nhìn ra thung lũng rộng bát ngát và tiên tri rằng tất cả các nước trên thế gian sẽ được chào đón nơi chốn này và nơi đây Các Thánh Hữu sẽ được thịnh vượng và bình an. Họ đặt tên ngọn đồi này là Ensign Peak theo như câu thánh thư trong Ê Sai mà đã hứa: “Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước; nhóm những người Y Sơ Ra Ên bị đuổi” (Ê Sai 11:12).<sup>1</sup>

Công việc đầu tiên của Chủ Tịch Young trước công cộng, vào ngày 28 tháng Bảy năm 1847, là chọn một vị trí trung tâm cho một đền thờ và cho người khởi sự hoạch định việc thiết kế và xây cất đền thờ. Chỉ cây gậy của ông vào chỗ đã được chọn, ông nói: “Chúng ta sẽ xây cất một đền thờ nơi đây cho Thượng Đế của chúng ta.” Lời tuyên bố này chắc đã an ủi Các Thánh Hữu, là những người chỉ trong một thời gian ngắn trước đó đã bị cưỡng ép phải ngừng thờ phượng trong đền thờ khi họ rời bỏ Nauvoo.

Vào tháng Tám, các vị lãnh đạo Giáo Hội và đa số toán người tiên phong đầu tiên trở về Khu Chung Cư Mùa Đông để chuẩn bị cho gia đình của họ đến thung lũng vào năm sau. Ngay sau khi họ đến nơi, Brigham Young và Nhóm Túc Số Mười Hai cảm thấy rằng đã đến lúc để tái tổ chức Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn. Với tư cách là Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai, Brigham Young được tán trợ làm Chủ Tịch của Giáo Hội. Ông chọn Heber C. Kimball và Willard Richards làm Các Cố Vấn của ông, và Các Thánh Hữu đã đồng lòng tán trợ các vị lãnh đạo của họ.

### **Năm Đầu Tiên trong Thung Lũng**

Hai toán Thánh Hữu nữa tới Thung Lũng Salt Lake trước khi mùa hè 1847 kết thúc, và khoảng 2.000 tín hữu được tổ chức thành Giáo Khu Salt Lake. Hoa màu muộn được trồng nhưng vụ mùa thì kém, và đến mùa xuân thì nhiều người bị thiếu thức ăn. John R. Young, lúc bấy giờ là một thiếu niên, đã viết:

“Đến lúc cỏ bắt đầu mọc, thì nạn đói đã trở nên trầm trọng. Trong nhiều tháng chúng tôi đã không có bánh mì. Thịt bò, sữa, loại rau để cho heo ăn, củ huệ, và cây kế là đồ ăn thường ngày của chúng tôi. Tôi là đứa bé chăn gia súc, và trong khi đang chăn, tôi thường ăn cuống cây kế cho đến khi no bụng như thể bụng của con bò. Cuối cùng, nạn đói ác liệt đến nỗi cha tôi phải lấy miếng da bò mà chim đang đục mỗ từ cành cây xuống; và nó được chế biến thành món súp ngon lành nhất.” Những người khai hoang tùy ý cộng tác và chia sẻ với nhau và như vậy đã có thể sống qua được thời gian khó khăn này.

Đến tháng Sáu năm 1848, những người khai hoang đã trồng khoảng năm, sáu ngàn mẫu đất, và thung lũng bắt đầu trông xanh tươi và có năng suất. Nhưng Các Thánh Hữu mất tinh thần khi nhiều đám dế đen lớn đập xuống hoa màu của họ. Những người khai hoang làm mọi điều họ có thể làm được. Họ đào mương và xả nước vào các con dế. Họ đập các con côn trùng đó bằng gậy và chổi và cố gắng đốt cháy chúng, nhưng nỗ lực của họ cũng vô ích. Các con dế tiếp tục bay đến dường như hàng hà sa số. Tộc Trưởng John Smith, chủ tịch Giáo Khu Salt Lake, kêu



*Qua đức tin và sự cần cù của họ, Các Thánh Hữu bắt đầu thành lập một thành phố ở Thung Lũng Salt Lake. Bản in khắc này cho thấy thung lũng vào năm 1853.*

gọi một ngày nhịn ăn và cầu nguyện. Chẳng bao lâu những đàn chim hải âu lớn hiện ra trên bầu trời và đáp xuống những con đê. Susan Noble Grant nói về kinh nghiệm đó: “Trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, những con hải âu dường như đói lắm trong khi ăn ngẫu nhiên những con đê đang bò, nhảy lồm ngồm.”<sup>3</sup> Các Thánh Hữu đứng nhìn với niềm vui và thích thú. Mạng sống của họ đã được cứu.

Các Thánh Hữu làm việc hăng say với đức tin mặc dù hoàn cảnh khó khăn của họ, và chẳng bao lâu họ đã có được một sự tiến bộ lớn. Một người lữ khách trên đường đi California ngang qua Thành Phố Salt Lake vào tháng Chín năm 1849 và đã có lời khen ngợi họ như sau: “Một dân tộc có trật tự, sốt sắng, siêng năng và lịch sự hơn mà tôi chưa bao giờ được ở trong số những người như vậy, và thật là khó tin để thấy bao nhiêu điều họ đã làm nơi đây trong vùng hoang dã trong một thời gian ngắn như thế. Trong thành phố này mà có khoảng từ bốn đến năm ngàn dân cư, tôi chưa hề gặp một người dân nào là người lười biếng,

hoặc bất cứ người nào mà trông giống như kẻ biếng nhác. Viễn ảnh của họ về mùa màng là hợp lý, và có một tinh thần và nghị lực trong tất cả mọi điều mà ta thấy không thể sánh với bất cứ thành phố cỡ nào mà tôi đã từng đến.”<sup>4</sup>

### **Những Cuộc Thám Hiểm**

Vào cuối hè năm 1848, Chủ Tịch Brigham Young một lần nữa hành trình từ Khu Chung Cư Mùa Đông đến Thung Lũng Salt Lake. Khi đến nơi, ông nhận thấy rằng Các Thánh Hữu cần phải học biết những tài nguyên nào có sẵn trong môi trường mới của họ. Nhiều điều nhận được từ những người Dân Da Đỏ đang sống trong khu vực, nhưng Chủ Tịch Young cũng gửi các tín hữu Giáo Hội đi thám hiểm để tìm ra những tính chất y dược của thực vật và những tài nguyên thiên nhiên có sẵn.

Ông gửi đi những toán thám hiểm khác để tìm ra những địa điểm định cư. Trong những chuyến đi của họ, các tín hữu này khám phá ra những trầm tích khoáng sản, gỗ dư dật, nguồn nước, và đồng cỏ, cũng như những khu vực thích hợp cho sự định cư. Để đề phòng sự đầu cơ đất, vị tiên tri cảnh giác Các Thánh Hữu về việc cất đất đai đã được chỉ định cho mình để bán cho những người khác. Đất đai là để cho họ quản lý và phải quản trị một cách khôn ngoan và siêng năng chứ không phải để kiếm lời.

Vào mùa thu năm 1849, Quỹ Di Cư Luân Lưu được thành lập dưới sự hướng dẫn của Chủ Tịch Young. Mục đích của quỹ này nhằm giúp đỡ người nghèo mà không có phương tiện để hành trình cùng với các tín hữu Giáo Hội. Với sự hy sinh lớn, nhiều Thánh Hữu đóng góp vào quỹ, và kết quả là hàng ngàn tín hữu có thể đi đến Thung Lũng Salt lake. Ngay khi họ có khả năng, những người mà đã nhận được sự giúp đỡ được trông mong trả lại số tiền trợ giúp mà họ đã nhận được. Những quỹ này được dùng để giúp đỡ thêm những người khác. Qua nỗ lực hợp tác này, Các Thánh Hữu ban phước cho cuộc sống của những người đang túng thiếu.

## **Những Người Truyền Giáo Đáp Ứng Sự Kêu Gọi**

Với tiếng huyên náo của công việc lao nhọc và cuộc sống gia đình lan tràn trong bầu không khí, Chủ Tịch Brigham Young hướng mỗi quan tâm về Giáo Hội. Tại đại hội trung ương tổ chức vào ngày 6 tháng Mười năm 1849, ông đã chỉ định vài thành viên thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, cùng với những người truyền giáo mới được kêu gọi, đi phục vụ truyền giáo tại hải ngoại. Họ chấp nhận những sự kêu gọi này mặc dù họ sẽ rời bỏ gia đình, nhà cửa mới của họ, và nhiều công việc còn dang dở khác. Erastus Snow và vài anh cả khai mở công việc truyền giáo ở Scandinavia, trong khi Lorenzo Snow và Joseph Toronto hành trình đi Ý Đại Lợi. Addison và Louisa Barnes Pratt trở về nơi truyền giáo trước đây của Addison ở Society Islands. John Taylor được kêu gọi đi Pháp và Đức. Trong khi những người truyền giáo hành trình về phía đông, họ đi ngang qua Các Thánh Hữu đang hướng về Si Ô-n mới tại Rặng Núi Rocky.

Trong công việc truyền giáo lao nhọc của họ, những người truyền giáo thấy được những phép lạ và làm phép báp têm cho nhiều người vào Giáo Hội. Khi Lorenzo Snow, là người về sau trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội, đang rao giảng ở Ý Đại Lợi, ông đã nhìn thấy một đứa bé ba tuổi sắp chết. Ông nhận ra một cơ hội để chữa lành đứa bé và mở rộng lòng của những người trong khu vực đó. Đêm đó ông đã cầu nguyện lâu và thành khẩn để có được sự chỉ dẫn của Thượng Đế, và ngày hôm sau, ông và người bạn đồng hành của mình nhịn ăn và cầu nguyện cho đứa bé đó. Buổi trưa đó, họ ban phước cho nó và dâng lên một lời cầu nguyện thầm để có được sự giúp đỡ trong công việc của họ. Đứa bé đó ngủ ngon suốt đêm và được chữa lành một cách nhiệm mầu. Tin tức về việc chữa lành này lan tràn khắp các thung lũng Piedmont ở Ý Đại Lợi. Các cánh cửa đã mở ra cho những người truyền giáo, và các lễ báp têm đầu tiên trong khu vực đã xảy ra.<sup>5</sup>

Vào tháng Tám năm 1852, trong một đại hội đặc biệt tổ chức ở Thành Phố Salt Lake, 106 anh cả được kêu gọi đi truyền giáo ở những quốc gia trên khắp thế giới. Những người truyền giáo này, cũng như những người được kêu gọi sau này, rao giảng phúc âm

ở Nam Mỹ, Trung Hoa, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Úc Đại Lợi, Hạ Uy Di, và Nam Thái Bình Dương. Trong hầu hết những khu vực này, những người truyền giáo thoạt đầu không mấy thành công. Tuy nhiên, họ đã gieo rắc mầm mống mà đã đưa đến việc nhiều người gia nhập Giáo Hội trong những nỗ lực truyền giáo sau này.

Anh Cả Edward Stevenson được kêu gọi đi phục vụ ở Phái Bộ Truyền Giáo Gibraltar tại Tây Ban Nha. Sự kêu gọi này có nghĩa là trở lại nơi sinh quán của ông, nơi mà ông đã mạnh dạn rao giảng phúc âm phục hồi cho đồng bào của ông. Ông bị bắt giữ vì rao giảng phúc âm và ở trong tù một thời gian cho đến khi mà các nhà chức trách phát hiện ông đang giảng dạy cho những người lính canh, hầu gần như cải đạo được một người trong số họ. Sau khi được thả ra, ông làm phép báp têm cho hai người vào Giáo Hội và đến tháng Giêng năm 1854, một chi nhánh gồm mười người đã được tổ chức. Vào tháng Bảy, mặc dù sáu tín hữu đã đi phục vụ trong quân đội Anh ở Á Châu, chi nhánh đã có mười tám tín hữu, kể cả một thầy bảy mươi, một anh cả, một thầy tư tế, và một thầy giảng, mang đến cho chi nhánh sự lãnh đạo mà chi nhánh cần để tiếp tục tăng trưởng.<sup>6</sup>

Chính quyền địa phương ở French Polynesia đuổi những người truyền giáo ra khỏi đó vào năm 1852. Nhưng Các Thánh Hữu mà đã được cải đạo gìn giữ cho Giáo Hội tồn tại cho đến khi có thêm các nỗ lực giảng đạo vào năm 1892. Các Anh Cả Tihoni và Maihea đã quả cảm một cách đặc biệt khi họ chịu đựng sự giam cầm và những thử thách khác hơn là chối bỏ đức tin của họ. Mỗi người ấy đã cố gắng gìn giữ cho Các Thánh Hữu được tích cực và trung tín với phúc âm.<sup>7</sup>

Đối với những người gia nhập Giáo Hội bên ngoài Hoa Kỳ, thì đây là lúc quy tụ tại Si Ôn, tức là đi bằng tàu đến Mỹ Châu. Elizabeth và Charles Wood đáp tàu vào năm 1860 từ Nam Phi, nơi mà họ đã làm lụng cực nhọc mấy năm để kiếm tiền cho cuộc hành trình của họ. Elizabeth đã làm quản gia cho một người giàu có, và người chồng của bà làm gạch cho đến khi họ kiếm được số tiền cần thiết. Elizabeth được khiêng lên tàu trên một cái giường 24 giờ đồng hồ sau khi hạ sinh một đứa con trai và được dành

cho cái giường ngủ của vị thuyền trưởng để bà có thể nằm thoải mái. Bà bị bệnh nặng trong suốt cuộc hành trình, gần chết hai lần, nhưng vẫn sống để định cư ở Fillmore, Utah.

Những người truyền giáo trở nên rất thân thiết với Các Thánh Hữu trong những quốc gia mà họ phục vụ. Joseph F. Smith, vào gần cuối thời hạn truyền giáo của mình ở Hạ Uy Di vào năm 1857, bị bệnh sốt nặng mà đã cản trở không cho ông làm việc trong ba tháng. Ông có phước để có được sự chăm sóc của Ma Mhuhii, một Thánh Hữu trung tín người Hạ Uy Di. Bà săn sóc Joseph thể như ông là con ruột của bà, và một mối quan hệ yêu thương phát triển giữa hai người. Nhiều năm sau, khi ông là Chủ Tịch của Giáo Hội, Joseph F. Smith đến viếng Honolulu và ngay sau khi tới nơi, ông thấy một người đàn bà già cả và mù lòa được dẫn đến với một ít chuối ngon trong tay để làm quà tặng. Ông nghe bà kêu: “Iosepa, Iosepa” (Joseph, Joseph). Ông lập tức chạy đến bà và ôm hôn bà nhiều lần, vỗ nhẹ lên đầu bà và nói: “Mẹ, Mẹ, Mẹ già yêu quý của con.”<sup>8</sup>

### **Những Sự Kêu Gọi Đi Khai Hoang**

Nhiều cộng đồng ở Utah và miền nam Idaho và sau này ở những vùng thuộc Arizona, Wyoming, Nevada, và California được thành lập bởi những cá nhân và gia đình được kêu gọi tại các đại hội trung ương. Chủ Tịch Brigham Young chỉ dẫn sự thiết lập các cộng đồng này, nơi mà hàng ngàn người mới định cư có thể sống và trồng trọt.

Trong thời ông, toàn thể Thung Lũng Salt Lake và nhiều khu vực lân cận đều được khai hoang. Đến năm 1877, khi Brigham Young chết, có hơn 350 khu khai hoang đã được thành lập, và đến năm 1900, có gần 500 khu khai hoang. Vị thẩm quyền đầu tiên của Giáo Hội, Brigham Henry Roberts, nhận thấy rằng sự thành công của công việc khai hoang của dân Mặc Môn bắt nguồn từ “sự trung thành của các tín hữu đối với các vị lãnh đạo của họ và sự hy sinh vô vị kỷ và tận tụy của cá nhân [họ]” trong việc tiến hành sự kêu gọi của họ từ Chủ Tịch Young.<sup>9</sup> Những người khai hoang đã hy sinh những tiện nghi vật chất, sự giao thiệp với bạn bè, và đôi khi mạng sống của họ để tuân theo một vị tiên tri của Chúa.



Tại các buổi đại hội trung ương, Chủ Tịch Young đọc tên của các anh em và gia đình của họ mà đang được kêu gọi để dọn đi đến những vùng xa xôi hẻo lánh. Những người khai hoang này cho rằng họ đang được kêu gọi đi truyền giáo và biết rằng họ sẽ ở lại địa phương đã được chỉ định cho họ cho đến khi họ được giải nhiệm. Họ đi đến khu vực mới của họ bằng tiền và với đồ tiếp liệu của họ. Sự thành công của họ tùy thuộc vào việc họ sử dụng những tài nguyên đang có sẵn một cách tài giỏi như thế nào. Họ đo đạc địa hình và phát quang các cánh đồng, xây cất nhà máy xay lúa, đào kênh dẫn thủy nhập điền, rào đồng cỏ cho gia súc của họ, và làm đường xá. Họ trồng trọt hoa màu và rau trái, xây cất nhà thờ và trường học, và cố gắng duy trì mối liên lạc thân thiện với những người dân Da Đỏ. Họ giúp nhau khi bệnh hoạn, cũng như khi sinh nở, chết chóc, và cưới xin.

Vào năm 1862, Charles Lowell Walker nhận được sự kêu gọi đi định cư ở miền nam Utah. Ông tham dự một buổi họp cho những người đã được kêu gọi và đã ghi lại: “Nơi đây tôi học được một nguyên tắc mà tôi sẽ không bao giờ quên trong một thời gian. Nó cho tôi thấy rằng sự vâng lời là một nguyên tắc lớn trên thiên thượng và dưới thế gian. Vậy thì, tôi đây đã làm việc trong bảy năm qua trong cơ hàn, đói khát và những hoàn cảnh cay nghiệt, và cuối cùng đã cho tôi một căn nhà, nhiều cây ăn trái mà mới bắt đầu kết trái và trông xinh đẹp. Vậy mà, tôi phải bỏ nó lại, và đi làm theo ý muốn của Cha Thiên Thượng, là Đấng bác bỏ tất cả vì lợi ích của những người yêu mến và kính sợ Ngài. Tôi cầu xin Thượng Đế ban cho tôi sức mạnh để hoàn thành điều được đòi hỏi nơi tôi trong một thái độ chấp nhận trước mặt Ngài.”<sup>10</sup>

Charles C. Rich, một thành viên thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, cũng nhận được sự kêu gọi đi khai hoang. Brigham Young kêu gọi ông và một vài anh em khác mang gia đình họ đi định cư ở Thung Lũng Bear Lake, khoảng 150 dặm về phía bắc Thành Phố Salt Lake. Thung lũng đó nằm ở trên cao độ và rất lạnh và ngập tuyết vào mùa đông. Anh Rich mới vừa trở về từ công việc truyền giáo ở Âu Châu và không mong muốn di chuyển gia đình và bắt đầu lại trong hoàn cảnh khó khăn. Nhưng ông đã chấp nhận sự kêu gọi và



*Đáp ứng lời kêu gọi của Chủ Tịch Brigham Young, nhiều Thánh Hữu đã rời bỏ nhà cửa đã được xây cất của họ để đi khai hoang ở các cộng đồng mới.*

đến Thung Lũng Bear Lake. Mùa đông kể thì khắc nghiệt một cách lạ thường và đến mùa xuân, thì một số các anh em đã quyết định ra đi. Anh Rich nhận biết rằng sống trong khí hậu lạnh lẽo này không phải dễ dàng nhưng đã nói:

“Có rất nhiều gian nan khổ sở. Tôi phải thừa nhận... và chúng ta đã cùng chia sẻ những điều này. Nhưng nếu các anh em muốn đi đến một nơi nào khác, thì đó là quyền của các anh em, và tôi không muốn tước đoạt cái quyền đó của các anh em.... Nhưng tôi phải ở lại đây, cho dù tôi ở lại một mình. Chủ Tịch Young đã kêu gọi tôi đến đây, và tôi sẽ ở lại đây cho đến khi ông ấy giải nhiệm tôi và cho phép tôi rời đi.” Anh Rich và gia đình mình đã ở lại, và ông đã trở thành người lãnh đạo của một cộng đồng thịnh vượng trong mấy thập niên kế tiếp.<sup>11</sup> Giống như hàng ngàn người khác, ông đã sẵn lòng tuân theo các vị lãnh đạo của mình để giúp xây đắp vương quốc của Chúa.

### **Sự Giao Thiệp với những Người Dân Da Đỏ**

Khi những người khai hoang di chuyển xa hơn đến ranh giới, họ thường phải đối phó với những người dân Da Đỏ. Không giống như một số người định cư ở miền Tây, Chủ Tịch Brigham Young dạy Các Thánh Hữu phải cho các anh chị em thổ dân của họ ăn và cố gắng mang những người này vào Giáo Hội. Các nỗ lực truyền giáo giữa những người dân Da Đỏ đã được cố gắng tại Fort Lemhi trong vùng Salmon River của Lãnh Thổ Idaho và trong khu định cư Elk Mountain ở phía bắc Colorado trong Lãnh Thổ Utah. Chủ Tịch Young cũng thiết lập các Hội Phụ Nữ mà những thành viên của hội may vá quần áo cho các anh chị em người Da Đỏ của họ và kiếm tiền để giúp nuôi họ ăn.

Khi Elizabeth Kane, là vợ của Thomas L. Kane, một người bạn thân ngoại đạo của Các Thánh Hữu, đi ngang qua Utah, bà đã lưu lại nhà của một người phụ nữ Mặc Môn đầy mệt mỏi. Elizabeth không suy nghĩ nhiều về người phụ nữ ấy cho đến khi bà nhìn cách thức mà người phụ nữ ấy đối đãi với những người dân Da Đỏ. Khi người phụ nữ mời khách của bà ăn tối, bà cũng nói một vài lời với những người dân Da Đỏ đang chờ đợi. Elizabeth hỏi

người phụ nữ đã nói gì với những người dân Da Đỏ và một đứa con trai trong gia đình cho bà biết: “Những người khách lạ này đến trước, và tôi chỉ nấu đủ thức ăn cho họ thôi; nhưng bữa ăn của các anh chị em thì bây giờ đang được nấu trên lò, và tôi sẽ mời các anh chị em ăn ngay khi nó sẵn sàng.” Elizabeth không tin và hỏi rằng người phụ nữ có thực sự cho những người dân Da Đỏ ăn không. Đứa con trai nói cho bà biết: “Mẹ sẽ phục vụ họ cũng giống như Mẹ phục vụ bà, và dành cho họ một chỗ tại bàn ăn.” Người phụ nữ ấy đã thực sự phục vụ họ, phục dịch họ trong khi họ ăn.<sup>12</sup>

### **Tổ Chức của Chức Tư Tế và Các Chức Năng Bổ Trợ**

Trong những năm sau này của ông, Chủ Tịch Young làm sáng tỏ và thiết lập một số trách nhiệm quan trọng của chức tư tế. Ông chỉ dẫn Mười Hai Vị tổ chức các đại hội trong mỗi giáo khu. Do đó, bảy giáo khu mới và 140 tiểu giáo khu mới được thành lập ở khắp Utah. Bốn phần của các chủ tịch đoàn giáo khu, hội đồng thượng phẩm, giám trợ đoàn, và các chủ tịch đoàn nhóm túc số được định nghĩa rõ, và hàng trăm người nam được kêu gọi để đảm nhiệm các chức vụ này. Ông khuyến bảo các tín hữu Giáo Hội phải sống một cuộc sống ngăn nắp và đóng tiền thập phân, tiền nhĩn ăn của họ, và những tặng vật khác.

Vào năm 1867, vị tiên tri chỉ định George Q. Cannon làm tổng giám thị Trường Chúa Nhật, và trong vòng một vài năm, Trường Chúa Nhật là một phần thường trực của tổ chức Giáo Hội. Vào năm 1869, Chủ Tịch Young bắt đầu đưa ra lời chỉ dẫn chính thức về lối sống giản dị cho các con gái của ông. Ông nói rộng lời khuyên dạy này cho tất cả các thiếu nữ vào năm 1870 với sự thành lập Hội Hạn Chế Chi Tiêu (*hạn chế* có nghĩa là giảm bớt sự thái quá). Đây là sự khởi đầu tổ chức của Hội Thiếu Nữ. Vào tháng Bảy năm 1877, ông đi Ogden, Utah để tổ chức Hội Phụ Nữ giáo khu đầu tiên.

### **Sự Qua Đời và Di Sản của Chủ Tịch Brigham Young**

Là một vị lãnh đạo, Chủ Tịch Brigham Young là người có óc thực tế và đầy nghị lực. Ông đi đến những khu định cư của Giáo

Hội đề chỉ dẫn và khuyến khích Các Thánh Hữu. Bằng sự hướng dẫn và tấm gương, ông đã dạy các tín hữu phải làm tròn những sự kêu gọi của họ trong Giáo Hội.

Khi đánh giá về cuộc sống của ông, Chủ Tịch Young đã viết những lời sau đây để trả lời một vị chủ bút của một tờ báo ở New York:

“Kết quả của những công việc lao nhọc của tôi trong 26 năm qua được tổng kết một cách vắn tắt là: Dem khoảng 100.000 Thánh Hữu Ngày Sau di dân đến Lãnh Thổ này; thành lập hơn 200 thành phố, thị trấn và làng xã được các tín hữu của chúng tôi cư ngụ,... và sự thiết lập các trường học, các xí nghiệp, các nhà máy và những cơ quan khác nhằm cải tiến và giúp ích cho các cộng đồng của chúng tôi....

“Cả đời tôi đã cống hiến cho sự phục vụ Thượng Đế Toàn Năng.”<sup>13</sup>

Vào tháng Chín năm 1876, Chủ Tịch Young chia sẻ lời chứng hùng hồn về Đấng Cứu Rỗi: “Tôi làm chứng rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của thế gian; tôi đã vâng theo lời Ngài, và thực hiện lời hứa của Ngài, và sự hiểu biết mà tôi có về Ngài, mà sự khôn ngoan của thế gian này không thể mang đến cho tôi, cũng như cất đi khỏi tôi.”<sup>14</sup>

Vào tháng Tám năm 1877, Chủ Tịch Young lâm bệnh nặng, và dù có sự săn sóc của bác sĩ, ông đã chết trong vòng một tuần. Ông thọ 76 tuổi và đã lãnh đạo Giáo Hội trong 33 năm. Ngày nay chúng ta nhớ đến ông là một vị tiên tri năng động mà đã lãnh đạo Y Sơ Ra Ên hiện đại đến vùng đất hứa của họ. Những bài giảng của ông ảnh hưởng đến tất cả phương diện của cuộc sống hằng ngày, làm sáng tỏ rằng tôn giáo là một phần của kinh nghiệm hằng ngày. Sự hiểu biết của ông về ranh giới và sự hướng dẫn hợp lý của ông đã soi dẫn các tín hữu của ông để hoàn thành những nhiệm vụ mà dường như khó thực hiện được cũng như với các phước lành của thiên thượng mà họ đã tạo ra một vương quốc trong sa mạc.

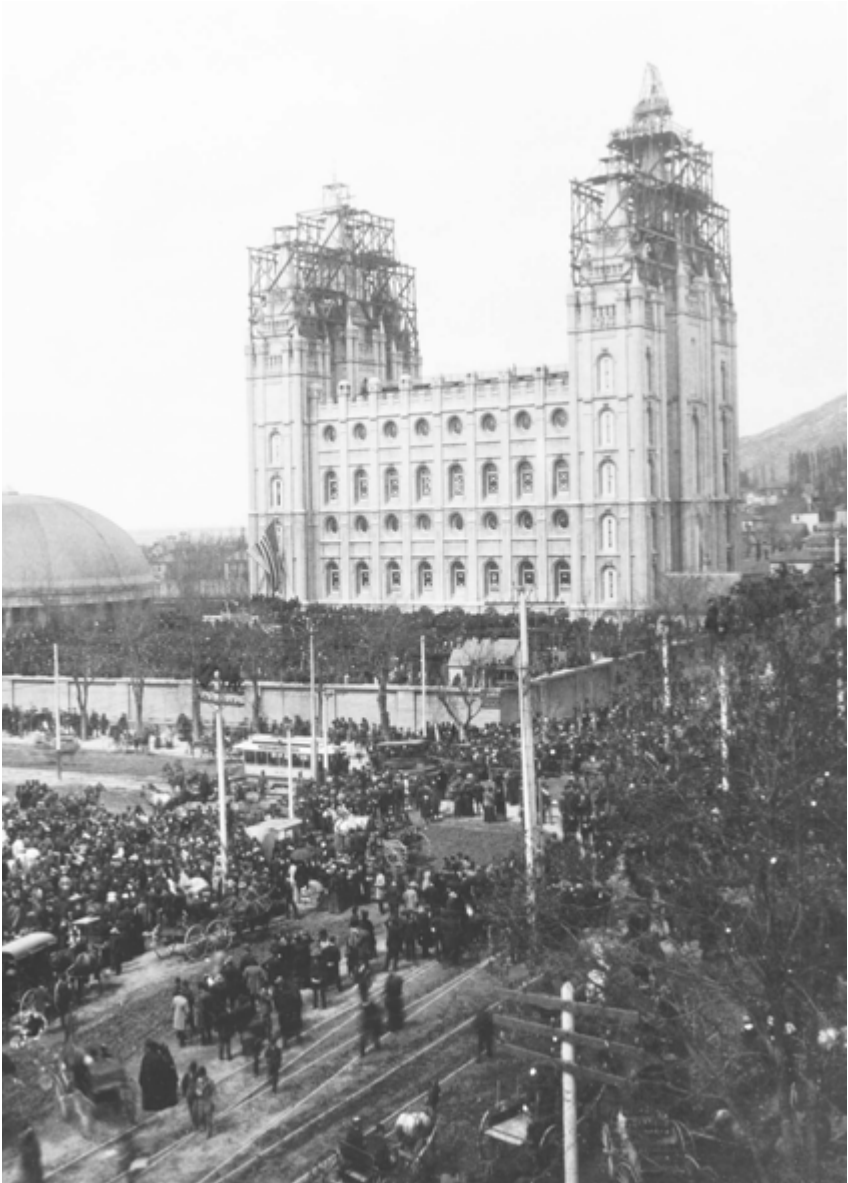
# Một Giai Đoạn Đầy Gian Nan và Thử Thách

## Chủ Tịch John Taylor

Sau khi Chủ Tịch Brigham Young chết, Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, do John Taylor chủ tọa, đã lãnh đạo Các Thánh Hữu Ngày Sau trong ba năm. Vào ngày 10 tháng Mười năm 1880, John Taylor được tán trợ làm Chủ Tịch của Giáo Hội. Chủ Tịch Taylor là một nhà văn và nhà báo có tài đã xuất bản một quyển sách về Sự Chuộc Tội và biên tập một số tạp chí xuất bản định kỳ quan trọng nhất của Giáo Hội, kể cả *Times and Seasons* và *Mormon*. Trong nhiều dịp ông đã biểu lộ lòng can đảm và sự tận tâm sâu xa của ông đối với phúc âm phục hồi, kể cả việc tự ý đến với các anh em của ông trong Ngục Thất Carthage, nơi mà ông bị bắn bốn lần. Châm ngôn riêng của ông “Hoặc là vương quốc của Thượng Đế hoặc không có gì cả,” cho thấy sự trung thành của ông đối với Thượng Đế và Giáo Hội.

## Công Việc Truyền Giáo

Chủ Tịch Taylor đã cam kết làm tất cả những gì ông có thể làm để bảo đảm rằng phúc âm được rao truyền khắp nơi trên thế gian. Vào đại hội trung ương tháng Mười năm 1879, ông kêu gọi Moses Thatcher, Vị Sứ Đồ mới nhất của Giáo Hội, bắt đầu đi giảng đạo ở Thành Phố Mexico, Mỹ Tây Cơ. Anh Cả Thatcher và hai người truyền giáo khác tổ chức chi nhánh đầu tiên của Giáo Hội tại Thành Phố Mexico vào ngày 13 tháng Mười Một năm 1879, với Dr. Plotino C. Rhodacanaty làm chủ tịch chi nhánh. Dr. Rhodacanaty đã được cải đạo sau khi đọc quyển Sách Mặc Môn nhỏ bằng tiếng Tây Ban Nha và viết thư cho Chủ Tịch Taylor để biết thêm chi tiết về Giáo Hội.



*Hàng ngàn Thánh Hữu Ngày Sau quy tụ lại để chứng kiến lễ đặt viên đá  
đỉnh trên Đền Thờ Salt Lake, ngày 6 tháng Tư năm 1892.*

Với thành phần cốt lõi gồm mười hai tín hữu và ba người truyền giáo, phúc âm phục hồi bắt đầu dần dần truyền bá giữa những người dân Mễ Tây Cơ. Vào ngày 6 tháng Tư năm 1881, Anh Cả Thatcher, Feramorz Young, và một anh tên là Pais leo lên ngọn núi Mount Popocatepetl cao 5.100 thước và thực hiện một buổi lễ cung hiến ngắn. Quỳ xuống trước Chúa, Anh Cả Thatcher cung hiến phần đất Mễ Tây Cơ và dân tộc của nước này để họ có thể nghe được tiếng nói của Chúa, Đấng chặn chân chính của họ.

Anh Cả Thatcher trở về Thành Phố Salt Lake và đề nghị kêu gọi thêm những người truyền giáo để phục vụ ở Mễ Tây Cơ. Chẳng bao lâu, một số thanh niên, kể cả Anthony W. Ivins, một thành viên tương lai của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, đã lao nhọc tại Thành Phố Mexico. Là phần nỗ lực của Giáo Hội ở Phái Bộ Truyền Giáo Mễ Tây Cơ, một ấn bản Sách Mặc Môn bằng tiếng Tây Ban Nha được xuất bản vào năm 1886. Câu chuyện về Milton Trejo, là người đã giúp phiên dịch Sách Mặc Môn và các văn phẩm khác của Giáo Hội ra tiếng Tây Ban Nha, cho thấy cách thức Chúa hướng dẫn công việc của Ngài.

Milton Trejo sinh ra ở Tây Ban Nha và lớn lên mà không theo tôn giáo nào. Ông đang phục vụ trong quân ngũ ở Phi Luật Tân khi ông nghe được một lời nhận xét về những người Mặc Môn trong Rặng Núi Rocky và cảm thấy ước muốn mãnh liệt để đi thăm họ. Về sau ông bị bệnh nặng và trong một giấc mơ được phán bảo ông phải đi thăm Utah. Khi bình phục, ông hành trình đi Thành Phố Salt Lake. Ông gặp Brigham Young và tìm hiểu phúc âm. Ông trở nên tin rằng ông đã tìm ra lẽ thật và trở thành một tín hữu của Giáo Hội. Ông phục vụ truyền giáo ở Mễ Tây Cơ và rồi được chuẩn bị, về phương diện thuộc linh và trí tuệ, để đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm rằng những người nói tiếng Tây Ban Nha có thể đọc Sách Mặc Môn bằng ngôn ngữ của họ.

Chủ Tịch Taylor cũng kêu gọi những người truyền giáo mang phúc âm đến những người dân Da Đỏ đang sống ở Miền Tây Hoa Kỳ. Những sự lao nhọc của Amos Wright đặc biệt gặt hái kết quả mỹ mãn giữa bộ lạc Shoshone đang sinh sống tại Wind River Reservation ở Wyoming. Sau khi chỉ phục vụ một vài tháng, Wright đã làm phép



báp têm cho hơn 300 người dân Da Đỏ, kể cả Tù Trưởng Washakie. Những người truyền giáo Thánh Hữu Ngày Sau cũng mang phúc âm đến các bộ lạc Navajo, Pueblo, và Zuni đang sống ở Arizona và New Mexico. Wilford Woodruff bỏ ra một năm để giảng đạo cho những người dân Da Đỏ, kể cả các bộ lạc Hopi, Apache, và Zuni. Ammon M. Tenney phụ giúp làm phép báp têm cho hơn 100 người dân Da Đỏ Zuni.

Những người truyền giáo cũng tiếp tục giảng dạy phúc âm ở nước Anh và Âu Châu. Vào năm 1883, Thomas Biesinger, vốn là người Đức đang sống ở Lehi, Utah, nhận được sự kêu gọi đi phục vụ ở phái bộ truyền giáo Âu Châu. Ông và Paul Hammer được gửi đi Prague, Czechoslovakia, lúc bấy giờ là một phần đất của đế chế Austro-Hungarian. Những người truyền giáo bị luật pháp cấm không được giảng đạo, vậy nên họ khởi xướng những cuộc chuyện trò thường với những người họ gặp. Những cuộc chuyện trò này thường trở thành đề tài tôn giáo. Sau khi làm việc trong cách thức này chỉ trong một tháng, Anh Cả Biesinger bị bắt giữ và bỏ tù trong hai tháng. Khi được trả tự do, ông đã có được phước lành để làm phép báp têm cho Antonín Just, mà lời buộc tội của người này đã đưa đến việc bắt giữ ông. Anh Just trở thành người Thánh Hữu Ngày Sau đầu tiên sinh sống ở Czechoslovakia.<sup>1</sup>

Phúc âm cũng được rao giảng ở Polynesia. Hai người dân Hạ Uy Di, Các Anh Cả Kimo Pelio và Samuela Manoa, được gửi đi Samoa vào năm 1862. Họ làm phép báp têm cho khoảng 50 người, và Anh Cả Manoa tiếp tục sống ở Samoa với những người cải đạo của ông trong 25 năm sau đó. Vào năm 1887 Joseph H. Dean ở Thành Phố Salt Lake, Utah, nhận được sự kêu gọi phục vụ truyền giáo ở Samoa. Anh Cả Manoa và người vợ trung tín của anh mở rộng cửa nhà của mình cho Anh Cả Dean và vợ của anh, Florence, những người Thánh Hữu Ngày Sau đầu tiên từ bên ngoài Samoa mà họ nhìn thấy trong hơn hai thập niên. Chẳng bao lâu, Anh Cả Dean làm phép báp têm cho 14 người vào Giáo Hội và khoảng một tháng sau, ông đã đưa ra bài giảng đầu tiên của mình bằng tiếng SaMoa.<sup>2</sup> Như vậy, công việc truyền giáo lần nữa lại bắt đầu trên đảo.

Bắt đầu vào năm 1866, để ngăn ngừa sự lan tràn của bệnh phung, các chức sắc Hạ Uy Di mang những người mắc bệnh ấy đến Bán Đảo Kalaupapa trên đảo Molokai. Vào năm 1873 Jonathan và Kitty Napela, là những người Thánh Hữu Ngày Sau, bị đày đi nơi đó. Chỉ có Kitty mắc bệnh, nhưng Jonathan, là người đã làm lễ gắn bó với bà trong Ngôi Nhà Thiên Ân Salt Lake, không chịu bỏ bà ở đó một mình. Về sau, Jonathan mắc bệnh, và chín năm sau khi một người bạn thân đến thăm ông, đã khó có thể nhìn ra ông. Trong một thời gian, ông đã chủ tọa Các Thánh Hữu trên bán đảo đó, mà đến năm 1900 đã lên đến hơn 200 người. Các vị lãnh đạo Giáo Hội không quên các tín hữu trung tín đang chịu đựng căn bệnh nguy hại này và thường xuyên thăm viếng chi nhánh để chăm lo những nhu cầu tinh thần của họ.<sup>3</sup>

### Đại Hội Toàn Xá

Vào ngày 6 tháng Tư năm 1880, các tín hữu Giáo Hội ăn mừng lễ kỷ niệm năm mươi năm thành lập Giáo Hội. Họ gọi đó là Năm Toàn Xá, giống như những người dân Y Sơ Ra Ên thời xưa đã gọi mỗi năm mươi năm như thế. Chủ Tịch Taylor xóa nợ cho nhiều tín hữu nghèo túng đang mắc nợ Giáo Hội. Giáo Hội cũng đóng góp 300 con bò và 2.000 con cừu để được phân phát cho những “người nghèo khó đáng được hưởng.”<sup>4</sup> Các chị em trong Hội Phụ Nữ của Giáo Hội tặng gần 35.000 đầu bột mì cho những người đang túng thiếu. Chủ Tịch Taylor cũng khuyến khích các tín hữu Giáo Hội xóa nợ cá nhân, nhất là cho những người túng quẫn. Ông nói: “Đây là thời gian toàn xá!”<sup>5</sup> Một tinh thần tha thứ và vui mừng được cảm nhận bởi Các Thánh Hữu Ngày Sau.

Ngày cuối cùng của đại hội trung ương Toàn Xá vào tháng Tư năm 1880 thì đầy cảm động. Mười một người trong số Mười Hai Vị Sứ Đồ chia sẻ chứng ngôn của mình trong phiên họp kết thúc. Orson Pratt, một trong số các thành viên đầu tiên của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, nói về thời gian mà toàn thể Giáo Hội đã nhóm họp tại nhà của Peter Whitmer Sr. ở Fayette, New York. Ông nhớ lại những gian nan thử thách, những sự quy tụ, những ngược đãi, và những hoạn nạn của Các Thánh Hữu Ngày Sau và

cảm thấy biết ơn rằng ông vẫn còn “được kể vào trong số những người này.” Rồi ông chia sẻ chứng ngôn “về công việc lớn lao mà Chúa Thượng Đế của chúng ta đã làm trong năm mươi năm qua.”<sup>6</sup> Anh Cả Pratt chỉ còn sống thêm một vài tháng nữa và cảm thấy hân hoan rằng ông đã chịu đựng đến cùng với tư cách là một Thánh Hữu Ngày Sau trung tín.

Hai năm trước lễ kỷ niệm Toàn Xá, Chủ Tịch John Taylor đã cho phép thiết lập một tổ chức để cung ứng sự chỉ dẫn về tôn giáo cho các trẻ em. Hội Thiếu Nhi đầu tiên bắt đầu ở Farmington, Utah, khoảng 15 dặm về phía bắc Thành Phố Salt Lake, và đến giữa thập niên 1880, một Hội Thiếu Nhi đã được tổ chức trong hầu hết các khu định cư Thánh Hữu Ngày Sau. Hội Thiếu Nhi đã tăng trưởng và có hàng triệu trẻ em trên khắp thế giới, là những em được ban phước bởi sự chỉ dẫn phúc âm, âm nhạc, và những sự giao tiếp mà các em thụ hưởng mỗi tuần.

### **Sự Ngược Đãi Tiếp Tục**

Trong khi đang làm công việc phiên dịch Kinh Thánh vào đầu thập niên 1830, Tiên Tri Joseph Smith trở nên hoang mang bởi sự kiện rằng Áp Ra Ham, Gia Cốp, Đa Vít và các vị lãnh đạo thời Cựu Ước đã có hơn một vợ. Vị Tiên Tri cầu nguyện để được hiểu và ông biết được rằng vào một thời điểm nào đó, vì những mục đích riêng biệt, tiếp theo những luật pháp đã được Thượng Đế ban cho, tục đa hôn được chấp thuận và hướng dẫn bởi Thượng Đế. Joseph Smith cũng biết được rằng với sự chấp thuận thiêng liêng, một số Thánh Hữu Ngày Sau chẳng bao lâu sẽ được chọn bởi thẩm quyền chức tư tế để kết hôn với hơn một người vợ. Một số Thánh Hữu Ngày Sau thực hành tục đa hôn ở Nauvoo, nhưng một lời công bố về giáo lý và sự thực hành này không được đưa ra cho đến khi đại hội trung ương vào tháng Tám năm 1852 ở Thành Phố Salt Lake. Tại đại hội đó, Anh Cả Orson Pratt, như đã được Chủ Tịch Brigham Young chỉ thị, loan báo rằng sự thực hành việc một người nam có hơn một người vợ là một phần phục hồi vạn vật (xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 3:19–21).

Nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị ở Mỹ Châu trở nên tức giận khi họ biết được rằng Các Thánh Hữu Ngày Sau sống ở Utah đang khuyến khích một hệ thống hôn nhân mà họ xem là vô luân và trái với giáo lý Ky Tô. Một chiến dịch chính trị lớn được phát động nhằm chống lại Giáo Hội và các tín hữu Giáo Hội. Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua luật mà hạn chế sự tự do của Các Thánh Hữu và gây thiệt hại cho Giáo Hội về mặt kinh tế. Luật này cơ bản nhất là khiến các viên chức chính quyền bắt giữ và cầm tù những người có hơn một vợ và không cho họ quyền bầu cử, quyền có sự riêng tư trong nhà họ, và thụ hưởng những sự tự do công dân khác. Hằng trăm nam Thánh Hữu Ngày Sau và một vài phụ nữ bị bỏ tù ở Utah, Idaho, Arizona, Nebraska, Michigan, và South Dakota.

Sự ngược đãi cũng trở nên ác liệt đối với nhiều người đã chấp nhận sự kêu gọi đi rao giảng phúc âm, nhất là ở miền nam Hoa Kỳ. Ví dụ, vào tháng Bảy năm 1878, Anh Cả Joseph Standing bị giết một cách tàn nhẫn trong khi phục vụ gần Rome, Georgia. Người bạn đồng hành của ông, Vị Sứ Đồ tương lai Rudger Clawson, đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Các Thánh Hữu ở Thành Phố Salt Lake rất xúc động trước tin Anh Cả Standing bị giết chết, và hằng ngàn người đã tham dự tang lễ của ông tại Đại Thánh Đường Salt Lake Tabernacle.

Các Anh Cả John Gibbs, William Berry, William Jones, và Henry Thompson đã hành trình gần hết Tennessee để cố gắng thay đổi quan điểm của công chúng về Giáo Hội. Vào một buổi sáng Sa Bát tháng Tám năm 1884, họ nghỉ chân tại nhà của James Condor gần Cane Creek ở Tennessee. Trong khi Anh Cả Gibbs nghiên cứu thánh thư, tìm kiếm một bản văn cho bài thuyết giảng của ông, thì một đám đông khủng bố chợt xuất hiện trong khu rừng và bắt đầu bắn giết. Các Anh Cả Gibbs và Berry bị giết chết. Anh Cả Gibbs, một người thầy giáo, bỏ lại một vợ và ba con khóc than vì sự qua đời của ông. Chị Gibbs vẫn sống góa bụa trong 43 năm và trở thành cô mẹ đỡ đẻ để nuôi con. Bà chết trung tín trong phúc âm, thấy trước một cuộc sum họp đầy vui mừng với chồng bà. Brigham Henry Roberts, quyền chủ tịch phái bộ truyền

giáo vào lúc xảy ra cuộc tàn sát, liều mạng mình bằng cách giả trang để đi khai quật thi hài của Gibbs và Berry. Ông mang hai thi hài về Utah, nơi mà có nhiều tiểu giáo khu tổ chức lễ truy điệu để tưởng niệm hai anh cả.

Những người truyền giáo trong những khu vực khác bị đánh đập cho đến khi máu chảy xuống lưng họ, và nhiều người mang theo những vết thẹo của những trận roi đó vào huyết mạch. Đó không phải là một thời gian dễ dàng để làm tín hữu của Giáo Hội.

Nhiều vị lãnh đạo Giáo Hội đi trốn để tránh bị bắt giữ bởi các giới chức liên bang đang lùng kiếm những người có hơn một vợ. Những gia đình lo sợ sự xâm nhập giữa khuya của các giới chức này. Chủ Tịch George Q. Cannon, Lorenzo Snow, Rudger Clawson, Brigham Henry Roberts, George Reynolds, và nhiều người khác bị đi tù, nơi mà họ dùng thời giờ để viết sách, dạy học, và viết thư cho gia đình họ. Chủ Tịch John Taylor bị cưỡng bách sống lưu đày ở Kaysville, Utah, khoảng 20 dặm phía bắc Thành Phố Salt Lake, nơi mà ông chết vào ngày 25 tháng Bảy năm 1887. Ông là một người có đức tin và can đảm mà đã dành hết đời ông cho chứng ngôn của ông về Chúa Giê Su Ky Tô và cho sự thiết lập vương quốc của Thượng Đế trên thế gian.

### **Chủ Tịch Wilford Woodruff**

Wilford Woodruff là một trong số những người truyền giáo thành công nhất của Giáo Hội và cũng được nổi tiếng về những hiểu biết sâu rộng có tính cách tiên tri và lòng trung thành của ông đối với Giáo Hội. Ông giữ tỉ mỉ nhật ký mà cung ứng nhiều chi tiết về lịch sử lúc ban đầu của Giáo Hội. Ông đang phục vụ với tư cách là Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ thì John Taylor chết, và gần hai năm sau, ông được tán trợ làm Chủ Tịch của Giáo Hội.

Trong thời ông làm chủ tịch, cuộc vận động chính trị chống lại Các Thánh Hữu Ngày Sau gia tăng mạnh, nhưng Giáo Hội vẫn tiến bước. Các đền thờ đang hoạt động trong ba thị trấn ở Utah—St. George, Logan, và Manti—và Đền Thờ Salt Lake gần hoàn tất. Những ngôi nhà này của Chúa cho phép hàng ngàn Thánh Hữu có thể nhận được lễ thiên ân của họ và thực hiện công việc giáo lễ

cho những người thân đã qua đời của họ. Chủ Tịch Woodruff có một mối quan tâm suốt đời nơi đền thờ và công việc lịch sử gia đình. Trong nhiều dịp, ông đã khuyên bảo Các Thánh Hữu phải thực hiện các giáo lễ trong đền thờ cho các tổ tiên của họ.

Sự việc sau đây nhấn mạnh đến tầm quan trọng về công việc của Các Thánh Hữu đang thực hiện cho những người chết. Vào tháng Năm năm 1884, Giám Trợ Henry Ballard của Tiểu Giáo Khu Logan Second đang ký giấy giới thiệu đi đền thờ tại nhà mình. Đứa con gái chín tuổi của Henry đang nói chuyện với bạn trên vỉa hè gần nhà nó, thì thấy hai người đàn ông lớn tuổi tiến đến gần. Họ gọi đứa bé gái ấy lại, đưa cho nó một tờ báo, và bảo nó mang lại cho cha nó.

Đứa bé gái làm theo như đã được bảo. Giám Trợ Ballard thấy rằng tờ báo, *Newbury Weekly News*, được xuất bản ở nước Anh, chứa đựng tên của hơn 60 người quen của ông và của cha ông, cùng với các thông tin gia phả. Tờ báo này, đề ngày 15 tháng Năm năm 1884, đã được đưa cho ông chỉ ba ngày sau khi nó được in ra. Trong lúc ấy chưa có việc vận chuyển bằng đường hàng không, và thư tín phải mất vài tuần để đi từ nước Anh đến miền tây Mỹ Châu, thì đây là một phép lạ.

Ngày hôm sau, Giám Trợ Ballard mang tờ báo đến đền thờ và kể câu chuyện về việc tờ báo tới tay ông cho Marriner W. Merrill, chủ tịch đền thờ, nghe. Chủ Tịch Merrill nói: “Thưa Anh Ballard, một người nào đó ở bên kia thế giới đang nóng lòng cho công việc của họ được thực hiện và họ biết rằng anh sẽ thực hiện điều đó nếu tờ báo này đến tay anh.”<sup>7</sup> Tờ báo này được lưu giữ ở Thư Viện Lịch Sử Giáo Hội tại Thành Phố Salt Lake, Utah.

Bất chấp sự ngược đãi, các vị lãnh đạo Giáo Hội vẫn khuyến khích công việc khai hoang những vùng đất vô chủ ở miền tây Mỹ Châu. Bắt đầu năm 1885, nhiều gia đình Thánh Hữu Ngày Sau định cư ở Sonora và Chihuahua, Mễ Tây Cơ, thành lập những thị trấn như Colonia Juárez và Colonia Díaz. Các khu vực khác ở miền bắc Mễ Tây Cơ cũng tiếp nhận các tín hữu Giáo Hội di cư đến.

Các tín hữu Giáo Hội cũng tìm kiếm một chỗ nơi phía bắc đến Gia Nã Đại một chỗ để khai hoang. Charles O. Card, là người đã phục vụ với tư cách là chủ tịch Giáo Khu Cache Valley, đã thành

lập một cộng đồng Thánh Hữu ở miền nam Alberta vào năm 1886. Đến mùa đông năm 1888, có hơn 100 Thánh Hữu Ngày Sau sống ở miền tây Gia Nã Đại, và nhiều người nữa đến vào thập niên 1890, cung ứng sức lao động để xây cất một hệ thống dẫn thủy nhập điền và đường xe lửa. Nhiều vị lãnh đạo Giáo Hội trưởng thành ở Alberta.

### **Bản Tuyên Ngôn**

Gần cuối thập niên 1880, chính phủ Hoa Kỳ thông qua thêm những luật tước quyền bầu cử và phục vụ trong hội thẩm đoàn của những người thực hành tục đa hôn và giới hạn chặt chẽ số tài sản đất đai mà Giáo Hội có thể sở hữu. Các gia đình Thánh Hữu Ngày Sau đau khổ khi có thêm nhiều người cha phải đi trốn. Chủ Tịch Woodruff cầu khẩn với Chúa để được hướng dẫn. Vào buổi tối 23 tháng Chín năm 1890, vị tiên tri, hành động với sự soi dẫn, viết Bản Tuyên Ngôn, một tài liệu mà kết thúc tục đa hôn của các tín hữu Giáo Hội. Chúa cho Chủ Tịch Woodruff thấy trong khái tượng rằng nếu không chấm dứt sự thực hành tục đa hôn, chính phủ Hoa Kỳ sẽ tịch thu các đền thờ, như thế sẽ chấm dứt công việc cho người sống và người chết.

Vào ngày 24 tháng Chín năm 1890, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ tán trợ Bản Tuyên Ngôn. Các Thánh Hữu chấp thuận Bản Tuyên Ngôn trong đại hội trung ương tháng Mười năm 1890. Ngày nay tài liệu này được gồm vào trong sách Giáo Lý và Giao Ước là Tuyên Ngôn Chính Thức số 1.

Tiếp theo hành động của Giáo Hội, các viên chức liên bang tha tội cho những người nam Thánh Hữu Ngày Sau bị kết án vi phạm luật chống tục đa hôn và nhiều sự ngược đãi ngừng lại. Nhưng, như Chủ Tịch Woodruff giải thích: “Lẽ ra tôi đã để cho tất cả các đền thờ ra khỏi tay của chúng ta; lẽ ra tôi đã đi vô tù, và để cho mọi người đàn ông khác đi vào đó, nếu Thượng Đế của thiên thượng đã không truyền lệnh cho tôi làm điều tôi đã làm; và khi đã đến lúc tôi được truyền lệnh làm điều đó, tất cả đều rõ ràng đối với tôi. Tôi đi đến trước Chúa, và tôi viết những điều mà Chúa phán bảo tôi viết” (“Những Đoạn Trích từ Ba Bài Thuyết Giảng của Chủ Tịch Wilford

Woodruff Về Bản Tuyên Ngôn,” gồm vào phần sau Tuyên Ngôn Chính Thức—1). Thượng Đế, chứ không phải Quốc Hội Hoa Kỳ, mang đến sự đình chỉ tục đa hôn.

## Hội Gia Phả

Trước đó rất lâu khi mà Các Thánh Hữu Ngày Sau thành lập hội gia phả, thì các tín hữu Giáo Hội đã thu góp các hồ sơ ghi chép về cuộc sống của các tổ tiên đã qua đời của họ. Wilford Woodruff, Orson Pratt, và Heber J. Grant là trong số những người nhận được tên của hàng ngàn tổ tiên mà họ đã thực hiện các giáo lễ đền thờ cho các tổ tiên này. Vào năm 1894, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn chỉ thị rằng hội gia phả được tổ chức với Anh Cả Franklin D. Richards là vị lãnh đạo đầu tiên của hội. Một thư viện được thiết lập, và những người đại diện của hội này đi khắp thế giới để tìm kiếm tên của những người mà các giáo lễ đền thờ có thể được thực hiện cho họ. Hội này đưa đến việc thành lập Sở Lịch Sử Gia Đình của Giáo Hội.

Trong đại hội trung ương tháng Tư năm 1894, Chủ Tịch Woodruff thông báo rằng ông đã nhận được một điều mặc khải về công việc gia phả. Ông tuyên bố rằng Thượng Đế muốn Các Thánh Hữu Ngày Sau “truy nguyên gia phả của họ càng nhiều thế hệ càng tốt mà họ có thể làm được, và được làm lễ gắn bó với các tổ phụ và tổ mẫu của họ. Cho các con cái làm lễ gắn bó với cha mẹ chúng và giữ mối dây liên kết này càng nhiều thế hệ càng tốt nếu các anh chị em có thể làm được.... Đây là ý muốn của Chúa đối với dân của Ngài,” ông nói, “và tôi nghĩ rằng khi các anh chị em tiến đến việc suy ngẫm điều này thì các anh chị em sẽ thấy rằng điều này là chân chính.” 8 Các Thánh Hữu Ngày Sau vẫn còn được khuyến khích để tìm kiếm những hồ sơ của các tổ tiên đã chết của họ và thực hiện các giáo lễ đền thờ thay cho các tổ tiên này.

Từ năm 1885 đến năm 1900, nhiều tín hữu Giáo Hội đã phục vụ công việc truyền giáo về gia phả. Họ được mời đến Thành Phố Salt Lake để tiếp nhận một phước lành cho công việc truyền giáo của họ từ một Vị Thâm Quyền Trung Ương. Họ cũng được cung ứng một tấm thẻ của người truyền giáo và một thư bổ nhiệm. Họ



thăm viếng bà con quyến thuộc, chép lại tên từ những mộ bia, và nghiên cứu những hồ sơ xứ đạo và Kinh Thánh của gia đình, trở về nhà họ với thông tin quý báu mà cho phép công việc đền thờ được thực hiện. Nhiều người truyền giáo tường trình về những kinh nghiệm thuộc linh mà mang đến cho họ sự bảo đảm chắc chắn rằng Chúa ở cùng họ và thường chỉ dẫn họ đến một nguồn hay một người bà con cần đến.<sup>9</sup>

### **Lễ Cung Hiến Đền Thờ Salt Lake**

Chủ Tịch Wilford Woodruff dâng hiến hầu hết đời ông cho công việc đền thờ. Ông là vị chủ tịch đầu tiên của Đền Thờ St. George, và ông đã làm lễ cung hiến Đền Thờ Manti. Bảy giờ, 40 năm sau khi làm lễ đặt viên đá nền của Đền Thờ Salt Lake, Chủ Tịch Woodruff trông chờ với sự tiên liệu lớn lao lễ cung hiến của ngôi đền thờ lịch sử này. Các lễ cung hiến được tổ chức từ ngày 6 tháng Tư đến ngày 18 tháng Năm năm 1893, và có khoảng 75.000 người tham dự.<sup>10</sup>

Tiếp theo lễ cung hiến đầu tiên vào ngày 6 tháng Tư, Chủ Tịch Woodruff đã viết trong nhật ký của ông: “Thánh Linh và quyền năng của Thượng Đế ngự trên chúng tôi. Tinh thần tiên tri và mặc khải ở trên chúng tôi và tấm lòng của các tín hữu đầy xúc động và nhiều điều đã mở ra trước chúng tôi.”<sup>11</sup> Một số Thánh Hữu Ngày Sau nhìn thấy các thiên sứ, trong khi những người khác nhìn thấy Các Vị Chủ Tịch tiền nhiệm của Giáo Hội và các vị lãnh đạo đã qua đời của Giáo Hội.<sup>12</sup>

Khi Chủ Tịch Woodruff kỷ niệm sinh nhật thứ chín mươi của ông, hàng ngàn trẻ em trong Trường Chúa Nhật đã ngồi đầy trong Đại Thánh Đường Tabernacle ở Khuôn Viên Đền Thờ để vinh danh ông. Ông đã cảm động vô ngần và, đã ngỡ lời với mỗi xúc động sâu xa, bảo những thánh giả trẻ tuổi của ông rằng khi ông lên mười tuổi, ông đã tham dự một Trường Chúa Nhật Tin Lành và đọc về các sứ đồ và các tiên tri. Khi trở về nhà, ông đã cầu xin để có thể được sống đủ lâu để nhìn thấy các sứ đồ và các tiên tri một lần nữa trên thế gian. Giờ đây, ông đứng nơi hiện diện của những người là sứ đồ lần tiên tri; lời cầu nguyện của ông đã được đáp ứng rất nhiều lần.<sup>13</sup>

Một năm sau vào ngày 2 tháng Chín năm 1898, Chủ Tịch Woodruff qua đời trong khi đang thăm viếng ở San Francisco.

### **Chủ Tịch Lorenzo Snow và Tiền Thập Phân**

Sau khi Chủ Tịch Woodruff qua đời, Lorenzo Snow, Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai, trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội. Ông là một vị lãnh đạo khôn ngoan và nhân từ mà đã được chuẩn bị kỹ cho các trách nhiệm của mình. Đến lúc đó, ông đã quen biết và được dạy bảo bởi mỗi vị tiên tri ngày sau. Vào tháng Mười Một năm 1900, ông nói cho Các Thánh Hữu nhóm lại trong Đại Thánh Đường Tabernacle biết rằng ông đã thường đi thăm Tiên Tri Joseph Smith và gia đình của Vị Tiên Tri, ăn tại bàn ăn của Vị Tiên Tri, và có những cuộc phỏng vấn riêng với Vị Tiên Tri. Ông biết Joseph là tiên tri của Thượng Đế vì Chúa đã cho ông thấy lẽ thật này “một cách rõ ràng và trọn vẹn nhất.”<sup>14</sup>

Trong thời Chủ Tịch Snow, Giáo Hội gặp phải nhiều khó khăn tài chính gây ra bởi luật của chính phủ liên bang chống lại tục đa hôn. Chủ Tịch Snow suy ngẫm và cầu nguyện để được hướng dẫn về cách thức Giáo Hội thoát khỏi nợ nần nguy hại của mình. Tiếp theo đại hội trung ương tháng Tư năm 1899, ông cảm thấy được soi dẫn để đi thăm St. George, Utah. Trong khi đang ngủ lơ lửng tại một buổi họp ở nơi đó, ông dừng lại một lúc, và khi ông tiếp tục, ông tuyên bố rằng ông đã nhận được một điều mặc khải. Các tín hữu của Giáo Hội đã xao lãng luật thập phân, và Chúa đã phán bảo cho ông biết rằng nếu các tín hữu Giáo Hội đóng tiền thập phân trọn vẹn một cách trung tín hơn, thì các phước lành sẽ đổ lên trên họ.

Vị tiên tri đã rao giảng về tầm quan trọng của tiền thập phân cho các giáo đoàn ở khắp Utah. Các Thánh Hữu tuân theo lời dạy bảo của ông, và trong năm đó, họ đã đóng tiền thập phân gấp đôi so với năm trước. Đến năm 1907, Giáo Hội có đủ tiền để trả cho tất cả các chủ nợ của mình và trở nên sạch nợ.

Vào năm 1898, tại một buổi tiếp tân cho ủy ban trung ương của Young Ladies Mutual Improvement Association (Hội Thiếu Nữ Hồ Tương Cải Thiện), Chủ Tịch George Q. Cannon đã quyết định kêu gọi

“một số phụ nữ khôn ngoan và thận trọng của chúng ta đi truyền giáo.”<sup>15</sup> Trước đó, một vài chị em phụ nữ đã đi theo chồng của họ đi truyền giáo, nhưng đây là lần đầu tiên Giáo Hội chính thức kêu gọi và phong nhiệm cho các chị em phụ nữ làm người truyền giáo đại diện của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Mặc dù các chị em phụ nữ không có bổn phận phải phục vụ truyền giáo, nhưng trong các thập niên qua, hàng ngàn người đã sử dụng đặc ân này và phục vụ Chúa một cách dũng cảm với tư cách là những người truyền giáo trọn thời gian.

Chủ Tịch Lorenzo Snow lãnh đạo Giáo Hội đến thế kỷ hai mươi. Bắt đầu thế kỷ mới, Giáo Hội đã có 43 giáo khu, 20 phái bộ truyền giáo, và 967 tiểu giáo khu và chi nhánh. Có 283.765 tín hữu, đa số những người này sinh sống trong khu vực Rặng Núi Rocky của Hoa Kỳ. Bốn đền thờ đang mở cửa hoạt động, và các tờ báo *Juvenile Instructor*, *Improvement Era*, và *Young Women's Journal* đăng tải những bài báo về Giáo Hội cho các tín hữu của mình đọc. Tin đồn lan truyền rằng có ít nhất một phái bộ truyền giáo mới có thể được mở ra, và chắc chắn là Các Thánh Hữu Ngày Sau khó có thể tưởng tượng một trăm năm kế tiếp sẽ ra sao. Tuy nhiên, họ tin chắc rằng những lời tiên tri về vận mệnh của Giáo Hội sẽ được ứng nghiệm.

# Giáo Hội Phát Triển

Từ năm 1901 đến năm 1970, bốn vị tiên tri chủ tọa một Giáo Hội phát triển—Joseph F. Smith, Heber J. Grant, George Albert Smith, và David O. McKay. Các Vị Chủ Tịch này đã chứng kiến thời kỳ chuyển tiếp của sự vận chuyển từ ngựa và xe ngựa đến việc bay bằng hỏa lực ra ngoài tầng không gian. Hai thế chiến và một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu đã thách thức Các Thánh Hữu. Trong thời kỳ này, chín đền thờ đã được xây cất. Vào năm 1901, có khoảng 300.000 tín hữu trong 50 giáo khu, và đến năm 1970 Giáo Hội đã có hơn 2.800.000 tín hữu quy tụ trong 500 giáo khu trên khắp thế giới.

## Chủ Tịch Joseph F. Smith

Joseph F. Smith sinh năm 1838 trong lúc sự ngược đãi ở Missouri lên cao độ trong một túp lều gỗ nhỏ gần địa điểm của đền thờ ở Far West. Vào lúc Joseph ra đời, cha của ông, Hyrum Smith, bị cầm tù ở Richmond, Missouri, và mẹ của ông, Mary Fielding Smith, bị bỏ lại một mình để chăm lo cho con cái của bà.

Thiếu niên Joseph di chuyển với gia đình của mình từ Missouri đến Nauvoo, Illinois, nơi mà một sự kiện xảy ra khiến ông ghi nhớ suốt cuộc đời còn lại của ông—sự thảm sát cha và chú của ông tại Ngục Thất Carthage. Joseph không bao giờ quên được lúc thấy cha của mình lần cuối cùng khi cưỡi ngựa trên đường đi đến Carthage, cha ông đã bế đứa con trai của mình lên, hôn nó, và đặt nó xuống. Ông cũng không thể nào quên được sự kinh hoàng khi nghe một người láng giềng gõ cửa sổ vào ban đêm để nói cho mẹ của ông biết rằng Hyrum đã bị giết chết. Cảnh cha và chú của ông nằm

trong quan tài của họ trong Mansion House ở Nauvoo không bao giờ phai nhòa trong ký ức của ông.

Thiếu niên Joseph đã trở thành một người đàn ông hầu như chỉ trong một sớm một chiều. Khi Mary Fielding Smith và gia đình của bà đi theo đoàn di cư từ Nauvoo, Joseph, 7 tuổi, là người đánh xe trong số các chiếc xe bò của bà. Joseph lên 13 khi mẹ của ông qua đời, bỏ ông lại thành đứa trẻ mồ côi, và trước khi ông lên 16, ông đi truyền giáo ở Sandwich Islands (về sau được gọi là Các Quần Đảo Hạ Uy Di). Trong vòng ba tháng sau khi tới Honolulu, ông đã nói thông thạo tiếng thổ dân, một ân tứ thuộc linh đã được ban cho ông bởi Các Anh Cả Parley P. Pratt và Orson Hyde thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, là những người đã phong nhiệm ông. Khi được 21 tuổi, ông đi phục vụ một công việc truyền giáo khác, lần này trong ba năm ở British Isles.

Joseph chỉ được 28 tuổi khi Chủ Tịch Brigham Young có ấn tượng phải sắc phong ông làm một Sứ Đồ. Trong những năm sau, ông đã phục vụ với tư cách là Cố Vấn cho bốn Vị Chủ Tịch Giáo Hội. Khi Lorenzo Snow qua đời vào tháng Mười năm 1901, Joseph F. Smith trở thành Vị Chủ Tịch thứ sáu của Giáo Hội. Ông được biết nhiều về khả năng giảng giải và bênh vực các lẽ thật phức âm. Những bài giảng và các tác phẩm của ông được biên soạn thành một tập có tựa đề là *Giáo Lý Phúc Âm*, mà đã trở thành một trong những bản văn quan trọng về giáo lý của Giáo Hội.

Trong các thập niên đầu của thế kỷ hai mươi, Giáo Hội tiến bước trong nhiều cách thức quan trọng. Với sự tiếp tục chú trọng về tiền thập phân và sự đáp ứng trung tín của Các Thánh Hữu, Giáo Hội đã có thể trả hết nợ nần. Một thời kỳ thịnh vượng tiếp theo, cho phép Giáo Hội có thể xây cất các đền thờ, giảng đường, và trung tâm du khách và mua được những di tích lịch sử của Giáo Hội. Giáo Hội cũng xây cất Tòa Nhà Hành Chính ở Thành Phố Salt Lake mà ngày nay vẫn còn phục vụ làm trụ sở chính của Giáo Hội.

Chủ Tịch Smith ý thức được sự cần thiết của đền thờ trên khắp thế giới. Tại một đại hội vào năm 1906 ở Bern, Thụy Sĩ, ông đã dang rộng tay và tuyên bố: “Sẽ đến lúc mà mảnh đất này được rải

rác những đền thờ, nơi mà các anh chị em có thể đi và cứu vớt những người chết.”<sup>1</sup> Ngôi đền thờ thánh hữu ngày sau đầu tiên ở Âu Châu, Đền Thờ Thụy Sĩ, được làm lễ cung hiến gần nửa thế kỷ sau ở một ngoại ô của thành phố nơi mà Chủ Tịch Smith đã đưa ra lời tiên tri. Chủ Tịch Smith đã làm lễ cung hiến phần đất cho một đền thờ ở Cardston, Alberta, Gia Nã Đại, vào năm 1913 và cho một đền thờ ở Hạ Uy Di vào năm 1915.

Bắt đầu thập niên 1900, các vị lãnh đạo Giáo Hội đã khuyến khích Các Thánh Hữu ở lại quê hương của họ thay vì quy tụ đến Utah. Vào năm 1911, Joseph F. Smith và Các Cố Vấn của ông trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã đưa ra lời phát biểu này: “Giáo Hội mong muốn rằng các tín hữu của chúng ta nên ở lại quê hương của họ và thành lập các giáo đoàn có tính cách vĩnh viễn để giúp đỡ trong công việc giảng đạo.”<sup>2</sup>

Sáu tuần trước khi Chủ Tịch Smith chết, ông đã nhận được một điều mặc khải quan trọng về sự cứu chuộc những người chết. Ông thấy trong khải tượng giáo vụ của Đấng Cứu Rỗi nơi thế giới linh hồn và nhận biết được rằng Các Thánh Hữu trung tín có được cơ hội để tiếp tục giảng dạy phúc âm trong thế giới linh hồn. Điều mặc khải này được thêm vào trong sách Trăn Châu Vô Giá vào năm 1976 và vào năm 1979 được chuyển qua sách Giáo Lý và Giao Ước làm tiết 138.

## **Chủ Tịch Heber J. Grant**

Không lâu trước khi ông qua đời vào tháng Mười Một năm 1918, Chủ Tịch Joseph F. Smith nắm lấy tay của Heber J. Grant, lúc bấy giờ là Chủ Tịch của Nhóm Túc Số Mười Hai, và nói: “Chúa ban phước cho con, con của ta, Chúa ban phước cho con, con có một trách nhiệm nặng nề. Hãy luôn nhớ rằng đây là công việc của Chúa, chứ không phải của con người. Chúa thì vĩ đại hơn bất cứ người nào, Ngài biết Ngài muốn ai lãnh đạo Giáo Hội của Ngài, và đừng bao giờ làm lầm lỗi.”<sup>3</sup> Heber J. Grant trở thành Vị Chủ Tịch thứ bảy của Giáo Hội vào lúc 62 tuổi, sau khi đã phục vụ với tư cách là Sứ Đồ kể từ năm 1882.

Khi còn là một thiếu niên và suốt đời mình, Heber đã cho thấy một sự quyết tâm lạ thường trong việc đạt được các mục tiêu của



*Giáo Hội thiết lập những nông trại an sinh để giúp cung cấp thực phẩm cho những người túng thiếu. Các tín hữu Giáo Hội đóng góp sức lao động của họ, như đã được minh họa bởi Các Thánh Hữu này đang làm việc trong nông trại củ cải đường vào năm 1933.*

mình. Là một đứa con độc nhất được một bà mẹ góa nuôi dưỡng, ông có phần được che chở khỏi các sinh hoạt của các thiếu niên cùng lứa tuổi. Khi chơi thử để được kiểm tra xem có khả năng chơi cho một đội bóng chày, ông đã bị trêu ghẹo vì sự vụng về và thiếu kỹ năng và không được chấp nhận làm đội viên. Thay vì trở nên chán nản, ông dành ra nhiều giờ liên tục thực tập thả banh và cuối cùng trở thành một thành viên của một đội khác mà thắng được vài giải vô địch địa phương.

Khi còn thiếu niên ông muốn trở thành một nhân viên kế toán khi ông biết rằng nghề đó sẽ trả tiền nhiều hơn là công việc đánh giày của ông. Trong thời đó, việc làm nhân viên kế toán đòi hỏi kỹ năng viết chữ đẹp, nhưng chữ viết của ông thì tệ đến nỗi hai người bạn của ông nói rằng nó giống như gà bới. Một lần nữa, ông đã không chán nản mà bỏ ra nhiều giờ thực tập viết chữ cho

đẹp. Ông trở nên nổi tiếng về khả năng viết chữ đẹp, cuối cùng dạy viết chữ đẹp tại một trường đại học, và thường được nhờ để viết các tài liệu quan trọng. Ông là một tấm gương sáng cho nhiều người mà đã thấy sự quyết tâm của ông để làm hết khả năng của mình trong việc phục vụ Chúa và đồng bào của mình.

Chủ Tịch Grant là một nhà kinh doanh khôn ngoan và thành công mà những kỹ năng của ông đã giúp ông lãnh đạo Giáo Hội vượt qua sự suy thoái tài chính toàn cầu và những vấn đề cá nhân phát sinh ra từ đó. Ông tin chắc nơi sự tự túc và tùy thuộc vào Chúa và công việc siêng năng của mình, chứ không phải nơi chính quyền. Ông ban phước cho nhiều người túng quẫn với tiền ông kiếm được.

Trong thập niên 1930, giống như nhiều người khác trên thế giới, Các Thánh Hữu cũng vật lộn với nạn thất nghiệp và cảnh nghèo nàn trong Cuộc Đại Suy Thoái Kinh Tế. Vào năm 1936, do điều mặc khải từ Chúa, Chủ Tịch Grant thiết lập chương trình an sinh của Giáo Hội để giúp đỡ những người hoạn nạn và giúp tất cả các tín hữu sống tự lực. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã nói về chương trình này: “Mục đích chính yếu của chúng ta là thiết lập, tới một chừng mực mà có thể được, một hệ thống mà sẽ loại trừ mọi nguy hại của sự biếng nhác, hủy bỏ những điều tai hại của tiền trợ cấp, và sự tự lập, siêng năng, cần kiệm và tự trọng một lần nữa phải được thiết lập giữa các tín hữu của chúng ta. Mục đích của Giáo Hội là giúp các tín hữu tự giúp họ. Sự làm việc phải được dạy trở lại là nguyên tắc quyết định trong cuộc sống của các tín hữu Giáo Hội.”<sup>4</sup>

Chủ Tịch J. Reuben Clark Jr, là người đã phục vụ với tư cách là Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn trong 28 năm đã nhấn mạnh: “Mục tiêu dài hạn thật sự của Chương Trình An Sinh là xây đắp cá tính nơi các tín hữu của Giáo Hội, người cho lẫn người nhận, mang đến tất cả điều tốt đẹp nhất sâu vào lòng họ, và mang đến sự nở hoa và kết trái của sự dồi dào tiềm tàng của tinh thần.”<sup>5</sup>

Một Ủy Ban An Sinh Trung Ương được thiết lập vào năm 1936 để giám sát các nỗ lực an sinh trong Giáo Hội. Harold B. Lee, chủ tịch Giáo Khu Pioneer, được làm giám đốc quản lý ủy ban.



Về sau, các cửa hàng Deseret Industries được triển khai để giúp những người thất nghiệp và tàn tật, và các nông trại và những dự án sản xuất được thành lập để giúp những người nghèo túng. Chương trình an sinh tiếp tục ban phước cho hàng ngàn người hôm nay, các tín hữu nghèo túng trong Giáo Hội lẫn những người khác trong hoàn cảnh cơ cực trên khắp thế giới.<sup>6</sup>

Trong khi công việc truyền giáo tiếp tục với một tốc độ phát triển, Chủ Tịch Grant đã có công trong một lối cải đạo khác thường nhất. Vincenzo di Francesca, một mục sư người Ý, đang đi bộ trên đường phố New York hướng về nhà thờ của ông khi ông thấy một quyển sách không có bìa trong một thùng đựng đầy tàn thuốc. Ông nhặt quyển sách đó lên, giờ xem các trang, và nhìn thấy lần đầu tiên các tên Nê Phi, Mô Si A, An Ma, và Mô Rô Ni. Ông có ấn tượng để đọc quyển sách đó mặc dù ông không biết tên sách hay nguồn gốc của sách, và để cầu nguyện về tính chất trung thực của sách. Khi làm như vậy, ông đã nói rằng “một cảm giác hân hoan, thế như tìm ra được một thứ gì quý báu và phi thường, mang đến sự an ủi cho tâm hồn tôi và để lại cho tôi một niềm vui mà ngôn ngữ loài người không thể tìm ra được những lời để diễn tả.” Ông bắt đầu giảng dạy các nguyên tắc trong quyển sách đó cho các tín hữu trong nhà thờ của ông. Các vị lãnh đạo trong nhà thờ của ông đã phạt kỷ luật ông vì đã làm như vậy và còn chỉ thị cho ông phải đốt quyển sách đó, một điều mà ông đã từ chối làm.

Về sau ông trở về Ý, nơi mà vào năm 1930 ông biết được rằng quyển sách đó do Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô xuất bản. Ông viết một bức thư cho Giáo Hội ở Utah mà đã được chuyển đến Chủ Tịch Grant. Chủ Tịch Grant gửi cho ông một quyển Sách Mặc Môn bằng tiếng Ý và đưa tên của ông cho vị chủ tịch phái bộ truyền giáo Âu Châu. Những khó khăn trong thời chiến cản trở việc Vincenzo chịu phép báp têm trong nhiều năm, nhưng cuối cùng ông đã có thể trở thành một tín hữu của Giáo Hội vào ngày 18 tháng Giêng năm 1951, người đầu tiên chịu phép báp têm trên đảo Sicily. Năm năm sau ông được làm lễ thiên ân trong Đền Thờ Thụy Sĩ.<sup>7</sup>

Vào ngày 6 tháng Năm năm 1922 Chủ Tịch Grant khánh thành đài phát thanh đầu tiên của Giáo Hội. Hai năm sau đài bắt đầu phát thanh các phiên họp của đại hội trung ương, cho phép thêm nhiều tín hữu Giáo Hội nghe được những sứ điệp của Các Vị Thâm Quyền Trung Ương. Sau đó không bao lâu, vào tháng Bảy năm 1929, Đại Ca Đoàn Tabernacle phát thanh chương trình đầu tiên *Music and the Spoken Word (Âm Nhạc và Ngôn Từ)*, một chương trình phát thanh hằng tuần nhạc và lời nói đầy soi dẫn. Chương trình này đã tiếp tục phát thanh mỗi tuần cho đến nay.

Chủ Tịch Grant mất ngày 14 tháng Năm năm 1945. Hai mươi bảy năm phục vụ của ông với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội chỉ thua thời gian phục vụ của Brigham Young.

### **Chủ Tịch George Albert Smith**

Chủ Tịch George Albert Smith kế nhiệm Heber J. Grant làm Chủ Tịch Giáo Hội. Chủ Tịch Smith, mà cuộc sống của ông là một tấm gương về sự vui sướng được tìm thấy trong việc sống theo phúc âm, đã làm chứng: “Mỗi niềm hạnh phúc và mỗi niềm vui được xứng đáng với cái tên đã là kết quả của việc tuân giữ các giáo lệnh của Thượng Đế và tuân thủ lời khuyên dạy và chỉ bảo của Ngài.”<sup>8</sup>

Việc tuân theo các lệnh truyền của Thượng Đế và lời khuyên bảo của các vị lãnh đạo Giáo Hội đã là một mẫu mực ngay chính nơi gia đình của Chủ Tịch Smith trong nhiều thế hệ. Ông được đặt tên theo ông nội của ông, George A. Smith, là anh em họ với Tiên Tri Joseph và là Cố Vấn của Chủ Tịch Brigham Young. Cha của George Albert, John Henry Smith, phục vụ trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn dưới thời Joseph F. Smith. Vào lúc 33 tuổi, George Albert Smith được kêu gọi vào Nhóm Túc Số Mười Hai. Từ năm 1903 đến năm 1910, John Henry và George Albert cùng phục vụ chung trong Nhóm Túc Số Mười Hai, lần duy nhất trong gian kỳ này mà có người cha và người con trai đã cùng phục vụ trong Nhóm Túc Số đó.

Bốn mươi hai năm phục vụ của George Albert Smith trong Nhóm Túc Số Mười Hai đầy đầy sự phục vụ cao quý, mặc dù có những lúc sức khỏe suy yếu. Mắt ông bị hư vì ánh nắng mặt trời

trong khi đo đạc địa hình cho đường hòa xa ở miền nam Utah, và cuộc giải phẫu để chữa bệnh gần mù của ông bị thất bại. Những áp lực và những đòi hỏi gia tăng về thời giờ của ông đã làm cơ thể yếu đuối của ông suy nhược, và vào năm 1909, ông ngã quỵ vì kiệt sức. Lệnh bác sĩ bắt phải nghỉ ngơi hoàn toàn xoi mòn sự tự tin của ông, gây ra những cảm nghĩ về sự vô dụng, và làm cho tình trạng căng thẳng nặng thêm.

Trong giai đoạn khó khăn này, George đã có một giấc mơ mà trong đó ông thấy một khu rừng xinh đẹp gần một cái hồ lớn. Sau khi đi được một vài khoảng đường xuyên qua khu rừng, ông nhận ra ông nội yêu dấu của ông, George A. Smith, đi về hướng ông. George hăm hở chạy tới trước, nhưng khi ông nội của ông đến gần, thì ngừng lại và nói: “Ông muốn biết cháu đã làm gì với danh của ông.” Toàn cảnh cuộc sống của ông diễn ra trong tâm trí của George và ông nhún nhường đáp: “Cháu chưa hề làm điều gì với danh của ông mà ông phải cảm thấy xấu hổ.” Giấc mơ này đổi mới tinh thần và thể lực của George và chẳng bao lâu ông đã có thể trở lại làm việc. Về sau ông thường mô tả kinh nghiệm này là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc sống của ông.<sup>9</sup>

Trong nhiệm kỳ của Chủ Tịch George Albert Smith, mà kéo dài từ năm 1945 đến năm 1951, con số các tín hữu trong Giáo Hội lên đến một triệu người; ngôi đền thờ ở Idaho Falls, Idaho, được làm lễ cung hiến; và công việc truyền giáo được tiếp tục lại sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Ngoài ra, các nỗ lực được tổ chức để cứu trợ Các Thánh Hữu Âu Châu là những người đã trở nên cơ cực vì hậu quả của chiến tranh. Các tín hữu Giáo Hội ở Hoa Kỳ được khuyến khích đóng góp quần áo và những đồ dùng khác. Chủ Tịch Smith họp với Harry S. Truman, tổng thống Hoa Kỳ, để nhận sự chấp thuận cho gửi đi Âu Châu thực phẩm, quần áo, và chăn, mền, gối được quyên góp. Chủ Tịch Smith mô tả buổi họp đó như thế này:

Tổng Thống Truman nói: “Quý vị muốn gửi đồ gì đến đó? Tiền của họ đâu có giá trị.”

“Tôi nói: ‘Chúng tôi không muốn tiền của họ.’ Ông ấy nhìn tôi và hỏi: ‘Quý vị không có ý nói là quý vị sẽ tặng đồ cho họ chứ?’



*Chủ Tịch Cornelius Zappey và những người truyền giáo ở Phái Bộ Truyền Giáo Netherlands đang làm khoai tây trong chương trình giúp đỡ an sinh cho Các Thánh Hữu Đức, năm 1947*

“Tôi nói: ‘Dĩ nhiên, chúng tôi sẽ tặng đồ cho họ. Họ là các anh chị em của chúng tôi và đang sống trong cảnh túng quẫn. Thượng Đế đã ban phước cho chúng tôi với sự dư dả, và chúng tôi sẽ vui sướng gửi đồ đó đi nếu chúng tôi có thể có được sự hợp tác của chính quyền.’

“Vị tổng thống nói: ‘Quý vị đến đúng chỗ rồi đó,’ và nói thêm: ‘chúng tôi sẽ vui lòng để giúp quý vị trong mọi cách chúng tôi có thể giúp được.’”<sup>10</sup>

Trong khi những đồ tặng dữ được phân loại và đóng thùng ở Utah để gửi đi hải ngoại, Chủ Tịch Smith đến quan sát những sự chuẩn bị đó. Nước mắt chảy dài trên mặt ông khi ông nhìn thấy một số lượng đồ dùng đã được đóng góp rất rộng rãi. Sau một vài phút, ông cởi áo khoác ngoài của mình ra và nói: “Xin làm ơn gửi cái này đi.” Mặc dù vài người đứng gần đã nói với ông rằng ông cần một chiếc áo khoác trong ngày đông lạnh lẽo, ông cố nài cho nó được gửi đi.<sup>11</sup>

Anh Cả Ezra Taft Benson thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai được chỉ định mở lại các phái bộ truyền giáo ở Âu Châu, trông coi việc phân phối những đồ tiếp liệu cứu trợ, và giúp đỡ những nhu cầu tinh thần của Các Thánh Hữu. Một trong những cuộc viếng thăm đầu tiên của Anh Cả Benson là một đại hội của Các Thánh Hữu ở Karlsruhe, một thành phố của Đức ở bên Sông Rhine. Anh Cả Benson đã nói về kinh nghiệm này:

“Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được đường đến chỗ nhóm họp đó, một tòa nhà hầu như bị bom phá sập nằm bên trong một khu phố. Các Thánh Hữu đã ở tại phiên họp trong khoảng hai giờ đồng hồ chờ đợi chúng tôi, hy vọng rằng chúng tôi sẽ đến vì tin đã lan truyền đến họ rằng chúng tôi có thể đến đó dự đại hội. Và rồi lần đầu tiên trong đời mình, tôi đã nhìn thấy hầu như toàn thể cử tọa mắt đẫm lệ khi chúng tôi bước lên bục giảng, và họ nhận biết rằng cuối cùng, sau sáu bảy năm dài, những người đại diện từ Si Ôn, như họ đã nghĩ như vậy, cuối cùng đã trở lại với họ.... Khi tôi nhìn gương mặt thiếu nảo, tái nhợt, gầy ốm của họ, nhiều người trong số Các Thánh Hữu ăn mặc rách rưới, một số họ đi chân không, tôi có thể nhìn thấy ánh sáng đức tin trong mắt họ khi họ chia sẻ chứng ngôn về sự thiêng liêng của công việc ngày sau vĩ đại này, và bày tỏ lòng biết ơn của họ về các phước lành của Chúa.”<sup>12</sup>

Trong số các trách nhiệm của ông, Anh Cả Benson trông coi việc phân phát 127 toa xe lửa chở đầy thức ăn, quần áo, chăn mền, và thuốc men trong khắp Âu Châu. Nhiều năm sau, khi Chủ Tịch Thomas S. Monson làm lễ cung hiến một ngôi giáo đường mới ở Zwickau, Đức, một người anh em lớn tuổi bước đến với đôi mắt đẫm lệ và yêu cầu xin được nhắc cho Chủ Tịch Ezra Taft Benson nhớ đến ông. Ông nói “xin cho ông ấy biết rằng ông ấy đã cứu mạng tôi, và hàng chục anh chị em nơi quê hương tôi nhờ vào thức ăn và quần áo mà ông ấy đã mang đến cho chúng tôi từ các tín hữu của Giáo Hội ở Hoa Kỳ.”<sup>13</sup>

Các Thánh Hữu Hòa Lan có được cơ hội để có sự phục vụ thật sự của người Kỵ Tô hữu đối với Các Thánh Hữu đang đói khát ở Đức. Các tín hữu Hòa Lan đã chịu đựng nhiều trong chiến tranh

và rồi đã nhận được sự giúp đỡ an sinh từ các tín hữu Giáo Hội ở Hoa Kỳ. Vào mùa xuân năm 1947, họ được yêu cầu bắt đầu những dự án giúp đỡ an sinh của riêng họ, mà họ đã hăng hái thực hiện. Họ chủ yếu trồng khoai tây và đang trông mong sẽ được trúng mùa lớn.

Trong lúc này, Chủ Tịch Walter Stover của Phái Bộ Truyền Giáo Đông Đức đến Hoà Lan, và với đôi mắt đẫm lệ, nói về cơn đói và nỗi buồn phiền của các tín hữu Giáo Hội ở Đức. Chủ Tịch Cornelius Zappey, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Netherlands, yêu cầu các tín hữu của ông tiếp tế khoai tây đang mọc lên của họ cho những người Đức, là những kẻ thù của họ trong chiến tranh. Các tín hữu sẵn lòng ưng thuận và bắt đầu theo dõi mùa khoai tây của họ với một mối quan tâm gia tăng. Họ trúng được mùa lớn hơn sự trông mong của họ, và Các Thánh Hữu Hoà Lan đã có thể gửi đi 75 tấn khoai tây cho các anh chị em của mình ở Đức. Một năm sau, Các Thánh Hữu Hoà Lan gửi đi 90 tấn khoai tây và 9 tấn cá trích cho Các Thánh Hữu ở Đức.<sup>14</sup>

Sự bộc lộ tình yêu thương chan chứa giống như Đấng Ky Tô mà được Các Thánh Hữu cho thấy là tiêu biểu cho tình yêu thương của Chủ Tịch George Albert Smith, là người đã tỏa chiếu tình yêu thương của Đấng Ky Tô đến một mức độ phi thường. Ông nói: “Tôi có thể nói với các anh chị em, là các anh chị em của tôi, những người hạnh phúc nhất trên thế gian này là những người yêu thương người lân cận của mình như chính mình và biểu lộ lòng biết ơn của mình về các phước lành của Thượng Đế bằng sự ứng xử của mình trong cuộc sống.”<sup>15</sup>

### **Chủ Tịch David O. McKay**

David O. McKay là Cố Vấn của Chủ Tịch George Albert Smith trong Hệ Nhất Chủ Tịch Đoàn. Vào mùa xuân năm 1951, khi mà dường như sức khỏe của Chủ Tịch Smith đã trở nên có phần khá hơn, Chủ Tịch McKay và vợ của ông, Emma Rae, quyết định rời Thành Phố Salt Lake để thực hiện chuyến nghỉ hè ở California đã hoãn lại của họ. Họ ngừng lại nghỉ đêm ở St. George, Utah. Khi Chủ Tịch McKay thức dậy sớm buổi sáng hôm sau, ông có một ấn



*Chủ Tịch David O. McKay lúc còn niên thiếu với gia đình của ông. David đang ngồi trong lòng của cha mình.*

tượng rõ ràng rằng ông phải quay trở về trụ sở Giáo Hội. Trong vòng vài ngày sau khi ông đến Thành Phố Salt Lake, Chủ Tịch Smith bị chứng đột quỵ mà đưa đến cái chết của ông vào ngày 4 tháng Tư năm 1951. Sau đó, David O. McKay trở thành Vị Chủ Tịch thứ chín của Giáo Hội.

Chủ Tịch McKay đã được chuẩn bị kỹ để hướng dẫn Giáo Hội. Là một đứa trẻ tám tuổi, ông mang lấy trách nhiệm của người đàn ông trong nhà khi cha của ông được kêu gọi đi truyền giáo ở British Isles. Hai trong số các chị của ông mới vừa chết, mẹ của ông đang mang thai một đứa bé khác, và cha của ông cảm thấy rằng những trách nhiệm của nông trại quá nặng nề để bỏ lại cho mẹ của David. Trong những hoàn cảnh này, Anh McKay bảo vợ: “Dĩ nhiên, anh không thể đi được.” Chị McKay nhìn ông và nói: “Dĩ nhiên anh phải chấp nhận, anh không cần phải lo lắng cho em. David O. và em sẽ xoay sở công việc được tốt đẹp!”<sup>16</sup> Đức tin và sự hiến dâng của cha mẹ ông in sâu vào lòng thiếu niên David ước muốn phục vụ Chúa suốt đời mình. Ông được kêu gọi vào Hội Đồng Mười Hai vào năm 1906 lúc 32 tuổi, và ông đã phục vụ trong Hội Đồng đó và trong Hệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

(với tư cách là Cố Vấn cho Chủ Tịch Heber J. Grant và Chủ Tịch George Albert Smith) trong 45 năm trước khi trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội.

Chủ Tịch McKay bắt đầu một lịch trình du hành rất thường xuyên đưa ông đi thăm các tín hữu của Giáo Hội mà đã trở thành thuộc toàn cầu. Ông đi thăm Các Thánh Hữu ở Anh và Âu Châu, Nam Phi, Châu Mỹ La Tinh, Nam Thái Bình Dương, và những nơi khác. Trong khi đang ở Âu Châu, ông đưa ra những sắp xếp sơ bộ cho việc xây cất các đền thờ ở Luân Đôn và Thụy Sĩ. Trước khi nhiệm kỳ của ông chấm dứt, ông đã đi thăm gần hết thế giới, ban phước và soi dẫn các tín hữu của Giáo Hội.

Chủ Tịch McKay nhấn mạnh lại công việc truyền giáo bằng cách khuyến khích mỗi tín hữu cam kết mỗi năm mang ít nhất một tín hữu mới vào Giáo Hội. Ông trở nên nổi tiếng với lời khuyên được lặp lại nhiều lần: “Mỗi tín hữu là một người truyền giáo.”

Vào năm 1952, trong một nỗ lực nhằm gia tăng sự hữu hiệu của những người truyền giáo trọn thời gian, kế hoạch giảng đạo chính thức đầu tiên được gửi đến những người truyền giáo trên khắp thế giới. Nó có tựa đề là *Chương Trình Giảng Dạy Phúc Âm Có Phương Pháp*. Nó gồm có bảy bài thảo luận truyền giáo mà nhấn mạnh đến việc giảng dạy bằng Thánh Linh và giảng dạy rõ ràng về thiên tính của Thiên Chủ Đoàn, kế hoạch cứu rỗi, Sự Bội Giáo và Sự Phục Hồi, và tầm quan trọng của Sách Mặc Môn. Số người cải đạo vào Giáo Hội trên khắp thế giới gia tăng mãnh liệt. Vào năm 1961, các vị lãnh đạo Giáo Hội triệu tập hội thảo giáo lý đầu tiên cho tất cả các vị chủ tịch phái bộ truyền giáo, là những người được dạy phải khuyến khích các gia đình kết tinh thân hữu với bạn bè và láng giềng của họ và rồi để cho những người này được những người truyền giáo giảng dạy tại nhà của mình. Một chương trình huấn luyện ngôn ngữ cho những người truyền giáo mới được kêu gọi được thiết lập vào năm 1961, và về sau một trung tâm huấn luyện truyền giáo được xây cất.

Dưới thời lãnh đạo của Chủ Tịch McKay, những hạt giống tăng trưởng của Giáo Hội ở Á Châu được vun trồng bởi các tín



hữu Giáo Hội phục vụ trong quân đội. Một người lính binh nhì trẻ tuổi từ American Fork, Utah, phục vụ ở Nam Hàn, thấy rằng những người lính Hoa Kỳ mà gặp những thường dân Đại Hàn thì bắt những người dân Đại Hàn này phải nhảy tránh đường trong khi những người lính đi ngang qua. Trái lại, người tín hữu trẻ tuổi này của Giáo Hội tránh qua một bên và nhường lối đi cho những người Đại Hàn. Người lính này cũng nỗ lực để học tên của họ và vui vẻ chào hỏi họ khi anh đi ngang qua họ. Một ngày nọ, anh bước vào một phòng ăn tập thể ở trại lính với năm người bạn của mình. Người ta sắp hàng rất dài để lấy thức ăn, nên anh chờ tại một cái bàn trong một lát. Chẳng bao lâu, người công nhân Đại Hàn đến với một khay thức ăn. Chỉ vào lon trên cánh tay của mình, người lính nói: “Anh không thể phục vụ cho tôi được. Tôi chỉ là một binh nhì.” Người Đại Hàn đáp: “Tôi phục vụ cho anh. Anh Là Người Ky Tô Hữu Số Một.”<sup>17</sup>

Đến năm 1967, những người truyền giáo và các quân nhân đã tỏ ra hữu hiệu trong việc giảng dạy phúc âm ở Đại Hàn đến nỗi Sách Mặc Môn được phiên dịch ra tiếng Đại Hàn và các giáo khu và tiểu giáo khu chẳng mấy chốc mọc rải rác lên trên vùng đất đỏ.

Những người truyền giáo cũng thành công lớn lao ở Nhật. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, các tín hữu Giáo Hội ở Nhật có sự liên lạc rời rạc với những người đại diện Giáo Hội trong vài năm. Nhưng các quân nhân Thánh Hữu Ngày Sau đóng quân ở Nhật sau chiến tranh đã giúp Giáo Hội tăng trưởng mạnh hơn. Vào năm 1945, Tatsui Sato cảm kích trước việc những quân nhân Thánh Hữu Ngày Sau từ chối uống trà, và ông đã hỏi họ những câu hỏi mà đưa đến phép báp têm của ông và của vài người trong gia đình ông trong năm kế. Elliot Richards làm phép báp têm cho Tatsui, và Boyd K. Packer, một quân nhân về sau trở thành một thành viên thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, làm phép báp têm cho Chị Sato. Nhà của gia đình Sato được dùng làm nơi mà nhiều người Nhật, lần đầu tiên, nghe sứ điệp về phúc âm phục hồi. Chẳng bao lâu những người truyền giáo Thánh Hữu Ngày Sau là những người đã chiến đấu chống lại những người Nhật trong

Đệ Nhị Thế Chiến đã khai mở các thành phố Nhật cho công việc truyền giáo.

Trong khi sự hiện diện của Giáo Hội ở Phi Luật Tân cũng có thể thấy được nhờ vào các nỗ lực của các quân nhân Mỹ và những người khác sau Đệ Nhị Thế Chiến, sự tăng trưởng mạnh của Giáo Hội bắt đầu nơi đó vào năm 1961. Một phụ nữ Phi trẻ tuổi mà không phải là tín hữu của Giáo Hội đã nghe về Sách Mặc Môn và gặp gỡ vài Thánh Hữu Ngày Sau. Do đó, chị cảm thấy cảm kích để đến gặp các viên chức chính quyền mà chị quen biết để yêu cầu có được sự chấp thuận cho những người truyền giáo Thánh Hữu Ngày Sau đến Phi Luật Tân. Sự chấp thuận nhận được và chỉ vài tháng sau, Anh Cả Gordon B. Hinckley thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai đã làm lễ tái cung hiến quốc gia đó cho công việc truyền giáo.

Vì sự tăng trưởng mạnh của Giáo Hội trong thập niên 1950, Chủ Tịch McKay thông báo chương trình phối hợp chức tư tế. Một ủy ban, do Anh Cả Harold B. Lee thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai chủ tọa, được chỉ định để thực hiện một cuộc nghiên cứu tỉ mỉ, với sự chân thành về tất cả các chương trình của Giáo Hội để xem họ đã thành công như thế nào trong việc đáp ứng những mục tiêu quan trọng nhất của Giáo Hội. Vào năm 1961, với sự chấp thuận của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, Anh Cả Lee thông báo rằng các chính sách sẽ được triển khai để chi phối sự hoạch định, viết, và thi hành tất cả các tài liệu giảng dạy của Giáo Hội. Nhiều tài liệu này trước đó đã được triển khai bởi các tổ chức hỗ trợ của Giáo Hội. Đường hướng mới này sẽ tránh được sự lặp lại vô ích các chương trình và các tài liệu học ngõ hầu phúc âm có thể được giảng dạy một cách hữu hiệu hơn cho các tín hữu thuộc mọi lứa tuổi và mọi ngôn ngữ trong Giáo Hội toàn cầu.

Giáo Hội cũng có những thay đổi khác để phối hợp hữu hiệu hơn tất cả các chương trình và sinh hoạt—kể cả công việc an sinh, truyền giáo, và lịch sử gia đình—để hoàn thành tốt đẹp hơn sứ mệnh của Giáo Hội. Việc giảng dạy tại gia, mà đã là một phần của Giáo Hội kể từ thời Joseph Smith, được nhấn mạnh lại vào thập niên 1960 là một cách thức để giúp chăm sóc những nhu cầu thuộc linh và vật chất của tất cả các tín hữu Giáo Hội. Thư viện

của các nhà hội được thành lập để nâng cao việc giảng dạy, và một chương trình phát triển giảng viên cũng được đề ra. Vào năm 1971, Giáo Hội bắt đầu xuất bản ba tạp chí bằng tiếng Anh dưới sự giám sát của Giới Thâm Quyền Trung Ương: *Friend* cho trẻ em, *New Era* cho thanh thiếu niên, và *Ensign* cho người lớn. Cũng vào khoảng lúc này, Giáo Hội thống nhất các tạp chí của mình bằng tiếng ngoại quốc mà đã được xuất bản trước kia một cách riêng rẽ bởi nhiều phái bộ truyền giáo. Một tạp chí giờ đây được phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ và gửi cho các tín hữu Giáo Hội trên khắp thế giới.

Chủ Tịch David O. McKay đã từ lâu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của cuộc sống trong mái ấm và gia đình là nguồn hạnh phúc và sự bảo vệ chắc chắn nhất chống lại những thử thách và cám dỗ của cuộc sống hiện đại. Ông thường nói về tình yêu thương ông cảm nhận được cho gia đình mình và sự hỗ trợ bền bỉ mà ông nhận được từ người vợ của ông, Emma Rae. Dưới thời lãnh đạo của Chủ Tịch McKay, sự thực hành buổi họp tối gia đình hàng tuần đã được nhấn mạnh lại là một cách thức để cho các bậc cha mẹ mang con cái đến gần họ hơn và dạy dỗ chúng những nguyên tắc của phúc âm.

Hội Phụ Nữ hỗ trợ vị tiên tri trong việc nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc củng cố mái ấm và gia đình. Từ lúc khởi đầu ở Nauvoo, Hội Phụ Nữ đã tăng trưởng để có được hàng trăm ngàn phụ nữ trên khắp thế giới, là những người được ban phước riêng rẽ và chung với gia đình của họ bằng lời giảng dạy và những sự kết giao mà họ nhận được qua Hội Phụ Nữ. Từ năm 1945 đến 1974, vị chủ tịch trung ương của Hội Phụ Nữ là Chủ Tịch Belle S. Spafford, một vị lãnh đạo tài giỏi mà cũng là người đã được toàn quốc gia công nhận khi bà phục vụ với tư cách là chủ tịch của Hội Đồng Phụ Nữ Quốc Gia Hoa Kỳ từ năm 1968 đến 1970.

Chủ Tịch McKay qua đời vào tháng Giêng năm 1970 vào lúc 96 tuổi. Ông đã chủ tọa Giáo Hội trong gần 20 năm, trong thời gian này con số các tín hữu của Giáo Hội gia tăng hầu như gấp ba lần và có những tiến bộ nhanh trong việc mang sứ điệp phúc âm đến cho toàn thế giới.

# Giáo Hội Toàn Cầu

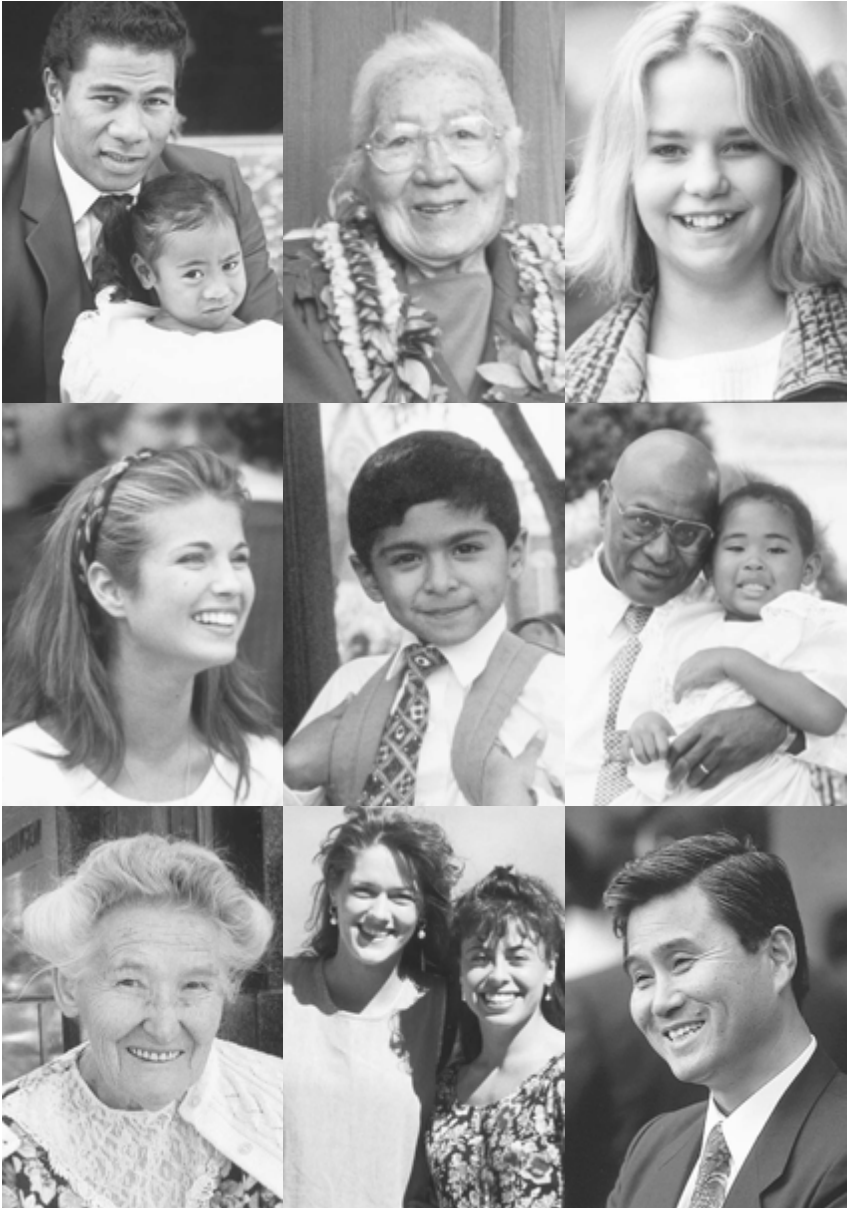
## Chủ Tịch Joseph Fielding Smith

Khi David O. McKay qua đời, Chủ Tịch Joseph Fielding Smith, lúc bảy giờ gần 93 tuổi, trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội. Ông là con trai của Cố Chủ Tịch Joseph F. Smith của Giáo Hội.

Khi còn niên thiếu, Joseph Fielding Smith mong muốn được biết ý muốn của Chúa, ông được thúc giục đọc Sách Mặc Môn hai lần trước khi ông lên mười và mang thánh thư theo bên mình khi ông đi tản bộ. Khi đội banh thiếu mặt ông, họ thường tìm thấy ông nơi vựa cỏ khô đang đọc thánh thư. Về sau, ông nói: “Trong ký ức của tôi lúc còn thơ ấu, từ lúc đầu tiên tôi có thể đọc được, tôi đã nhận được nhiều thú vị và toại nguyện từ sự học hỏi thánh thư, và đọc về Chúa Giê Su Kỵ Tô, và về Tiên Tri Joseph Smith, và công việc mà đã được thực hiện cho sự cứu rỗi của loài người, hơn bất cứ điều gì khác trên khắp thế gian.”<sup>1</sup>

Sự học hỏi từ sớm này đã đặt nền móng cho một sự hiểu biết sâu rộng về thánh thư và lịch sử của Giáo Hội, mà ông đã thảo ra những bài giảng và viết gần hai chục quyển sách và rất nhiều bài báo quan trọng về các vấn đề giáo lý.

Trong thời ông, các giáo khu đầu tiên được tổ chức ở Á Châu (Tokyo, Nhật) và ở Phi Châu (Johannesburg, Nam Phi). Với sự tăng trưởng của con số các tín hữu trong Giáo Hội, Chủ Tịch Smith và Các Cố Vấn của ông bắt đầu thực hành việc tổ chức các đại hội giáo khu trên khắp thế giới để huấn luyện các vị lãnh đạo địa phương và cho phép các tín hữu gặp gỡ Các Vị Thảm Quyền Trung Ương. Đại hội đầu tiên như thế được tổ chức ở Manchester, Anh. Để phục vụ hữu hiệu hơn những người trên khắp thế giới, những người truyền giáo chuyên môn chăm sóc y tế được kêu gọi để giảng dạy những



*Các Thánh Hữu Ngày Sau trên khắp thế gian hân hoan  
trong các phước lành của phúc âm.*

nguyên tắc sức khỏe và vệ sinh cơ bản. Chẳng bao lâu hơn 200 người truyền giáo về y tế phục vụ trong nhiều quốc gia.

Kể từ năm 1912, Giáo Hội đã bảo trợ các lớp giáo lý trong những tòa nhà nằm cạnh bên các trường trung học ở miền tây Hoa Kỳ. Vào thập niên 1920, các viện giáo lý được bắt đầu ở các trường cao đẳng chuyên nghiệp và đại học được rất nhiều Thánh Hữu Ngày Sau theo học. Vào đầu thập niên 1950, các lớp học giáo lý buổi sáng sớm được bắt đầu ở khu vực Los Angeles, California, và chẳng bao lâu hơn 1.800 sinh viên theo học. Các quan sát viên ngoại đạo rất ngạc nhiên trước việc giới trẻ Thánh Hữu Ngày Sau từ 15 đến 18 tuổi thức dậy vào lúc 5 giờ 30 sáng năm ngày một tuần để tham dự các lớp học tôn giáo. Vào đầu thập niên 1970, chương trình học giáo lý ở nhà được giới thiệu để các học viên Thánh Hữu Ngày Sau trên khắp thế giới có thể nhận được sự chỉ dẫn về tôn giáo. Trong nhiệm kỳ của Chủ Tịch Smith, số học sinh ghi danh lớp giáo lý và viện giáo lý tăng mạnh.

Trong bài giảng cuối cùng của Chủ Tịch Smith trước công chúng, tại đại hội trung ương tháng Tư năm 1972, ông nói: “Không có phương thuốc nào cho điều xấu xa của thế gian ngoại trừ phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô. Hy vọng của chúng ta về sự bình an, về sự thịnh vượng vật chất và tinh thần, và về một sự thừa hưởng cuối cùng trong vương quốc của Thượng Đế chỉ được tìm thấy nơi và qua phúc âm phục hồi mà thôi. Không có công việc nào mà bất cứ ai trong chúng ta có thể tham gia vào mà quan trọng bằng việc rao giảng phúc âm và xây đắp Giáo Hội và vương quốc của Thượng Đế trên thế gian.”<sup>2</sup>

Sau khi phục vụ với tư cách là Chủ Tịch Giáo Hội trong hai năm rưỡi, Joseph Fielding Smith lặng lẽ qua đời trong căn nhà của con gái ông. Ông thọ 95 tuổi và đã dũng cảm phục vụ Chúa trong suốt đời mình.

### **Harold B. Lee**

Sau ngày mà Joseph Fielding Smith qua đời, gia đình của Chủ Tịch Harold B. Lee, vị Sứ Đồ trưởng trong Nhóm Túc Số Mười Hai, họp lại trong một buổi họp tối gia đình. Một người trong gia



*Đại hội giáo vùng đầu tiên của Giáo Hội được tổ chức ở Anh vào tháng Tám năm 1971 dưới sự hướng dẫn của Chủ Tịch Joseph Fielding Smith. Anh Cả Howard W. Hunter đang tại bục giảng.*

đình đã hỏi họ có thể làm gì để giúp Chủ Tịch Lee nhiều nhất. Ông trả lời: “Hãy trung tín với đức tin; cứ sống theo phúc âm như Cha đã dạy các con.” Sứ điệp này áp dụng cho tất cả các tín hữu Giáo Hội. Trong buổi họp báo đầu tiên của ông với tư cách là Chủ Tịch Giáo Hội, Harold B. Lee tuyên bố: “Hãy tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế. Trong đó sẽ có sự cứu rỗi của các cá nhân và dân tộc trong những thời kỳ rối ren.”<sup>3</sup>

Harold B. Lee trở thành Chủ Tịch Giáo Hội vào ngày 7 tháng Bảy năm 1972, ông được 73 tuổi, Vị Sứ Đồ trẻ nhất khi trở thành Chủ Tịch kể từ thời Heber J. Grant. Ông đóng một vai trò chủ yếu trong sự điều hành Giáo Hội kể từ năm 1935, khi ông được kêu gọi để hướng dẫn chương trình an sinh Giáo Hội (xin xem trang 109). Ông cũng đã đóng một vai trò chủ yếu trong việc duyệt lại các chương trình và tài liệu giảng dạy của Giáo Hội mà đưa đến sự đơn giản hóa và sự phối hợp các chương trình của Giáo Hội.

Ông là một người có nếp sống thuộc linh sâu rộng, nhanh chóng đáp ứng những ẩn tượng mà ông nhận được từ thiên thượng.

Chủ Tịch Lee và Các Cố Vấn của ông chủ tọa đại hội giáo vùng thứ nhì, được tổ chức ở Thành Phố Mexico. Các tín hữu Giáo Hội quy tụ tại đại hội này là Các Thánh Hữu Ngày Sau đầu tiên tán trợ Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn mới. Chủ Tịch Lee giải thích rằng các buổi họp được tổ chức ở Thành Phố Mexico để “ghi nhận và khen ngợi những sự lao nhọc tuyệt vời của nhiều người... mà đã có công mang lại sự tăng trưởng to lớn của Giáo Hội.”

Khi Các Thánh Hữu ở Mễ Tây Cơ và Trung Mỹ biết được rằng một đại hội giáo vùng sẽ được tổ chức ở Thành Phố Mexico, nhiều người bắt đầu lập kế hoạch để tham dự. Một chị phụ nữ nọ đã đi từng nhà xin được giặt đồ mướn. Trong năm tháng, chị đã để dành được tiền kiếm được từ việc giặt giũ quần áo của những người lán giềng và đã có thể đi đến đại hội và tham dự tất cả các phiên họp. Nhiều Thánh Hữu đã sẵn lòng nhịn ăn trong những ngày đại hội bởi vì họ đã không có tiền để mua thức ăn sau khi làm việc và dành dụm để tham dự các buổi họp. Những người hy sinh như thế đã được tưởng thưởng với sức mạnh thuộc linh lớn lao. Một tín hữu đã nói rằng đại hội là “kinh nghiệm đẹp nhất trong đời tôi!” Một người khác đã cho một phóng viên biết: “Sẽ không dễ dàng cho chúng tôi để quên được tình yêu thương mà chúng tôi đã cảm nhận ở nơi đây trong những ngày này.”<sup>4</sup>

Trong nhiệm kỳ của ông, Chủ Tịch Lee đã đi thăm Đất Thánh, Vị Chủ Tịch đầu tiên của Giáo Hội trong gian kỳ này để làm như vậy. Ông cũng thông báo rằng các ngôi đền thờ nhỏ hơn giờ đây sẽ được xây cất và cuối cùng sẽ được thấy rải rác trên thế giới.

Vào ngày hôm sau của lễ Giáng Sinh năm 1973, sau khi đã phục vụ với tư cách là Chủ Tịch Giáo Hội chỉ 18 tháng, Chủ Tịch Lee qua đời. Người không lờ thuộc linh đã trở về ngôi nhà vĩnh cửu của mình.

### **Chủ Tịch Spencer W. Kimball**

Một người hiểu biết nhiều về sự đau đớn và đau khổ, Spencer W. Kimball, Vị Sứ Đồ trưởng của Nhóm Túc Số Mười Hai, được



tán trợ làm Chủ Tịch của Giáo Hội sau khi Chủ Tịch Lee qua đời. Hầu hết các dây thanh âm của ông đã bị cắt bỏ vì bệnh ung thư, và ông nói chuyện bằng một giọng nhỏ nhẹ, khàn khàn mà Các Thánh Hữu thấy yêu thương nhiều. Nổi tiếng vì tính khiêm nhường, sự cam kết, khả năng làm việc, và khẩu hiệu riêng của ông: “Hãy Làm Việc,” Chủ Tịch Kimball đẩy mạnh cái liềm của ông bằng hết sức mình.

Bài giảng đầu tiên của Spencer W. Kimball với tư cách là Chủ Tịch được đưa ra cho các vị đại diện giáo vùng của Giáo Hội, và mọi người tham dự đều ghi nhớ mãi. Một tham dự viên trong buổi họp nhớ lại rằng chỉ trong một chốc lát sau khi bài nói chuyện bắt đầu, “chúng tôi trở nên cảnh giác trước một sự hiện diện đầy ngạc nhiên của Thánh Linh, và chúng tôi ý thức được rằng chúng tôi đang lắng nghe một điều gì đó đặc sắc, mạnh mẽ, lạ thường.... Điều đó thể như ông đang vén lên các bức màn mà đã che phủ mục đích của Thượng Đế Toàn Năng và mời gọi chúng tôi cùng xem với ông vận mệnh của phúc âm và khái tượng của giáo vụ phúc âm.”

Chủ Tịch Kimball cho các vị lãnh đạo thấy “cách thức Giáo Hội đã không sống trọn vẹn theo như sự trung tín mà Chúa kỳ vọng nơi dân của Ngài, và rằng, ở một mức độ nào đó, chúng ta đã sống trong một tinh thần tự mãn và toại nguyện với những điều hiện có. Chính là vào giây phút đó mà ông đã đưa ra khẩu hiệu nổi tiếng cho đến giờ: ‘Chúng ta phải dấn thân vào.’” Ông khuyến nhủ cử tọa của mình phải gia tăng sự cam kết của họ để rao giảng phúc âm cho các quốc gia trên thế giới. Ông cũng kêu gọi sự gia tăng con số những người truyền giáo là những người có thể phục vụ trong xứ sở của họ. Ở phần cuối bài thuyết giảng của Chủ Tịch Kimball, Chủ Tịch Ezra Taft Benson nói: “Quả thật, có một vị tiên tri trong Y Sơ Ra Ên.”<sup>5</sup>

Dưới sự lãnh đạo năng động của Chủ Tịch Kimball, thêm nhiều tín hữu nữa đã phục vụ truyền giáo trọn thời gian, và Giáo Hội tiến bước trên khắp thế gian. Vào tháng Tám năm 1977, Chủ Tịch Kimball đi Warsaw, nơi mà ông đã làm lễ cung hiến phần đất Ba Lan và ban phước cho dân của nước đó để công việc của Chúa có thể tiến bước. Các trung tâm huấn luyện truyền giáo được thành lập ở Ba Tây, Chí

Lợi, Mễ Tây Cơ, Tân Tây Lan, và Nhật. Vào tháng Sáu năm 1978, ông thông báo về một điều mặc khải từ Thượng Đế mà đã có được một kết quả to lớn trong công việc truyền giáo toàn cầu. Trong nhiều năm chức tư tế đã không được ban cho những người thuộc dòng dõi Phi Châu, nhưng giờ đây các phước lành của chức tư tế và đền thờ sẽ được ban cho tất cả các người nam tín hữu xứng đáng.

Điều mặc khải này từ lâu đã là niềm hy vọng của những người trung tín trên khắp thế gian. Một trong số những người da đen chấp nhận phúc âm ở Phi Châu là William Paul Daniels, là người đã học biết về Giáo Hội ngay từ năm 1913. Ông đi đến Utah, nơi mà ông đã nhận được một phước lành đặc biệt từ Chủ Tịch Joseph F. Smith. Chủ Tịch Smith hứa với ông rằng nếu ông vẫn sống trung tín, thì ông sẽ nắm giữ chức tư tế trong cuộc sống này hoặc cuộc sống mai sau. Anh Daniels chết năm 1936, vẫn là một tín hữu trung thành của Giáo Hội, và con gái của ông đã thực hiện các giáo lễ đền thờ cho cha của mình ngay sau khi có điều mặc khải của năm 1978 về chức tư tế.<sup>6</sup>

Thêm nhiều người nữa ở Phi Châu đã phát triển chứng ngôn về lẽ trung thực của phúc âm nhờ vào tài liệu của Giáo Hội hoặc nhờ vào các kinh nghiệm cá nhân kỳ diệu, nhưng họ đã không thể thụ hưởng tất cả các phước lành của phúc âm.

Trong nhiều tháng trước khi có điều mặc khải vào tháng Sáu năm 1978, Chủ Tịch Kimball thảo luận với Các Cố Vấn của ông và Mười Hai Sứ Đồ về sự không ban thẩm quyền chức tư tế cho những người thuộc dòng dõi Phi Châu. Các vị lãnh đạo Giáo Hội miễn cưỡng khai mở các phái bộ truyền giáo trong những khu vực trên thế giới nơi mà các phước lành trọn vẹn của phúc âm có thể không được ban cho các tín hữu xứng đáng của Giáo Hội. Trong một đại hội giáo khu ở Nam Phi, Chủ Tịch Kimball tuyên bố: "Tôi đã cầu nguyện với nhiều khẩn thiết. Tôi biết rằng một điều gì đó trước mắt chúng ta mà cực kỳ quan trọng cho nhiều con cái của Thượng Đế. Tôi biết rằng chúng ta có thể nhận được những điều mặc khải của Chúa chỉ bằng cách sống xứng đáng và sẵn sàng tiếp nhận và sử dụng đúng chỗ những điều mặc khải này. Ngày này qua ngày khác, tôi đi một mình và với sự long trọng và nghiêm trang vào các căn phòng trên lầu đền thờ,

và nơi đó tôi dâng lòng mình và các nỗ lực của mình để tiến hành chương trình. Tôi muốn làm điều mà Ngài muốn tôi làm. Tôi thưa cùng Ngài về điều đó và nói: “Thưa Chúa, con chỉ muốn làm điều đúng.”<sup>7</sup>

Trong một buổi họp đặc biệt trong đền thờ với Các Cố Vấn của ông và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, Chủ Tịch Kimball đã yêu cầu mọi người tự do bày tỏ những quan điểm của họ về việc ban chức tư tế cho những người nam da đen. Rồi họ cầu nguyện chung quanh bàn thờ với Chủ Tịch Kimball làm người đại diện. Anh Cả Bruce R. McConkie, là người có mặt ở nơi đó, về sau đã nói: “Vào dịp này, nhờ vào lời nài xin và đức tin, và nhờ vào đúng giờ và đúng lúc, nên Chúa, trong thánh ý của Ngài, đã trút Đức Thánh Linh lên Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai trong một cách thức nhiệm mầu và kỳ diệu, vượt qua bất cứ điều gì mà bất cứ ai hiện diện lúc bấy giờ đã từng trải qua.”<sup>8</sup> Đối với các vị lãnh đạo của Giáo Hội thì rõ ràng là đã đến lúc cho tất cả những người nam xứng đáng để nhận lãnh các phước lành trọn vẹn của chức tư tế.

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn gửi một bức thư đề ngày 8 tháng Sáu năm 1978 cho các vị lãnh đạo chức tư tế, giải thích rằng Chúa đã mặc khải rằng “tất cả mọi nam tín hữu xứng đáng của Giáo Hội, không phân biệt màu da hay chủng tộc, đều có thể được sắc phong chức tư tế.” Vào ngày 30 tháng Chín năm 1978, Các Thánh Hữu trong đại hội trung ương đã đồng lòng biểu quyết ủng hộ hành động của các vị lãnh đạo của họ. Bức thư này giờ đây được tìm thấy trong sách Giáo Lý và Giao Ước là Tuyên Ngôn Chính Thức—2.

Kể từ lúc thông báo này, hàng ngàn người thuộc dòng dõi Phi Châu đã gia nhập vào Giáo Hội. Kinh nghiệm của một người cải đạo ở Phi Châu minh họa cách thức bàn tay của Chúa đã ban phước cho những người này. Một người tốt nghiệp đại học và là giáo sư đã có một giấc mơ mà trong đó ông đã thấy một tòa nhà lớn với các chóp nhọn hay ngọn tháp, có những người mặc đồ trắng đang bước vào đó. Về sau, khi đi du lịch, ông thấy một ngôi giáo đường Thánh Hữu Ngày Sau và cảm thấy có ấn tượng rằng giáo hội này vì một lý do nào đó liên hệ đến giấc mơ của ông, nên



*Trong những năm gần đây, con số các đền thờ đã được gia tăng xây cất trên khắp thế giới. Đền Thờ Frankfurt Germany (Đức) là một trong số nhiều đền thờ mà giờ đây đang ban phước cho các tín hữu Giáo Hội.*

ông tham dự một buổi lễ Chúa Nhật nơi đó. Sau các buổi họp, người vợ của chủ tịch phái bộ truyền giáo cho ông thấy một quyển sách nhỏ. Khi mở nó ra, người đó thấy hình của Đền Thờ Salt Lake, tòa nhà trong giấc mơ của ông. Về sau ông nói: “Trước khi tôi ý thức được thì tôi đang khóc.... Tôi không thể giải thích cảm tưởng đó. Tôi được giải thoát khỏi mọi gánh nặng.... Tôi cảm thấy rằng tôi đã đến một chỗ mà tôi đã đi thăm thường xuyên. Và giờ đây tôi đã được về nhà.”<sup>9</sup>

Trong nhiệm kỳ của Chủ Tịch Kimball, Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi được tái tổ chức, chương trình họp đúc kết trong ba giờ ngày Chúa Nhật được xúc tiến, và các đền thờ được xây cất với tốc độ nhanh chóng. Vào năm 1982, 22 đền thờ trên khắp thế giới được nằm trong giai đoạn hoạch định hoặc đang xây cất nhiều nhất so với hầu hết lịch sử của Giáo Hội vào thời điểm đó.

Ngoài ra, Chủ Tịch Kimball còn đề ra một chương trình du hành cần thiết mà mang ông đi đến nhiều quốc gia để tổ chức các đại hội giáo vùng. Tại các buổi họp này, ông đã làm ngơ các nhu cầu của mình và hoạch định mỗi cơ hội, nếu có thể được, để họp với và củng cố và ban phước cho Các Thánh Hữu địa phương.

Trong nhiều quốc gia, các tín hữu Giáo Hội đã mong mỏi nhận được các giáo lễ cứu rỗi thiêng liêng có sẵn trong các đền thờ. Trong số những người này là một Thánh Hữu Ngày Sau từ Thụy Điển là người đã phục vụ nhiều công việc truyền giáo và lao nhọc trong chủ tịch đoàn của phái bộ truyền giáo. Khi ông chết, ông đã để lại một phần tài sản đáng kể của mình cho quỹ đền thờ Thụy Điển, từ lâu trước khi Giáo Hội thông báo rằng một đền thờ sẽ được xây cất trong quốc gia đó. Khi Chủ Tịch Kimball thông báo về đền thờ, sự đóng góp của người này đã tích lũy tiền lời và trở thành một số tiền lớn. Ngay sau lễ cung hiến đền thờ, người anh em trung tín này, là người đã được làm lễ thiên ân trong khi còn sống, được làm lễ gắn bó với cha mẹ mình trong chính ngôi đền thờ mà tiền của ông đã giúp xây lên.

Một người cha và người mẹ ở Tân Gia Ba (Singapore) quyết tâm mang gia đình của họ đi đến đền thờ để được làm lễ gắn bó và tiếp nhận các phước lành đền thờ của họ. Họ đã hy sinh nhiều thứ để gây quỹ cần thiết và cuối cùng đã có thể thực hiện được chuyến đi và tham dự đền thờ. Họ ở trong nhà của người truyền giáo là người đã dạy họ nhiều năm trước. Trong khi đang ở trong một cửa hàng tạp hóa, người chị em này đi tách riêng khỏi người chồng của mình và người truyền giáo. Khi họ tìm ra người ấy, thì người ấy đang cầm một chai dầu gội đầu và khóc. Người ấy giải thích rằng một trong những sự hy sinh của mình để tham dự đền thờ là không xài dầu gội đầu, mà người ấy đã không xài đến trong bảy năm. Những sự hy sinh của người ấy, mặc dù rất khó để thực hiện, giờ đây dường như nhỏ bé, vì người ấy biết rằng gia đình của mình đã được vĩnh viễn ràng buộc với nhau bởi các giáo lễ trong ngôi nhà của Chúa.

Một sự phát triển trọng đại trong nhiệm kỳ của Chủ Tịch Kimball xảy ra vào năm 1979 khi Giáo Hội ấn hành một bản Kinh



*Chủ tịch Spencer W. Kimball với những người dân Da Đỏ ở miền tây nam Hoa Kỳ.*

Thánh King James bằng tiếng Anh. Văn bản không thay đổi, nhưng phần cước chú được thêm vào để bổ sung những lời chỉ dẫn tham khảo Kinh Thánh với Sách Mặc Môn, Giáo Lý và Giao Ước, và Trân Châu Vô Giá. Quyển Sách Hướng Dẫn Thánh Thư và Tự Điển Kinh Thánh lớn cung ứng sự hiểu biết độc nhất về các thánh thư hiện đại. Ấn bản này có những tiêu đề mới cho tất cả các chương và cũng gồm có những đoạn trích dẫn từ những phần duyệt lại của Joseph Smith về Kinh Thánh King James.

Vào năm 1981, các ấn bản Sách Mặc Môn, Giáo Lý và Giao Ước, và Trân Châu Vô Giá mới cũng được xuất bản. Những quyển này gồm có hệ thống cước chú mới, những tiêu đề của chương và tiết,

bản đồ, và một bảng mục lục mới. Vào khoảng thời gian này, Giáo Hội cũng bắt đầu đề ra sự gia tăng chú trọng đến việc phiên dịch các thánh thư ngày sau ra nhiều ngôn ngữ khác.

Trong tấm gương và những lời giảng dạy của ông, Chủ Tịch Kimball soi dẫn các tín hữu Giáo Hội đến sự ưu tú trong tất cả mọi nỗ lực của họ. Tại buổi lễ kỷ niệm 100 năm thành lập trường Brigham Young University, ông nói: “Tôi hy vọng lần trông mong rằng từ trường Đại Học này và Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội, thì sẽ xuất hiện những ngôi sao sáng trong kịch nghệ, văn chương, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, khoa học, và trong tất cả mọi hoa mỹ trong ngành học thuật.”<sup>10</sup> Trong những dịp khác, ông bày tỏ hy vọng rằng các nghệ sĩ Thánh Hữu Ngày Sau sẽ kể câu chuyện về phúc âm phục hồi trong một cách thức đầy quyền năng và thuyết phục.

Mặc dù chương trình làm việc của Chủ Tịch Kimball rất bận rộn, ông vẫn luôn luôn tìm đến những người khác trong tình yêu thương và sự phục vụ. Ông có một cảm tình đặc biệt đối với những người Thổ Dân Mỹ ở Bắc và Nam Mỹ và những người dân của các đảo Polynesia, và ông dành ra nhiều giờ trong nhiều nỗ lực khác nhau để giúp đỡ họ. Ông đã nhận được một phước lành từ Chủ Tịch George Albert Smith chỉ dẫn cho ông chăm sóc họ, và với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội, ông chỉ định các tín hữu của Nhóm Túc Số Mười Hai làm lễ cung hiến hoặc tái cung hiến những vùng đất ở Trung và Nam Mỹ cho việc rao giảng phúc âm. Kể từ lúc ấy, hàng ngàn người ở khắp miền Trung và Nam Mỹ đã hân hoan trong các phước lành của phúc âm.

Một sự kiện tiêu biểu về mối quan tâm của ông đối với tất cả mọi người đã xảy ra tại một phi trường đông người khi một người mẹ trẻ, lâm vào hoàn cảnh khó khăn vì thời tiết xấu, đứng sắp hàng hết trong hàng này đến hàng nọ với đứa con gái hai tuổi của mình, cố gắng kiếm ra một chuyến bay để đi. Người ấy đang mang thai hai tháng và theo lệnh của bác sĩ không được bế đứa con của mình mà đang mệt mỏi và đói. Không một ai đề nghị giúp đỡ, mặc dù vài người còn đưa ra lời chê bai đứa con đang khóc la của người ấy. Rồi, người phụ nữ ấy về sau kể lại:

“Một người tiến về phía chúng tôi và với một nụ cười đôn hậu nói: ‘Tôi có thể làm điều gì để giúp chị được?’ Với một tiếng thở ra đầy biết ơn tôi chấp nhận lời đề nghị của ông ấy. Ông bế đứa con gái nhỏ đang thốn thức khóc của tôi lên khỏi sàn nhà lạnh lẽo và âu yếm ôm nó trong khi ông vỗ nhẹ vào lưng nó. Ông hỏi xem nó có thể nhai một miếng kẹo gôm không. Khi nó đã nguôi khóc, ông ẵm nó trong tay và nhỏ nhẹ nói điều gì đó với những người khác đang đứng sắp hàng trước tôi, về việc tôi cần họ giúp đỡ biết bao. Họ dường như đồng ý và rồi ông đi lại quầy vé [ở trước hàng đang sắp] và thu xếp với người nhân viên để tôi được có chuyến bay sớm. Ông đi với chúng tôi đến một ghế dài, nơi mà chúng tôi trò chuyện trong một lát, cho đến khi ông biết chắc rằng mọi việc sẽ được ổn thỏa với tôi, rồi ông đi. Khoảng một tuần sau, tôi nhìn thấy bức hình của Sứ Đồ Spencer W. Kimball và nhận ra ông chính là người khách lạ ở phi trường.”<sup>11</sup>

Một vài tháng trước khi ông mất, Chủ Tịch Kimball bị đau nặng, nhưng ông luôn luôn là một tấm gương kiên nhẫn, chịu đựng, và siêng năng khi gặp thử thách. Ông mất ngày 5 tháng Mười Một năm 1985, sau khi đang phục vụ với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội trong 12 năm.





*Khi những người trên khắp thế giới chấp nhận phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô, thì họ có thể nhận được những phước lành của các giáo lễ thiêng liêng.*

# Giáo Hội Ngày Nay

## Chủ Tịch Ezra Taft Benson

Ezra Taft Benson trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội sau khi Spencer W. Kimball qua đời. Trong đầu thời kỳ lãnh đạo của ông, ông đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng lớn lao của việc đọc và học hỏi Sách Mặc Môn. Ông đã làm chứng rằng “Sách Mặc Môn mang con người đến với Đấng Ky Tô,” và xác nhận một lần nữa lời của Joseph Smith tuyên bố rằng quyền sách này là “nền tảng của tôn giáo chúng ta, và một người sẽ đến gần Thượng Đế hơn nhờ tuân theo những lời giảng dạy trong sách đó thay vì tuân theo bất cứ cuốn sách nào khác.”<sup>1</sup>

Tại đại hội trung ương tháng Tư năm 1986, Chủ Tịch Benson đã tuyên bố: “Chúa đã soi dẫn tôi tới Lorenzo Snow của Ngài để nhấn mạnh lại nguyên tắc thập phân nhằm cứu giúp Giáo Hội ra khỏi vòng nô lệ tài chính.... Giờ đây, trong thời đại của chúng ta, Chúa đã mặc khải về sự cần thiết của việc tái nhấn mạnh đến Sách Mặc Môn.... Tôi hứa với các anh chị em rằng từ đây trở đi, hằng ngày nếu chúng ta chịu học các trang sách đó và tuân theo những lời giảng dạy trong sách đó, thì Thượng Đế sẽ trút lên mỗi con cái của Si Ôn và Giáo Hội một phước lành mà cho đến nay chưa được biết.”<sup>2</sup> Hàng triệu người trên thế giới đã chấp nhận lời yêu cầu này và nhận được phước lành đã được hứa.

Một đề tài trọng đại khác là tầm quan trọng của việc tránh kiêu ngạo. Tại đại hội trung ương tháng Tư năm 1989, ông đã kêu gọi các tín hữu của Giáo Hội phải “thanh tẩy lòng mình bằng cách chế ngự tính kiêu ngạo,” mà ông cảnh cáo là nguyên nhân của sự hủy diệt dân tộc Nê Phi. Ông khuyên dạy rằng “liều thuốc giải trừ tính kiêu ngạo là tính khiêm tốn—sự hiền lành, tuân phục.”<sup>3</sup>

Trong khi đang phục vụ với tư cách là thành viên của Nhóm Túc Số Mười Hai, Ezra Taft Benson có được một cơ hội khác thường để làm gương trong việc sống theo phúc âm. Vào năm 1952, với sự khuyến khích của Chủ Tịch David O. McKay, ông đã chấp nhận sự bổ nhiệm vào chức Bộ Trưởng Canh Nông dưới thời Dwight D. Eisenhower, tổng thống Hoa Kỳ. Đây là lần duy nhất trong lịch sử của Giáo Hội mà một thành viên thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai đã phục vụ trong nội các của một vị tổng thống Hoa Kỳ. Trong tám năm ông phục vụ, ông đã đạt được lòng kính trọng lan rộng tại quốc nội lẫn quốc ngoại về sự liêm chính và sự tinh thông của ông trong việc hướng dẫn và thực hiện các chính sách nông nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ. Ông tiếp xúc với các nhà lãnh đạo quốc gia và mở đường cho những người đại diện của Giáo Hội trên khắp thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ Tịch Benson, Giáo Hội đã có nhiều sự tiến bộ quan trọng trên toàn cầu. Vào ngày 28 tháng Tám năm 1987, ông đã làm lễ cung hiến Đền Thờ Frankfurt Germany ở nước Cộng Hòa Liên Bang Đức, một đặc ân đầy ý nghĩa đối với ông bởi vì ông đã từng đặt trụ sở làm việc ở Frankfurt trong khi phục vụ với tư cách là chủ tịch phái bộ truyền giáo Âu Châu từ năm 1964 đến năm 1965.

Đền Thờ Freiberg Germany ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức được làm lễ cung hiến vào ngày 29 tháng Sáu năm 1985. Lễ cung hiến này được tiếp theo bởi một số phép lạ xảy ra để cho sự xây cất đền thờ có thể được thực hiện. Vào chuyến thăm viếng đầu tiên nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức vào năm 1968, Anh Cả Thomas S. Monson thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai đã hứa với Các Thánh Hữu: “Nếu các anh chị em tiếp tục sống trung thành và trung tín với các lệnh truyền của Thượng Đế, thì mọi phước lành mà bất cứ tín hữu nào của Giáo Hội đang vui hưởng trong bất cứ quốc gia nào cũng sẽ thuộc vào các anh chị em.” Vào năm 1975, trong khi đang công tác trong cùng quốc gia đó, Anh Cả Monson đã nhận được ấn tượng từ Thánh Linh để làm lễ cung hiến phần đất đó lên Chúa, và nói: “Thưa Cha, cầu xin cho đây là một sự khởi đầu một ngày mới cho các tín hữu của giáo hội của Cha trong phần đất



*Anh Cả Russell M. Nelson với vị phó tổng thống Cộng Hòa Nga tại một buổi khoản đãi ăn tối của chính quyền vào ngày 24 tháng Sáu năm 1991. Vị phó tổng thống loan báo rằng không đầy một tháng trước, Giáo Hội đã được chính thức công nhận ở khắp nước cộng hòa này.*

này.” Ông đã cầu xin cho ước muốn chân thành của Các Thánh Hữu “để nhận được các phước lành của đền thờ” có thể được ứng nghiệm. Lời hứa đầy soi dẫn và lời cầu nguyện có tính cách tiên tri của ông trong lễ cung hiến đã trở thành hiện thực.<sup>4</sup>

Vào ngày cuối tháng Ba năm 1989, những người truyền giáo Thánh Hữu Ngày Sau được phép vào nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Vào ngày 9 tháng Mười Một năm 1989, đức tin và những lời cầu nguyện của nhiều Thánh Hữu đã được đáp ứng khi những rào cản giữa đông và tây Âu bắt đầu sụp đổ, đưa đến sự gia tăng số người cải đạo chịu phép báp têm và sự xây cất các tòa nhà của Giáo Hội. Một người cải đạo lần đầu biết được về Giáo Hội khi người ấy đến thăm ngày khánh thành một ngôi giáo đường mới vừa hoàn tất ở Dresden, Đức, vào ngày 1 tháng Năm năm 1990. Chưa đến một tuần lễ sau đó, người ấy chịu phép báp têm sau khi

đã nhận được những bài thảo luận truyền giáo, đọc Sách Mặc Môn hai lần từ đầu đến cuối, và đạt được một chứng ngôn mạnh mẽ về sự trung thực của phúc âm.<sup>5</sup>

Vào ngày 24 tháng Sáu năm 1991, tại một bữa tiệc tiếp theo buổi trình diễn của Đại Ca Đoàn Mormon Tabernacle ở Mạc Tư Khoa, vị phó tổng thống của nước Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết Nga loan báo rằng Giáo Hội đã được chính thức công nhận ở quốc gia của ông. Điều này cho phép Giáo Hội thiết lập những giáo đoàn trên khắp nước cộng hòa rộng lớn này. Trong thập niên 1990, một số quốc gia thuộc nước cộng hòa Liên Xô cũ và trung và đông Âu đã được làm lễ cung hiến cho việc rao giảng phúc âm, kể cả Albania, Armenia, Belarus, Bulgaria (Bảo Gia Lợi), Estonia, Hungary (Hung Gia Lợi), Latvia, Lithuania, Romania (Lỗ Ma Ni), Nga, và Ukraine. Những tiện nghi của Giáo Hội đã được thuê theo hợp đồng và xây cất trong mỗi một quốc gia này, và nhiều người đã nhận được chứng ngôn về lẽ trung thực của phúc âm. Tại buổi lễ cung hiến của ngôi nhà hội Thánh Hữu Ngày Sau đầu tiên ở Ba Lan kể từ trước khi Đệ Nhị Thế Chiến, Anh Cả Russell M. Nelson thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai đã cầu nguyện rằng ngôi nhà hội này có thể phục vụ làm “một nơi trú ẩn bình an cho những người đang gặp khó khăn và một nơi ẩn náu hy vọng cho những người đang khát khao sự ngay chính.”<sup>6</sup> Phước lành này đang được ứng nghiệm trong cuộc sống của Các Thánh Hữu trong nhiều quốc gia mà đã tìm thấy sự bình an và niềm vui của phúc âm.

Vì sự tăng trưởng lớn mạnh của con số tín hữu trong Giáo Hội và sự nhấn mạnh của Chủ Tịch Benson về công việc truyền giáo, vào lúc cuối thời kỳ lãnh đạo của ông, có gần 48.000 người truyền giáo phục vụ trong 295 phái bộ truyền giáo của Giáo Hội.

Cũng trong thời kỳ lãnh đạo của ông, chương trình an sinh của Giáo Hội bắt đầu gia tăng sự trợ giúp nhân đạo cho những tín hữu của các tôn giáo khác trên thế giới. Sự trợ giúp này được cung ứng để làm giảm đi nỗi đau khổ và để thúc đẩy sự tự túc dài hạn. Những số lượng lớn thực phẩm, quần áo, đồ tiếp liệu y khoa, chăn mền, tiền mặt, và những món đồ khác được phân phát cho người nghèo túng,

và những dự án dài hạn cung ứng sự chăm sóc y tế, dạy viết và dạy đọc, và những sự phục vụ khác. Sự phục vụ từ thiện đang được cung ứng cho hàng ngàn người ngày nay trên nhiều phần đất của thế giới.

Đau khổ vì sự suy yếu của tuổi già và sự qua đời của người vợ yêu dấu của ông, Flora, Chủ Tịch Benson mất vào ngày 30 tháng Năm năm 1994, thọ 94 tuổi, đã dững cảm hoàn tất sứ mệnh của ông với tư cách là một tiên tri của Chúa. Người kế nhiệm của ông là Howard W. Hunter, là người lúc bấy giờ đang phục vụ với tư cách là Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai.

### **Chủ Tịch Howard W. Hunter**

Trong buổi họp báo đầu tiên của ông vào ngày 6 tháng Sáu năm 1994, Chủ Tịch Howard W. Hunter thiết lập một số vấn đề quan trọng cho thời kỳ lãnh đạo của mình. Ông nói: “Tôi xin mời tất cả các tín hữu của Giáo Hội nên sống với sự chú tâm ngày càng nhiều đến cuộc sống và tấm gương của Chúa Giê Su Ky Tô, nhất là tình yêu thương, hy vọng và lòng trắc ẩn mà Ngài đã cho thấy.

“Tôi cầu nguyện rằng chúng ta có thể đối xử với lòng nhân từ hơn, nhã nhặn hơn, khiêm nhường, kiên nhẫn và vị tha hơn.”

Ông cũng yêu cầu các tín hữu của Giáo Hội nên “thiết lập đền thờ của Chúa làm biểu tượng cao trọng cho vai trò tín hữu của họ và bối cảnh cao quý cho các giao ước thiêng liêng nhất của họ. Việc có được mỗi tín hữu của Giáo Hội xứng đáng đi đền thờ sẽ là ước muốn sâu xa nhất của lòng tôi.”<sup>7</sup> Hàng ngàn tín hữu Giáo Hội áp dụng những sứ điệp này vào cuộc sống của họ và được ban phước với một nếp sống thuộc linh cao trọng hơn.

Chủ Tịch Hunter có một trí óc được phát triển một cách sâu sắc mà có giá trị lớn lao cho Giáo Hội. Trong cuối thập niên 1970, ông đã nhận được một sự chỉ định mà đòi hỏi tất cả mọi kỹ năng của ông. Ông đóng một vai trò quan trọng trong việc thương lượng để mua đất đai và trong việc giám sát công trình xây cất tòa nhà trọng yếu của Giáo Hội ở Đất Thánh—Trung Tâm Jerusalem cho Những Sự Nghiên Cứu Cận Đông của Trường Brigham Young University. Trung tâm này tọa lạc trên Núi Scopus, một phần mở rộng của Núi

Ô Li Ve. Nó làm chỗ trọ và nơi học tập sinh hoạt của các sinh viên nghiên cứu sâu rộng về vùng đất chọn lọc này, dân tộc của vùng đất này (Do Thái cũng như Á Rập), và những nơi mà Chúa Giê Su và các tiên tri thời xưa từng sống. Trung tâm này đã từng là một phước lành cho những người đã nghiên cứu về nó, và về xinh đẹp của nó đã soi dẫn cho nhiều người đến thăm viếng nơi đó.

Chủ tịch Hunter cũng đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển Trung Tâm Văn Hóa Polynesia, tọa lạc cạnh bên Trường Brigham Young University—Hawaii ở Laie, Hạ Uy Di. Ông là chủ tịch ủy ban sáng lập địa điểm du lịch rộng 42 mẫu này do Giáo Hội sở hữu và quản lý. Mục đích của nó là bảo tồn nền văn hóa Polynesia và cung ứng công ăn việc làm cho sinh viên. Xây cất vào năm 1963, nó là địa điểm du lịch quan trọng mà giờ đây đã được gần một triệu người đến viếng mỗi năm, là những người đến để thưởng thức âm nhạc, khiêu vũ, nghệ thuật, và thủ công của quần đảo Polynesia.

Trước khi ông trở thành Chủ tịch Giáo Hội, Anh Cả Hunter phục vụ trong tám năm với tư cách là chủ tịch Hội Gia Phả Utah, tiền thân của Sở Lịch Sử Gia Đình ngày nay. Trong thời gian này, hội ấy đã bảo trợ Đại Hội Hồ Sơ Gia Phả Thế Giới đầu tiên vào năm 1969, mà ông nói “đã tạo ra nhiều thiện ý cho Giáo Hội và đã mở các cánh cửa cho công việc của chúng ta trên khắp thế giới.”<sup>8</sup> Ông đã phát triển một tình thương yêu lớn lao đối với tất cả mọi người, đang sống cũng như đã chết, và thường dạy rằng tất cả chúng ta đều cùng thuộc vào một gia đình vĩ đại. Ông được nói tiếng là một người có được tình yêu thương giống như Đấng Ky Tô.

Trong suốt đời ông, Chủ tịch Hunter đã gặp rất nhiều nghịch cảnh. Với đức tin và sự dũng cảm chịu đựng, ông đã đối phó với những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng và đau đớn, sự đau yếu liên miên kéo dài và cái chết của người vợ đầu tiên của ông, và những khó khăn khác. Dù có những trở ngại này, nhưng ông cũng đã phục vụ Chúa một cách đặc lực, hành trình nhiều và siêng năng trong việc điều hành những công việc của Giáo Hội. Tấm gương của ông phù hợp với lời dạy của ông: “Nếu các anh chị em gặp rắc rối tại nhà với con cái đi lạc đường, nếu các anh chị em đau



*Lễ Cung Hiến Đài Kỷ Niệm Orson Hyde ở Jerusalem.*



khổ vì thất bại về tài chính và căng thẳng tình cảm mà đe dọa gia đình và hạnh phúc của mình, nếu các anh chị em phải đối phó với sự mất mát người thân hoặc sức khỏe, thì cầu xin cho có sự bình an trong tâm hồn của các anh chị em. Chúng ta sẽ không bị cám dỗ vượt quá khả năng chịu đựng của mình. Khúc ngoặt và nỗi thất vọng của chúng ta chính là con đường thẳng và hẹp đi đến Ngài.”<sup>9</sup>

Chủ Tịch Hunter chủ tọa tại Thành Phố Mexico, Mỹ Tây Cơ, vào ngày 11 tháng Mười Hai năm 1994 khi giáo khu thứ 2.000 của Giáo Hội được thành lập, một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Giáo Hội. Ông nói với những người đang quy tụ tại đó: “Qua các tội tổ của Ngài, Chúa đã mang đến phép lạ này. Công việc này sẽ tiếp tục tiến bước trong sức mạnh và sức sống. Những lời hứa ban cho Tô Phụ Lê Hi và con cái của ông về dòng dõi của họ đã và đang tiếp tục để được ứng nghiệm ở Mỹ Tây Cơ.”<sup>10</sup> Trong thời gian Chủ Tịch Hunter phục vụ với tư cách là một Vị Thâm Quyền Trung Ương, Giáo Hội ở Châu Mỹ La Tinh đã tăng trưởng nhanh chóng. Vào lúc ông trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội, thì đã có hơn 1 triệu rưỡi Thánh Hữu Ngày Sau chỉ trong các quốc gia Mỹ Tây Cơ, Ba Tây, và Chí Lợi, nhiều hơn con số các tín hữu Giáo Hội sống ở Utah lúc bấy giờ.

Mặc dù Chủ Tịch Hunter đã phục vụ với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội chỉ trong chín tháng, nhưng ông đã có một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Các Thánh Hữu, là những người nhớ đến ông vì lòng trắc ẩn, sự nhẫn nại chịu đựng, và tấm gương sâu rộng của lối sống giống như Đấng Ky Tô của ông.

### **Chủ Tịch Gordon B. Hinckley**

Khi Gordon B. Hinckley trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội sau cái chết của Chủ Tịch Hunter, ông được hỏi rằng nhiệm kỳ chủ tịch của ông sẽ chú trọng vào điều gì. Ông trả lời: “Tiếp tục công việc. Vâng, đề tài của chúng tôi sẽ là tiếp tục công việc vĩ đại mà đã được xúc tiến bởi các bậc tiền nhiệm của chúng tôi là những người đã phục vụ một cách rất đáng phục, trung tín và đặc lực. Vâng, xây đắp các giá trị của gia đình. Vâng, thúc đẩy giáo dục.

Vâng, xây đắp một tinh thần khoan dung và độ lượng giữa những người ở khắp mọi nơi. Và rao truyền phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô.”<sup>11</sup>

Kinh nghiệm sâu rộng của Chủ Tịch Hinckley với sự lãnh đạo Giáo Hội đã chuẩn bị kỹ cho ông để làm chủ tịch. Ông được tán trợ vào Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ vào năm 1961. Bắt đầu từ năm 1981, ông đã phục vụ với tư cách là Cố Vấn trong Hệ Nhất Chủ Tịch Đoàn cho ba Vị Chủ Tịch Giáo Hội— Spencer W. Kimball, Ezra Taft Benson, và Howard W. Hunter. Trong mấy năm này, ông đã gánh vác nhiều trách nhiệm nặng nề một cách phi thường khi Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội này bị bệnh vì tuổi già sức yếu.

Lúc còn thanh niên trong khi Gordon B. Hinckley đang đi truyền giáo ở nước Anh, ông nhận được một lời khuyên nhủ mà đã phục vụ thích đáng cho ông trong suốt những năm đầy trách nhiệm khó khăn. Có phần hơi chán nản, ông đã viết thư cho cha của mình, nói: “Con đang phí thời giờ của con và tiền bạc của cha. Con không thấy có bất cứ lý do gì cho con để ở lại đây.” Sau một thời gian, ông nhận được một lá thư ngắn từ cha của ông: “Gordon mến, Cha đã nhận được thư con.... Cha chỉ có một đề nghị. Hãy quên bản thân của con và đi làm việc. Thương mến, Cha của con.”

Chủ Tịch Hinckley nói về giây phút đó: “Tôi suy ngẫm về điều đó, và buổi sáng hôm sau trong lớp học thánh thư, chúng tôi đọc lời phán quan trọng của Chúa: ‘Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất; còn ai vì cơ ta và đạo Tin Lành mà mất sự sống, thì sẽ cứu’ (Mác 8:35). Lời phán đó đã cảm động lòng tôi. Lời phán đó, lời hứa đó, cùng với lá thư của cha tôi, đã thúc giục tôi đi lên lầu,... quỳ xuống, và lập giao ước với Chúa rằng tôi sẽ cố gắng quên mình và đi làm việc. Tôi xem đó là ngày quyết định trong cuộc sống của mình. Mọi điều tốt lành đã xảy ra cho tôi kể từ lúc đó mà tôi có thể truy nguyên bắt nguồn từ quyết định của tôi đã có vào lúc ấy.”<sup>12</sup>

Chủ Tịch Hinckley nổi tiếng là một người có sự lạc quan tối đa, luôn luôn tràn đầy đức tin nơi Thượng Đế và nơi tương lai. “Chủ Tịch Hinckley luôn luôn lặp lại lời trấn an cho gia đình, bạn

bè, và người cộng sự: 'Rồi mọi việc sẽ được ổn thỏa' Ông thường nói: 'Cứ tiếp tục cố gắng. Hãy tin tưởng. Hãy vui vẻ. Đừng thất vọng. Mọi việc sẽ được ổn thỏa.'" <sup>13</sup>

Khi được một người phóng viên yêu cầu nhận định sự thách thức lớn nhất mà Giáo Hội đang đối phó, ông trả lời: "Sự thách thức nghiêm trọng nhất mà chúng tôi đối phó và sự thách thức kỳ diệu nhất là sự thách thức đến từ sự phát triển." Ông giải thích rằng sự phát triển ngày càng gia tăng mang lại sự cần thiết là phải có thêm nhiều tòa nhà, kể cả thêm nhiều đền thờ hơn: "Đây là kỷ nguyên quan trọng nhất trong lịch sử của Giáo Hội cho việc xây cất đền thờ. Việc xây cất đền thờ chưa bao giờ tiến triển với sức đây hiện đang được xúc tiến. Chúng tôi có 47 ngôi đền thờ đang hoạt động. Chúng tôi có 13 ngôi đền thờ khác đang nằm trên bàn vẽ trong dự án xây cất. Chúng tôi sẽ tiếp tục xây cất đền thờ." <sup>14</sup> Sự phát triển gia tăng của Giáo Hội cũng làm cho việc phiên dịch Sách Mặc Môn ra nhiều ngôn ngữ thành cần thiết.

Chủ Tịch Hinckley đã có kinh nghiệm cá nhân với sự tăng trưởng nhanh chóng của Giáo Hội. Trong khi tham dự một đại hội ở Osaka, Nhật, vào năm 1967, ông đã nhìn xuống cử tọa, mà gồm có nhiều người trẻ tuổi, và nói: "Tôi thấy tương lai của Giáo Hội ở Nhật nơi các em. Và tôi nhìn thấy được một tương lai sáng lạn. Chúng ta chỉ mới vừa thảo luận sơ vấn đề. Nhưng tôi cảm thấy có ấn tượng để nói về điều mà tôi đã cảm nghĩ từ lâu, và đó là ngày không xa lắm khi mà sẽ có những giáo khu Si Ôn trong đất nước hùng cường này." <sup>15</sup> Trong vòng một thế hệ, đã có 100.000 Thánh Hữu Ngày Sau ở Nhật, nhiều giáo khu, phái bộ truyền giáo, và giáo hạt, và một đền thờ.

Chủ Tịch Hinckley cũng rất quan tâm đến sự tăng trưởng của Giáo Hội ở Phi Luật Tân, nơi mà giáo khu đầu tiên được tổ chức ở Manila vào năm 1973. Hai thập niên sau, vào lúc ông trở thành Chủ Tịch của Giáo Hội, có hơn 300.000 tín hữu Phi Luật Tân đã tiếp nhận các phước lành của phúc âm, kể cả một ngôi đền thờ trong quốc gia của họ. Chủ Tịch Hinckley cũng đã cho thấy mối quan tâm lớn lao về sự tăng trưởng của Giáo Hội trong những

phần đất khác của Á Châu, kể cả Đại Hàn, Trung Quốc, và Đông Nam Á.

Nếp sống thuộc linh của nhiều tín hữu ở Á Châu được cho thấy bằng kinh nghiệm của một Vị Thẩm Quyền Trung Ương là người đã được chỉ định để kêu gọi một vị chủ tịch giáo khu mới trong một giáo khu ở Phi Luật Tân. Sau khi phỏng vấn một số các anh em chức tư tế, ông đã có ấn tượng để kêu gọi một người giữa tuổi hai mươi để làm chủ tịch giáo khu. Ông yêu cầu người anh em trẻ tuổi đó đi vào một căn phòng bên cạnh và dành ra một thời gian để chọn các cổ vấn của người ấy. Người anh em đó trở lại khoảng 30 giây sau. Vị Thẩm Quyền Trung Ương nghĩ rằng người ấy đã hiểu lầm, nhưng vị chủ tịch giáo khu mới nói: “Thưa không. Tôi biết qua Thánh Linh của Chúa rằng tôi sẽ là chủ tịch giáo khu cách đây một tháng. Tôi đã chọn xong các cổ vấn của tôi.”

Là điều thích hợp khi Chủ Tịch Hinckley, người đã làm rất nhiều việc để phụ giúp trong việc thiết lập Giáo Hội trên khắp thế giới, đã có thể loan báo trong nhiệm kỳ của ông: “Các nhà thống kê của chúng ta cho tôi biết rằng nếu chiều hướng hiện nay tiếp tục, thì một lúc nào đó vào tháng Hai năm 1996, chỉ cách đây một vài tháng nữa, sẽ có nhiều tín hữu của Giáo Hội bên ngoài Hoa Kỳ hơn ở tại Hoa Kỳ. Sự vượt trội đó là một điều đầy ý nghĩa một cách kỳ diệu. Nó tượng trưng cho kết quả của một sự vượt trội to lớn.”<sup>16</sup>

Một sự nhấn mạnh quan trọng của thời kỳ lãnh đạo của Chủ Tịch Hinckley là tầm quan trọng của cuộc sống tốt đẹp của gia đình, nhất là trong một thế giới thường không ủng hộ các giá trị gia đình. Dưới sự chỉ dẫn của ông, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Hội Đồng Mười Hai công bố một bản tuyên ngôn đặc biệt cùng thế giới về đề tài gia đình, mà một phần của bản tuyên ngôn đó nói rằng:

“Gia đình là do Thượng Đế quy định. Hôn nhân giữa người nam và người nữ là thiết yếu cho kế hoạch vĩnh cửu của Ngài. Con cái phải được sinh ra trong vòng ràng buộc hôn nhân và được nuôi nấng bởi một người cha và một người mẹ biết tôn trọng những lời thề ước hôn nhân với lòng chung thủy trọn vẹn. Hạnh phúc trong cuộc sống

gia đình hầu như có thể đạt được khi được đặt trên những lời giảng dạy của Chúa Giê Su Ky Tô.

“Chúng tôi khuyến cáo những cá nhân nào đã vi phạm các giao ước về sự trinh khiết, ngược đãi người hôn phối hay con cái hoặc không làm tròn các trách nhiệm gia đình, một ngày kia sẽ đứng chịu trách nhiệm trước mặt Thượng Đế. Hơn nữa, chúng tôi cũng khuyến cáo rằng sự tan vỡ gia đình sẽ mang lại cho cá nhân, cộng đồng và quốc gia những tai họa mà đã được các tiên tri thời xưa và hiện đại tiên đoán.”<sup>17</sup>

Trong đại hội trung ương tháng Tư năm 1995, Chủ Tịch Hinckley loan báo rằng vào ngày 15 tháng Tám năm 1995, những người đại diện giáo vùng của Giáo Hội, mà đã phục vụ rất đặc lực, sẽ được giải nhiệm và một chức vụ mới, chức vụ Thẩm Quyền Giáo Vùng, sẽ được thiết lập. Các Vị Thẩm Quyền Giáo Vùng chủ tọa các đại hội giáo khu; tái tổ chức hoặc thành lập các giáo khu; cung ứng sự huấn luyện cho các chủ tịch giáo khu, phái bộ truyền giáo, và giáo hạt; và thực hiện các nhiệm vụ khác được chỉ định bởi Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Các Chủ Tịch Đoàn Giáo Vùng của họ. Chức vụ mới này cho phép các vị lãnh đạo Giáo Hội sinh sống và làm việc gần gũi hơn với các tín hữu mà họ phục vụ và làm cho sự phát triển gia tăng được dễ dàng trên khắp thế giới.

Một Vị Thẩm Quyền Trung Ương đã giải thích cách thức mà mỗi Thánh Hữu có thể tán trợ Chủ Tịch Hinckley một cách hữu hiệu nhất: “Khi ông đảm nhận thánh chức mà ông đã được kêu gọi—vị tiên tri, tiên kiến, mặc khải, Thầy Tư Tế Thượng Phẩm Chủ Tọa của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô.... thì điều tốt nhất mà chúng ta có thể làm để tán trợ ông trong chức vụ của ông là ‘tiếp tục, tiếp tục, và tiếp tục!’”<sup>18</sup>

# Kết Luận

Mỗi người chúng ta có một chỗ trong lịch sử Giáo Hội. Một số tín hữu sinh ra trong những gia đình mà trong hàng bao thế hệ đã chấp nhận phúc âm và nuôi dưỡng con cái họ theo những đường lối của Chúa. Những người khác lần đầu tiên nghe phúc âm và bước vào nước báp têm, và bằng cách ấy, lập các giao ước thiêng liêng để góp phần của họ vào việc xây đắp vương quốc của Thượng Đế. Nhiều tín hữu sống trong những khu vực mà họ chỉ mới bắt đầu kỷ nguyên của họ về lịch sử Giáo Hội và đang tạo lập một di sản đức tin cho con cái của họ. Bất luận hoàn cảnh của chúng ta ra sao chăng nữa, thì mỗi người chúng ta cũng là một phần thiết yếu của chính nghĩa trong việc xây đắp Si Ôn và chuẩn bị cho ngày tái lâm của Đấng Cứu Rỗi. Chúng ta “chẳng phải là kẻ ở trọ nữa, nhưng là người đồng quốc với các thánh đồ, và là người nhà của Đức Chúa Trời” (Ê Phê Sô 2:19).

Dù là tín hữu mới hay cũ, chúng ta cũng thừa hưởng một di sản đức tin và hy sinh từ những người sống trước chúng ta. Chúng ta cũng là những người tiên phong hiện đại đối với con cái của mình và đối với hàng triệu con cái của Cha Thiên Thượng là những người chưa nghe đến và chấp nhận phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô. Chúng ta đóng góp phần mình trong những cách thức khác nhau trên khắp thế gian bằng cách xúc tiến công việc của Chúa một cách trung tín.

Các bậc cha mẹ rèn luyện con cái của họ một cách thành tâm trong các nguyên tắc ngay chính. Các thầy giảng tại gia và các giảng viên thăm viếng chăm sóc những người gặp khó khăn. Các gia đình nói lời từ giả với những người truyền giáo là những người đã chọn dâng hiến những năm tháng của cuộc sống họ để mang sứ điệp phúc âm đến những người khác. Các vị lãnh đạo chức tư tế và tổ chức hỗ trợ đầy vị tha đáp ứng những sự kêu gọi để phục vụ. Qua



*Những người truyền giáo này đang giúp làm ứng nghiệm lời tiên tri của Joseph Smith: “Lẽ thật của Thượng Đế sẽ dưng mãnh tiến lên, đầy cao quý và độc lập, cho đến khi nó xâm nhập mỗi lục địa, ... và được truyền đến tai mọi người.”*

vô số giờ phục vụ thầm lặng để sưu tầm tên của các tổ tiên và thực hiện các giáo lễ thiêng liêng trong đền thờ, các phước lành đã được ban cho người sống lẫn người chết.

Mỗi người chúng ta đang giúp làm ứng nghiệm vận mệnh của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô mà đã được mặc khải cho Tiên Tri Joseph Smith. Vào năm 1842, ông đã tiên tri:

“Cờ Hiệu của Lẽ Thật đã được dựng lên; không bàn tay phạm nào có thể ngăn cản bước tiến của công việc này; những sự ngược đãi có thể nổi lên ác liệt, những đám đông khủng bố có thể cấu kết, những đạo quân có thể tụ hợp, lời vu khống có thể đầy phi báng, những lẽ thật của Thượng Đế sẽ dũng mãnh tiến lên, đầy cao quý và độc lập, cho đến khi nó xâm nhập mỗi lục địa, có mặt ở mọi đất nước, lan tràn ở mọi quốc gia, và được truyền đến tai mọi người, cho đến khi các mục đích của Thượng Đế sẽ được thành tựu, và Đức Giê Hô Va quyền bính sẽ phán: ‘công việc đã hoàn tất’.”<sup>1</sup>

Mặc dù Giáo Hội vẫn còn phôi thai trong thời Tiên Tri Joseph Smith, nhưng ông cũng đã biết rằng đó là vương quốc của Thượng Đế trên thế gian với một vận mệnh để làm lan tràn trên toàn thế gian với các lẽ thật phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô. Chúng ta đã nhìn thấy sự tăng trưởng kỳ diệu của Giáo Hội trong những năm gần đây. Chúng ta được đặc ân để sống trong một thời kỳ mà chúng ta có thể dâng hiến đức tin và sự hy sinh của mình trong việc giúp thiết lập vương quốc của Thượng Đế, một vương quốc mà sẽ tồn tại mãi mãi.





# Phần Ghi Chú Cuối

## PHẦN GIỚI THIỆU

1. *History of the Church*, 3:30.
2. “Easter Greetings from the First Presidency,” *Church News*, ngày 15 tháng Tư năm 1995, 1.

## CHƯƠNG HAI

1. Lucy Mack Smith, *History of Joseph Smith* (1958), 128.
2. Nhật Ký của Reuben Miller Journals, 1848–49, ngày 21 tháng Mười năm 1848; Sở Lịch Sử, Phòng Văn Khố, Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô; từ đây trở đi sẽ được trích dẫn là Văn Thư Lưu Trữ của Giáo Hội Thánh Hữu Ngày Sau; hệ thống đánh vần và chấm câu đã được hiện đại hóa.
3. Dean Jessee, biên soạn, “Joseph Knight’s Recollection of Early Mormon History,” *BYU Studies*, Mùa Thu năm 1976, 36; hệ thống đánh vần được hiện đại hóa.
4. *History of the Church*, 5:124–25.
5. *The Saints’ Herald*, ngày 1 tháng Ba năm 1882, 68.
6. *History of the Church*, 1:55.
7. “History of Brigham Young,” *Millennial Star*, ngày 6 tháng Sáu năm 1863, 361.
8. Brigham Young, trong *Journal of Discourses*, 3:91.
9. “History of Brigham Young,” *Millennial Star*, ngày 11 tháng Bảy năm 1863, 438.
10. “Letter from Oliver Cowdery to W. W. Phelps,” *Latter-day Saints’ Messenger and Advocate*, tháng Mười năm 1835, 199.
11. *History of the Church*, 1:78.
12. *History of the Church*, 1:78.
13. Lucy Mack Smith, *History of Joseph Smith*, 168.
14. Dean Jessee, xuất bản, “Joseph Knight’s Recollection of Early Mormon History,” 37; hệ thống đánh vần được hiện đại hóa.
15. *History of the Church*, 5:126.
16. *History of the Church*, 2:443.
17. “Conference Minutes,” *Times and Seasons*, ngày 1 tháng Năm năm 1844, 522–23.
18. Bản Phác Thảo Tự Truyền của Joseph Knight, 1862; trong Văn Khố Giáo Hội Thánh Hữu Ngày Sau.
19. Newel Knight, được trích dẫn trong Larry Porter, “A Study of the Origins of The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints in the States of New York and Pennsylvania, 1816–1831” (Ph.D. diss., Brigham Young University, 1971), 296.

20. *Broome Republican*, ngày 5 tháng Năm năm 1831; được trích dẫn trong Larry Porter, "A Study of the Origins of The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints," 298–99; sự nhấn mạnh được thêm vào.
21. Lucy Mack Smith, *History of Joseph Smith*, 204.

### CHƯƠNG BA

1. Orson F. Whitney, "Newel K. Whitney," *Contributor*, tháng Giêng năm 1885, 125.
2. Elizabeth Ann Whitney, được trích trong Edward W. Tullidge, *Women of Mormondom* [1877], 42.
3. Orson F. Whitney, trong Conference Report, tháng Tư năm 1912, 50.
4. Brigham Young, trong *Journal of Discourses*, 11:295.
5. Orson F. Whitney, "Newel K. Whitney," 126.
6. Joseph Holbrook, được trích dẫn trong James L. Bradley, *Zion's Camp 1834: Prelude to the Civil War* (1990), 33.
7. George Albert Smith, "History of George Albert Smith, 1834–1871," 17; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau.
8. *History of the Church*, 2:73.
9. *History of the Church*, 2:68.
10. Joseph Young Sr., *History of the Organization of the Seventies* (1878), 14.
11. Wilford Woodruff, *Deseret News*, ngày 22 tháng Mười Hai năm 1869, 543.
12. "Zera Pulsipher Record Book, 1858–1878," 5; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau..
13. "History of John E. Page," *Deseret News*, ngày 16 tháng Sáu năm 1858, 69.
14. Orson F. Whitney, *Life of Heber C. Kimball*, xuất bản lần thứ ba (1945), 104.
15. Orson F. Whitney, *Life of Heber C. Kimball*, 105.
16. *Eliza R. Snow: An Immortal* (1957), 54.
17. "Sketch of an Elder's Life," *Scraps of Biography* (1883), 12.
18. *History of the Church*, 2:430.
19. Daniel Tyler, "Incidents of Experience," *Scraps of Biography*, 32.
20. Eliza R. Snow, được trích dẫn trong Tullidge, *Women of Mormondom*, 95.

### CHƯƠNG BỐN

1. Emily M. Austin, *Mormonism; or, Life Among the Mormons* (1882), 63.
2. Emily M. Austin, *Mormonism*, 64.
3. Joseph Smith, *Latter Day Saints' Messenger and Advocate*, tháng Chín năm 1835, 179.
4. Larry C. Porter, "The Colesville Branch in Kaw Township, Jackson County, Missouri, 1831 to 1833," *Regional Studies in Latter-day Saint Church History: Missouri*, do Arnold K. Garr và Clark V. Johnson biên tập (1994), 286–87.
5. *History of the Church*, 1:199.
6. Emily M. Austin, *Mormonism*, 67.
7. *Autobiography of Parley P. Pratt*, do Parley P. Pratt Jr. biên tập (1938), 72.
8. *History of the Church*, 1:269.
9. *Far West Record*, do Donald Q. Cannon và Lyndon W. Cook biên tập (1983), 65.
10. "Newel Knight's Journal," *Scraps of Biography* (1883), 75.

11. Mary Elizabeth Rollins Lightner, *Utah Genealogical and Historical Magazine*, tháng Bảy năm 1926, 196.
12. *History of the Church*, 1:391.
13. “Philo Dibble’s Narrative,” *Early Scenes in Church History* (1882), 84–85.
14. *Autobiography of Parley P. Pratt*, 102.
15. “Newel Knight’s Journal,” *Scraps of Biography*, 85.
16. Andrew Jenson, *The Historical Record* (1888), 7:586.
17. GLGU 116:1; xin xem thêm GLGU 107:53–57; *History of the Church*, 3:34–35.
18. Orson F. Whitney, *Life of Heber C. Kimball*, xuất bản lần thứ ba (1945), 213–14.
19. Leland Homer Gentry, “A History of the Latter-day Saints in Northern Missouri from 1836 to 1839,” (Ph.D. diss., Brigham Young University, 1965), 419.
20. Amanda Barnes Smith, được trích dẫn trong Edward W. Tullidge, *Women of Mormondom* [1877], 124, 128.
21. Amanda Barnes Smith, được trích dẫn trong Tullidge, *Women of Mormondom*, 126.
22. E. Dale LeBaron, “Benjamin Franklin Johnson: Colonizer, Public Servant and Church Leader” (luận án cao học, trường Brigham Young University, 1966), 42–43.
23. Leland Homer Gentry, “A History of the Latter-day Saints in Northern Missouri,” 518.
24. *Autobiography of Parley P. Pratt*, 211.
25. “Copy of a Letter from J. Smith Jr. to Mr. Galland,” *Times and Seasons*, tháng Hai năm 1840, 52.
26. Lyman Omer Littlefield, *Reminiscences of Latter-day Saints* (1888), 72–73.
27. *History of the Church*, 3:423.
28. Matthias F. Cowley, *Wilford Woodruff* (1909), 102.

## CHƯƠNG NĂM

1. “Journal of Louisa Barnes Pratt,” *Heart Throbs of the West*, do Kate B. Carter biên soạn, 12 tập (1939–51), 8:229.
2. “Journal of Louisa Barnes Pratt,” 8:233.
3. “Journal of Mary Ann Weston Maughan,” *Our Pioneer Heritage*, do Kate B. Carter biên soạn, 9 tập (1958–66), 2:353–54.
4. *History of the Church*, 4:186.
5. Louisa Decker, “Reminiscences of Nauvoo,” *Woman’s Exponent*, tháng Ba năm 1909, 41.
6. “The Mormons and Indians,” *Heart Throbs of the West*, 7:385.
7. B. H. Roberts, *A Comprehensive History of the Church*, 2:472.
8. *History of the Church*, 5:2.
9. Biên bản của Hội Phụ Nữ Nauvoo, ngày 28 tháng Tư năm 1842, 40.
10. Biên bản của Hội Phụ Nữ Nauvoo, ngày 28 tháng Tư năm 1842, 33.
11. “Journal of Louisa Barnes Pratt,” 8:231.
12. *History of the Church*, 4:587, 604; 6:558.
13. *History of the Church*, 6:555.

14. Kenneth W. Godfrey, "A Time, a Season, When Murder Was in the Air," *Mormon Heritage*, tháng Bảy/tháng Tám năm 1994, 35–36.
15. *History of the Church*, 6:601.
16. Matthias Cowley, "Reminiscences" (1856), 3; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau.
17. Thomas Ford, *A History of Illinois*, do Milo Milton Quaipe biên tập, 2 tập (1946), 2:217.
18. Thomas Ford, *A History of Illinois*, 2:221–23.
19. *History of the Church*, 7:230.
20. Được trích dẫn trong *History of the Church*, 7:236.
21. Được trích dẫn trong *History of the Church*, 7:236.
22. Được trích dẫn trong *History of the Church*, 7:236.

## CHƯƠNG 6

1. Juanita Brooks, xuất bản, *On the Mormon Frontier: The Diary of Hosea Stout*, 2 tập (1964) 1:114; hệ thống đánh vần và chấm câu đã được hiện đại hóa.
2. Juanita Brooks, *On the Mormon Frontier*, 1:117; hệ thống đánh vần và chấm câu đã được hiện đại hóa.
3. James B. Allen, *Trials of Discipleship: The Story of William Clayton, a Mormon* (1987), 202.
4. Russell R. Rich, *Ensign to the Nations* (1972), 92.
5. *Readings in LDS Church History: From Original Manuscripts*, do William E. Berrett và Alma P. Burton biên tập, 3 tập (1965), 2:221.
6. James S. Brown, *Giant of the Lord: Life of a Pioneer* (1960), 120.
7. Caroline Augusta Perkins, được trích dẫn trong "The Ship Brooklyn Saints," *Our Pioneer Heritage* (1960), 506.
8. Utah Semi-Centennial Commission, *The Book of the Pioneers* (1897), 2 tập, 2:54; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau.
9. "Jean Rio Griffiths Baker Diary," ngày 29 tháng Chín năm 1851; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau.
10. "Story of Nellie Pucell Unthank," *Heart Throbs of the West*, do Kate B. Carter biên soạn, 12 tập (1939–51), 9:418–20.
11. William Palmer, được trích dẫn trong David O. McKay, "Pioneer Women," *Relief Society Magazine*, tháng Giêng năm 1948, 8.
12. "They, the Builders of the Nation," *Hymns*, số 36.

## CHƯƠNG 7

1. Xin xem *Journal of Discourses*, 13:85–86.
2. John R. Young, *Memoirs of John R. Young* (1920), 64.
3. Carter E. Grant, *The Kingdom of God Restored* (1955), 446.
4. Được trích dẫn trong B. H. Roberts, *Life of John Taylor* (1963), 202.
5. Francis M. Gibbons, *Lorenzo Snow: Spiritual Giant, Prophet of God* (1982), 64.
6. "The Church in Spain and Gibraltar," *Friend*, tháng Năm năm 1975, 33.
7. R. Lanier Britsch, *Unto the Islands of the Sea: A History of the Latter-day Saints in the Pacific* (1986), 21–22.

8. Charles W. Nibley, "Reminiscences of President Joseph F. Smith," *Improvement Era*, tháng Giêng năm 1919, 193–94.
9. Được trích dẫn trong Russell R. Rich, *Ensign to the Nations* (1972), 349.
10. *Diary of Charles Lowell Walker*, do A. Karl Larson và Katharine Miles Larson biên tập, 2 tập (1980), 1:239; hệ thống đánh vần và chấm câu đã được hiện đại hóa.
11. Leonard J. Arrington, *Charles C. Rich* (1974), 264.
12. Elizabeth Wood Kane, *Twelve Mormon Homes Visited in Succession on a Journey through Utah to Arizona* (1974), 65–66.
13. Được trích dẫn trong Gordon B. Hinckley, *Truth Restored* (1979), 127–28.
14. Brigham Young, in *Journal of Discourses*, 18:233.

## CHƯƠNG 8

1. Kahlile Mehr, "Enduring Believers: Czechoslovakia and the LDS Church, 1884–1990," *Journal of Mormon History* (Fall 1992), 112–13.
2. R. Lanier Britsch, *Unto the Islands of the Sea: A History of the Latter-day Saints in the Pacific* (1986), 352–54.
3. Lee G. Cantwell, "The Separating Sickness," *This People* (Mùa hè năm 1995), 58.
4. B. H. Roberts, *A Comprehensive History of the Church*, 5:592.
5. B. H. Roberts, *A Comprehensive History of the Church*, 5:593.
6. B. H. Roberts, *A Comprehensive History of the Church*, 5:590–91.
7. *Melvin J. Ballard: Crusader for Righteousness* (1966), 16–17.
8. James R. Clark, biên soạn, *Messages of the First Presidency of The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints*, 6 tập (1965–75), 3:256–57.
9. James B. Allen, Jessie L. Embry, Kahlile B. Mehr, *Hearts Turned to the Fathers: A History of the Genealogical Society of Utah, 1894–1994* (1995), 39–41.
10. B. H. Roberts, *A Comprehensive History of the Church*, 6:236.
11. "Wilford Woodruff Journals" (1833–98), 6 Apr. 1893; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau; hệ thống đánh vần và chấm câu đã được hiện đại hóa.
12. Richard Neitzel Holzapfel, *Every Stone a Sermon* (1992), 71, 75, 80.
13. Xin xem Matthias F. Cowley, *Wilford Woodruff* (1909), 602.
14. "The Redemption of Zion," *Millennial Star*, ngày 29 tháng Mười Một năm 1900, 754.
15. "Biographical Sketches: Jennie Brimhall and Inez Knight," *Young Women's Journal*, tháng Sáu năm 1898, 245.

## CHƯƠNG 9

1. Được trích dẫn trong Serge F. Ballif, trong Conference Report, tháng Mười năm 1920, 90.
2. James R. Clark, biên soạn, *Messages of the First Presidency of The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints*, 6 tập (1965–75), 4:222.
3. "Editorial," *Improvement Era*, tháng Mười Một năm 1936, 692.
4. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, trong Conference Report, tháng Mười năm 1936, 3.
5. J. Reuben Clark Jr., buổi họp đặc biệt của các chủ tịch giáo khu, ngày 2 tháng Mười năm 1936.

6. Để biết thêm chi tiết, xin xem Glen L. Rudd, *Pure Religion: The Story of Church Welfare Since 1930* (1995).
7. Vincenzo di Francesca, "I Will Not Burn the Book!" *Ensign*, tháng Giêng năm 1988, 18.
8. George Albert Smith, trong Conference Report, tháng tư năm 1948, 162.
9. George Albert Smith, *Sharing the Gospel with Others*, do Preston Nibley tuyển chọn, (1948), 110–12.
10. George Albert Smith, trong Conference Report, tháng Mười năm 1947, 5–6.
11. Xin xem Glen L. Rudd, *Pure Religion*, 248.
12. Ezra Taft Benson, trong Conference Report, tháng Tư năm 1947, 154.
13. Được trích dẫn trong Gerry Avant, "War Divides, but the Gospel Unites," *Church News*, ngày 19 tháng Tám năm 1995, 5.
14. Để biết thêm chi tiết, xin xem Glen L. Rudd, *Pure Religion*, 254–61.
15. George Albert Smith, trong Conference Report, tháng Tư năm 1949, 10.
16. Được trích dẫn trong Llewelyn R. McKay, *Home Memories of President David O. McKay* (1956), 5–6.
17. George Durrant, "No. 1 Christian," *Improvement Era*, tháng Mười Một năm 1968, 82–84.

#### CHƯƠNG 10

1. Joseph Fielding Smith, trong Conference Report, tháng Tư năm 1930, 91.
2. Joseph Fielding Smith, trong Conference Report, Apr. 1972, 13; hoặc *Ensign*, tháng Bảy năm 1972, 27.
3. Francis M. Gibbons, *Harold B. Lee* (1993), 459.
4. Jay M. Todd, "The Remarkable Mexico City Area Conference," *Ensign*, tháng Mười Một năm 1972, 89, 93, 95.
5. W. Grant Bangerter, trong Conference Report, tháng Mười năm 1977, 38–39; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 1977, 26–27.
6. E. Dale LeBaron, "Black Africa," *Mormon Heritage*, tháng Ba/tháng Tư năm 1994, 20.
7. *The Teachings of Spencer W. Kimball*, do Edward L. Kimball biên tập (1982), 451.
8. Bruce R. McConkie, "All Are Alike unto God," *Charge to Religious Educators*, xuất bản lần thứ nhì (1981), 153.
9. E. Dale LeBaron, "Black Africa," 24.
10. Spencer W. Kimball, "The Second Century of Brigham Young University," *Speeches of the Year*, 1975 (1976), 247.
11. *Spencer W. Kimball*, do Edward L. Kimball biên tập, Andrew E. Kimball Jr. (1977), 334.

#### CHƯƠNG 11

1. Ezra Taft Benson, *A Witness and a Warning* (1988), 3, 21; xin xem thêm *History of the Church*, 4:461.
2. Ezra Taft Benson, trong Conference Report, tháng Tư năm 86, 100; hoặc *Ensign*, tháng Năm năm 1986, 78.
3. Ezra Taft Benson, trong Conference Report, tháng Tư năm 1989, 6–7; hoặc *Ensign*, tháng Năm năm 1989, 6–7.

4. Thomas S. Monson, trong Conference Report, tháng Tư năm 1989, 66; hoặc *Ensign*, tháng Năm năm 1989, 51; xin xem thêm Conference Report, tháng Mười năm 1985, 44; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 1985, 34.
5. Garold và Norma Davis, “The Wall Comes Down,” *Ensign*, tháng Sáu năm 1991, 33.
6. *Church News*, ngày 29 tháng Sáu năm 1991, 12.
7. Howard W. Hunter, *Church News*, ngày 11 tháng Sáu năm 1994, 14.
8. Eleanor Knowles, *Howard W. Hunter* (1994), 193.
9. Howard W. Hunter, trong Conference Report, tháng Mười năm 1987, 71; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 1987, 60.
10. *Church News*, ngày 17 tháng Mười Hai năm 1994, 3.
11. *Church News*, ngày 18 tháng Ba năm 1995, 10.
12. Gordon B. Hinckley: *Man of Integrity, 15th President of the Church*, băng hình video (1994).
13. Jeffrey R. Holland, “President Gordon B. Hinckley,” *Ensign*, tháng Sáu năm 1995, 5.
14. *Church News*, ngày 18 tháng Ba năm 1995, 10.
15. Gordon B. Hinckley, “Addresses,” AV 1801; trong Văn Khố của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau.
16. Gordon B. Hinckley, trong Conference Report, tháng Mười năm 1995, 92–93; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 1995, 70.
17. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Hội Đồng Mười Hai Vị Sứ Đồ, “Gia Đình: Bàn Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1995, 102
18. Jeffrey R. Holland, “President Gordon B. Hinckley,” 13.

#### PHẦN KẾT LUẬN

1. *History of the Church*, 4:540.



GIÁO HỘI  
CÁC THÁNH HỮU NGÀY SAU CỦA  
CHÚA GIÊ SU KỶ TÔ

VIETNAMESE



35448 435